

Số 290+291

VĂN HÓA

P H Â T G I Á O



Mừng Xuân
Mậu Tuất
2018

Số Đặc biệt



Xuân Mậu Tuất

Kính Chúc Quý Chủ Tôn Đức

Đức Phật Từ Thâm Tâm Thương Lạc

Thật Sẻ Viên Thành An Khang Thịnh Vượng

Chúc Mừng
2018 năm Mậu



THƯƠNG HIỆU CÔNG NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

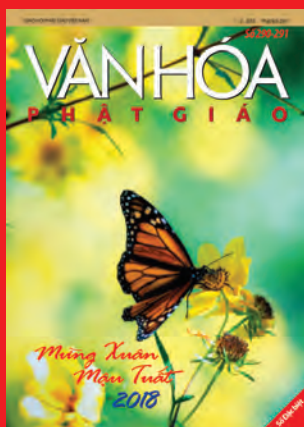
MỸ NGHỆ TRÂM HƯƠNG

TRƯỜNG KHA

Chuyên cung cấp các sản phẩm được làm từ trầm hương nguyên chất

ĐC: 168 - 172 Nguyễn Chí Thanh P.3 . Q.10 . Tp. HCM

Điện thoại: 08.62.99.75.65 - 08.629.33.701 - 08.629.33.702



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU

Phó Tổng Biên tập Thường trực
khiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẦN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIẾN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-28) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-28) 35265 569

Email: toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo

Số tài khoản:

0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Thư chúc Tết xuân Mậu Tuất của Đức Pháp chủ GHPGVN	4
Thành Đạo - ý nghĩa nhân bản tuyệt đối (Thích Thiện Nhơn)	5
Phật giáo trong dòng chảy dân tộc (Bùi Hữu Dược)	8
Mùa xuân phía trước (Nguyễn Cần)	12
Xuân Di-lặc (Thích Trung Định)	16
Uống trà xuân trên đỉnh Tây Côn Lĩnh (Vũ Thế Ngọc)	20
Đầu năm hướng về Tam bảo (Nhụy Nguyên)	23
Từ bi với cây (Cao Huy Hóa)	26
Tăng thượng an lạc (Nguyễn An)	28
Ở đời vui đạo (Nguyễn Thế Đăng)	32
Xuân thiêng (Trần Quê Hương)	34
Thiền Vipassana chính xác là gì? (Henepola Gunaratana; Trần Tuấn Mẫn dịch)	35
Tết và sự kết nối của đời sống (Thị Giới)	38
Phái đoàn truyền bá Phật giáo đến châu Mỹ trước Columbus (V.G. Nair; Thích Nguyên Tạng dịch)	41
Hai từ "xuân" trong Truyện Kiều (Nguyễn Quốc Dũng)	44
Tết vắng (Lê Hải Đăng)	48
Chơn chất một mảnh hồn quê (Hải Trình)	50
"Gọi chiều nước lên..." (Đỗ Hồng Ngọc)	52
Thơ (Trường Khánh, Như Thị - Lê Đăng Mạnh, Lương Túy Vân, Trần Quốc Toàn, Tánh Thiện, Tịnh Bình, Miên Đức Thắng, Cát Tường, Ngô Văn Cư)	54
Nhà tranh tre, loại kiến trúc bị bỏ quên (Võ Văn Lân)	57
"Đại Nam Lịch đại Long phi đồ" Rồng bay sử Việt (Tôn Thất Thọ)	60
Một thời đau (Trần Bảo Định)	62
Chuyên gia ăn tiệc (Hồ Anh Thái)	66
Chó trong Y Dược học (Nguyễn Hữu Đức)	68
Những chú chó nổi tiếng thế giới (Trần Thái Học)	70
Một giấc mơ trưa (Trần Nguyên Hạnh)	72
Lá rụng trôi về (Hoàng Khánh Duy)	74

Bìa 1: Hoa bướm mùa xuân. Nguồn: iliketowastemytime.com

Mừng xuân mới

Nhân dịp Xuân Mậu Tuất 2018, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo xin chân thành cùng chư độc giả kính mến chấp tay nguyện cầu Tam bảo gia hộ cho các ước nguyện sau đây được thành tựu:

- Thế giới an bình, chúng sanh hạnh phúc
- Phật giáo hưng thịnh trên toàn thế giới
- Đất nước Việt Nam phát triển tốt đẹp về mọi lĩnh vực
- Giáo hội Phật giáo Việt Nam đạt nhiều thành tựu mới
- Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vững mạnh hiệu năng trong việc phục vụ độc giả.
- Quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo được vạn sự cát tường.

Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật





Chấm dứt, từ bỏ ác,
Chế ngự đam mê rượu,
Trong Pháp, không phóng dật,
Là điềm lành tối thượng.
(Kinh Phật tự thuyết)

Ảnh: Sơn Nam

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

Thư Chúc Tết Xuân Mậu Tuất

CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 01 tháng Giêng năm Mậu Tuất

Nam-mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính gửi: Các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chư tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Nhân dịp chào đón Xuân mới Mậu Tuất, Dương lịch 2018, Phật lịch 2562, thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tôi có lời thăm hỏi ân cần và lời chúc mừng năm mới đại hoan hỷ, an lạc, cát tường tới các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và chư tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Cả nước đón Xuân mới trong niềm vui đại thắng lợi trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Việt Nam tổ chức thành công Diễn đàn Hợp tác kinh tế APEC 2017, đưa đất nước bước lên một tầm cao mới trong hội nhập quốc tế. Giáo hội tổ chức thành công Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII diễn ra từ ngày 19 – 22/11/2017 tại thủ đô Hà Nội đã là ngày hội lớn của Tăng Ni, Phật tử với tinh thần đoàn kết, hòa hợp, quyết tâm thực hiện khẩu hiệu: “Trí tuệ - Kỷ cương - Hội nhập - Phát triển”. Đại hội đã khẳng định tính thống nhất ý chí và hành động của toàn Giáo hội, qua đó cũng khẳng định nền tảng phát triển vững chắc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong những chặng đường tiếp theo của thế kỷ XXI, luôn gắn bó đồng hành với dân tộc.

Xuân về rộn rã khắp muôn nơi, chào đón xuân mới Mậu Tuất với sức sống mới, các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam phấn khởi tập trung triển khai 09 mục tiêu phương hướng trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội VIII đã đề ra, tổ chức nhân sự các Ban, Viện Trung ương, các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố theo Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam sửa đổi đã được Đại hội VIII thông qua. Đó là cơ sở để các cấp Giáo hội, Ban, Viện Trung ương và Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử bằng trí tuệ tập thể, sáng tạo trong điều hành, đổi mới phương thức hoạt động, đẩy mạnh các hoạt động Phật sự thiết thực đưa ánh sáng giáo lý từ bi, trí tuệ của Đạo Phật vào thực tiễn cuộc sống trong sự nghiệp Hoằng dương Chính pháp, làm ích đạo, lợi đời.

Nhân dịp đầu Xuân Mậu Tuất, thay mặt các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử, Tôi bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với sự quan tâm giúp đỡ của các cấp Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với các hoạt động Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, và gửi lời kính chúc năm mới tới quý vị lãnh đạo, cùng toàn thể nhân dân đón Xuân Mậu Tuất: An khang, thịnh vượng.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát.

ĐỨC PHÁP CHỦ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM



Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ





Thành Đạo

ý nghĩa nhân bản tuyệt đối

THÍCH THIỆN NHƠN

Xuất phát từ tâm từ bi, trí tuệ sẵn có của mỗi con người, Đức Bồ sư Thích-ca Mâu-ni khi còn là một chúng sinh bình thường, là một tội nhân trong địa ngục A-tỳ, vì thương xót một tội nhân khác, nên Ngài đã phát tâm cứu độ: “Cho tôi thay tội nhân đang bị hành hạ (tiền thân Đê-bà-đạt-đa) kéo xe lửa đến nơi đến chốn, để anh ấy khỏi bị quỷ sứ đánh đập, khổ đau” (*Kinh Bản sanh*). Ngay sau khi phát tâm Bồ-đề từ lòng thương vô hạn, Ngài đã thoát khỏi địa ngục, không những một mình Ngài mà tội nhân khác (tiền thân Đê-bà-đạt-đa) cũng được thoát kiếp, và từ đó xem như tâm Bồ-đề đã phát và hình thành ý nghĩa Bồ-tát và Bồ-tát đạo, tiến lên cho đến khi giác ngộ hoàn toàn. Thế nên Khế kinh nói: “Từ đồng rác bên đường, một đóa sen xuất hiện, làm đẹp ý mọi người, từ vũng bùn tội lỗi, phiền não của thế gian, xuất hiện một bụi Thánh, trí tuệ lợi quần sanh” (*Pháp cú* 58, 59).

Trong trường hợp khác, Đức Phật cũng khẳng định: “Con người là tối thắng, vì có hai khả năng, một là có khả năng thành tựu đạo Bồ-đề, hai là làm cho Chánh báo (Tâm), Y báo (hoàn cảnh xã hội) đẹp đẽ, an vui, hạnh phúc” (*Kinh Anh lạc*). Như vậy sự phát triển tâm Bồ-đề, lòng từ bi từ thấp đến cao, từ khởi đầu cho đến cứu cánh thành Phật. Theo kinh *Chiêm sát*, có bốn giai đoạn Thành đạo:

1. Đầy đủ niềm tin là thành Đạo (thành Phật)

Xuất phát từ tâm sáng suốt, nhận thức rằng mỗi chúng sanh đều có Phật tánh, do đó mình đầy đủ Phật tánh và đủ khả năng thành Phật. Tin các pháp xưa nay thanh tịnh, đầy đủ các công đức và đủ các năng lực, đó là ý niệm thành Đạo, thành Phật rồi. Thế nên, *kinh A-hàm* nói: “Nếu các Tỷ-kheo, đệ tử Đức Như Lai đầy đủ bốn niềm tin không biến cải là tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, tin Giới, thì nhất định sẽ chứng quả A-la-hán, thấp nhất sau khi mãn phần cũng chứng được Sơ quả, không còn đọa vào ác đạo” (*Kinh Giảng Chánh pháp*).

Và từ đó phát triển thêm một số ý nghĩa đặc thù trong hệ thống giáo lý đạo Phật trên lập trường của Giới luật, như kinh *Phạm võng* nói: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, do đó Ta là Phật đã thành, còn các

người là Phật sẽ thành, nếu người nào tin được như vậy thì giới phẩm đã trọn vẹn”.

Không những Phật nói thế, mà về sau Tổ cũng nói như vậy. Như ngài Lục tổ nói: “Nào ngờ tự tánh vốn đã thanh tịnh, nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt. Nào ngờ tự tánh vốn không dao động. Nào ngờ tự tánh vốn đã đầy đủ. Nào ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp” (*Kinh Pháp bảo đàn*).

Thậm chí, một nhà thơ, một người bình thường trong thế gian cũng cảm nhận được ý nghĩa của Phật qua bốn câu thơ:

*Phật ở đâu xa, Phật ở lòng
Cõi lòng thanh tịnh tự hư không
Tòa sen phẳng phát hương thơm ngát
Át cả bùn nhơ, át bụi hồng.*

(Xuân Thủy)

Tóm lại, tin đầy đủ là thành Đạo, là bước khởi đầu trong quá trình tu hành của tất cả chúng sanh, của Bồ-tát và của hành giả tìm về Bến giác, xem như đã thành Đạo, từ thuở ban đầu. Do đó, kinh *Hoa nghiêm* nói: “Niềm tin là đầu mối của Đạo (cửa ngõ vào Đạo). Niềm tin là mẹ các công đức. Niềm tin có khả năng nuôi lớn căn lành. Niềm tin có thể vượt khỏi lưới ma. Niềm tin có thể đưa đến thành tựu đạo quả Vô thượng Bồ-đề” (Tín vi đạo nguyên công đức mẫu. Tín năng trưởng dưỡng chư thiện căn. Tín năng siêu xuất chư ma đạo. Tín năng thành tựu Bồ-đề quả).

2. Hiểu rõ là thành Đạo (thành Phật)

Như Đức Phật dạy: “Trong các loài chúng sanh nhiều chân, bốn chân, hai chân (Lưỡng túc - Loài người) là có đủ điều kiện tu hành chứng quả A-la-hán (còn gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác” (*kinh Tương ưng - Phẩm Loài người*). Vì như chúng sinh A-tu-la thì quá sân hận, còn chư Thiên thì quá vui sướng, loài súc sinh thì quá ngu si, chúng sinh trong địa ngục thì quá khổ đau, chỉ có con người là không khổ không vui, có sức chịu đựng dẻo dai, bền bỉ, thông minh trí tuệ có đủ điều kiện tu hành thành tựu Phật quả (*kinh Lục thú*).

Qua đó, mỗi con người đều có khả năng tu hành thành Phật. Các Bồ-tát, chư Phật đã thành Phật, thì



chúng ta cũng sẽ thành Phật. Như Tổ Quy Sơn nói: “Những người đi trước là bậc trượng phu, thì mình cũng sẽ là bậc trượng phu, không nên tự khinh mình mà thối lui (thối tâm Bồ-đề) (Bỉ ký trượng phu ngã diệc dĩ, bất năng tự khinh nhi thối khuất)”.

Để củng cố niềm tin và sự hiểu rõ, Đức Phật đã khẳng định: “Tất cả chúng sanh đều có đầy đủ Trí tuệ - Tuệ giác và đức tướng (phước đức và 32 tướng tốt) của Như Lai” (Nhất thiết chúng sinh cụ hữu Như Lai trí huệ đức tướng) (*Kinh Hoa nghiêm*). Không những chư Phật đã nói như thế, mà chư Tổ cũng khẳng định như vậy. Như Bồ Đại Hòa thượng nói: “Ta có nhà Tam bảo, trong vốn không sắc tướng, ngời ngời tự tại chẳng làm chi, phơi phơi rồi thì sẽ thấy kỹ” (*Nhạc Lâm ngữ lục*). Quả thực: Trăng trong in khắp muôn dòng nước. Thông cổitha hồ bốn gió rung. Xưa mê nay tỉnh là như thế. Đạo cả sâu xa lòng hiểu lòng.

Tóm lại, kinh *Hoa nghiêm* nói: “Biết tất cả pháp, đều từ tự tánh phát sinh, thành tựu trí tuệ tuyệt đối, Pháp thân thanh tịnh, là do chính mình, chớ không phải do ai khác” (Trí nhất thiết pháp, tức tự tâm tánh, thành tựu huệ thân, bất do tha ngộ).

3. Thực hành đầy đủ và thành Đạo (thành Phật)

Tin hiểu là một lễ, mà thực hành lại là một lễ. Nếu

thiếu thực hành thì không có kết quả. Như Bồ-tát Mã Minh nói: “Tất cả chúng sanh đều có Chơn như, nhưng nếu chỉ nói Chơn như thì không thể chứng được Chơn như. Do đó phải y cứ Chơn như tu tập, mới mong chứng được Chơn như Niết-bàn Bồ-đề Vô thượng” (*Luận Đại thừa khởi tín*).

Từ cơ bản ấy, sự tu tập về các thiện pháp Lục độ: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ; Thập độ: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát-nhã, Phương tiện, Nguyên lực và Trí. Theo kinh *Sở hành tạng* (Ariya Pitaka): Bố-thí, Trì giới, Xuất gia, Trí tuệ, Tinh tấn, Nhẫn nhục, Chơn thật, Quyết định, Tâm từ, Tâm xả (kinh Tiểu bộ). Do tu tập các thiện pháp thành tựu Niết-bàn và Bồ-đề. Tức thành tựu Phúc đức và Trí tuệ. Trong đó, Phúc đức là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Thiền định. Trí tuệ là Tinh tấn, Bát-nhã, Phương tiện, Nguyên lực và Trí. Thế nên, kinh *Hoa nghiêm* nói: “Xưa vì chúng sinh khởi Đại bi, tu hành Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ Ba-la-mật, nên được tướng tốt thân đẹp đẽ, chúng sinh trông thấy đều vui mừng...” (phẩm Thập địa).

Đồng nhất ý nghĩa, kinh *A-hàm* nói: “Bố thí thành Phật đạo, đủ 32 tướng tốt, Chuyển Pháp luân Vô thượng. Quả báo do Bố thí” (*Kinh Tăng-nhất* - phẩm 10). Tóm lại, do thực hành đầy đủ mà thành Đạo, hay



thành Phật là tiến trình thứ ba của hành giả tu Bồ-tát đạo. Nếu ai thực hành được như thế, là thực hành đầy đủ thành Đạo. Thế nên cổ đức nói:

*Mỗi bước dạo chơi chốn Niết-bàn
Lướt dòng sinh tử chớ hề nan
Chân không dẫn bước trong ly niệm
Tịnh độ là đây, cũng Niết-bàn.*

4. Chứng quả đầy đủ là thành Đạo (thành Phật)

Đạt đến mục đích cứu cánh là viên mãn. Do đó, những gì cứu cánh mới gọi là xong như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã đoạn trừ hoàn toàn phiền não vô minh; ngã chấp, pháp chấp không còn; thành tựu ba loại Trí huệ (Trí biết đời tương lai - Thiên nhãn, Trí biết đời quá khứ - Túc mệnh, Trí biết đời hiện tại - Lậu tận minh); năm thứ mắt Trí tuệ (Nhục nhãn, Thiên nhãn, Đạo nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn); năm phần Pháp thân (Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát Tri kiến Pháp thân), cho nên thành Đạo vào ngày Rằm. Công viên quả mãn, việc độ sanh đã xong nên Đức Phật nhập Niết-bàn vào ngày Rằm. Như kinh A-hàm nói: "Này A-nan, các người còn mong chờ gì ở Đức Như Lai nữa? Những gì cần làm Ta đã làm xong, những gì cần nói Ta đã nói xong, những ai đáng độ Ta đã độ xong, đệ tử của Đức Như Lai đã đầy đủ tám chứng, giáo pháp Như Lai đã truyền bá phổ cập

rồi. Do đó, sau ba tháng kể từ ngày hôm nay Ta quyết định nhập Niết-bàn vào ngày Rằm" (kinh Du hành, *Kinh Niết-bàn*).

Hơn nữa, chứng quả đầy đủ, thành Đạo như trong kinh *Pháp cú* nói: "Ta đi lang thang trong vòng luân hồi, trải qua bao kiếp sống, tìm mãi không gặp kẻ làm nhà (nghệp). Hỡi kẻ làm nhà, người không được làm nhà nữa (thân ngũ uẩn). Kèo cột rui mè của người đã bị Ta bẻ vụn. Trí của Ta đã đến Vô thượng Bồ-đề. Tâm Ta đã hoàn toàn an tịnh (Niết-bàn) và không còn những ái dục nữa" (PC.153-154). Từ đó, suy ra về sau các kinh đều xác định như trên: "*Vô cấu thức của Đức Như Lai là cảnh giới thanh tịnh vô lậu, giải thoát khỏi hai chướng (Phiền não và Sở tri), tương ứng Đại viên Cảnh trí*" (Kinh Như Lai xuất hiện công đức).

Tóm lại, sự thành Đạo là một quá trình chuyển biến nội tại của mỗi người, mà tất cả chúng sanh đều có thể thực hiện. Chẳng qua sự thực hiện ấy chưa đúng mức và chưa viên mãn, chưa cứu cánh, nên chưa được như Phật nhưng chắc chắn sẽ được. Thế nên kinh *Niết-bàn* nói: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Do đó, Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành". Từ đó xác định: Một chúng sanh đã thành Phật, hay một chúng sanh sẽ thành Phật là điều hoàn toàn thuận lý, thể hiện trọn vẹn bốn ý nghĩa: "Tin đầy đủ là thành Đạo, Hiểu đầy đủ là thành Đạo. Thực hành đầy đủ là thành Đạo. Chứng quả đầy đủ là thành Đạo". Nói cách khác là thành Đạo từng giờ, từng phút, từng giây trên lộ trình giác ngộ giải thoát. Như kinh *Lăng nghiêm chánh mạch* nói: "*Mỗi bước chơn đi là mỗi bước tiến gần đến Đạo quả Vô thượng Bồ-đề*".

Và Đức Phật Thích-ca Mâu-ni là một chúng sanh, một con người đã vượt lên từ vũng bùn tội lỗi, khổ đau trong thế gian này, nỗ lực tu hành, tích lũy công đức, đoạn trừ hết phiền não vô minh, cuối cùng Ngài đã thành Phật cách nay 25 thế kỷ (523 trước Tây lịch) dưới cội cây Tất-bát-la (Bồ-đề Đạo tràng - Bodhigaya làng Uruvela nước Ma-kiệt-đà, nay là thành phố Gaya, thủ phủ Patna, bang Bihar, Cộng hòa Ấn Độ) và tất cả chúng sanh cũng đều sẽ thành Phật như Ngài. Quả thật như cổ đức nói:

*Thế giới thưở nào đang tối tăm
Rối đêm thành Đạo sáng hơn Rằm
Tâm tư động dưới Bồ-đề thọ
Thành Đạo đi vào với tháng năm
Thế giới ba nghìn chuyển động kinh
Đêm đen tĩnh mịch thấy tâm mình
Chúng sanh thế giới từ đâu đến?
Thấu rõ ba đời kiếp nhân sinh
Hư không rực sáng ánh hào quang
Vạn loại hoan ca khúc khải hoàn
Thiên ma dục giới đều quy phục
Dưới bóng Từ quang muôn chứa chan. ■*



Phật giáo trong dòng chảy dân tộc

BÙI HỮU DƯỢC

LTS: VHPG vừa nhận được bài viết dưới đây của Tiến sĩ Bùi Hữu Dược, Vụ trưởng Vụ Phật giáo của Ban Tôn giáo Chính phủ. Xin cảm ơn tác giả và xin giới thiệu cùng chư độc giả.

Từ khi du nhập vào nước ta, Phật giáo đã đóng vai trò quan trọng góp phần không nhỏ vào lịch sử dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước. Trong lịch sử nước Việt thời nào cũng có những đóng góp to lớn của Phật giáo, những điển hình đó lịch sử còn ghi:

Vào năm 40 đến 43 sau Tây lịch, hai chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị đã đứng lên lãnh đạo nhân dân chống lại đô hộ của ngoại bang. Lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, một cuộc khởi nghĩa do hai nữ tướng lãnh đạo đã đánh đuổi được quân Đông Hán

xâm lược và đô hộ ra khỏi đất Giao Chỉ (nước Việt Nam thời đó). Trong số 8 vị tướng dưới trướng của Hai Bà có 5 vị là Ni sư. Ngày nay, Ni sư Phương Dung, một trong năm vị nữ tướng của Hai Bà còn được thờ ở chùa Yên Phú, Thanh Trì, Hà Nội [1].

Dưới triều đại nhà Đinh (từ năm 968 đến năm 980), Đinh Tiên Hoàng (924-979, người có công dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất giang sơn, lập nên triều đại nhà Đinh, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, mở đầu cho thời đại độc lập, tự chủ tập quyền ở Việt Nam. Ông là vị hoàng

để đầu tiên của Việt Nam sau thời Bắc thuộc (thời kỳ phục quốc của người Việt từ Khúc Thừa Dụ [trị vì từ năm 905 đến năm 907] xưng là Tiết độ sứ, tới Ngô Quyền xưng là vương [triều đại nhà Ngô kéo dài từ năm 939 đến năm 965], tới Đinh Tiên Hoàng mới xưng là Hoàng đế). Sau khi lên ngôi, Đinh Tiên Hoàng đã mời nhà sư tu theo dòng Vô Ngôn Thông là Ngô Chân Lưu (933-1011) hậu duệ đời thứ 4 của nhà Ngô, sư đạo cao đức trọng trong Phật giáo lúc bấy giờ ra giúp vua, giúp nước tôn là Khuông Việt Đại sư. Ngô Chân Lưu là vị sư được phong Tăng thống đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam vào năm 971 [2]. Đinh Tiên Hoàng mời Ngô Chân Lưu đứng đầu các sư trong nước, đây là sự khẳng định vai trò quan trọng của Phật giáo trong đời sống xã hội lúc bấy giờ, vua đề cao Phật giáo nhằm xây dựng nền đạo đức, mở mang trí tuệ, đoàn kết nhân tâm, sáng suốt trong chính trị, uyển chuyển trong ngoại giao,...

Khi nhà Tiền Lê thay thế nhà Đinh (từ năm 980 đến năm 1009), vua Lê Đại Hành (941-1005) được báo có sứ thần nhà Tống sang, vua đã nhờ hai nhà sư là Khuông Việt và Pháp Thuận đứng ra đón tiếp sứ thần nhà Tống là Lý Giác. Sư Pháp Thuận đón Lý Giác từ chùa Sông Sách (nay thuộc tỉnh Hải Dương) đưa về kinh đô Hoa Lư; ở Hoa Lư, sư Khuông Việt đứng ra tiếp sứ thần. Trước khi đoàn sứ bộ ra về, vua Lê Đại Hành đã nhờ Khuông Việt viết bản nhạc *Ngọc Lang Quy*, để tiễn đưa sứ thần và đoàn sứ bộ [3]. Điều này cho thấy văn chương nghệ thuật lúc bấy giờ khá phát triển, nhà sư đã khéo vận dụng để đưa vào phục vụ sự nghiệp chính trị, ngoại giao của đất nước.

Triều đại nhà Lý (từ năm 1010 đến năm 1225), Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn 974-1028), vị vua sáng lập triều Lý, sau khi lên ngôi đã chuyển kinh đô từ Hoa Lư (Ninh Bình ngày nay) ra Thăng Long (Hà Nội ngày nay), với tầm nhìn của bậc minh quân, kinh đô phải ở “vùng đất thắng địa” để “tính kế muôn đời cho con cháu mai sau”. Trong những năm đầu ra Thăng Long, vua không cho xây tổng miếu mà sắc cho dân tu sửa và xây dựng mới nhiều ngôi chùa để thờ Phật. Có người trong hoàng tộc hỏi vua: sao nhà vua không cho xây tổng miếu?

Vua trả lời: “nước nhỏ, dân còn nghèo, ngoài thì giặc phương Bắc luôn nhòm ngó, trong thì nội trị chưa yên, nếu xây tổng miếu chỉ làm khổ dân và chắc gì xây xong đã giữ được. Dựng chùa thờ Phật, để dân biết Phật pháp, khởi tâm từ bi, nâng cao trí giác ngộ Phật giáo, mọi người cùng tin nhân quả, đua nhau làm việc tốt, tránh việc xấu, khi dân đã giàu, nước đã mạnh lo gì tổng miếu không được xây dựng”.

Vua còn dạy: “lo cho dân thì dân lập đền thờ, không biết lo cho dân chỉ biết hưởng lạc trên công sức và xương máu của dân thì khi chết dân đá đập mồ thối xương”[4].

Đúng như lời của Lý Thái Tổ, dưới triều đại nhà Lý, Phật giáo rực rỡ cùng với sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội. Người hiền, tài được trọng dụng, văn có Văn miếu Quốc tử giám, võ có Giảng võ đường để đào tạo và tuyển lựa nhân tài thực học phục vụ quốc gia. Nhờ đó mà bên ngoài giặc nghe tiếng đã kinh hồn, nên yên bờ cõi, bên trong thì trên dưới đoàn kết thuận hòa, nhà nhà no đủ, khắp nơi rộn tiếng hát ca. Công đức của triều Lý muôn đời sáng mãi, trải hơn ngàn năm giờ đây tông miếu triều Lý vẫn ngày ngày nhân dân tưởng nhớ, khắp nơi hương về dâng vật phẩm hương hoa thành kính. Thành Thăng Long - Hà Nội mở rộng gấp nhiều lần xưa.

Triều đại nhà Trần (từ năm 1225 đến năm 1400), tiếp nối dòng chảy, Phật giáo thời Trần còn phát triển rực rỡ hơn các triều đại trước đó. Trong triều từ vua tới quan đều biết Phật pháp, thời Trần có câu “*tiến vi quân, thoái vi sư*” (trở tiến thân làm vua, làm quan thanh liêm giúp nước, giả về làm sư tu theo Phật giáo, lấy gương đạo đức của Phật mà dạy dân làm người tốt cùng nhau xây dựng xã hội an lành).

Đặc biệt đến vị vua thứ ba của triều Trần là Trần Nhân Tông (1279-1293), năm 20 tuổi làm vua, trên ngai vàng hai lần lãnh đạo quân dân đánh thắng hai cuộc xâm lược của quân Nguyên Mông, đế quốc phương Bắc mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ. Thắng giặc, năm 35 tuổi Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con, lên làm Thái thượng hoàng để giúp con vững chãi trên ngai vàng trị quốc. Năm 41 tuổi xuất gia tu theo Phật giáo lấy hiệu Trúc Lâm Đầu-đà để tìm hướng đi cho cả dân tộc. Trong pháp tu, Ngài chặt lọc những tinh túy của các dòng thiền hiện có lúc bấy giờ (thiền Thảo Đường, thiền Tỳ-ni-đa-lưu-chi, thiền Vô Ngôn Thông) lập nên dòng thiền Trúc Lâm phù hợp với điều kiện sống và căn cơ người Việt, để vua quan trong triều tới người nông phu trên đồng ruộng hay người lính nơi thao trường đều học được Phật pháp. Tu “*Phật tại tâm*”, “*hòa quang đồng trần*” (mỗi người là một ngọn đuốc thắp lên ngọn lửa từ bi, trí tuệ, nguồn sáng từ chính tâm mình, người hiểu nhiều làm việc tốt nhiều là ngọn đèn lớn, người hiểu ít và chưa có điều kiện làm nhiều việc tốt là ngọn đèn nhỏ, mỗi người cùng thắp sáng ngọn đèn tuệ giác để soi sáng con đường đi tới an lạc, cố kết nhân tâm vun bồi trí đức mà cùng nhau xây dựng đất nước vững bền, để dân cường, nước thịnh).

Trần Nhân Tông ngoài đời là người nhân từ thương dân nhưng rất nghiêm khắc trước sai trái của bất kể nội tộc, vua quan, trong đạo là người đắc đạo, hết mực tri túc, trong vai trò là nhà sư, Ngài chống gậy trúc đi khắp nơi khuyên dân dẹp bỏ mê tín, dị đoan. Ngài còn đi tới tận Chiêm Thành để thực hiện đoàn kết với lân bang cùng nhau chống giặc phương Bắc. Với công hạnh ấy, Ngài đã được nhân dân tôn vinh là Phật hoàng (vua



đời - vua đạo). Ngài dạy cho mọi người trên dưới phải biết sống trong đạo đức và nhân quả, vua phải minh biết trọng dụng hiền tài, quan phải liêm biết tiết dục và chăm lo cho dân để dân chăm chỉ chuyên cần tròn bổn phận, có thể đất nước mới vững bền, thái hòa, dân tình mới no ấm, lời dạy ấy đã mấy trăm năm còn nguyên giá trị tới ngày nay:

*Đạo đức ngự cung điện
Nhân quả sống trong dân
Binh đao không dùng tới
An lạc khắp xa gần”.[5]*

Triều Hậu Lê (từ năm 1427 đến năm 1789), vào thời vua Lê Hy Tông (1662-1716), vị vua thứ 21 của nhà Hậu Lê và là vị vua thứ 10 thời Lê trung hưng, ông được đánh giá là vị vua anh minh, dưới triều vua đất nước ổn định thái bình. Vua Lê Hy Tông còn để lại câu chuyện về một bậc minh quân và bức tượng vua công Phật ở chùa Hòe Nhai (Hồng Phúc tự, Hà Nội): Vào thời Lê trung hưng, Phật giáo trong nước biểu hiện suy vi, không còn đứng ở vị trí độc tôn, lúc này Nho giáo phát triển nên nhiều người xem nhẹ Phật giáo. Đến thời vua Lê Hy Tông, có quan dâng sớ tâu vua về những sai phạm, phá giới của một số Tăng sĩ. Nghe lời tấu, vua đã ra sắc chỉ đuổi hết các sư về vùng thôn quê hoặc lên rừng núi, ai không đi sẽ nghiêm trị. Từ đó các ngôi

chùa trong kinh thành vắng sư đã tạo cơ hội cho tín ngưỡng mê tín vào chùa. Trước cảnh Tăng chúng phải chịu sắc chỉ rời chùa về nơi thôn dã, Hòa thượng Tông Diễn, một vị sư có đạo hạnh và trí tuệ lúc bấy giờ đã tìm cách làm cho vua hồi tỉnh. Biết không thể mang danh nhà sư để gặp được vua, Hòa thượng Tông Diễn phải nhờ một vị quan tâu với vua: “có một người được ngọc quý muốn dâng vua, tuy nhiên để ngọc quý linh nghiệm vua phải trai giới và cho một vị quan văn uy tín mở hộp đựng ngọc”.

Đúng hẹn, người mang ngọc tới dâng vua, nhưng khi mở hộp ra không thấy ngọc mà chỉ có tờ biểu. Vua truyền trị tội kẻ xấc xược, song vị quan mở hộp tâu xin vua xem biểu tấu gì rồi trị tội cũng chưa muộn. Vua đồng ý, quan đưa tờ biểu lên đọc: “Phật giáo tuy không phải ngọc; nhưng từ xưa đã được nghe, Phật giáo lấy trí, đức làm đầu không gì sánh bằng nên có câu: trí cao trời người trọng, đức lớn quỷ thần kinh. Nước ta, từ đời Lý, Trần các vua hết sức coi trọng Phật giáo vì thế mà người theo đạo Phật dốc lòng phò vua giúp nước nên quốc gia thịnh trị. Đạo Phật với lối sống lục hòa, chính tín và nhân quả khiến người người biết thương yêu kính trọng nhau, bỏ điều xấu, làm việc tốt. Xem ra đạo Phật nếu biết dùng thì có lợi cho quốc gia còn hơn cả ngọc quý, vậy tại sao nay đạo Phật lại bị cho rằng không mang lại lợi ích gì cho xã tắc...”

Nghe xong biểu tấu, vua Lê Hy Tông chuyển ý, ngộ ra sự vi diệu của Phật pháp. Vua cho mời Hòa thượng Tông Diễn vào và tuyên bố hủy sắc chỉ cũ. Lại cho chọn những sư đủ trí tuệ và nghiêm giữ giới luật được vào trụ trì các ngôi chùa trong thành. Sau đó vua cho sai thợ khéo làm pho tượng vua cúng Phật trên lưng. Sắc chỉ của vua Lê Hy Tông đuổi sư ra khỏi kinh thành lúc bấy giờ tuy không được thuận, song cũng thể hiện mặt tích cực: qua đó mà điều chỉnh Phật giáo phải luôn trang nghiêm lấy giới luật làm gốc. Vì bị đuổi ra khỏi kinh thành về thôn quê, rừng núi mà sư dốc lòng dạy Phật pháp, người nông phu thôn quê hay anh lính được sư dạy chữ để đọc kinh, từ đó mà thêm nhiều người biết chữ. Pho tượng vua cúng Phật ngày nay còn không ít tranh luận về ý nghĩa tư tưởng, nguồn gốc nhưng đây là tác phẩm điêu khắc độc đáo, pho tượng duy nhất chỉ có ở Việt Nam. Triết lý của pho tượng không chỉ tôn trọng Phật pháp, tôn vinh Phật giáo (vua cúng Phật trên lưng) mà còn thể hiện sự thẳng thắn, trung thực, dám làm dám nhận, biết nghe lời nói phải, sai dám sửa. Có lẽ vì thế mà dưới thời Lê Hy Tông người tài cũng nhiều, việc tốt cũng lắm, nhân dân ca ngợi ông là vị vua anh minh để dân an, nước thái.

Thời Nguyễn (từ năm 1600 đến năm 1945), chúa Nguyễn Hoàng hay Nguyễn Thái Tổ, chúa Tiên (1525-1613), là vị chúa Nguyễn đầu tiên, đặt nền móng cho vương triều Nguyễn lập kinh đô ở Huế ngày nay. Ông quê ở làng Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hàng Tung, xứ Thanh Hoa, nay là thôn Gia Miêu, xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Tại chùa Thiên Mụ (Huế), hiện có tấm bia ghi những điều chúa Nguyễn Hoàng dạy con, cháu, hậu duệ, trong bia có ghi: “*sống phải cư Nho, mộ Thích*”, có nghĩa là sống phải cư xử theo đạo Nho: có trên dưới tôn ti trật tự, có nguyên tắc xã hội, gia đình, cha con, vợ chồng,... để việc gì cũng minh bạch, rõ ràng. Mộ Thích là mền mộ triết lý của Phật Thích-ca: đức hiền lành, tâm từ bi, trí sáng suốt, sống trong lục hòa, chính tín, nhân quả thì việc gì cũng an vui tốt đẹp [6].

Thời đại Hồ Chí Minh (từ năm 1945 đến nay). Vào năm 1963, trong bối cảnh Phật giáo miền Nam lúc bấy giờ bị chính quyền đối xử hà khắc, Hòa thượng Thích Quảng Đức (1897-1963), một vị sư Phật giáo đã tẩm xăng tự thiêu tại Sài Gòn vào ngày 11 tháng 6 năm 1963 để phản đối sự đàn áp Phật giáo của chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Tấm ảnh chụp Hòa thượng tự thiêu đã được truyền đi khắp thế giới và gây nên sự chú ý đặc biệt tới chính sách của chế độ Ngô Đình Diệm. Phóng viên Malcolm Browne đã giành Giải thưởng Ảnh Báo chí Thế giới năm 1963 nhờ bức hình chụp cảnh Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu.

Sau khi chết, thi hài của Hòa thượng đã được hỏa

táng lại, nhưng trái tim của ông thì vẫn còn nguyên. Đây được coi là biểu tượng của tinh thần vô úy xả thân vì Phật pháp, Phật tử suy tôn Thích Quảng Đức là Bồ-tát, sự tôn vinh ấy càng làm tăng sức ảnh hưởng của vụ tự thiêu trước dư luận. Hành động của ông đã làm tăng sức ép của quốc tế đối với chính quyền Ngô Đình Diệm, dẫn tới việc Tổng thống Diệm phải tuyên bố đưa ra một số cải cách nhằm xoa dịu giới Phật tử. Tuy nhiên, những cải cách như đã hứa đó không được thực hiện, khiến tình hình trở nên xấu hơn. Khi phong trào phản kháng vẫn tiếp tục dâng cao, lực lượng trung thành với tổng thống đã tiến hành nhiều cuộc khủng bố chùa chiền. Cuối cùng, cuộc đảo chính quân sự vào tháng 11 cùng năm đã lật đổ chính quyền và giết chết anh em Ngô Đình Diệm. Hành động tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức được coi như một bước ngoặt trong cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam, góp phần dẫn tới việc xóa bỏ nền Đệ nhất Cộng hòa tại miền Nam Việt Nam vào năm 1963[7].

Hay tin về hành động vô úy của Hòa thượng Thích Quảng Đức, từ Hà Nội thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1969) đã làm đôi câu đối:

*Vị pháp thiêu thân, vạn cổ hùng huy thiên nhật nguyệt.
Lưu danh thiên cổ, bách niên chính khí rạng sơn hà* [8]

Đôi câu đối của Chủ tịch Hồ Chí Minh dành cho tấm gương vô úy của một nhà sư vì chính nghĩa đã nói lên sự cảm mến sâu sắc: Vì bảo vệ Phật pháp mà thiêu thân, vạn cổ cho tới nay hiếm có, việc làm huy hoàng, anh hùng đó sáng như mặt trăng, mặt trời. Việc làm vô úy ấy sẽ được sử sách lưu danh hàng ngàn năm không quên, trăm năm sau hào khí của việc làm ấy còn rạng rỡ cho sông núi Việt Nam. Đôi câu đối ý nghĩa đó càng làm thêm nức lòng nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới trên con đường đấu tranh cho hòa bình và độc lập dân tộc.

Thế mới hay, Phật giáo Việt Nam thời đại nào cũng gắn liền với lịch sử dân tộc, thời nào Phật giáo cũng xuất hiện điển hình đáng trân trọng, thật đúng với nhận định “*Phật giáo Việt Nam luôn là tấm gương giúp đời, hộ quốc an dân*”[9]. ■

Trích dẫn:

1. HT.Thích Trí Quảng, *Ni giới Việt Nam trong lịch sử dân tộc*, báo Giác Ngộ, 2012.
2. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.
3. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.
4. *Lý Vạn Hạnh và làng Cổ Pháp*, Hội Văn nghệ Bắc Ninh, 2016.
5. *Hội thảo Trần Nhân Tông*, BTS Phật giáo Quảng Ninh, 2014.
6. HT.Thích Trí Tụ, trụ trì chùa Thiên Mụ.
7. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.
8. Nguyễn Chính, *Phật giáo Việt Nam*, TCCTTG, 2007.
9. Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng, ĐH Phật giáo toàn quốc 1981.



Mùa xuân phía trước

NGUYỄN CĂN

Bức tranh mùa xuân: Những miền sáng-tối

Lại một năm nữa qua đi, chúng ta - dù trẻ hay già - cũng đều sống trong những cảm thức về mùa xuân, cả háo hức lẫn lo âu. Thử nhìn lại chặng đường đã qua của đất nước, chúng ta thấy chen lẫn những miền sáng-tối.

Những miền sáng

Về mặt thống kê các chỉ tiêu, năm 2017 khép lại với những con số rất ấn tượng: so với năm 2016, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tăng 6,81%, vượt mục tiêu 6,7% và cao nhất kể từ năm 2010 trở lại đây; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện đạt 17,5 tỉ đô-la Mỹ, tăng 10,8%; kim ngạch xuất khẩu hàng hóa khoảng 213,8 tỉ đô-la Mỹ, tăng tới 21,1%, là mức rất cao so với tốc độ tăng trưởng xấp xỉ 4% của thương mại toàn cầu. Thị trường chứng khoán trở lại mạnh mẽ lên đến trên 1.000 điểm và có người còn lạc quan tuyên bố sẽ lên đến 2.000 điểm vào năm tới!

Những thành tựu ấy, theo các chuyên gia kinh tế là nhờ:

(a) Sự tăng trưởng của khu vực kinh tế tư nhân, bao gồm cả tư nhân trong nước và nước ngoài. Nhìn từ góc độ đầu tư, nếu như tổng vốn đầu tư năm 2017 (theo giá hiện hành) tăng 12,1% so với năm 2016, thì vốn của khu vực kinh tế nhà nước chỉ tăng 6,7%, trong khi vốn của khu vực FDI tăng 12,8% và của khu vực ngoài nhà nước tăng tới 16,8%; và

(b) Nhờ công nghiệp chế tạo - chế biến. Cụ thể là nếu như chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của sáu tháng đầu năm 2017 chỉ tăng 6,2% so với cùng kỳ thì đến quý 3 tăng 9,7%, và đến quý 4 tăng tới 14,4%...

Về các mặt khác, nói chung chúng ta ghi nhận nhiều cố gắng trong những lĩnh vực y tế, xã hội, văn hóa; sự cởi mở góp ý của dân chúng cũng như sự phát biểu mạnh mẽ của một số dân biểu đã tô lên bức tranh những mảng sáng khi có những chuyện “khó nói” trước đây bây giờ dễ phát biểu hơn. Ngoài ra, ngọn lửa

pháp quyền cũng đang hâm nóng bầu không khí bằng việc xử lý các quan chức tham nhũng, các đại gia lừa đảo trong kinh doanh...

Những miền tối

Thế nhưng vẫn còn đầy những miền tối phía sau mà chúng ta phải can đảm nhìn nhận để tìm hướng đi phù hợp. Ngay như mảng kinh tế với những con số gây ấn tượng nêu trên thì thực chất phải hiểu những vấn đề nội tại của nó, đôi khi là những nhược điểm kinh niên gần như mãn tính. Ví dụ như việc nền kinh tế ngày càng phụ thuộc vào FDI (Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài). Cụ thể, tăng trưởng công nghiệp chế tạo - chế biến trong sáu tháng cuối năm 2017 đạt được chủ yếu nhờ vào sự phục hồi của Samsung sau sự cố Galaxy Note 7 và Formosa bắt đầu đi vào hoạt động... Tuy nhiên, các chuyên gia cảnh báo: *“Trong thời gian trước mắt, các hoạt động gia công này vẫn cần thiết để tạo công ăn việc làm cho lực lượng lao động dồi dào của Việt Nam. Tuy nhiên, trong tương lai không xa, khi các hoạt động gia công đơn giản này dần được thay thế bởi tự động hóa, đồng thời chi phí đất đai và lao động của Việt Nam chắc chắn sẽ tăng, thì những lợi thế về chi phí rẻ như thế này sẽ không còn nữa. Nếu không sớm thay đổi cơ cấu công nghiệp và có chính sách phát triển phù hợp, Việt Nam không chỉ rơi vào bẫy công nghệ thấp mà còn đứng trước nguy cơ suy giảm công nghiệp sớm (premature deindustrialization)”*.

(Tiến sĩ Vũ Thành Tự Anh -

Trưởng Chính sách Công và Quản lý Fulbright)

Chúng ta cần ghi nhận nền kinh tế dựa vào FDI còn được thể hiện qua hoạt động ngoại thương. Trong năm 2017, khu vực FDI mặc dù chỉ chiếm 24% tổng đầu tư nhưng lại đóng góp tới 73% kim ngạch xuất khẩu của toàn nền kinh tế. Bên cạnh đó, mặc dù cả nước xuất siêu hàng hóa 2,7 tỉ đô-la Mỹ trong năm 2017 thì kinh



tế trong nước nhập siêu tới 26,1 tỉ đô-la Mỹ, và chỉ được bù đắp nhờ khu vực FDI xuất siêu 28,8 tỉ đô-la Mỹ.

Thế nên các nhà kinh tế đều nhận định chung là không nên quá phấn khởi với kết quả của năm 2017 mà chỉ nên lạc quan một cách cẩn trọng. Nền kinh tế tuy tăng trưởng vượt kỳ vọng ban đầu song những yếu kém cố hữu vẫn còn nguyên, không những thế đã xuất hiện những dấu hiệu ban đầu, có tính cục bộ của bong bóng tài sản. Chừng nào chúng ta chưa tạo lập môi trường kinh doanh ổn định và thông thoáng, giải phóng năng lực và sức sống dồi dào của khu vực kinh tế tư nhân - đặc biệt là tư nhân trong nước - thì ngày đó nền kinh tế vẫn khó duy trì được tốc độ tăng trưởng, và còn tiếp tục phụ thuộc vào khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Mảng tối thứ hai mà chúng ta thấy hiện rõ vào thời gian cuối năm là những vụ xử án cùng lúc tại thủ đô Hà Nội và TP.HCM, những đại án làm thất thoát từ hàng nghìn đến hàng chục nghìn tỷ đồng, chiếm dụng do tham nhũng, do lạm dụng quyền lực, do thiếu giám sát từ những tập đoàn lớn cho đến các ngân hàng tư nhân. Vì đâu nên nỗi? Tiến sĩ Trần Ngọc Thơ viết: “Để trả lời câu hỏi này, trước hết cũng cần biết các tập đoàn hiện nay đang sở hữu những đặc tính “gien” gì nổi trội nhất. Hiểu được đặc tính gien dị biệt nhất của tập đoàn tất sẽ tự vỡ ra những khiếm khuyết và thời khắc tất yếu phải đến... Một thực thể được tạo lập bằng mệnh lệnh hành chính cao độ với mong muốn cho ra đời hàng loạt quả đấm thép, nhưng cũng chính vì thế mà tồn tại quá nhiều dị bệnh bẩm sinh. Đã vậy, lực lượng này còn tiêu tốn hầu hết nguồn lực quốc gia, chinh chiến từ trong

nước ra đến nước ngoài với thất bại hầu như đã được dự báo. Thất bại thấy trước này còn đến nhanh hơn khi các tập đoàn lại được phép hình thành các ngân hàng và công ty tài chính thế hệ mới. Hệ thống ngân hàng thế hệ mới này chẳng những hủy hoại các nền tảng của ổn định kinh tế vĩ mô mà còn để lại những đại án ngân hàng nghiêm trọng. Tuy nhiên, đó chưa phải là điều nguy hiểm nhất. Rủi ro lớn nhất là các tập đoàn như được trao thêm một quyền lực siêu nhiên khi được phép thực hiện các nhiệm vụ chính trị, dù đã có những khuyến can của các chuyên gia và tổ chức quốc tế lúc đó. Những thất bại của các tập đoàn vì thế trong thời gian dài luôn bị lấp liếm bởi những lý do mờ ảo về thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của Nhà nước”.

(Trần Ngọc Thơ - Các đại án tập đoàn kinh tế - ngân hàng: Hệ quả tất yếu của việc nhân bản hàng loạt
Thời báo Kinh Tế Sài Gòn 06/01/2018).

Và như những nhà phân tích khác, ông cũng có chung một nhận xét rằng tập đoàn phải tập đi, tập đứng trở lại từ đầu bởi lẽ định chế nào không được hình thành từ một quá trình phát triển hợp nhất, sáp nhập, mua lại một cách tự nhiên thì về bản chất vẫn đang tồn tại gien bị lỗi hệ thống. Bước đầu phải được thực hiện bằng việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong quản trị doanh nghiệp cùng với chế độ giải trình trách nhiệm từ các cấp cao nhất.

Chúng ta hiểu. Vì nếu chống tham nhũng và lũng đoạn nhưng vẫn để cái cơ chế, môi trường cho chúng phát sinh còn đó thì khả năng những đại án tương tự sẽ được lặp lại; vì việc chúng ta đang khắc phục hiện nay



Nguồn: voatiengviet.com

“... tuy có chút hứng khởi nhưng cũng chỉ là vá vúi các gien bị lỗi”. Toa thuốc cho căn bệnh ấy là “kháng sinh” cơ chế thị trường và “thuốc đặc trị” minh bạch hóa thì mới chỉnh sửa được các khuyết tật của tập đoàn.

Ngoài ra các bộ ngành phải sẵn sàng từ bỏ vai trò chủ quản đối với các tập đoàn. Đến đây có người hoài nghi: “Liệu phương án một siêu ủy ban dự kiến ra đời vào năm 2018 để quản lý khối tài sản lên đến 100 tỉ đô-la Mỹ của các tập đoàn có phải là một giải pháp tối ưu? Về thực tế, việc gom tất cả tập đoàn về một đầu mối có vẻ là điều không thể khác hơn. Tuy nhiên thực tế có thể khác xa hoàn toàn với dự tính. E rằng khó thể có một bộ óc siêu việt nào có khả năng thiết kế một cơ chế quản trị bao trùm toàn bộ hoạt động của siêu ủy ban như vậy. Như đã đề cập, định chế nào không được hình thành từ một quá trình phát triển hợp nhất, sáp nhập, mua lại một cách tự nhiên thì về bản chất vẫn đang tồn tại gien bị lỗi hệ thống. Nếu thực sự có một siêu ủy ban quản lý khối tài sản lên đến 100 tỉ đô-la Mỹ, kỳ vọng cũng cần phải có cơ chế minh bạch gấp 100 lần và bộ máy thông minh cũng gấp 100 lần hơn bình thường - một điều khó lòng khả thi”.

(Trần Ngọc Thơ - bài đã dẫn)

Xem ra bài toán vĩ mô không dễ giải quyết!

Còn trên bình diện xã hội, đời sống người dân chưa được cải thiện bao nhiêu khi các thứ phí đều tăng, từ giá xăng, giá điện cho đến viện phí, học phí; chưa kể nghe

đâu thuế cũng rục rịch chuẩn bị chỉnh lại theo chiều hướng... tăng, làm người dân càng hoang mang. Một số địa phương, thiên tai luôn rình rập; và bất hạnh thay, cả “nhân tai” tác động khi thủy điện xả lũ không có kế hoạch, hay xả nước thải ra sông gây thiệt hại nặng cho dân nhưng vẫn vô can; bàng quan đến lạ! Những phóng sự về huyện Đà Bắc, Hòa Bình, hay sông Nhuệ, một số nơi ở Quảng Nam, Đắk Lắk hay tình trạng biến đổi khí hậu ảnh hưởng đồng bằng sông Cửu Long cũng đáng báo động, tình trạng thiếu phù sa, sạt lở ở vùng Hậu Giang, Cà Mau... đều để lại những dư vị đắng trong lòng người đọc.

Tình hình nhiễm độc thực phẩm vẫn khó kiểm soát, dù các ngành chức năng cũng có cố gắng nhưng vẫn thiếu hiệu quả (?), dẫn đến tình trạng chợ búa ế ẩm vì người dân chỉ muốn vào siêu thị... mua dù giá cả cao hơn!

Đời sống văn hóa thiếu và yếu. Khi được phỏng vấn về tình trạng sinh hoạt văn hóa năm 2017, những chức sắc cao nhất của Bộ chỉ cho nhận xét về các cuộc thi sắc đẹp, tình trạng khách du lịch tăng cao, hay việc phát hành phim tư nhân khởi sắc mà không nhìn vào căn cơ vấn đề văn hóa: người Việt Nam đang yếu dần về kiến thức lịch sử, đang đánh mất văn hóa ứng xử trong cộng đồng (duy nhất có ông Phó Chủ tịch thành phố Hà Nội đưa ra vấn đề văn hóa ứng xử như một tiêu chuẩn phấn đấu cho năm 2018; bởi lẽ như ông giải thích, vì ông cảm thấy có sự bất cập giữa con số 80-90% đạt chuẩn gia đình văn hóa vậy mà khi tham gia giao thông, người ta vẫn hành xử theo kiểu vô văn

hóa!). Tình trạng bạo lực tràn lan trong đời sống xã hội, tuần nào, ngày nào cũng có án mạng, tử học đường cho đến bến xe, vào cả bệnh viện, công ty, xí nghiệp... Một điều nhức nhối nữa là tình trạng bạo hành phụ nữ và xâm hại tình dục trẻ nhỏ diễn ra khắp nơi, từ thành thị đến nông thôn, miền núi... Con người Việt Nam mất rất nhiều chất “thiện” trong căn tính của mình, vì pháp luật chưa đủ răn đe hay giáo dục bỏ lỏng? Hay vì môi trường văn hóa đang vẫn đục?

Luật pháp chưa đúng trên tất cả mọi người nên vẫn còn án oan, án bỏ sót, án xử chưa đúng gây nên khiếu kiện kéo dài, từ ít người tới đông người, từ tình trạng bức hiếp ở nông thôn đến những dự án BOT gây tranh cãi... Căn bản vẫn là do thiếu minh bạch và dân chủ trong thực thi pháp luật và thi hành chính sách!

Về lãnh vực văn hóa tâm linh, có một hiện tượng diễn ra rầm rộ vào mùa xuân là người ta hướng về đạo pháp; cụ thể, đi chùa vào ngày hội lớn như ngày đầu năm hay rằm tháng Giêng. Đây là một tập tục, một nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống người Việt. Nhưng người ta không chỉ chứng kiến những khuôn mặt trang nghiêm trong khói hương trầm tạo nên bầu không khí ấm cúng, linh thiêng, thể hiện tấm lòng thành kính của mọi người đối với Đức Phật và các bậc Thánh hiền mà người ta còn thấy bao nhiêu người chen chúc hỗn độn huyền não, đặc biệt tại các lễ hội ở miền Bắc, như “dúi” tiền vào tay các thánh tượng, rải tiền vô tội vạ... Những hình ảnh đó hết sức phản cảm, đánh mất bản sắc và nét đẹp văn hóa Việt. Đường lên chùa, chẳng hạn như ở chùa Hương vào mùa trẩy hội, một số người đã ngang nhiên bày bán ngoài nhang đèn còn có các quán bán thịt rừng. Chúng ta hay ngành văn hóa vẫn chưa chuyển hóa được tâm thức một “bộ phận” khá đông người đi đền, chùa, cả già lẫn trẻ, nên họ thực hiện việc cúng bái như mặc cả với thánh thần, Phật, tìm những cơ hội may mắn phát tài phát lộc. Trong khi đó, giáo dục theo tinh thần đạo Phật là khuyến tấn mọi người hãy tỉnh thức, siêng năng làm lành, lánh dữ và luôn nỗ lực sửa đổi thân tâm để ngày một tốt hơn.

Khí hậu mùa xuân: Nóng hay lạnh?

Khí hậu mùa xuân ra sao? Ngoài Bắc thì lạnh, trong Nam thì nóng. Nhưng gần đây chúng ta hay nghe cụm từ “Trên nóng dưới lạnh” khi nói về căn bệnh thờ ơ, không muốn thực thi chủ trương và thậm chí nghị quyết của chính phủ trung ương vì sợ tổn hại đến “lợi ích nhóm” hay của gia đình bà con của mình, hoặc đùn đẩy trách nhiệm sang cho người khác.

Ví dụ như chuyện Thủ tướng yêu cầu cắt giảm 50% con số 4.300 giấy phép con. Các bộ và cục ậm ừ rồi đầu cũng vào đấy. Đến nỗi phóng sự trên đài truyền hình phải đặt lại vấn đề và nêu lên tình trạng “đánh bùn sang ao”. Họ không muốn làm quyết liệt vì đó là nơi “quyền hóa thành tiền”, để có ngàn lẻ một lý do khiến

doanh nghiệp phải “qua sông lụy đờ” cho kịp thời gian.

Thế nên cải cách hành chính cũng rơi vào tình trạng “trên nóng dưới lạnh” khi tổ chức vẫn công kênh, kém hiệu quả, hứa cắt giảm biên chế nhưng ngật nổi toàn người nhà hay chỗ quen biết cả, đành “làm ngơ” trước chỉ đạo điều hành của Chính phủ.

Ở lĩnh vực lâm nghiệp, đại biểu Quốc hội Nguyễn Sỹ Cương nói rõ tình trạng “trên nóng” khi Thủ tướng yêu cầu đóng cửa rừng tự nhiên, vậy mà ở “dưới lạnh” vì rừng vẫn... không được đóng, thậm chí một số địa phương tiếp tục để xảy ra những vụ phá rừng lớn.

Báo *Văn Hóa Thể Thao* nêu ra hai trường hợp nữa: “trên nóng dưới lạnh” khi Thứ trưởng Bộ Y tế Phạm Thành Long sử dụng để nói về việc phòng chống sốt xuất huyết, ở cấp thành phố thì “nóng” mà các quận, huyện ngoại thành lại thờ ơ. Ông Phạm Nguyễn Chiến, Trưởng ban An toàn giao thông Đường sắt (Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam) cũng nhắc tới hội chứng này khi cho biết lãnh đạo ngành đặt quyết tâm “xóa”, nhưng các địa phương vẫn thoải mái để người dân mở lối dân sinh cắt ngang đường sắt.

Đặc biệt, trong câu chuyện về BOT, lĩnh vực đang được cộng đồng quan tâm nhất, Nghị quyết 01 yêu cầu khẩn trương rà soát tổng thể hình thức đầu tư BOT, và các trạm BOT giao thông đường bộ nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Nhưng mọi chuyện vẫn ỉ ạch!

Thủ tướng, khi trả lời các đại biểu Quốc hội về cốt lõi của Chính phủ kiến tạo, có nói: “Nội hàm của Chính phủ kiến tạo trước hết là chủ động thiết kế chính sách và pháp luật để đất nước phát triển”. Phần tiếp theo của thông điệp nóng ấy, chính là việc... triển khai nghị quyết xuống các nghị định của các bộ, ngành tại địa phương, đường đi còn rất dài, gian nan và rất... lạnh(!).

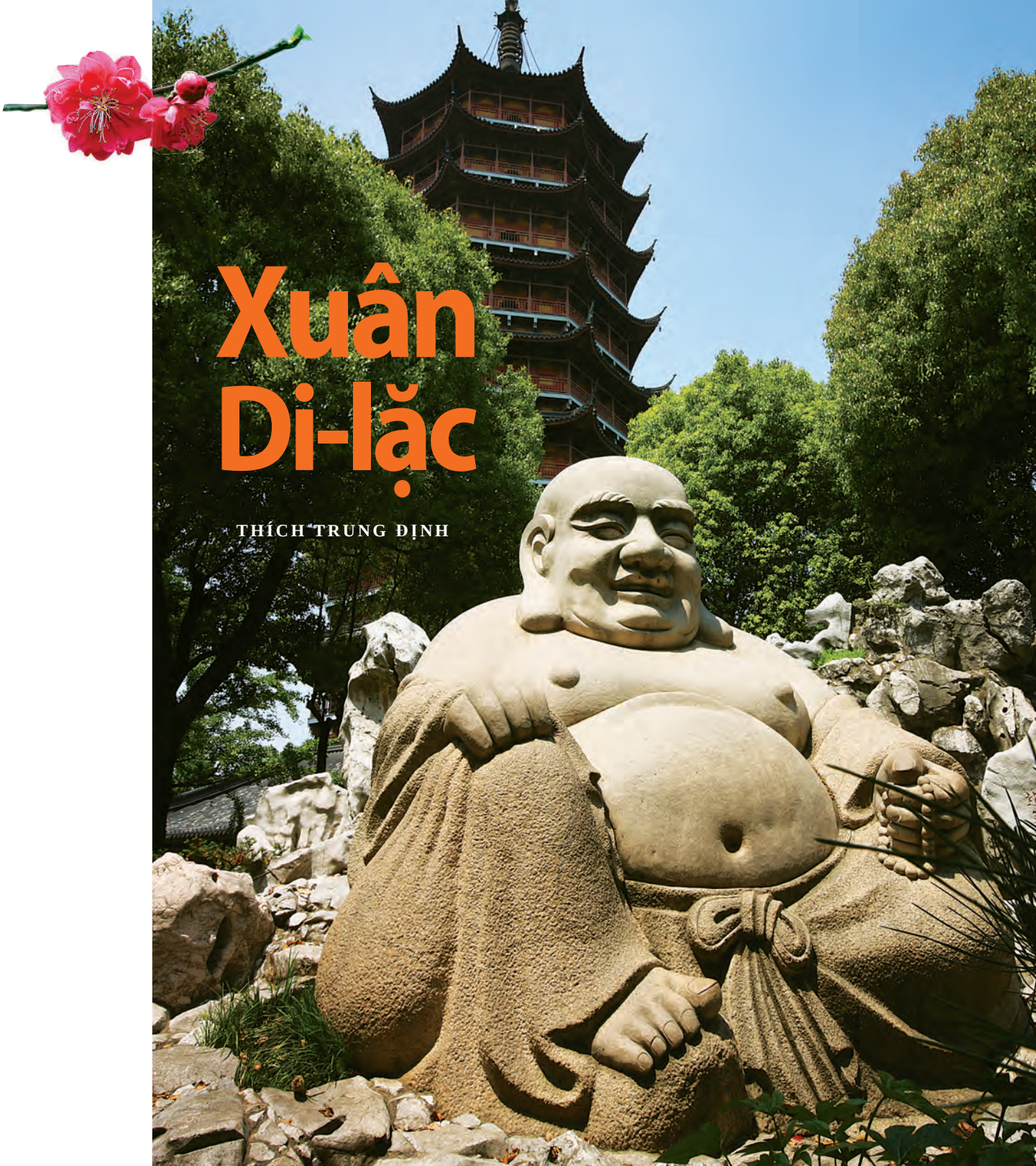
Ngày nào hội chứng ấy còn tồn tại, “khí hậu” không chỉ mùa xuân mà mùa nào cũng ở tình trạng “khó ở”, vì mọi chuyện đều được trông vào chính phủ trung ương, còn các bộ, ngành, địa phương vẫn cứ thụ động, trì trệ trong điều hành, xử lý việc công, thì ngày đó những đoàn người khiếu kiện vẫn tiếp tục kéo nhau về Hà Nội hay TP.HCM với những vụ việc mà lẽ ra phải được xử lý êm thấm ở địa phương từ lâu nếu những quan chức ở đó biết hành xử vì đạo đức công vụ và lương tâm chức nghiệp, nghĩa là nếu họ ý thức đúng đắn trách nhiệm của mình.

Một mùa xuân đang về với bao ngổn ngang phía sau, mong sao sớm khép lại để ta luôn hướng về phía trước với ước mơ về một nền kinh tế phồn vinh, văn hóa, hòa hợp và tương tức như Bùi Giáng có lần đã viết:

Xin chào nhau giữa con đường

Mùa xuân phía trước, miền trường phía sau...

Hãy hướng về một mùa xuân an lạc, và hy vọng! ■



Xuân Di-lặc

THÍCH TRUNG ĐỊNH

Qua một năm ngược xuôi tất bật với dòng đời, giờ đây khi những nụ mai vàng nở rộ đầy sân, mút bánh đủ đầy, mọi người quây quần bên tổ ấm gia đình cùng sửa soạn đón chào năm mới với nhiều niềm vui an lành. Thời khắc giao thừa lại đến, người con Phật bắt đầu lên chùa lễ Phật. Trước chánh điện trang nghiêm, khói hương quyện tỏa, chúng ta hãy lắng đọng tâm tư nghĩ tưởng về ân đức và hạnh nguyện

của mười phương chư Phật, đã vì lòng thương tưởng chúng sanh rủ ban pháp mầu cứu độ quần sanh. Mừng vui nhất khi bắt gặp hình tượng Đức Phật Di-lặc với nụ cười hoan hỷ trên môi mà cảm với đi bao phiền muộn. Chính thời khắc này đây, ngày đầu một năm, mồng một Tết, là ngày vía của Ngài. Quả là sự hội tụ tuyệt vời giữa thiên nhiên, văn hóa dân tộc và tôn giáo, đã gắn kết thành một chuỗi sự kiện diệu kỳ khó tả thành lời.

Đôi điều về lịch sử

Theo kinh điển Nam truyền cũng như Bắc truyền, Bồ tát Di-lặc hiện trú tại cõi trời Đâu-suất (*Tusita*), tầng trời thứ tư trong sáu tầng trời cõi Dục, đợi đủ nhân duyên sẽ giáng sanh xuống cõi Ta-bà hóa độ chúng sanh. Cõi trời Đâu-suất được chia làm hai phần, nội viện và ngoại viện. Thiên chúng sống ở ngoại viện là những vị do làm phước thiện nhiều ở trần gian nên được sanh lên đây; nhưng đến khi hết phước thì cũng đọa lạc trở lại. Còn thiên chúng sống tại nội viện, do có công năng giữ gìn giới luật và hành trì thập thiện, nhất là tu Bát quan trai giới, nên được thanh tịnh, không bị đọa lạc. Tại đây, chư thiên ấy chỉ một mục tu tập thẳng đến đạo quả Niết-bàn.

Di-lặc, tiếng Phạn là *Maitreya*, dịch là Từ Thị (người có lòng từ). Di-lặc là họ, tên chính của Ngài là A-dật-đa (*Ajita*), dịch là Vô Năng Thắng. Bởi trong đời quá khứ, vì muốn giáo hóa chúng sanh, nên mới phát tâm tu hành. Ngài không ăn thịt, do nhân duyên ấy nên được gọi là Từ Thị. Theo *Đại Nhật kinh* sơ, quyển 1, chữ Từ là lòng từ, là chi đầu tiên trong Tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả). Lòng từ này có trong chủng tánh của Như Lai, bao gồm Chúng sanh duyên từ, Pháp giới duyên từ và Vô duyên từ. Từ trong nghĩa Từ thị là Vô duyên từ; tức lòng từ không đợi có một ngoại duyên nào tác động mới phát khởi. mà tâm từ đó đã có sẵn một cách tự nhiên, rộng rãi, bao dung, bình đẳng, vô phân biệt. Giống như tình cha mẹ thương con, hay nước chảy về xuôi, Phật thương chúng sanh vậy. Chính vì lẽ đó mà lòng từ có năng lực làm cho thế gian luôn tiếp nối chủng tánh của chư Phật không bao giờ chấm dứt.

Kinh điển ghi lại rằng Đức Phật Thích-ca đã thọ ký cho Ngài làm vị Phật tương lai, ở cõi Ta-bà này vào hội Long Hoa. “*Tôn giả Di-lặc nguyện ở đời vị lai khi con người sống đến 80.000 tuổi sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai*”[1]. Phật Di-lặc là vị Phật thứ năm trong hiện kiếp (bốn vị Phật đã ra đời trong hiện kiếp là Đức Phật Câu-lưu-tôn, Đức Phật Câu-na-hàm, Đức Phật Ca-diếp, và Đức Phật Thích-ca); tức Ngài tiếp nối Đức Phật Thích-ca tại cõi Ta-bà này để giáo hóa chúng sanh. Như vậy, vào kiếp vị lai, lúc tuổi thọ của con người lên đến 8 vạn tuổi (tính theo thời gian của kiếp tăng và kiếp giảm. Cứ 100 năm thì tăng hoặc giảm một tuổi. Hiện nay là kiếp giảm, tuổi thọ bình quân của con người là 80 tuổi, thì từ nay cho đến khi Phật Di-lặc ra đời mất khoảng 57 tỷ 60 triệu năm nữa) thì Ngài hạ sanh xuống cõi nhân gian, và thành Phật dưới gốc cây Long Hoa, chia làm ba hội thuyết pháp, hóa độ vô số chúng sanh, nên gọi là Long Hoa Tam Hội Nguyên. Trong Mật giáo, Di-lặc Bồ-tát là một trong chín vị Tôn ở Trung đài Mạn-đồ-la Thai tạng giới, vị trí phía Đông bắc Đức Đại Nhật Như Lai. Ở Mạn-đồ-la Kim cương giới, Ngài là một trong 16 vị Tôn thời hiện kiếp[2]. Tương truyền Tôn giả Ma-ha Ca-diếp (*Maha Casapa*) nhập diệt, liển vào núi Kê Túc, núi xẻ làm đôi. Khi vào núi tự nhiên khép lại, rồi nhập

vào đại định, đợi đến lúc Phật Di-lặc ra đời, đem y bát của Phật Thích-ca trao lại.

Bồ-tát Di-lặc trong kinh điển Đại thừa

Trong lịch sử truyền thừa của Duy Thức tông, *Maitreya* là sơ tổ của tông phái này. Theo truyền thuyết, Bồ-tát Di-lặc ở trong nội viện cung trời Đâu-suất (*Tusita*), đã đáp ứng lời thỉnh cầu của Ngài Vô Trước (*Asanga*), cho nên tại cõi nước A-du-già-na thuộc miền Trung Ấn Độ tuyên thuyết năm bộ đại luận cho Vô Trước, gồm: *Du-già sư địa luận*, *Phân biệt du-già luận*, *Đại thừa tạng nghiêm luận*, *Biện trung biên luận*, *Kim cang Bát-nhã luận*. Ngài Vô Trước đã tiếp nhận học thuyết do Bồ-tát Di-lặc giảng, sau đó cùng người em của mình là Thế Thân (*Vasubandhu*), đem năm bộ đại luận này chỉnh lý lại rồi nương theo đó mà thành lập Hữu tông.

Kinh *Pháp hoa*, một trong những bộ kinh cốt yếu của Phật giáo Đại thừa, trình bày về Tri kiến Phật, xác nhận khả tính thành Phật của tất cả chúng sanh, nên được gọi là chúng vương chi kinh. Bồ-tát Di-lặc xuất hiện đầu tiên trong chúng khai thỉnh. Khi thấy Đức Phật Thích-ca hiện thụy tướng, Ngài liền hỏi Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát vì sao Đức Thế Tôn hiện điềm lành như vậy. Bồ tát Văn-thù trả lời, có lẽ Đức Phật sắp thuyết kinh *Diệu pháp Liên hoa*. Quả thật, sau khi xuất định, Đức Phật đã thuyết kinh *Pháp hoa*. Bởi nhân duyên này, nên theo cách phân chia kinh *Pháp hoa* của Hòa thượng Trí Quang, phần đầu gọi là Di-lặc khởi phát, phần kết thúc là Phổ Hiền hạnh nguyện. Ở phẩm Tựa kinh này, chuyện kể về một kiếp xa xưa, Bồ-tát Di-lặc xuất hiện với tên Cầu Danh. Phương danh này có nghĩa là người vướng mắc vào danh tướng, ngã tướng. Nhờ nỗ lực tu tập hướng về Phật trí, hướng về thực tướng của vạn pháp mà Bồ-tát Di-lặc được thọ ký tương lai sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc[3]. Ngoài ra, trong nghi thức thọ Tỷ-kheo Bồ-tát giới, Đức Di-lặc cùng với Ngài Văn-thù và Phật Thích-ca là một trong Tam sư đại diện cho chư Phật, Bồ-tát mười phương truyền trao giới pháp Bồ-tát cho những ai muốn thọ trì và thực hành Bồ-tát đạo.

Trong kinh *Hoa nghiêm*, phẩm “*Di-lặc lâu các*”, quyển 79, ghi lại rằng: Thiện Tài đồng tử cung kính vòng quanh bên phải Đức Di-lặc Bồ-tát xong, bèn thưa rằng: “Nguyện xin Đại thánh mở cửa lâu các cho đệ tử vào!” Lúc đó, Di-lặc Bồ-tát không nói gì, đi đến trước lâu các, gảy móng tay phát ra tiếng, cửa tức khắc được mở ra và Thiện Tài đồng tử vào. Lúc này cửa thành đóng lại. Thiện Tài trong tâm rất hoan hỷ, nhìn thấy lâu các mênh mông như vô lượng hư không [4].

Kinh *Viên giác*, bộ kinh nói về tuệ giác tròn đầy, là pháp đại tổng trì, lưu xuất chân như, bồ-đề niết-bàn. Bồ-tát Di-lặc vì thương tưởng chúng sinh đời sau nên đặt nghi vấn với Đức Phật về việc chấm dứt căn bản sanh tử luân hồi, các cấp độ luân hồi, tu chứng viên giác, và khi thành tựu rồi thì trở lại luân hồi hóa độ chúng sanh có mấy cách. Đức Phật tuần tự trả lời các nghi vấn của Di-



lặc: Chấm dứt căn bản sanh tử luân hồi là hủy diệt ái dục, siêng tu viên giác. Trong đó, luân hồi có ba đẳng cấp, đó là: Ác nghiệp địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Hai là thiện nghiệp, đó là: hai đường lành chư thiên và loài người. Ba là bất động nghiệp, đó là: bốn thiên cõi sắc và vô sắc. Trở lại luân hồi hóa độ chúng sanh bằng phương tiện đại bi, đại nguyện, hiện thân, hiện cảnh và đồng sự nhiếp [5].

Như vậy, bằng bạc trong các kinh điển, Đức Di-lặc xuất hiện với nhiều hình thái khác nhau. Sự thị hiện ấy cũng chỉ với mục đích là trợ duyên cho Phật Thích-ca hoằng truyền và tiếp nối mạng mạch Chánh pháp trên thế gian này. Đồng thời tạo cơ hội cho chúng sanh kết duyên ở hội Long Hoa.

Di-lặc: vị Phật của hạnh hỷ xả

Trong ý nghĩa biểu tượng của hoa sen tám cánh, người ta quy ước rằng năm cánh trên tượng trưng cho năm hạnh: tinh tấn, hỷ xả, thanh tịnh, trí tuệ và từ bi. Ba cánh dưới tượng trưng cho ngôi Tam bảo, Phật, Pháp, Tăng. Tinh tấn là hạnh của Phật Thích-ca, Hỷ xả là hạnh của Phật Di-lặc, Thanh tịnh là hạnh của Phật Di-đà, Trí tuệ là hạnh của Bồ-tát Văn-thù, Từ bi là hạnh của Bồ-tát Quán Thế Âm. Hạnh hỷ xả chính là yếu tố cơ bản giúp cho chúng ta thăng tiến trên con đường hoàn thiện nhân cách và đạo đức của mình. Hỷ xả là chất liệu quý báu để cho mọi người có thể bảo bọc thương yêu nhau, cùng hóa giải những oán kết, hận thù gây khổ đau triền miên, mang lại an lạc, hạnh phúc cho mọi người. Nếu trên con đường tu tập, chúng ta không có tâm hỷ xả thì khó tháo gỡ những vướng mắc cố chấp dẫn đến kiến thủ và giới cấm thủ. Đây là trở ngại lớn nhất đối với thánh đạo giải thoát. Bản chất trong tâm thức của mọi loài chúng sanh là chấp thủ. Do vậy, khổ đau là điều không tránh khỏi. Chỉ khi nào trong chúng ta luôn có sự hiện hữu của tâm hỷ xả, biết buông bỏ những cố chấp hẹp hòi, vị kỷ, xóa bớt những hận thù oan trái thì lúc ấy chúng ta mới cảm nhận được niềm an lạc hạnh phúc thật sự. Bằng không nếu cứ chấp chặt, thì chúng ta không bao giờ có được hạnh phúc.

Hẳn nhiên, hỷ xả ở đây không đơn thuần chỉ có một chiều. Mà hỷ xả phải đi đôi với trí tuệ “vô bất tri dĩ xả”. Nghĩa là không có cái gì mà không biết khi ấy mới xả bỏ được. Thực vậy, nếu tâm thức mù mờ, không hiểu biết một cái gì cả thì khó tu tập xả tâm. Nói xả cái gì? Chúng ta phải biết đời là vô thường, là khổ, là không, cho nên chẳng có gì mà chấp chặt cái này là “tôi”, là “của tôi”. Khi nhận thức tường tận được như vậy, ta mới thật sự xả bỏ mọi chuyện một cách triệt để. Cho nên, thành tựu được xả tâm là thành tựu được cả Tứ vô lượng tâm, Lục ba-la-mật...

Có người rất khó xả, khi tiếp xúc với điều gì thì dính mắc cái đó. Vì vậy, xả bỏ cũng phải có phương pháp. Đức Phật giới thiệu cho chúng ta một phương pháp “cây nếm”. Muốn lấy một cây nếm trong khúc gỗ ra thì phải

dùng một cây nếm khác đóng vào. Tâm thức của chúng ta cũng vậy, muốn loại trừ một tâm lý nào thì cũng phải dùng phương pháp này. Tức là phải tiếp nhận một tâm lý tốt, thiện vào để đánh bật tâm lý xấu ác đó ra khỏi tâm thức này. Muốn xả bỏ thì phải có Chánh tri kiến, thấy rõ được các pháp là vô thường, vô ngã trên tinh thần lấy từ bi xóa bỏ hận thù, lấy hỷ xả thắng xam tham, lấy trí tuệ thắng si mê, lấy buông bỏ thắng cố chấp, lấy giác ngộ giải thoát thắng khổ đau sinh tử luân hồi. Ngài Di-lặc tu tập tâm này từ vô lượng kiếp, đến nay đã thành tựu viên mãn, nên thành Phật với danh hiệu “*Từ thị Di-lặc*”.

Đức Di-lặc thành đạo dưới gốc cây Long Hoa, tuổi thọ đến 8 vạn 4 ngàn năm. Do tu tập hạnh hỷ xả, nên tuổi thọ được gia tăng. Về vấn đề này, trong *Đạo đức kinh*, Lão Tử nói rằng: Sở dĩ trời đất có khả năng lâu dài, vì trời đất không sống riêng cho mình, nên mới sống lâu. “*Thiên địa sở dĩ năng trường thọ cửu giả, dĩ kỳ bất tự sinh cố năng trường sinh*” [6]. Một nghiên cứu mới đây của các nhà khoa học cho thấy rằng người nào sống bị ức chế, hoặc bế tắc do sân hận và phiền muộn về tâm lý thì có nguy cơ mắc chứng đột quỵ cao. Ngược lại, người nào sống mà tâm luôn an lạc, thanh thoi, ít lo nghĩ, muộn phiền, sân hận, thì tuổi thọ càng cao. Trong cuộc sống điều này cũng dễ hiểu. Một người sống trên cuộc đời mà tâm họ luôn bao dung, độ lượng, vì thế người ấy không bao giờ bị tổn thương bởi các độc tố tham, sân, si gây nên. Họ sống lành mạnh, thuần phác, không chất chứa những uất ức trong lòng, thông dong tự tại, biết buông bỏ mọi thứ, vì vậy mà tuổi thọ dài lâu là điều tất yếu. Chúng ta thấy, một người sống hỷ xả, ai nói chuyện gì cũng để ngoài tai, bình tĩnh suy xét, rồi biết cách tiếp nhận điều nào, không tiếp nhận cái nào, vì vậy mà mọi chướng duyên không làm tổn hại đến họ được. Ngược lại một người sống không xả bỏ, nghe chuyện gì cũng chất chứa trong lòng, lâu ngày thành nội kết, bệnh hoạn. Hoặc nghe ai nói một câu có vẻ khó chịu rồi ôm lấy hận thù, một ngày, nhiều ngày có khi đến trọn đời. Như vậy, cái nào tốt hơn cái nào? Chắc chắn, người có tâm xả bỏ sống khỏe khoắn và tốt đẹp hơn người kia.

Xả tài là một trong “*Thất thánh tài*”, Tín, giới, tàm, quý, văn, xả, huệ tài. Đây là tài sản quý báu của người học đạo. Nếu chúng ta biết cách tiếp nhận thì sẽ làm chủ bản thân mà sống đời an vui hạnh phúc, ngay tại bây giờ, ở đây. Tài sản của người đời là vàng bạc, châu báu... người xuất gia lấy “*Thất thánh tài*” làm của quý. Bảy pháp tài này đem lại cho người tu tập có được sự an lạc, giải thoát. Mùa xuân về ta có đầy đủ pháp tài là mùa xuân sáng dậy trong lòng, giàu có bởi thấy lại cơ ngơi xán lạn của tâm mình. Mùa xuân tràn đầy tâm hồn giải thoát là mùa xuân bất diệt. Ta có an lạc, thanh thoi, có suối nguồn xuân trào dâng thì đem dâng hiến cho đời. Do vậy, chúng ta phải lo kiến tạo mùa xuân an lạc, giải thoát trong mình. Đó là lòng thanh tịnh, không bị lạnh giá đóng khung của mọi cố chấp tù hãm nhỏ

nhoi, mà phát dậy biên cương vô hạn của cõi lòng, đó mới là đúng nghĩa mừng đón xuân Di-lặc thật sự.

Phật Di-lặc với các hình thức thờ tự

Về hình thức thờ tự, chúng ta thấy tượng của Ngài mang nhiều hình thức khác nhau. Có tượng thì ngồi bụng to, miệng cười rất tươi. Có tượng thì có sáu đứa trẻ bu quanh Ngài. Có tượng thì đứng, quảy túi vải càn khôn. Vậy ý nghĩa của các hình tượng này như thế nào?

Tượng Ngài ngồi bụng to, miệng cười rất tươi: Bụng to tượng trưng cho lòng trống rỗng, tâm luôn hỷ xả. Cho nên, có câu ca tụng rằng: *"Bụng lớn năng dung, dung những điều khó dung trong thiên hạ. Lòng từ thường xả, xả những việc khó xả trong thế gian"*. Đức Di-lặc có nụ cười đặc biệt, gọi là *Nụ cười Di-lặc*. Nụ cười đó biểu hiện từ trong tâm hoan hỷ mà ra. Cho nên, khi nhìn vào ai cũng cảm nhận được và làm cho mình hoan hỷ theo. Có nhiều nụ cười nhưng chỉ ở bên ngoài, còn trong lòng vướng bận nhiều vấn đề. Người đời thường nói: *"cười ra nước mắt"*, hay *"người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm"*. Nụ cười như vậy là cười gượng gượng, khổ sở. Là người con Phật, chúng ta phải thực tập hoan hỷ như Ngài, để luôn luôn có những nụ cười tràn đầy hỷ lạc vô biên.

Tượng Di-lặc có sáu đứa trẻ bu quanh: Sáu đứa trẻ biểu trưng cho lục tặc. Sáu thằng giặc là sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, đang ngày đêm quấy phá tâm thức mình. Nó bắt tâm thức rong ruổi chạy theo lục trần để rồi đánh mất bản tâm thanh tịnh vốn có. Đức Di-lặc biểu trưng cho sự tỉnh thức, luôn chánh niệm, tỉnh giác, kiểm soát thân tâm khi lục căn tiếp xúc với lục trần. Mặc dù sáu thằng giặc đang ngày đêm quấy phá, nhưng Ngài vẫn thông dong tự tại, không lay động tâm thức, luôn hoan hỷ cười tươi. Sáu căn là giặc. Nhưng khi sáu căn thanh tịnh thì từ nơi đây bản tánh hiện bày chứ không từ đâu xa hết. Với hình ảnh này cho ta thấy rằng, hành giả tu tập cần nhất đó là tỉnh giác, chánh niệm.

Tượng Ngài mang túi vải càn khôn có liên quan đến câu chuyện ứng thân của Ngài. Tương truyền vào thời nhà Lương, Đức Di-lặc thị hiện ở chùa Nhục Lâm, Châu Minh, huyện Phụng Hóa, Trung Quốc, với thân hình mập mạp, bụng lớn, miệng luôn nói cười khác người; nhưng không ai biết tên họ của Ngài là gì mà chỉ thấy Ngài luôn mang một túi vải trên vai. Lúc đi khát thực ăn xong còn dư bao nhiêu Ngài liền cho vào túi vải đó hết, nên người đời gọi Ngài là Bồ Đại Hòa thượng (Vị Hòa thượng mang túi vải). Tương truyền ngày nào Ngài đi guốc thì trời nắng, mang dép thì trời mưa, diệu dụng lạ thường. Có vị cư sĩ hỏi tên họ của Ngài là gì? Ngài trả lời: *"Tổ thiệt cho người rõ, Ta họ Lý, sanh ngày mồng tám tháng hai. Ta chỉ có túi vải này để độ đời. Vậy người chớ tiết lộ cho ai biết."* Khi hỏi về pháp hiệu thì Ngài đọc kệ trả lời.

Ta có túi vải

Rỗng rang không quá ngại

*Mở ra khắp mười phương
Thâu vào quán tự tại.*

Pháp hiệu ở đây chính là bản tâm thanh tịnh, thâu nhiếp càn khôn, mở ra mười phương thế giới, thị hiện muôn nơi, hóa độ chúng sanh, đắc vô sanh pháp nhẫn. Tất cả mọi diệu dụng đều nằm trong túi vải của Ngài. Một ngày nọ, trước khi thị tịch, Ngài để lại bốn câu thơ:

Di-lặc chơn Di-lặc

Thiên bách ức hóa thân

Thời thời thị thời nhân

Thời nhân thường phát thức.

Nghĩa: *Di-lặc đúng là Di-lặc đây, hóa thân trăm ngàn ức, thường thường chỉ thị cho mọi người, mà mọi người không biết được.*

Từ đó, người ta mới biết đó là Đức Di-lặc và tạc tượng để thờ.

Trên đây là ba hình tượng của Ngài Di-lặc mà chúng ta cần phải biết. Tránh nhầm lẫn tượng Thần tài. Tượng này cũng tương tự như tượng Di-lặc vậy, nhưng khác ở chỗ hai tay nâng thỏi vàng có dòng chữ *"kim ngọc mãn đường"* (vàng ngọc đầy nhà). Người ta mua về trưng bày để cầu may cho gia đình, mua may bán đắt, đắc tài đắc lộc theo quan niệm của nhân gian.

Là người con Phật, hiểu đúng lý nhân quả, chúng ta không nên chạy theo thị hiếu vô lối của đời thường; mà phải thấy được giá trị miên viễn của tâm lượng rộng mở, từ bi hoan hỷ. Chính các tâm này sẽ làm thăng hoa trong đời sống cho mình và cho người. Chúng ta phải cảm nhận được giá trị về sự buông bỏ tất cả để được tất cả. Buông bỏ hận thù khổ đau để được hạnh phúc an lạc. Buông bỏ tật đố si mê sẽ đón nhận trí tuệ và lòng vị tha chiếu diệu. Nếu không thì dù mùa xuân về, mai đào vẫn nở, mứt bánh đủ đầy nhưng lòng ta cũng chẳng thấy có ý nghĩa gì. Do vậy, mỗi mùa xuân Di-lặc là mỗi lần gợi nhắc cho chúng ta nỗ lực thực tập hạnh hỷ xả như Ngài. Ai cũng thực tập như vậy thì thế giới này chắc chắn sẽ thanh bình, tươi đẹp. Và nhân loại sẽ không còn hận thù, khổ đau triền miên nữa. Đây là bức thông điệp mà mùa xuân Di-lặc mang lại.

Xuân có đến rồi đi nhưng xuân lòng bất tận.

Hoa có nở rồi tàn nhưng hoa đạo vẫn thơm hương.

Đây chính là mùa xuân hoan hỷ, tâm xuân bất tận, xuân Di-lặc miên viễn giữa cõi đời. ■

Ghi chú:

[1] Trung A-hàm, 13, Kinh Bản thuyết. [2] Từ điển Phật học Hán Việt, Nxb Khoa Học Xã Hội, tr.296. [3] Thích Chơn Thiện, *Tứ tượng kinh Pháp hoa*, Nxb Tôn Giáo, 1996, tr.32. [4] Xem, *Nụ cười Di-lặc, Hương Đạo 3*, Kỷ niệm Phật thành đạo-xuân Giáp Thân, 2004, Tăng Ni sinh viên khóa II thực hiện, tr.21. [5] HT.Trí Quang, (dịch), *Kinh Viên giác*, 1994, pp. 227-229. [6] Lão Tử *Đạo đức kinh*.



Uống trà xuân trên đỉnh Tây Côn Lĩnh

VŨ THÊ NGỌC

Tây Côn Lĩnh là đỉnh núi cao nhất Đông Bắc Việt Nam. Với cao độ 2.419 thước, Tây Côn Lĩnh cũng là một trong những đỉnh núi cao nhất Đông Nam Á. Dãy Tây Côn Lĩnh trải dài suốt hai huyện Hoàng Su Phì và Vị Xuyên thuộc tỉnh Hà Giang. Tên tỉnh Hà Giang dường như cũng không được người Việt miền khác biết đến nhiều bằng hai dòng sông của tỉnh này trong lịch sử thời kháng chiến là sông Lô và sông Chảy. Lý do tỉnh Hà Giang không được biết đến nhiều có lẽ vì đây là tỉnh nghèo nhất nước, nơi người Kinh chỉ chiếm có 13 phần trăm dân số. Quả thật Hà Giang là tỉnh duy nhất của Việt Nam mà cho đến nay vẫn là tỉnh có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống nhất¹. Nhưng thật là sai lầm khi cho rằng Hà Giang ít được biết đến vì là tỉnh được thành

lập muộn hơn so với các tỉnh khác. Sự thực Hà Giang là một trong những vùng đất cổ nhất của Việt Nam. Từ thời Hùng Vương đất Hà Giang đã thuộc bộ Tân Hưng, một trong 15 bộ của nước Văn Lang². Tên tỉnh cũng đã có từ trước, nhưng trong nửa thế kỷ vừa qua Hà Giang có nhiều lần bị thay đổi, sát nhập, chia tỉnh và cuối cùng mới tái lập tỉnh vào năm 1991 và thị xã Hà Giang cho đến năm 2010 mới được gọi là thành phố Hà Giang.

Vì vậy leo đỉnh Tây Côn Lĩnh uống trà xuân quả là một điều thú vị vì núi Tây Côn Lĩnh ít người biết mà trà Hà Giang còn được ít người biết hơn - đặc biệt trên núi cao vẫn còn lác đác những gốc trà cổ nguyên sinh hoang dại và trơ trọi vì vừa không có người hái, nói gì đến việc

chăm sóc. Xuân năm nay tôi được gia đình thân hữu trẻ chủ nhân Công ty trà Thanh Sơn đang khai thác trà ở Hà Giang và trà thủ Nguyễn Cao Sơn của Hà Nội đưa lên núi uống trà. Xe từ thành phố Hà Giang leo đường núi gần hai giờ, cuối cùng dừng xe ở một gia đình người H'mông cuối cùng đường, rồi tiếp tục treo bộ lên núi. Ở cao nguyên Hà Giang người ta cũng đã trồng trà từ lâu, nhưng trà cổ thụ Hà Giang sự thực cũng chỉ mới được khám phá sau năm 1979. Đó là những năm có chiến tranh biên giới. Gần nửa triệu quân Tàu tràn sang xâm lăng chiếm gần trọn nhiều tỉnh biên giới. Tuy tin chính thức thông báo sau một tháng đại bộ phận quân Tàu rút về, nhưng dân chúng các vùng biên giới đều biết, quân phương Bắc dù không còn trực tiếp hiện diện nhưng trong nhiều tháng trọng pháo của họ tiếp tục bắn qua nhiều nơi, vì vậy quân Việt Nam ở vùng núi rừng biên giới này còn tiếp tục đồn trú lâu hơn nhiều địa phương khác. Và cũng vì trú đóng khá lâu, chính các người lính Việt Nam đồn trú ở đây mới tình cờ tìm ra những cây trà rừng cổ thụ ở Tây Côn Lĩnh. Hiện nay đa số các cây trà cổ này đều do người H'mông "sở hữu". Tôi nói "sở hữu" chỉ vì đây là vùng họ cư ngụ vì người H'mông thường ở vùng núi cao so với các dân tộc thiểu số khác, và thật ra người H'mông cũng không khai thác các cây trà này, ngoài nguy cơ họ có thể chặt gốc để bán cho thương nhân Trung Hoa. Chúng ta cũng nên biết lý do người H'mông thường ở vùng núi cao hơn so với các dân tộc khác chỉ vì họ di dân đến Việt Nam chậm hơn các dân tộc khác, chứ không phải "người mèo nên thích ở núi cao" như một hai sách "khoa giáo" giải thích. Người H'mông từ phương Bắc đến Việt Nam theo nhiều đợt, nhưng đợt sớm nhất cũng chỉ trong vòng ba thế kỷ trước³. Cho nên họ cũng không thể là người "mang cây trà đến trồng ở Việt Nam" như một tác giả phản đối ý kiến của tôi cho rằng Việt Nam là một trong những vùng đất nguyên thủy của cây trà và các cây trà cổ này là do người H'mông Trung Hoa mang đến trồng từ ngàn năm trước. Vì ngay trên núi Tây Côn Lĩnh cũng còn tồn tại các cây trà cổ thụ có tuổi hơn 400 năm, có nghĩa là vẫn có những cây trà cổ thụ có mặt trước khi người H'mông di dân đến đây. Tôi cũng nói là người H'mông chỉ "sở hữu" các gốc trà cổ thụ mà thực tế là họ không hề khai thác các cây lão trà này vì hai lý do đơn giản. Trước hết, dù ngày nay họ trồng trà và hái trà bán nhưng đó là những cây trà mới, được cắt thấp và trồng tập trung thành vườn như bất kỳ các vườn trà hiện đại nào. Còn các cây trà lão là trà thiên nhiên mọc rải rác trong rừng. Hơn nữa các cây này là cây dạng cổ thụ thiên nhiên nên cây thường mọc cao đến ba bốn thước. Trà cổ thụ vừa ít lộc vừa mọc cheo leo cạnh dốc núi, đến gần còn khó, nói gì đến việc treo lên cây hái búp trà. Cho đến những năm trước, Hà Giang đã trồng trà nhưng giá trà lúc đó đang xuống, mà trà Hà Giang ít người biết đến nên giá còn

rẻ nữa. Phần lớn trong những năm này trà đa phần chỉ bán cho phương Bắc. Thời tôi dạy ở Vân Nam (tỉnh trà truyền thống của Tàu) tôi đã thấy một số đại gia Trung Hoa dùng gốc trà cổ thụ làm bàn trà, và các gốc trà rừng cổ thụ này đều cũng mua từ Hà Giang. Hiện nay thương nhân Trung Hoa đang có nhu cầu mua các gốc và thân trà cổ thụ Việt Nam. Nên nhớ Hà Giang là tỉnh địa đầu của Việt Nam, phía Bắc tỉnh tiếp giáp với Vân Nam và có lẽ là tỉnh Việt Nam có biên giới dài nhất với Trung Hoa, người dân hai bên qua lại thường cắt rừng mà đi. Cho đến ngày nay "cửa khẩu" được thiết lập cũng là chỉ tiện dụng cho xe và người di chuyển bằng xe. Người H'mông ở Hà Giang nhiều gấp ba lần người Kinh và đa số vẫn tiếp tục ở những vùng núi cao, và chỉ cần "bước qua" là đến đất Trung Hoa nơi họ có thể nói chuyện với các dân cư bên kia bằng ngôn ngữ của họ. Trên vùng rừng núi cao này, người ta cho tôi biết họ nếu muốn phân biệt người H'mông hai nước thì chỉ biết đoán bằng hai loại giấy đi rừng khác nhau. Cũng nên biết, hầu như các dân tộc thiểu số ở Hà Giang đều cũng có mặt tại phần đất của Trung Hoa.

Hà Giang ngày nay đã có nhiều người kinh doanh trà, ngay từ đầu tỉnh tôi đã viếng thăm xưởng trà Độ Khoa thân hữu của Cao Sơn. Từ vùng đồi thấp quanh thị xã đến tận núi cao vườn trà, nương trà liên tiếp. Đi giữa những vườn trà bạt ngàn, tôi chợt nhớ bài *Bạch Sơn trà* của Nguyễn Văn Siêu (một bạn văn chương thân thiết của Cao Bá Quát "văn như Siêu Quát vô tiền Hán"). Cụ Phương Đình Nguyễn Văn Siêu (1799-1872) tác giả *Phương Đình dư địa chí* vốn người Hà Nội (Thanh Trì, Hà Đông). Là vị đại khoa và là danh sĩ thời Tự Đức nhưng cụ làm quan muộn lại từng dâng sớ điều trần nhiều lần không được, nên cụ cũng xin về hưu rất sớm. Cụ Nguyễn Văn Siêu từng đi sứ phương Bắc, nên dù thường làm quan ở phía Nam (Thị giảng Học sĩ ở Huế và Án sát tỉnh Hà Tĩnh) nhưng nhờ đi sứ cụ có dịp kinh qua những vườn trà cực Bắc của quê hương, nên cụ đã làm bài thơ *Bạch Sơn trà* này. *Bạch Sơn trà* trong bài thơ, tôi không biết có phải cụ nói đến danh trà "Shan Tuyết" của Hà Giang ngày nay hay không?

白山茶

同托深山兩路栽，
邊紅邊紫莫相猜。
難將脂粉形容夸，
也自冰霜變化來。
大塊文章書白雪，
小春消息夢寒梅。
啜吹一自深園入，
不受東風半點埃。

Bạch Sơn trà

Đồng thác thâm sơn lưỡng lộ tài,
Biên hồng biên tử mạc tương sai.



*Nan tương chi phấn hình dung hảo,
 Dã tự băng sương biến hoá lai.
 Đại khối văn chương thư bạch tuyết,
 Tiểu xuân tiêu tức mộng hàn mai.
 Ác xuy nhất tự thâm viên nhập,
 Bất thụ đông phong bán điểm ai!*

Cây trà Bạch Sơn hai bên đường núi thăm thẳm,
 Bên hồng bên tía đẹp chẳng khác gì nhau.
 Chẳng thể phân biệt với những nét rực rỡ của son phấn,
 Cũng là do băng sương biến hoá mà thành.
 Một khối văn chương tươi đẹp như tuyết trắng,
 Tiết xuân đã xoá hình ảnh giấc mộng hàn mai.
 Vẳng tiếng gà gáy từ khu vườn xa vắng,
 Không nhiễm chút nào của gió xuân.

Hà Giang bây giờ bắt đầu có tiếng trà *Cổ thụ Shan Tuyết*. Lẽ dĩ nhiên ngày nay không còn đủ trà cổ thụ để thu hoạch, nhưng phần nhiều trà vẫn là giống “nguyên thủy cổ thụ” của Hà Giang. “Cổ thụ” cũng còn có nghĩa là “cây trà cổ truyền” trong nghĩa vườn trà chưa bị khai thác với các phân bón và hóa chất tươi tiêu như nhiều địa phương khác ngày nay đã đi vào khai thác “đại trà”. Shan Tuyết cũng không có nghĩa là trà của vùng đất có tuyết. “Tuyết” ở đây chỉ là đầu búp trà có những tơ mầu trắng như tuyết. Sự thật là trà ưa thích vùng đất cao có khí hậu mát lạnh, nhưng cây trà tuyết đối không thể sống được ở vùng ôn đới có tuyết. Trà nhân Cao Sơn đi khảo trà ở Đài Loan năm trước về nói với tôi thương nhân Đài Loan ngày nay đưa giá trà lên cao theo cao độ - trà càng trồng ở độ cao hơn càng có giá. Cho nên anh cho biết trà Đài Loan vùng A Ly Sơn ở cao hơn 2.000 mét có thể có giá đến hàng ngàn đô-la một ký. Nhưng thực ra đây chỉ là một thủ thuật quảng cáo để đưa giá của thương nhân trà Đài Loan mà thôi. Ở trên cao độ

2.000 thước vùng ôn đới không thể trồng trà thương mại. Mấy chục năm trước, lúc còn làm việc ở Đài Loan tôi biết vùng A Ly Sơn đã thuộc lâm viên quốc gia. Thương nhân người Hoa có thể làm việc với các khu vực “nhắm mắt mở mắt” nhưng ở một nơi có luật pháp như Đài Loan người ta không thể phá lâm viên quốc gia để trồng trà như thế. Người Hoa có nghề làm trà rất siêu nhưng cũng là những thương nhân “siêu việt”. Năm trước trong cuộc thi trà quốc tế, nhờ họ tố cáo lẫn nhau nên chúng ta mới biết, thương nhân người Hoa được giải thưởng thứ nhì bị truất giải vì nhập hàng dùng trà Việt Nam để dự thi. Tôi ngạc nhiên không thấy hiệp hội trà hoặc “chuyên viên đầu ngành” của các giới chức liên hệ nhân cơ hội này tìm cách quảng cáo cho trà Việt Nam. Tôi tra tìm phần nông nghiệp trang báo điện tử của chính cái tỉnh bị “ăn cắp danh trà” thì cũng không thấy ai lên tiếng, trong mười tin nông nghiệp của tỉnh “nóng” nhất trong năm thì đã có đến bốn “tin nông nghiệp” chỉ nói đến các lãnh đạo.

Mùa xuân này từ nửa bên kia trái đất về quê hương in được bốn luận khó in của Long Thọ, lại được lên đỉnh Tây Côn Lĩnh uống trà rừng cổ thụ tự hái, trong gió núi còn đồng vọng bài *Bạch Sơn trà* của Nguyễn Văn Siêu, thiên cổ văn thường trong sạch tại sao lại còn ưu phiền với nhân gian? Có lẽ chỉ nên biết đến “*Hồn trà thơm ngát hương xuân đượm*” là đủ chăng?

*Nhấp ngậm trà thơm cười với gió.
 Tóc bay ngàn trượng nước tràn ly.
 Nhân gian dưới núi còn ai nhớ,
 Ngồi hát giữa rừng xuân qua đi. ■*

Chú thích:

Tỉnh Hà Giang theo điều tra dân số năm 2009 là 724.537 người, trong đó dân số thành thị là 84.338 người. Toàn tỉnh có hơn 20 dân tộc chung sống, đông nhất là H’mông (chiếm 32%), Tày (23%), Dao (15 %), Kinh (13 %), Nùng (10 %)...

1. Đất Hà Giang thời Hùng Vương thuộc bộ Tân Hưng, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Trong giai đoạn nhà Minh Trung Hoa xâm lăng được gọi là huyện Bình Nguyên, đổi thành châu Bình Nguyên từ năm 1473, sau lại đổi tên thành châu Vị Xuyên. Sau đó nhà Lê Việt Nam đánh đuổi Bắc quân giành độc lập, nhưng vào cuối thế kỷ XVII, tộc trưởng người Thái (được Việt Nam cho tự trị) lại dâng đất cho Trung Hoa. Năm 1728, Trung Hoa trả lại cho Đại Việt một phần đất từ vùng mỏ Tự Long đến sông Lô. Năm 1895, ranh giới Hà Giang được ấn định lại như trên bản đồ ngày nay là do người Pháp (với danh nghĩa Việt Nam, Đông Dương) đấu tranh với Trung Hoa. Sau 1954, Hà Giang tiếp tục là tỉnh và tỉnh lỵ là thị xã Hà Giang. Sau 1975, Hà Giang hợp nhất với tỉnh Tuyên Quang thành tỉnh Hà Tuyên. Mãi đến ngày 12 tháng 8 năm 1991 mới tái lập tỉnh Hà Giang từ tỉnh Hà Tuyên.

2. Tất cả các chi tiết về lịch sử di dân của người H’mông đến Việt Nam đều có các tài liệu nhân chủng học và ngôn ngữ học chứng minh. Sẽ có dịp viết chi tiết khi xuất bản *Trà Việt*.

* Ảnh của tác giả.

Đầu năm hương về Tam bảo

NHUY NGUYỄN

Đầu năm, lộc non nhú trên những cành cây tường đã khô mục, như là biểu tượng cho sức nhần nhục tuyệt vời lấp lánh dưới bầu trời Phật pháp. Chan hòa sự sống với vạn vật để lắng tâm nghe sơn hà đại địa cỏ cây hoa lá cất tiếng chào mừng giữa không gian tràn đầy ánh sáng. Chánh điện sáng trưng, mai bung hoa rực rỡ, bên ngoài cây cối đâm chồi non lộc biếc, dây đèn lồng và cờ phấp phới. Phật tọa trên bực cao với ánh nhìn từ bi cứu độ.

Không gian chùa trở nên nền nã thanh thoát. Phật tử và người dân cổ xú đến chùa tạ ơn Tam bảo gieo duyên lành. Sự khởi đầu cho một vòng quay của trái đất là sự khởi đầu cho một vòng đời. Đầu năm, đào mai đua nở, lộc non nhú trên những cành cây tường đã khô mục, biểu tượng cho sức nhần nhục tuyệt vời lấp lánh dưới bầu trời Phật pháp. Hãy đừng phương hại một con vật nhỏ nhất, hãy đừng làm gãy một nhánh cây. Hãy chan hòa với sự sống vạn vật. Hãy lắng tâm nghe sơn hà cỏ cây hoa lá cất tiếng chào mừng giữa không gian tràn đầy ánh sáng.

Tôi vẫn thường dẫn các cháu lên chùa vào những ngày Tết thay vì đến các điểm vui chơi rầm rộ. Chúng ta bây giờ đã bỏ qua một giai đoạn quan trọng trong đời người là “thai giáo”. Thật diệu kỳ biết bao khi thai nhi ngày đêm được nghe hồng danh Đức Phật, được nghe kinh *Địa Tạng* tẩy trừ bất nghiệp chướng trong đời quá khứ. Một đứa trẻ vừa lớn lên, được mẹ cha thường dẫn lên chùa sẽ là vốn quý vô ngần. Đứa trẻ không được giáo dục tinh thần của đạo Nho và hơn nữa là Phật pháp sẽ khó hoàn thiện mình trong tương lai. Câu “A-di-đà Phật” gieo vào tâm là mầm giống quan trọng nhất đời người. Hạt giống ấy sẽ có một ngày tách vỏ hướng về ánh hào quang của Phật như một mầm xuân bụ bẫm giữa đất trời.

Chùa chính là mái hiên vĩnh cửu che chắn mỗi phận đời trong thâm thẳm. Đầu năm được gặp Phật lễ Phật, được gặp quý Thầy nghe giảng pháp thì không phước nào lớn hơn. Nhiều gia đình ở ngay bên chùa song Phật pháp vẫn là một món gì đó rất xa lạ. Bởi duyên của họ ở tiền kiếp quá mỏng, cũng là do nghiệp che mờ. Con thờ nếu phải đeo kính râm thì củ cải nào cũng là



Nguồn: tinphatgiao.com

cà-rốt. Tin hay không tin có thể giới Cực lạc đang chào đón bất cứ ai thiết nguyện sanh về, chính là thể hiện người ấy đời trước gieo thiện căn cạn hay sâu. Niềm tin của chúng ta cạn thì năng đến chùa nghe pháp nhiều thêm, năng niệm Phật lạy Phật. Ta lạy Phật mà tâm chỉ xoay vòng câu “A-di-đà Phật” từng chuỗi, thật khó cách tu nào thù thắng hơn.

Lễ Phật ở chùa hay lễ Phật tại gia là nét văn hóa tâm linh viên mãn. Lạy Phật để xả bớt cái *ngã* chất ngất. Lên chùa không phải để cầu xin. Phật sẽ không cho chúng ta thứ gì ngoài phương tiện cứu cánh đệ nhất. Chúng ta cầu xin Phật mà không rỏ rạo làm theo lời Phật cũng chẳng khác tín đồ ngoại đạo. Khi một ai gơ tay lên cầu xin thì Ngài sẽ cười và cầm bàn tay của người đó quay về phía họ: “*Phật vốn là con rồi, sao còn cầu*”. Trong mỗi người đều có Phật tánh. Trong chúng ta cũng có ma tánh, quỷ tánh và vân vân tánh. Chúng ta dùng câu Phật hiệu kết lại thành phiến để phủ lên; lâu ngày loài “giặc phiến não” sẽ héo, tâm hiện trí tuệ chói ngời.

Lạy Phật - Niệm Phật, bởi từ lâu ta cứ tưởng mình thông minh tài giỏi; từ lâu cứ tưởng mình hơn người, nắm trọn tri thức nhân loại, mà thực chất toàn vọng tưởng. Lạy Phật để thấy mình sao quá u mê. Nay từ trong lăm lặc được Phật chỉ ra con đường sáng, thật

muôn lần đội ơn sâu dày. Ở Vạn Phật Thánh Thành, ai muốn trở thành đệ tử của Hòa thượng Tuyên Hóa, trước hết phải lễ Phật đủ một vạn. Nếu tâm vẫn sân hận, vẫn ganh ghét hơn thua, vẫn gồng mình lên trước những trái khoáy, vẫn chạy theo ta-bà thị phi, dẫu tu đến đâu bạc răng long Phật cũng không thể ban cho ta



Nguồn: pinterest.com

Vô Lượng Thọ để tự tại phiêu du trong dòng thời gian bất tuyệt. Và mỗi mùa xuân đến, khác gì ta bước gần hơn cái hố sâu thăm thẳm, mong chỉ được cứu rỗi.

Mùa xuân, hoa cỏ đua nhau khoe sắc. Con người cũng khoác lên mình những bộ cánh tinh tươi, góp phần tô điểm cuộc đời tươi đẹp. Các đại lão hòa thượng khuyên nhủ: *Chúng ta có thể dùng thành quả chân chính dâng lên chư Phật. Nhưng quý giá nhất vẫn là cúng dường Tam bảo công phu tu tập của mình.* Những khám phá vĩ đại bậc nhất của khoa học đã khiến nhân loại kinh ngạc. Càng kinh ngạc hơn khi phần lớn trong số đó vô tình chứng minh lời Phật. Con người sẽ thực sự lớn khi nâng tầm nhận thức về vũ trụ và nhân sinh, trong đó liễu thoát sanh tử là quan trọng nhất. Con người thật nhỏ bé, và sẽ biến mất nếu không nương mình dưới ánh hào quang của Phật.

Hãy quên năm cũ với bao phiền muộn. Chúng ta đứng cao nhất trong loài người thì cũng nên biết một ngày không xa quả địa cầu này sẽ tàn hoại. Những bước chân đầu tiên của năm hướng về Tam bảo, là rút ngắn con đường hướng về nước Phật. Tiếng chuông chùa vẫy gọi, Tâm kinh đang vẫy gọi những ai mở kho tàng tự tánh dung chứa tất thảy những gì có trong vũ trụ. Hướng về Tam bảo chính là nhận diện đúng nhất giá trị kiếp người giữa hư không tận pháp giới.

Có một vị sư từng đưa ra ý tưởng mở khóa tu “ngày ba mươi Tết”, để xem Phật tử có thật tu trong bận rộn. Đó cũng là thông điệp “ba mươi Tết của cuộc đời”, chúng ta sẽ phải bỏ lại mọi thứ dẫu quý giá vô ngần lật qua một trang đời khác. Cái lý cao tột trong Tịnh tông là chúng sanh có đủ nguyện lực và niệm lực (niệm Phật) cầu sanh về Cực lạc? Có trăm ngàn lý do khiến ta lấy khổ làm vui; có Phật tử còn bảo: mong Phật thư thư để con ở lại ta-bà làm Phật sự, hàng năm tổ chức lễ Tết cho Phật; dẫu sao đây cũng là một lý do dễ thương. Tâm còn bám chấp bề khổ, biết yêu thương mọi người, khuyến người hướng về nẻo thiện cũng là một “pháp môn” vậy.

Tôi may mắn được “gặp Phật” ở một ngôi chùa làng ẩm cúng, đêm đêm cùng đạo tràng niệm Phật thanh lọc ưu phiền. Có lẽ không nhất thiết phải nêu tên chùa; cái tên chỉ để gọi chứ không phải danh vị cao sang. Đạo tràng nơi đây thật đặc biệt. Mỗi chục năm rằm tháng ba mươi ngày tối nào cũng niệm Phật với đủ giai tầng xã hội. Riêng điều này đã rất hiếm so với hàng trăm ngôi chùa khác ở chốn Thiền kinh.

Ước mong gieo thiện duyên với người dân mỗi lần ngang qua chùa và nhất là đón quý Phật tử gần xa, cả đạo tràng lên kế hoạch dựng lễ đài từ trước Tết hàng chục ngày. Ai đều vất vả kiếm sống; người làm ra càng nhiều tiền nghỉ ngày nào tiếc ngày đó song đều phát tâm năng nổ phụng sự. Từ gã thợ mộc, tay thợ điện, anh thợ vi tính, người cắm hoa cho đến kẻ lao công, tất thảy đều hướng thượng



với tấm lòng thành kính. Chợt nhớ câu chuyện trong kinh: Thời Đức Phật ở tinh xá Kỳ Hoàn, vua A-xà-thế theo lời khuyên của quần thần đã đem rất nhiều đèn cúng dường, nhưng không bằng công đức của một bà lão ăn xin cúng năm xu tiền dầu. Đây là sự cúng dường với tâm thuần thành gần như cả gia sản của bà lão; còn vua A-xà-thế cúng vô vàn đèn song tính ra chỉ một phần nhỏ xíu trong gia sản, và quan trọng là tâm không thuần thiện. Việc cúng dường trước hết phải từ sự rung động trước ân sâu của chư Phật, việc bố thí phải từ tâm thương yêu kẻ nghèo và chúng sanh trong các đường khổ mới viên mãn phước đức. Đã người tu ai chẳng hành thiện, song hành thiện chưa hẳn là người tu. Rất nhiều người đến chùa cúng dường bằng đồng tiền không sạch lại với mục đích cầu lợi trong lúc không chịu nghe và hành theo lời Phật dạy về thập thiện, ngũ giới, xem Phật như thần thánh quan tham...

Ngôi chùa làng tôi may mắn kết duyên, qua thời gian ngắn mới thấm thía nguyện lực từ bi của Phật. Kể cả tà ma ngoại đạo cũng là đối tượng cứu độ của Ngài. Ý của Hòa thượng Tuyên Hóa: phần lớn tâm Phật chính là từ tâm ma quỷ mà tu thành. Anh em Phật tử trong chùa vẫn đùa nhau, rằng chỉ ở đây mới tiếp đãi những cá nhân quá đặc biệt. Một người được xác định “vướng âm” khiến gia đình đau đầu nhức óc. Lần ấy tạt vào chùa uống trà, thế là dính luôn, không đêm nào vắng, lặng lẽ đến, xong thời công phu lại lặng lẽ về. Ít nhất có bốn trường hợp bệnh viện xác định “K”, họ kiên trì đến chùa niệm Phật cùng đạo tràng, một thời gian bệnh thuyên giảm và có người lành được hai mươi năm tính cho đến nay! Lại có trường hợp “ma men” quấy từ nhà ra chợ, công an cũng bó tay. Lần nữa sao một hôm “đi lạc” vào chùa. Thời gian đầu chẳng ai dám ngồi gần, mà có phải ngồi gần cũng không thể nhiếp tâm niệm Phật bởi gã quá hôi... Giờ con người ấy khác nhiều. Sân chùa sạch sẽ một phần nhờ anh quét dọn, lúc chùa dựng sự thì khỏi nói đến mức độ năng nổ.

Mỗi đêm cứ đúng bảy giờ, tiếng chuông và mõ vang lên, sau bài sám hối là câu Phật hiệu nối nhau nhấp nhô dội sóng. Thời nay ngành vật lý đo được sóng âm dao động trong vũ trụ; thí nghiệm cho thấy câu Nam-mô A-di-đà Phật mỗi lần được niệm (niệm thầm hay ra tiếng đều phải lắng tâm nghe rõ), sóng âm lan xa vô tận sẽ khiến không gian trở nên nhuần nhị, thanh lọc *thân* và *tâm* bệnh hoạn. Nếu ai chuyên chú niệm Phật ít năm sẽ trở thành một con người hoàn toàn khác, tương ứng với tánh đức bởi chúng sanh vốn dĩ có Phật tánh.

Ngày đầu tiên bắt tay vào trang trí chùa thật ý nghĩa. Sáng đó một đạo tràng viên chiêu đãi cà-phê. Bên hiên chùa, mọi người thưởng thức hương vị thơm ngát của loại cà-phê rang xay thứ thiệt không pha trộn; sau đó nhấp ly trà đậm. Việc quan trọng là làm sạch chánh điện.

Bụi bám ở các tấm kính đặt tượng, mạng nhện; các đồ thờ, lọ hoa được phía nữ nhẹ nhàng đưa xuống lau rửa sạch, những tượng Phật, Bồ-tát sẽ được phái nam lau riêng bằng những chiếc khăn mới, tay làm miệng niệm Phật giữ tâm thanh tịnh. Thứ đến là bệ đặt tượng Phật trước sân chánh điện. Mấy năm trước có một người dỡ nhà thay kèo cột, anh em Phật tử ngỏ lời xin và họ vui vẻ cúng dường; đạo tràng nhờ thợ mộc làm bệ đánh dấu kỹ lưỡng từng bộ phận. Trong hoàn cảnh khó khăn, một thanh niên đề xuất ý tưởng mua rá nhựa úp hai cái lại một, thêm hai viên rua rồi luồn đèn quả ớt vào trong, giảm chi phí đáng kể so với đèn lồng mà vẫn sinh động.

Cây mùa xuân là điểm nhấn trước sân chánh điện. Một cây kiểng đẹp được cất tía nghệ thuật, sau đó gắn lên những phong bì chúc Tết có hình Phật Di-lặc cười, bên trong là tờ bạc mới kèm theo câu kinh/kệ hay lời khai thị ngắn gọn nhẹ nhàng. Ví như “Niệm Phật một câu phước sanh vô lượng/ Lạy Phật một lạy tội diệt hằng sa”. Đức Phật từng dạy, tội lỗi của chúng sinh tích từ vô thủy, nếu có hình tượng sẽ đẩy cả hư không. Lạy Phật, niệm Phật, phóng sanh, bỏ ác tích thiện là phương pháp tối ưu trừ vọng tưởng, tiêu bớt nghiệp chướng, sớm nhẹ gót phiêu du. Đầu năm hướng về Tam bảo, quang cảnh ở chùa đầy quá khiêm tốn so với Cực lạc, song cũng khiến lòng người thanh thoát...

Lúc kết thúc công việc trang hoàng, cũng là buổi tất niên. Những chiếc chiếu sạch sẽ trải ra. Trà, bánh và hoa quả. Ông Trưởng ban Hộ tự lễ tạ ân đức chư Phật rồi chung vui cùng đạo hữu, ôn lại những ngày đầu gian khổ đến nhận chùa từ ban quản lý của làng. Hồi đó cỏ dày đặc tốt ngang người. Rồi bao rắc rối chưa giải quyết thấu triệt, kinh tế chùa eo hẹp. Nhưng rồi trời ngày một sáng. Những đêm cuối năm nhiều Phật tử đến ngủ lại chùa, ngồi với nhau bên chén trà khuya. Đêm giao thừa anh em còn được các o chiêu đãi bữa chay thịnh soạn. Bếp chùa ở hậu liêu đủ mười người cùng nhau phục vụ những hôm đại lễ vài trăm suất ăn. Nhìn cảnh Phật tử từ trẻ đến già quây quần bên bếp lửa củi làm lụng chuyện trò ngỡ mình được trở lại quê nhà trong một buổi gặp đặc biệt của đại gia đình.

Từ chiều ba mươi, bàn thờ Phật ở mỗi nhà đã sạch sẽ, nhiều hoa tươi, trái cây; người nghèo chỉ cần thành kính dâng lên ly nước trong cũng khiến Phật ngợi khen. Người rồi tới chùa dự khóa thường lệ, người bận việc thì đến vào tầm mười một giờ hơn. Ai nấy áo tràng trang nghiêm, chấp tay hướng về chánh điện, lễ bắt đầu bằng hồi trống chuông bát-nhã. Chuông vang, trống dồn hòa theo tiếng mõ trầm ấm, nhắm mắt bỗng thấy làng làng huyền nhiệm. Vào phút giao thời, cả đạo tràng nguyện đem công đức hồi hướng về khắp tất cả chúng sanh và đệ tử an lạc, âm siêu dương thái. Mọi người cùng lễ Phật và an tọa niệm hồng danh Đức Từ Phụ. Tiếng niệm kết thành sóng âm lan xa xô dạt chướng khí, dọn đường cho một ngày mới tinh khôi. ■



Từ bí với cây

CAO HUY HÓA

Mùng xuân, đón Tết, chúng ta không chỉ sum họp, vui chơi với gia đình và người thân, mà còn tưởng nhớ những người đã khuất. Dầu ta vui với cuộc sống trước mắt hoặc bận rộn với cơm áo gạo tiền, thì cũng cần có vài dịp như Tết, giỗ, chạp... để ta tĩnh tâm và cảm niệm người quá cố... Thế nhưng, có người đã sống hàng ngày với những người thân đã mất, không phải với tình cảm ầu sầu, mà đầy lòng mến thương và tin yêu cuộc sống. Chuyện bên nước Anh xa xôi...

Bà Judi Dench đã tạo lập một khu rừng ở phía sau nhà, rộng khoảng 6 acres (1 acre tương đương 0,4 hecta) trên đó bà trồng cây để tưởng niệm những người bạn, bà con và đồng nghiệp đã mất. Bà đã tiết lộ chuyện đó trong khi thực hiện một phim tài liệu.

Vị nữ diễn viên đã 82 tuổi này cho biết bà đã trồng cây như thế từ hàng mấy chục năm nay. Bà đã lấy tên người thân để đặt tên cho cây, và bà xem những cây đó như là "gia đình mở rộng" của bà. Cây này là diễn viên Ian Richardson, bên cạnh là cây Natasha Richardson, hai cây này cũng là đôi vợ chồng; và đặc biệt có một cây để tưởng niệm người chồng sau cùng của bà, mất năm 2001. Bà ngâm ngữ: "Tôi bắt đầu trồng cây ở đây, cùng với người chồng Michael Williams, cũng là diễn viên. Mỗi lần bà con hay bạn bè mất, tôi trồng một cây. Trồng cây để tưởng nhớ người; và đối với tôi, có cái gì đó đang sống và tiếp diễn. Kỷ niệm cứ thế trôi đi và mang lại điều kỳ diệu cho cuộc sống".

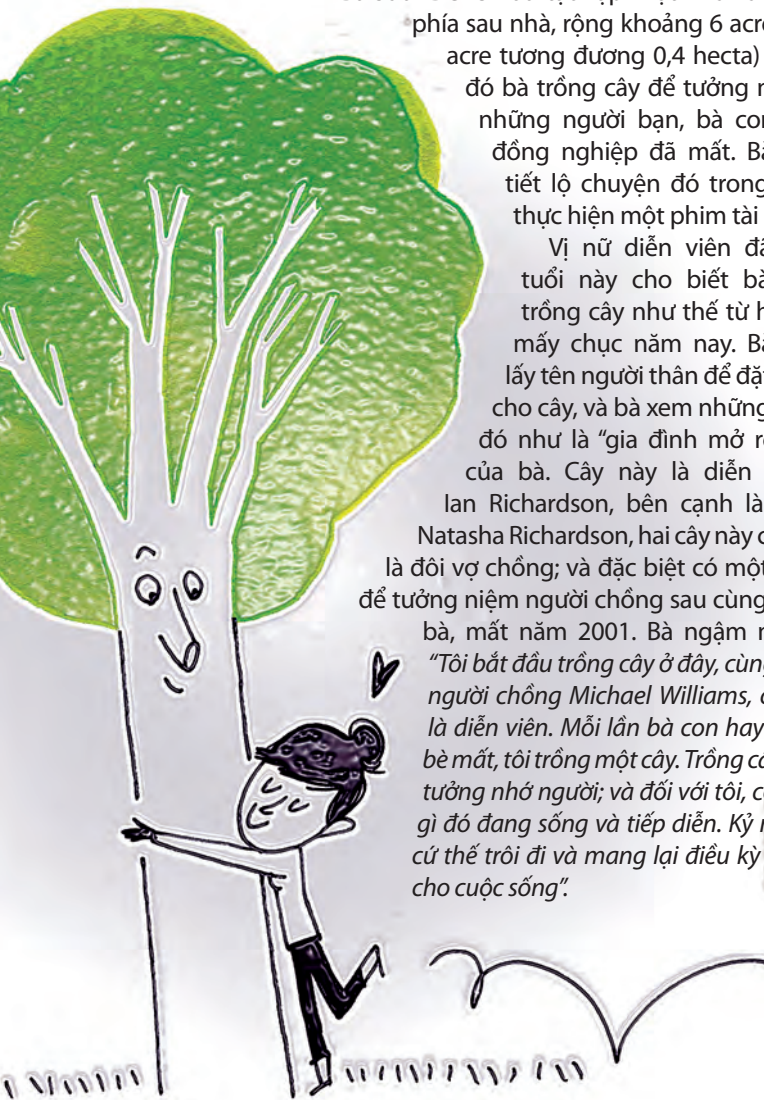
Để thực hành lời nguyện trồng cây, bà Judi đã trải qua một năm bên cạnh ông Tony Kirkham, Giám đốc Vườn Bách thảo Hoàng gia Anh để học về chu trình đời sống cây hàng năm, và hiểu được cây liên thông rộng trong mạng lưới dưới đất như thế nào.

Những người làm phim chăm chú đi theo bà khi bà dùng máy ghi âm nhỏ đặc biệt để nghe âm thanh nhựa cây chảy luân lưu trong thân cây sồi. Bà đã khoe một cây sồi to cao ở giữa khu vườn của bà, và cho biết mới phát hiện cây này đã sống từ thời cuộc chiến Waterloo¹. Bà Judi bảo việc làm phim tài liệu này đã hoàn toàn thay đổi cái nhìn của bà về cuộc sống của cây.

"Bên dưới bước chân ta là một mạng lưới khổng lồ. Không chỉ nó có thể gửi thông điệp, mà nó có thể chia sẻ thức ăn và nước giữa các cây với nhau", bà nói. *"Tôi yêu cây suốt đời, nhưng ngày nay tôi sẽ không nhìn cây như hồi trước, và tôi sẽ không bao giờ đi dưới rừng cây một cách hờ hững nữa. Tôi sẽ không bao giờ nghĩ về cây như là những cá thể. Một khu rừng là một xã hội đặc biệt. Mỗi cây chia sẻ và trao đổi chất với những cây khác. Khi tôi trồng cây để tưởng niệm bạn bè và người thân, tôi luôn luôn tin rằng cây là một phần của cộng đồng, rằng cây liên thông với nhau. Và bây giờ bảo đảm tôi đã tìm ra sự thật".*

Bà Judi Dench khởi đầu đã sử dụng cây như là vật chứng cho tình cảm mến thương những người thân thiết - trông cây nhớ người đã khuất - thể rồi tình cảm đó dẫn đến việc bà quan tâm đến cây nhiều hơn, và khát khao khám phá thế giới bí ẩn của cây. Thế giới đó càng ngày càng lộ dạng với tiến bộ khoa học do những nhà khoa học đam mê về cây, để họ sống sờ trước sự thật: cây có những giá trị nội tại trong thế giới của nó, cũng như người. Cây là thực thể sống, có tri giác, có niềm đau, có quan hệ liên đới, có cuộc sống xã hội, có tình mẹ con. Xưa nay, chúng ta đồn cây, chặt cành, nào có biết cây đau, nào có biết những cây đồng loại trong rừng mất mát như ta mất mát người thân?

Nhưng dầu sao khoa học cũng chỉ là chứng thực những gì mà con người, từ xa xưa, với cái nhìn siêu hình và tín ngưỡng, đã thấy "thần" trong cây. Trong thần thoại Hy Lạp, có thần nữ Hamadryad, được sinh ra từ cây, chuyên sống trên cây. Nhiều dân tộc và tôn giáo đã có những truyền thuyết, chuyện thần thoại, chuyện cổ tích về cây, không hẳn là hoang đường. Trong kho tàng chuyện cổ Phật giáo, có những chuyện do Đức Phật thuyết để dạy đệ tử sống theo Chánh pháp. Hẳn là bà Judi Dench, vốn



đã thương cây, làm bạn với cây, sẽ thấu cảm ông thần cây và vị vua như câu chuyện dưới đây, để từ bi hơn nữa với chúng sinh.

Ngày xưa, có một ông vua muốn xây một cung điện thật lớn cho mình. Một hôm, ông triệu tập quần thần và ra lệnh: *“Hãy đi vào những khu rừng và tìm cho ta những cây cổ thụ to lớn nhất để ta xây dựng cung điện”*.

Các quan vâng lệnh, đi vào rừng sâu và đã tìm thấy một cây theo như ý của vua. Nó to lớn và đứng sừng sững giữa những đám cây. Đêm đó, họ trở về và tường trình cho vua: *“Tâu bệ hạ, chúng tôi đã tìm ra được một cây cao lớn theo như ý bệ hạ muốn. Ngày mai, chúng tôi sẽ trở lại khu rừng đó và đốn nó”*.

Vua nghe xong, lấy làm hài lòng lắm. Đêm hôm đó, vua mơ thấy một giấc mơ lạ: Một vị thần sống trong thân cây cao lớn đó xuất hiện trước mặt vua và nói: *“Tâu bệ hạ, xin ngài đừng chặt nơi ở của tôi. Nếu ngài hạ thân cây, thì mỗi vết cắt sẽ làm tôi đau đớn và tôi sẽ chết mất”*. Nhưng vua trả lời: *“Ông là cây tốt nhất trong tất cả các cây. Tôi cần phải dùng nó để xây cất cung điện của tôi”*.

Vị thần cố thuyết phục, nhưng vua không nghe và nhất định sẽ chặt cây ấy. Cuối cùng, vị thần cây nói với vua: *“Thôi được, ngài cứ việc chặt nó. Thế nhưng ngài hãy chặt như sau: Xin ngài đừng chặt sát gốc như người ta vẫn thường làm. Ngài hãy sai người leo lên từng ngọn cây và cắt từng khúc một. Cắt cho đến khi nào hết thân cây thì thôi”*.

Vua rất lấy làm ngạc nhiên và nói: *“Nếu tôi sai người làm như lời ông nói và cắt thân cây nhiều lần như vậy, nó sẽ làm cho ông đau đớn, nhiều hơn là chỉ cắt một lần ở dưới gốc cây”*.

Vị thần đáp: *“Vâng, bệ hạ nói rất đúng. Song nếu ngài làm theo lời đề nghị của tôi thì sẽ tốt hơn cho các sinh vật khác trong rừng. Ngài biết đấy, cây của tôi thì rất cao lớn. Nếu nó đổ xuống sẽ chiếm một khoảng rộng, những cây nhỏ hơn sẽ bị đè bẹp và sẽ giết chết những con vật nhỏ. Những con chim và thú sẽ mất chỗ ở của chúng và nhiều cây nhỏ sẽ bị tàn phá. Nhưng nếu ngài cắt từng đoạn một, nó sẽ không làm tổn hại nhiều loài vật khác”*.

Ngay lúc ấy, vua giật mình tỉnh giấc. Vua nghĩ: *“Vị thần này sẵn sàng chịu đau đớn khi bị cắt làm nhiều khúc để cho những con vật bé nhỏ trong rừng không bị khổ đau. Ôi, thật là con người giàu lòng thương yêu loài vật! Và thật là ích kỷ làm sao, khi ta lại muốn hạ thân cây ấy để thỏa mãn dục vọng và sự kiêu hãnh của ta! Thay vì đốn nó, bây giờ ta sẽ tôn vinh nó. Giấc mơ này đã dạy ta phải biết thương yêu và tử tế đối với người, vật và cây”*.

Ngày hôm sau, vua đi vào trong rừng và trang hoàng cho cây ấy. Từ đó về sau, vua trở thành một vị vua nhân từ được nhân dân hết sức thương kính.

oOo

Câu chuyện trên là một bài học về từ bi. Có từ bi, con người mới thương mọi chúng sinh, có từ bi con người mới chia sẻ nỗi đau với chúng sinh, như ông thần cây sợ cây đổ sẽ nhẫn tâm giết các sinh vật sống nhờ cây và tàn hại các cây nhỏ.

Ông thần cây không chỉ là một sản phẩm của trí tưởng tượng mà là hiện thân của những gì mà con người chưa hiểu hết thế giới của cây, cũng như con người chưa hiểu hết thế giới loài vật. Tuy nhiên, dầu biết nhiều hay biết ít, mọi người đều phải nhận ra chân lý: con người, loài vật, cây cỏ, thiên nhiên, vũ trụ... đều tương liên, nương nhau mà sống, tôn trọng nhau mà sống.

Trong câu chuyện trên, ông vua đã trở nên nhân từ vì biết thương quý cây. Tiếc thay, trong thời đại ngày nay, lòng tham của con người đã không ngó ngàng đến thân cây - và như thế cũng bất chấp lợi ích của loài người - để cây phải gục ngã hàng loạt, chảy máu rừng, khiến rừng không giữ được nước, và không ngăn chặn được lũ lụt, làm cho nhân dân điêu đứng; và trên bình diện toàn cầu, nạn phá rừng đã phá vỡ cân bằng sinh thái, làm nóng thêm hành tinh. Ngoài ra, thần cây sao không biết nổi giận khi bị hóa thân thành những kiến trúc gỗ hoành tráng, những biệt phủ vương giả, để cảnh tỉnh những người đua đòi vật chất, phung phí xa hoa?

Trong hoàn cảnh loài người phải hứng chịu biết bao thiên tai, phần lớn do con người gây ra, cần lắm thay những ông vua nhân từ để cảm hóa xã hội, cần lắm thay những bà Judi Dench để thương cây nhiều hơn. Trong kinh *“Lời dạy cuối cùng của Đức Phật”*, Ngài đã dạy: *“Không được chặt đốn cây cối, đào đất, móc hang...”*. Ngày nay, không thể tránh việc đốn cây, nhưng đốn cây chỉ phục vụ lợi ích thiết thực cho nhu cầu sống, không đốn cây để phá rừng, làm tổn hại môi trường; và chẳng, việc đốn cây phải song song với trồng cây, chăm sóc cây. Chính lòng tham của con người đã làm khổ con người và mọi chúng sinh, vì thế, cũng trong kinh đó, Đức Phật dạy: *“Người nào tham muốn nhiều thì nhu cầu lợi dưỡng cũng nhiều, do vậy mà đau khổ càng tăng”*; *“Pháp biết đủ là cơ sở của sự an lạc, hạnh phúc và sung mãn”*.

Xuân về, lòng người phơi phới, cây cối đâm chồi nảy lộc, hoa lá tỏa hương khoe sắc, người con Phật không những nhìn cây như để thụ hưởng cảm quan thẩm mỹ và nghệ thuật, mà còn mở lòng ra thiên nhiên, trong đó mỗi thực thể sinh vật, cây cỏ... đều có cuộc sống kỳ diệu - hiển hiện hoặc ẩn tàng - cần được tôn trọng, như thế vui xuân mới thật là bao la, phóng khoáng, “của trời trăng gió kho vô tận”. ■

Chú thích:

1. Trận Waterloo là trận đánh tại Waterloo (ngày nay thuộc Bỉ) vào ngày 18 tháng 6 năm 1815, giữa quân Pháp của hoàng đế Napoleon I với quân Anh, Phổ và đồng minh. Quân Pháp đại bại, và đưa đến chấm dứt vương triều 100 ngày của vua Napoleon I.

Tài liệu sử dụng:

- Sarah Knapton, *“Dame Judi Dench: My life now is just trees. Trees and champagne”*, Telegraph online, 12/7/2017.

- *Cuộc đời của Đức Phật*, nguyên tác: Johnathan Landaw, bản dịch: HT.Thích Trí Chơn, website Thư viện Hoa Sen.



Tăng thượng an lạc

NGUYỄN AN

Với kinh nghiệm của một bậc Giác ngộ, Đức Phật nói cho chúng ta rằng con người có khả năng sở hữu nhiều niềm vui hay cảm thức an lạc vi diệu hơn và thù thắng hơn những gì mà nhân loại từng kinh nghiệm¹. Đó là những niềm vui hay các cấp độ an lạc thanh thoát phát sinh do nỗ lực chuyển hóa và thanh lọc nội tâm, tu tập tâm, phát triển tâm, khiến cho tâm đạt đến trong sáng, đạt đến định tĩnh, đạt đến tăng thượng, đạt đến giải thoát. Tùy thuộc vào công phu chuyển hóa và phát triển tâm thức mà an lạc phát sinh và tăng trưởng theo các cấp độ khác nhau. Ngoài các lạc thú trần thế gọi chung là hạnh phúc thế gian, bậc Giác ngộ nói đến các cấp độ an lạc thù thắng mà con người có thể chứng nghiệm, cơ bản do chuyển hóa và thanh lọc tâm, gọi là Tăng thượng tâm - Tăng thượng an lạc.

Tăng thượng an lạc (*Adhisukha*) nghĩa là hạnh phúc hưởng thụ hay nâng cao giá trị hạnh phúc gắn liền với Tăng thượng tâm (*Adhicitta*), là hệ quả của tiến trình tu học theo giáo pháp Giới-Định-Tuệ của Đức Phật. Đạo Phật - Bát Thánh đạo - được biết là nếp sống Tăng thượng giới (*Adhisila*), Tăng thượng tâm (*Adhicitta*), Tăng thượng trí tuệ (*Adhipanna*), có công năng giúp cho con người nâng cao giá trị an lạc trên nền tảng nâng cao các phẩm chất giác ngộ tự nội. Đức Phật chủ trương nâng cao giá trị hạnh phúc trên cơ sở nâng cao giới đức, tâm đức và tuệ đức của con người.

Để giúp cho mọi người nhận rõ lối đi của Tăng thượng tâm - Tăng thượng an lạc, đạo Phật phân biệt rõ các cấp độ hạnh phúc khác nhau, gồm dục lạc (*kāmasukha*), thiện lạc (*kusaladhammasukha*), thiền lạc (*jhānasukha*) và giải thoát lạc (*vimokkhasukha*).

Dục lạc (*Kāmasukha*) nghĩa là hạnh phúc hay lạc thú thế gian, bao gồm các đối tượng ham muốn thường tình của con người, như tiền tài vật chất (tài), danh vọng quyền lực (danh), sắc đẹp khác phái (sắc), ăn uống no say (thực), ngủ nghỉ êm ái (thùy), hay còn gọi là các khoái cảm giác quan sinh khởi do duyên tiếp xúc với sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu. Đây là loại lạc thú mang tính đặc trưng và hấp dẫn nhất trong thế giới con người đến độ nó được xem như một căn bệnh phổ biến của loài người: bệnh tham dục. Bậc Giác ngộ xác chứng:

*"Thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham dục"*².

Dục lạc có công năng kích thích đời sống con người, thôi thúc các hoạt động tạo tác của con người, kích động bản năng ham muốn và làm tăng trưởng lòng tham không giới hạn của con người. Đạo Phật gọi các đối tượng kích thích như vậy là các dục trưởng dưỡng (*kāmaguṇa*), tức các yếu tố quyến rũ, hấp dẫn, gây cảm kích, tạo khoái lạc, làm lớn mạnh lòng tham hay dục vọng của con người. Đức Phật nêu định nghĩa về dục lạc:

*"Này Ananda, có năm dục trưởng dưỡng này. Thế nào là năm? Các sắc pháp do nhãn căn nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân cảm xúc, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn. Này Ananda, như vậy là năm dục trưởng dưỡng. Này Ananda, duyên năm dục trưởng dưỡng này khởi lên lạc và hỷ, như vậy gọi là dục lạc"*³.

Theo kinh nghiệm của Đức Phật thì dục lạc có vị ngọt (*assada*) làm say đắm lòng người nhưng chúng nguy hiểm (*ādinava*), vì chúng là nguyên nhân gây nên nhiều tổn thất và bất hạnh lớn cho con người⁴. Bậc Giác ngộ định danh dục lạc là *"vui ít, khổ nhiều, náo nhiễu, sự nguy hiểm càng nhiều hơn"*⁵, bởi dục lạc làm lớn mạnh lòng tham gây nên nhiều phiền muộn khổ đau cho con người và cuộc đời. Đại kinh Khổ uẩn thuộc tuyển tập *Trung bộ* nêu một loạt các hậu quả nguy hại do lòng tham hay dục vọng gây ra:

- Khiến cho con người lao tâm khổ tứ, làm việc vất vả cực nhọc, thức khuya dậy sớm, chịu nắng chịu mưa.

- Rơi vào sáu muện khổ não, nếu công ăn việc làm bị thất bại.

- Lo lắng tài sản bị tổn thất bởi nạn trộm cướp, bởi quan lại những nhiễu, bởi thiên tai hỏa hoạn hay bởi con cái phá tán.

- Rơi vào các việc làm xấu ác, vi phạm pháp luật khiến bị tù tội, chịu nhiều cực hình tra tấn khổ đau.

- Rơi vào tranh chấp cãi vã xâu xé lẫn nhau giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em hay giữa bạn bè với nhau chỉ vì mục đích thỏa mãn dục vọng.

- Tranh chấp dòng tộc, đấu tranh giai cấp dẫn đến đả thương, tàn sát lẫn nhau vì lý do danh vọng quyền lợi không được chia đều.

- Tranh chấp lãnh thổ, xâm chiếm đất đai, chiếm đoạt tài nguyên giữa các quốc gia hay các khối chủ nghĩa khiến chiến tranh, hận thù xảy ra gây chết chóc khổ đau cho vô số người.

- Tạo các ác nghiệp về thân, về lời, về ý do duyên dục vọng nên sau khi thân hoại mạng chung, bị tái sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Do dục lạc (*kāmasukha*) là nguyên nhân gây nên nhiều phiền toái khổ đau cho con người và cho cuộc đời, Đức Phật gọi loại lạc này là hạnh phúc có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, đưa đến tranh chấp, đáng sợ hãi, không nên tìm cầu, không nên làm cho sung mãn, cần hạn chế, cần nhiếp phục, cần buông bỏ (*nissarana*)⁶. Ngài xem dục lạc là ô uế lạc (*mīlasukha*), phàm phu lạc (*puthujjanasukha*), phi Thánh lạc (*anāriyasukha*)⁷, tức các lạc thú làm ô uế tâm thức con người, khiến cho con người trở nên hèn hạ tầm thường, không nâng cao phẩm giá của con người.

Thiện lạc (*Kusaladhammasukha*) tức là niềm vui của lẽ sống tuân theo thiện pháp hay hạnh phúc phát khởi do sinh sống chân chánh đúng pháp, nỗ lực làm các việc lành, làm các công đức. Đây cũng là hạnh phúc thế gian, được thực nghiệm bởi người gia chủ tầm cầu tài sản đúng pháp; sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, chia sẻ và làm các công đức. Người ấy hưởng thọ các tài sản ấy, không có tham đắm, không có đắm say, không có mê loạn, thấy được sự nguy hại, có xuất ly với trí tuệ⁸. Bản kinh Không nợ thuộc tuyển tập *Tăng chi bộ* để cập một người gia chủ biết đầu tư làm ăn hợp pháp, thu hoạch nhiều tài sản, rồi dùng lợi tức ấy nuôi sống gia đình vợ con, phụng dưỡng mẹ cha, chia sẻ bố thí cho nhiều người khác, nhờ đó có được bốn loại lạc:

1. Lạc sở hữu: Nghĩa là vị ấy sinh sống chân chánh đúng pháp, thu hoạch được tài sản và nghĩ về thành quả ấy mà sinh tâm hoan hỷ.

2. Lạc tài sản: Vị ấy sinh sống chân chánh đúng pháp, thu hoạch được tài sản và dùng tài sản ấy vào việc thọ dụng, chia sẻ, bố thí, cúng dường nhờ đó có được hân hoan hỷ lạc.

3. Lạc không mắc nợ: Vị ấy sinh sống chân chánh đúng pháp, không mắc nợ ai điều gì và do đó cảm thấy được an ổn an lạc.

4. Lạc không phạm tội: Vị ấy sinh sống chân chánh đúng pháp, không phạm phải các lỗi lầm về thân, về lời, về ý, hiểu rõ mình không phạm tội do đó đạt được niềm vui lớn.

Như vậy, thiện lạc là hạnh phúc thế gian mà người cư sĩ có thể thành tựu trên cơ sở nỗ lực tầm cầu tài sản đúng pháp, tạo dựng của cải vật chất chính đáng, thể hiện lối sống thiếu dục tri túc, hân hoan chia sẻ lợi ích vật chất với nhiều người khác, chuyên tâm làm các việc lành, làm các việc công đức. Đạo Phật khuyến khích loại hạnh phúc này bởi nó đi đôi với thiện, đi đôi với nếp sống có giới đức và tiết độ, đi đôi với hiểu biết chia sẻ và mở tâm bố thí, đi

đôi với công đức làm lành lánh dữ. Có thể nói rằng thiện lạc là hạnh phúc thế gian nhưng khác với dục lạc, vì loại hạnh phúc này gắn liền với giới đức và trí tuệ, gắn liền với thiếu dục tri túc, gắn liền với từ tâm bố thí, gắn liền với nhiếp hóa lòng tham. Có thể xem đây là bước chuyển hóa và thăng hoa tâm thức căn bản mà người cư sĩ có thể thực hiện trong đời sống tại gia vốn có nhiều bồn phận và trách nhiệm phải làm đối với gia đình và xã hội. Đức Phật tán dương lối sống đưa đến thiện lạc:

*Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,
Khéo huấn luyện, học tập,
Nói những lời khéo nói,
Là điềm lành tối thượng.
Hiếu dưỡng mẹ và cha,
Nuôi dưỡng vợ và con,
Làm nghề không rắc rối,
Là điềm lành tối thượng.
Bố thí, hành đúng pháp,
Săn sóc các bà con,
Làm nghiệp không lỗi lầm,
Là điềm lành tối thượng.
Chấm dứt, từ bỏ ác,
Chế ngự đam mê rượu,
Trong pháp, không phóng dật,
Là điềm lành tối thượng⁹.*

Thiền lạc (*Jhānasukha*) nghĩa là niềm hân hoan an lạc nội tâm, đạt được nhờ chuyển hóa và thanh lọc tâm thông qua hành Thiền. Đây là phương pháp chuyển hóa tâm thức rất quan trọng, làm phát sinh các cấp độ an lạc tinh tế sâu lắng thuộc nội tâm (*ajjhattasukha*), có khả năng làm thay đổi cảm thức của con người về kinh nghiệm hạnh phúc. Đức Phật khuyên gia chủ Anāthapindika thực nghiệm cho được Thiền lạc, bên cạnh các thiện lạc mà vị cư sĩ này đã có được nhờ nếp sống cúng dường bố thí và giữ giới. Theo kinh nghiệm của Đức Phật thì Thiền lạc có khả năng đối trị và nhiếp phục dục lạc¹⁰, vì Thiền lạc vi diệu, thù thắng¹¹ và an ổn hơn dục lạc¹². Bậc Giác ngộ đánh giá cao Thiền lạc, gọi hành Thiền (*jhānabhavanā*) là Tăng thượng tâm (*adhicitta*) và hiện tại lạc trú (*ditthadhammasukhavihāra*), tức sự thăng hoa tâm thức và sống an lạc ngay trong hiện tại. Sau đây là các minh họa về Thiền lạc¹³:

- Cảm giác sung sướng hân hoan do gột rửa tâm khỏi năm triền cái (tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hỷ, nghi ngờ), như người mắc nợ thoát khỏi nợ nần, như người bệnh thoát khỏi bệnh tật, như người tù được trả tự do, như người nô lệ thoát khỏi cảnh nô lệ, như người buôn bán qua sa mạc được an toàn: “*Này các Tỷ-kheo, như một người mắc nợ liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ... Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, như một người bị bệnh, đau đớn, trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian, người ấy khỏi bệnh, ăn uống*

tiêu thông, thể lực khôi phục... Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Đây các Tỷ-kheo, như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy sau một thời gian được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn... Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Đây các Tỷ-kheo, như một người nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy sau một thời gian thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, được tự do đi lại... Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Đây các Tỷ-kheo, như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc. Người ấy sau một thời gian đã đi khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng, yên ổn, không có nguy hiểm, tài sản không bị tổn giảm... Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự mình quán năm triển cái chưa xả ly, như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường qua sa mạc. Đây các Tỷ-kheo, cũng như không mắc nợ, không bị bệnh tật được khỏi tù tội, được tự do, đến được đất lành yên ổn. Đây các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán năm triển cái khi chúng được diệt trừ.”

- Lạc sơ thiên: “Vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp chúng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Vị ấy thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Đây các Tỷ-kheo, như một người hầu tắm lão luyện, hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, trào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.”

- Lạc đệ nhị thiên: “Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chúng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Đây các Tỷ-kheo, ví như một hồ nước, nước từ trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra, thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh thấm nhuần.”

- Lạc đệ tam thiên: “Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là “xả niệm lạc trú”, chúng và trú Thiền thứ ba. Vị ấy thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy

thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Đây các Tỷ-kheo, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần, tắm ướt, tràn đầy thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.”

- Lạc đệ tứ thiên: “Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chúng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần. Đây các Tỷ-kheo, ví như một người ngỗng, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy ngỗng thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.”

Các mô tả và minh họa về bốn trạng thái Thiền trên đây của Kinh tạng Pali cho chúng ta một hình ảnh sống động về kinh nghiệm hạnh phúc an lạc của pháp môn hành Thiền. Một người hành Thiền tức là một người đang sống trong hạnh phúc an lạc. Vị ấy hạnh phúc an lạc bởi thân tâm vị ấy được thấm nhuần, tắm ướt, tràn đầy với hỷ lạc do ly dục sanh, với hỷ lạc do định sanh, với xả niệm lạc trú và với xả niệm thanh tịnh. Kinh tạng Pali ví người hành thiền giống như một người đứng trên núi cao, có thể hít thở không khí trong lành và thưởng thức vẻ đẹp của một cảnh quan thiên nhiên rộng lớn, so với cảm thức giới hạn của người không hành thiền, đứng dưới chân đồi¹⁴.

Như vậy, hành Thiền là bước chuyển hóa và thực nghiệm tâm linh to lớn với kết quả thân được khinh an, thoái mái, tâm được hân hoan, định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản. Chính trên nền tảng một tâm thức được khéo huấn luyện như vậy mà hành giả có thể dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lậu tận minh nhằm đoạn tận các lậu hoặc, thành tựu quả vị giải thoát giác ngộ.

Do Thiền lạc có khả năng làm trong sáng và an tịnh nội tâm, giúp cho người thực hành thành tựu trí tuệ đưa đến đoạn tận các lậu hoặc, Đức Phật xem loại lạc này là lạc thọ hợp pháp (*dhammikasukha*), tức xuất ly lạc (*nekkhammasukha*), hạnh phúc của sự từ bỏ dục lạc; an tịnh lạc (*upasamasukha*), niềm vui của tâm thức an tịnh, vắng bật các cấu uế tham-sân-si hay năm triển cái; độc cư lạc (*vivekasukha*), hạnh phúc của nếp sống thanh tịnh

vắng lặng; Chánh giác lạc (*Sambodhasukha*), niềm vui có khả năng đưa đến giác ngộ¹⁵. Cũng theo lời Phật thì Thiên lạc là loại hạnh phúc không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, không đưa đến tranh chấp mà mọi người nên thực hành, nên tu tập tập, nên làm cho sung mãn trong đời sống hàng ngày¹⁶.

Giải thoát lạc (*Vimokkhasukha*) nghĩa là hạnh phúc của tâm thức giác ngộ, bắt dứt các cấu uế tham-sân-si, thoát khỏi các lậu hoặc và kiết sử, đạt đến hoàn toàn tịch tịnh, an nhiên tự tại, không còn bị quy luật vô thường sanh diệt làm cho phiền muộn khổ não. Đó là niềm an tịnh tuyệt đối của Niết-bàn, vượt ra ngoài mọi cảm thức hạnh phúc thông thường của thế gian, được chứng nghiệm bởi những người đã hành sâu Bát Thánh đạo, đã đạt đến Chánh trí và Chánh giải thoát, tức đã đạt đến liễu tri và đoạn tận khổ đau.

Nói cách khác, đó là lẽ sống tịch tịnh, giải thoát, an nhiên tự tại của những người đã chứng ngộ sự thật duyên sinh, vô thường, khổ, vô ngã của tự thân (ngũ uẩn) và của hết thảy những gì gắn liền với bản thân mình, không còn xem những gì mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc chạm, ý nhận thức là mình hay của mình, không còn bị chi phối (vui hay buồn, hân hoan hay sầu khổ) bởi tính chất sanh diệt của hiện hữu:

*Khi xúc chạm việc đời,
Tâm không động, không sầu,
Không uế nhiễm, an ổn,
Là hạnh phúc tối thượng*¹⁷.

Theo các mô tả ở Kinh tạng Pàli thì đó là cảm thức của một người đã thoát khỏi các lậu hoặc, biết rõ mình đã giải thoát: “Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn tái sanh nữa”. Sự an tịnh vắng lặng hoàn toàn của một người sống toàn tâm toàn ý với phút giây hiện tại, không vọng tâm truy tìm quá khứ hay phóng tưởng mơ ước tương lai¹⁸. Cảm giác hỷ lạc khởi lên nơi một người đã đoạn tận các lậu hoặc, quán sát tâm mình đã giải thoát khỏi tham-sân-si¹⁹. Sự tịch lạc của một người mà thân, khẩu, ý nghiệp đã đạt đến an tịnh, đã thành tựu chánh trí và chơn chánh giải thoát²⁰. Cảm thức bình an tuyệt đối của một người mà tâm không còn luyến ái, không còn chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy đối với bất cứ điều gì²¹. Sự giải thoát tất cả, không còn sầu muộn, không còn nhiệt não của một người đã đạt đến đích, đã đoạn trừ mọi buộc ràng²². Sự tịch chỉ hoàn toàn của một người không còn tham-sân-si, không ái luyến, không chấp thủ, có trí tuệ, không thuận ứng, không nghịch ứng, không ưa hỷ luận, không thích hỷ luận²³. Sự thoát khỏi mọi hy cầu, được tịch tịnh, được thanh lương, cảm thấy an lạc của một người rõ biết mình đã thoát khỏi tham-sân-si²⁴. Cảm giác của một người không tự làm khổ mình, không làm khổ người, ngay trong hiện tại không có tham dục, không có khao khát, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ²⁵. Tâm trạng của một người không còn âu lo sợ hãi, ngày đêm không

khởi phiền não, ý vui niềm bất hại, luôn luôn đổ đầy tâm từ thương tưởng chúng sinh²⁶. Thái độ tịch tĩnh, không hoan hỷ, không sầu muộn của một người đã dứt sạch mọi ý niệm phân biệt, thấy rõ mọi thứ đến và đi, sanh và diệt do nhân duyên, không phải của mình, đã an toàn vượt khỏi chỗ người đời đắm say²⁷. Tóm lại, đó là cảm giác an lạc tuyệt đối của một người đã đoạn tận tham-sân-si, đã thực chứng Niết-bàn. Do đặc điểm này, bậc Giác ngộ gọi Niết-bàn là hạnh phúc tối thượng (*Nibbanam paramam sukham*),²⁸ và Ngài minh họa giải thoát lạc bằng một hình ảnh rất thanh thoát:

*“Này Sàriputta, giống như một hồ sen có nước trong, có nước ngọt, có nước mát, có nước trong sáng, có bờ hồ khéo sắp đặt, đẹp đẽ, và không xa hồ ấy có khu rừng rậm rạp. Một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến hồ sen ấy. Sau khi tắm mình vào hồ sen ấy, sau khi tắm rửa, uống nước và làm cho dịu bớt mọi ưu tư, mệt mỏi, phiền não, sau khi ra khỏi hồ liền qua ngói hay nằm trong rừng cây rậm rạp ấy và cảm thọ những cảm giác cực lạc”*²⁹.

Nhìn chung, đạo Phật là con đường của hạnh phúc an lạc hướng thượng mà càng nỗ lực thực hành thì hạnh phúc càng tăng thượng cho đến khi đạt đến tối thượng (giải thoát lạc hay lạc Niết-bàn). Đó là con đường Bát Thánh đạo hay nếp sống Giới-Định-Tuệ, có công năng giúp cho con người phát huy các phẩm chất giác ngộ tự nội, giúp cho con người có đủ năng lực chuyển hóa và nhiếp phục tham-sân-si, từng bước nâng cao giá trị an lạc giải thoát trong đời sống, không còn bị trói buộc khổ não bởi thế giới dục lạc thấp kém (*hinasukha*). Rõ ràng, trong một thế giới ngày càng bộc lộ bản chất hư huyền và bất an cơ bản do lòng tham muốn dục lạc của con người tạo nên, con đường thiện lạc, thiện lạc, giải thoát lạc do Đức Phật khuyến khích đang hiện rõ sức sống an lạc vững bền, như tiếng gọi mùa xuân mang lại niềm tin yêu và lối sống hòa ái cho muôn loài vậy. ■

Chú thích:

1. Kinh Đa thọ, *Trung bộ*. 2. Kinh Ratthapàla, *Trung bộ*. 3. Kinh Đa thọ, *Trung bộ*. 4. Đại kinh Khổ uẩn, *Trung bộ*. 5. Kinh Ví dụ con rắn, *Trung bộ*. 6. Đại kinh Khổ uẩn, *Trung bộ*. 7. Kinh Ví dụ con chim cáy, *Trung bộ*. 8. Kinh Người hưởng dục, *Tăng chi bộ*. 9. Kinh Điềm lành, Kinh Tập, *Tiểu bộ*. 10. Tiểu kinh Khổ uẩn, *Trung bộ*. 11. Kinh Đa thọ, *Trung bộ*. 12. Kinh Vô tránh phân biệt, *Trung bộ*. 13. Đại kinh xóm ngựa, *Trung bộ*. 14. Kinh Điềm ngự địa, *Trung bộ*. 15. Kinh Vô tránh phân biệt, *Trung bộ*. 16. Kinh Vô tránh phân biệt, *Trung bộ*. 17. Kinh Điềm lành tối thượng, Kinh tập, *Tiểu bộ*. 18. Kinh Nhất dạ hiền giả, *Trung bộ*. 19. Kinh Thanh tịnh không liên hệ đến vật chất, *Tương ưng bộ*. 20. Kinh Pháp cú, kệ số 96. 21. Kinh Bất đoạn, *Trung bộ*. 22. Kinh Pháp cú, kệ số 90. 23. Tiểu kinh Sư tử hống, *Trung bộ*. 24. Kinh Sàlha, *Tăng chi bộ*. 25. Kinh Kandaraka, *Trung bộ*. 26. Kinh Phiến đá, *Tương ưng bộ*. 27. Kinh Kakudha, *Tương ưng bộ*. 28. Kinh Pháp cú, kệ số 203; Kinh Māgandiya, *Trung bộ*. 29. Đại kinh Sư tử hống, *Trung bộ*.



Nguồn: hoavouu.com

Người Việt chúng ta ai cũng biết vua Trần Nhân Tông, người đã trực tiếp đánh thắng quân Nguyên Mông hai trong ba lần đế quốc này xâm lược nước ta. Vua đã xuất gia giữa triều đình, sáng lập dòng Thiền Trúc Lâm còn ảnh hưởng đến tận ngày nay. Nhà vua là người đầu tiên viết văn bằng tiếng Việt thay vì tiếng Hán, và ra lệnh đọc những chiếu chỉ cả bằng tiếng Việt lẫn tiếng Hán. Hai bản văn bằng tiếng Việt do vua sáng tác - *Cư trần lạc đạo phú* và *Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca* - là hai tác phẩm tiếng Việt xưa nhất còn lại đến bây giờ. Thế nên có thể nói, ngày nào tiếng Việt còn thì hai tác phẩm ấy vẫn còn.

Ở đây chúng ta nói về bốn câu kệ kết thúc *Cư trần lạc đạo phú*.

Kệ rằng:

*Ở đời vui đạo hãy tùy duyên
Đói thì ăn, hễ mệt ngủ yên
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm
Đối cảnh vô tâm chớ hỏi Thiền.*

Ở đời vui đạo hãy tùy duyên

Tại sao lại “ở đời vui đạo”? Đạo là thực tại tối hậu, là chân lý tuyệt đối (so với chân lý tương đối), là Pháp thân, là Chân như, là tánh Không, là Như Lai tạng... Người đời thì ở đời vui đời, người giải thoát thì ở đạo vui đạo; ở sắc thì vui sắc, ở Không thì vui Không; tại sao

lại ở đời vui đạo? Đơn giản vì nhà vua là bậc chứng ngộ Đại thừa, thấy đời là đạo, không hai, bất nhị. Nhà vua thấy tướng là tánh, thấy “sắc tức là Không, Không tức là sắc”, thấy các xuất hiện với giác quan là Pháp thân, nên nói ở đời vui đạo. Nói theo thuật ngữ, đây là “vô trụ xứ Niết-bàn” của Đại thừa, nơi nào cũng Niết-bàn, giờ phút nào cũng Niết-bàn, làm gì cũng Niết-bàn.

Sao lại “hãy tùy duyên”? Tùy duyên vì duyên gì cũng là đạo, sắc thanh hương vị xúc pháp nào cũng là Chân như. Cho nên tùy duyên mà chẳng tùy duyên nào cả, vô công dụng đạo. Tùy duyên ở đây là đã đạt đến tánh vàng “bất biến” thì tất cả “tùy duyên” đều là vàng. Như *Bát-nhã Tâm kinh* nói “Không có vô minh cũng không có hết vô minh”. Tùy duyên là du hý tam-muội, “tự thọ dụng tam-muội” vậy.

Đói thì ăn, hễ, mệt ngủ yên

Người nào không đói thì ăn, mệt thì ngủ? Nhưng đây chẳng phải là hành động bản năng sinh vật. Đói thì ăn, mệt thì ngủ nơi nhà vua là người không còn bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng, không qua trung gian ngăn ngại của bốn tướng; nên hành động đó là trực tiếp, tự nhiên (natural), tự phát (spontaneous), không có thời gian, không có không gian. Hành động đó chính là giải thoát.

Chữ thì (tức), được lặp lại hai lần trong cùng một câu này. Đói ăn, mệt ngủ, không vì lý do gì, không bởi cái

gì, không để làm gì, không cho điều gì. Đây gọi là tự phát, tự nhiên, nhiệm vận, vô công dụng đạo, vô tâm, sanh mà chẳng sanh...

Đói thì ăn, mệt thì ngủ, chó thì sủa, mèo thì kêu, gà thì gáy, cha ông là đàn ông, mẹ ông là đàn bà... đó là cái như vậy (như thị), không có thời gian, không có không gian, không có tốt xấu, không có đúng sai, không có cái gì (what), không có tại sao (why), không có khi nào (when), không có để cho (for)... Đây là hành động thuần túy, thanh tịnh, không từ một cái tôi đến đối tượng, không bị ngăn cách, đứt khúc bởi bốn cái ngã nhân chúng sanh thọ mạng. Hành động không có giới hạn nên hành động ấy là giải thoát.

Trong nhà có báu thôi tìm kiếm

Một người thấy và sống được bản tánh của tâm mình, từ trong ra ngoài đều là biểu hiện của Phật tánh trong sáng và thanh tịnh, thì đây là “trong nhà có báu”. Trong nhà có báu, tự tâm là Phật, thì thế giới bên ngoài cũng là châu báu, cả hai bên trong và bên ngoài đều là ngọc báu, không cách ngăn, đứt hờ.

Toàn cả thân tâm, thế giới đều là ngọc báu. Mỗi một sự vật, mỗi một sự cố đều là ngọc báu. Với người hoàn toàn chứng ngộ thì không còn gì là phiền não, kể cả phiền não của chúng sanh, cho nên nói theo kinh *Kim cương*, độ mà không độ, làm mà không làm, hạnh mà không hạnh.

“Thôi tìm kiếm” vì tất cả đều là Nhất Tâm, vì tất cả khổ đau do phân biệt ta và người, ta và thế giới, phiền não và giác ngộ... đều tan vào Nhất Tâm. Không có gì ngoài cái Nhất Tâm này, thế thì còn gì để tìm kiếm. Như kinh *Viên giác* nói, “Tất cả đều là Giác”.

Đối cảnh vô tâm chớ hỏi Thiền

Đối cảnh vô tâm nghĩa là không có tâm để đối với cảnh, không có cảnh để ngăn ngại tâm. Tâm và cảnh là “Một tướng Vô tướng” (kinh *Đại Bát-nhã*).

Vô tâm là không có tâm phiền não, tâm phân biệt. Vô tâm là bản tánh của tâm là tánh Không.

*Hỏi phép chân không
hề chi lánh ngại thanh chấp sắc
Biết Chân như, tin Bát-nhã
Chớ còn tìm Phật Tổ tây đông.*

(Hội thứ tư)

Nhưng vô tâm không phải là không có gì hết, nó là “tính sáng, Chân như, Bụt, kim cương, viên giác...”, là những chữ được dùng trong Cư trần lạc đạo phú. Với vô tâm thì cảnh không còn là cảnh, tướng không còn là tướng, mà là tánh Không, tính sáng, chân như, viên giác luôn luôn ở trước mắt:

*Dứt trừ nhân ngã, thì ra thực tướng kim cương
Dùng hết tham sân, mới lầu lòng mẫu viên giác.*

(Hội thứ hai)



Thiền là thực tại tánh Không, tính sáng, chân như, bản tâm luôn luôn trực tiếp hiện tiền trước mắt. Chính vì thực tại luôn luôn trực tiếp có sẵn trước mắt trong mỗi thời gian mỗi hoàn cảnh mà hỏi Thiền là chuyện thừa: “hỏi chi Thiền”

Chín Bụt là lòng, xá ướm hỏi đòi cơ Mã Tổ.

(Hội thứ ba)

Nhà vua nhấn mạnh đến tính chất trực tiếp hiện tiền trong đời sống hàng ngày này bằng trọn hội thứ chín. Ở đây chúng ta chỉ trích ra vài thành ngữ: “Cây bách là lòng”, “trà Triệu lão, bánh Thiếu dương”, “ruộng Tào Khê, vườn Thiếu Thất”, “gieo bó củi, nẩy bông đèn”, “lộc đào hoa, nghe tiếng trúc”...

Thiền là tất cả những cái ấy, là thực tại trực tiếp hiện tiền trước mắt. Thiền là tất cả đời sống. Tất cả đời sống là sự biểu lộ của Đạo, của Thiền, của tánh Không, tính sáng, chân như, chín Bụt là lòng... cho nên khi thấy và sống được như vậy thì “chớ hỏi Thiền”; vì có cái gì chẳng phải là Thiền? Đó là “ở đời vui đạo”.

Hơn nữa, “vô tâm” của vua không phải là một cuộc đời ở nơi cô tịch vắng vẻ, xa lánh trần thế. Sự “ở đời” của vua là một cuộc đời luôn luôn hoạt động vì người khác:

*Phúc tuệ gồm no, chín mới khá nên người thực biết
Dựng cầu đò, giỗ chiến tháp,
ngoại trang nghiêm sự tướng hãy tu
Sấn hỷ xả, nhuyển từ bi,
nội tự tại kinh lòng hằng đọc.*

(Hội thứ tám)

Đạo là nền tảng cho mọi hoạt động ở đời, và mọi hoạt động ở đời chính là Đạo. Đây là “Ở đời vui Đạo” của vua Trần Nhân Tông. ■



Xuân thiêng

TRẦN QUÊ HƯƠNG

1.

Dòng đời nặng hạ mây bay
Sáng trưa chiều tối, tháng ngày đông đưa
Kiếp người lăm nổi mốc mưa
Sanh già bệnh chết... mộng thừa vắn xoay
Nghèo nàn, khổ cực loay hoay
Giàu sang rồi cũng buông tay cuối đời!
Công danh phú quý mây trời
Trăm năm đọng lại ngậm ngùi buồn thương!

2.

Lên dênh trong cõi vô thường
Phong ba chìm nổi vẩn vương tình tiền
Luân hồi nổi nhịp lụy phiền
Phan duyên trói buộc cái triền luyến mê
Tiền tình, danh lợi... du hê
Trái oan cộng trú, ừ ê nghiệp trần
Phiêu bồng như áng phù vân
Lá vàng rơi rụng mấy tầng lao xao!

3.

Thu đông dào dạt chiêm bao
Đường trần mấy lượt ra vào tử sanh
Ngã nhân bỉ thử mê thành
Ta được, ta mất... tan tành khói sương!
Phong lưu tài sắc nhiều nhưong...
Đến đi bằng bạc cung đường phù sinh!
Ta về tìm lại chính mình
Tự tình, tự giác hữu tình nhân du.

4.

Thời gian sâu lắng bụi mù
Bốn mùa tám tiết... vông thù khứ lai
Hạ sen, thu cúc, đông lai
Bóng đêm se lạnh, ẩn tài trúc xinh
Lá cành biêng biếc tâm linh
Vô sanh nhẫn... tụ huyền minh đất trời
Xuân thiêng ấm áp tình người
Mai vàng rực rỡ nụ cười thanh lương.





Thiền Vipassana chính xác là gì?

HENEPOLA GUNARATANA
TRẦN TUẤN MÃN dịch



Sự phân biệt Vipassana (thiền Tuệ) với các loại thiền khác là vô cùng quan trọng và cần phải được hiểu đầy đủ. Phật giáo nêu ra hai loại thiền chủ yếu. Cả hai đều là những kỹ năng tâm lý, những thể cách vận hành hoặc những tính chất của tâm thức. Trong Pali ngữ, ngôn ngữ gốc của văn học Theravada (Thượng tọa bộ, Nguyên thủy), hai loại thiền này được gọi là Vipassana và Samatha.

Vipassana có thể được dịch là “Tuệ”, một sự tỉnh giác sáng suốt về những gì xuất hiện đúng như chính chúng xuất hiện. Samatha có thể được dịch là “Định” (sự “tập trung”, quán; hay sự “tĩnh lặng”, tĩnh, chỉ). Đây là một trạng thái mà tâm được đưa vào sự ngưng nghỉ, chỉ hội tụ duy nhất vào một chủ đề, không được phép lang thang. Khi điều này được thực hiện, một sự tĩnh lặng thâm sâu thấm nhuần thân và tâm, một trạng thái tịch tịnh phải được trải nghiệm để được lĩnh hội.

Phần lớn các hệ thống thiền coi trọng Samatha. Thiền giả hội tụ tâm mình vào một số chủ đề như cầu nguyện, một loại chủ đề có sẵn để chọn, một bài kinh, một ngọn nến, một ảnh tượng tôn giáo hoặc bất cứ thứ gì và loại bỏ mọi ý nghĩ và nhận thức khác khỏi tâm thức mình. Kết quả là một trạng thái hỷ lạc kéo dài cho đến khi thiền giả chấm dứt thời gian tọa thiền. Điều ấy thật tốt đẹp, hỷ lạc, ý nghĩa và hấp dẫn, nhưng chỉ là tạm thời. Thiền Vipassana đưa ra một khía cạnh khác, trí tuệ.

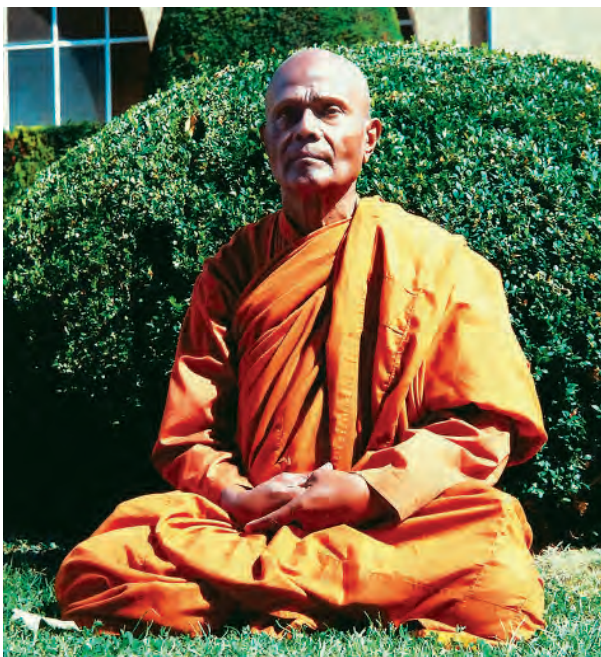
Trong thiền Vipassana, thiền giả sử dụng sự tập trung như là một công cụ, nhờ đó sự chú tâm có thể

phá vỡ bức tường ảo tưởng vốn tách rời mình khỏi cái ánh sáng sống động của thực tại. Đây là một quá trình tiệm tiến của sự chú tâm gia tăng không ngừng vào những vận hành nội tại của chính thực tại. Nó cần trải qua nhiều năm, nhưng một hôm thiền giả đột phá được bức tường ấy và đổ xô vào chỗ tràn đầy ánh sáng. Sự chuyển hóa đã hoàn tất. Đấy gọi là Giải thoát, và đấy là mãi mãi. Giải thoát là mục đích của mọi hệ thống tu tập Phật giáo. Nhưng những con đường để đạt cứu cánh ấy thì hoàn toàn khác nhau.

Sự thực hành thiền cổ xưa nhất của Phật giáo

Vipassana là sự thực hành thiền cổ xưa nhất của Phật giáo. Phương pháp này xuất phát từ kinh *Satipatthana* (Kinh Tứ niệm xứ), lời kinh do chính Đức Phật giảng. Vipassana là sự giáo dưỡng trực tiếp và tiệm tiến về chánh niệm và tỉnh giác. Sự việc này tiến hành tiệm tiến trong suốt nhiều năm. Sự chú tâm của người học được cẩn thận dẫn đến một sự khám xét những khía cạnh nào đó của chính sự hiện hữu của người ấy. Thiền giả được huấn luyện để chú ý càng lúc càng kỹ đến sự trải nghiệm về chính dòng sống của vị ấy.

Vipassana là một kỹ thuật tinh tế, nhưng cũng rất rất triệt để. Đây là một hệ thống xưa cổ và có hệ thống về việc huấn luyện tâm thức, một bộ bài tập nhằm cho bạn càng lúc càng chú tâm nhiều hơn đến sự trải nghiệm cuộc sống của chính bạn. Đấy là sự chăm chú nghe, sự nhìn thấy bằng tâm và sự thử nghiệm kỹ càng.



Chúng ta học ngồi một cách nhảy bén, xúc chạm trọn vẹn, và thực sự chú tâm đến những thay đổi xảy ra trong tất cả những trải nghiệm này. Chúng ta học nghe những ý tưởng của chính chúng ta mà không bị cuốn hút vào chúng. Mục đích của sự thực hành thiền Vipassana là học nhìn thấy sự thật vô thường, khổ và vô ngã của các hiện tượng.

Chúng ta nghĩ rằng chúng ta đã sẵn làm điều ấy, nhưng đây chỉ là một ảo tưởng. Nó phát xuất từ sự việc rằng chúng ta đang bỏ ra quá ít sự chú ý đến sự dâng trào đang diễn ra của kinh nghiệm sống của chính chúng ta, như thể chúng ta đang ngủ. Đơn giản là chúng ta không chú ý đủ để ghi nhận rằng chúng ta đang không chú ý. Đây là một tình thế bối rối khác nữa.

Thiền như là sự khám phá

Qua quá trình chú tâm, chúng ta dần dần nhận thấy chúng ta đang xuống bên dưới cái hình ảnh tự ngã. Chúng ta sực tỉnh rằng cuộc đời thực sự là đây. Đây không phải là một cuộc diễn hành của những sang hèn giàu nghèo, đây là một ảo giác. Cuộc sống có một kết cấu thâm sâu hơn điều ấy rất nhiều nếu chúng ta chịu khó nhìn, và nếu chúng ta nhìn một cách đúng đắn.

Vipassana là một hình thức huấn luyện tâm lý, sẽ dạy cho bạn trải nghiệm thế giới theo cách hoàn toàn mới mẻ. Lần đầu tiên bạn sẽ học những gì thực sự xảy ra với bạn, chung quanh bạn và bên trong bạn. Đây là một quá trình tự khám phá mình, một sự nghiên cứu có dự phần, trong đó bạn quan sát những trải nghiệm của chính bạn trong khi tham dự vào chúng đúng như chúng đang xảy ra.

Việc thực hành phải được tiếp cận với thái độ này: *“Mặc cho những gì tôi đã được dạy. Quên đi những lý thuyết, những tiên kiến và những khuôn mẫu. Tôi muốn hiểu bản*

chất chân thật của sự sống. Tôi muốn biết sự trải nghiệm này về sự sống thực sự là gì. Tôi muốn lĩnh hội những tính chất thật sự và thâm sâu nhất của cuộc sống, và tôi không muốn chấp nhận sự giải thích của những ai đó. Tôi muốn chính tôi nhìn thấy nó”.

Nếu bạn theo đuổi việc thực hành thiền với thái độ này, bạn sẽ thành công. Bạn sẽ nhận thấy chính bạn quan sát các sự vật một cách khách quan, chính xác như chúng đang tuôn chảy và đang thay đổi từng lúc một. Thế rồi sự sống mang lấy một sự phong phú không thể tin được và không thể bị tiêu diệt. Nó phải được trải nghiệm.

Vipassana và Bhavana

Thuật ngữ Pali để chỉ cho thiền Tuệ là Vipassana Bhavana. *Bhavana* có căn ngữ là *bh*, có nghĩa là lớn lên hay trở thành. Do đó, *Bhavana* nghĩa là nuôi dưỡng, và là từ luôn được dùng liên hệ liên hệ đến tâm thức. *Bhavana* nghĩa là sự trưởng dưỡng tâm thức. Vipassana xuất phát từ hai căn ngữ. *Passna* nghĩa là thấy hay nhận thức. Vì là tiền tố có một nhóm phức tạp về hàm ý. Nghĩa căn bản là “một cách đặc biệt”. Nhưng cũng có một hàm ý gồm cả “vào trong” lẫn “xuyên qua”.

Toàn bộ ý nghĩa của từ này là nhìn vào trong một sự vật nào đó một cách sáng suốt và chính xác, thấy từng thành phần riêng biệt, và thâm nhập vào mọi ngõ ngách để nhận thức tính chân thật căn bản nhất của sự vật ấy. Quá trình này đưa đến sự liễu hội cái thực tính căn bản của bất cứ điều gì đang được xem xét. Tổng hợp lại, Vipassana Bhavana nghĩa là nuôi dưỡng tâm thức, nhằm vào sự nhìn thấy theo một cách đặc biệt đưa đến sự thông tuệ và liễu hội hoàn toàn.

Phương pháp mà chúng tôi đang giải thích ở đây có lẽ là những gì Đức Phật Cổ-đàm dạy các đệ tử của Ngài. *Kinh Tứ niệm xứ* (Satipatthana Sutta), bài giảng căn bản của Đức Phật về chánh niệm, đặc biệt bảo rằng người ta phải khởi đầu bằng sự tập trung chú ý vào hơi thở và rồi tiếp tục chú ý tất cả mọi hiện tượng về thân và tâm đang khởi lên. Chúng ta ngồi, quan sát không khí vào và ra khỏi mũi. Mới thoát nhìn, điều này có vẻ là một phương pháp quá kỳ quặc và vô ích. Trước khi đi vào những chỉ dẫn đặc biệt, chúng ta hãy xem xét lý do đằng sau phương pháp này.

Tại sao tập trung là quan trọng

Câu hỏi đầu tiên mà chúng ta có thể đặt ra là tại sao cần phải tập trung? Xét cho cùng, chúng ta đang cố gắng phát triển sự tỉnh giác. Tại sao lại không ngồi xuống và chú tâm vào những gì đang hiện diện trong tâm trí? Thực ra, có những thiền định thuộc tính chất này. Đôi khi chúng được nhắc đến như là thiền bất định và chúng rất khó hiểu.

Cái tâm rất nhạy cảm. Ý tưởng là một quá trình vốn phức tạp. Do đó, chúng tôi muốn nói rằng chúng ta bị mắc bẫy, bị bực lại, bị dính mắc trong chuỗi ý tưởng. Một ý tưởng đưa đến một ý tưởng khác, rồi một ý tưởng khác,

và vân vân. Mười lăm phút sau chúng ta sức tỉnh và nhận ra rằng trải qua toàn bộ thời gian ấy chúng ta bị dính mắc trong một giấc mơ ban ngày hay trong sự huyền tưởng về tình dục hay một nhóm lo lắng về các hóa đơn phải thanh toán hay bất cứ gì.

Chúng ta dùng hơi thở làm tụ điểm. Nó được dùng làm điểm xác định sống động mà từ đó tâm lang thang bị kéo lui về. Sự xao lãng không thể bị xem là xao lãng nếu không có một tụ điểm trung tâm để từ đó nó bị xao lãng. Đó là cơ sở để xem xét mà chúng ta dựa vào để có thể thấy những thay đổi liên tục hay những gián đoạn đang diễn ra mọi lúc như là một phần của sự suy nghĩ bình thường.

Chế ngự những con voi hoang dã

Kinh điển Pali cổ so sánh thiền với quá trình chế ngự một con voi hoang dã. Cách thức trong thời bấy giờ là cột con vật vừa bắt được vào một cái cột bằng một sợi dây thật chặt. Khi bạn làm như thế, con voi sẽ bực bội. Nó rống lên và giẫm đạp, và kéo giật sợi dây trong nhiều ngày. Cuối cùng sợi dây thắt chặt vào sọ nó đến nỗi nó không cựa quậy được và nó dịu xuống.

Lúc ấy bạn có thể bắt đầu cho nó ăn và điều khiển nó ở mức độ an toàn. Cuối cùng bạn có thể không cần đến sợi dây và cây cột, và huấn luyện con voi của bạn theo nhiều công việc. Bây giờ bạn đã có một con voi đã được thuần hóa có thể được sử dụng vào các công việc hữu ích.

Qua sự so sánh, con voi hoang dã là cái tâm năng động một cách hoang dã, cây cột là đối tượng thiền định của chúng ta, tức là sự hít thở của chúng ta. Con voi đã thuần hóa nổi bật trong quá trình này là một cái tâm được khéo huấn luyện, ngưng tụ, được dùng cho công việc quá sức bền bỉ là chọc thủng những lớp dày của ảo tưởng vốn làm cho sự thật bị u tối. Thiền thuần hóa tâm thức.

Tại sao hít thở?

Câu hỏi tiếp theo mà chúng ta cần nêu là: Tại sao chọn sự hít thở làm đối tượng đầu tiên của thiền? Tại sao không chọn một thứ gì đó thú vị hơn chút ít? Có nhiều câu trả lời cho câu hỏi ấy. Một đối tượng có ích cho thiền định phải là đối tượng tăng cường sự chú tâm. Nó phải dễ sử dụng, dễ có sẵn và tầm thường. Nó cũng phải là thứ không lôi cuốn chúng ta vào những trạng thái tâm mà chúng ta đang cố gắng thoát khỏi, như tham, sân và si.

Sự hít thở đáp ứng các tiêu chuẩn ấy và hơn thế nữa. Nó là chung cho mọi người. Tất cả chúng ta đều mang nó theo khi đi bất cứ đâu. Nó luôn luôn ở đó, luôn luôn có sẵn, không bao giờ ngưng từ lúc ta sinh ra cho đến lúc chết, và nó là thứ cho không.

Sự hít thở là một quá trình phi-ý niệm, một thứ có thể trải nghiệm trực tiếp mà không cần đến ý niệm. Hơn nữa, nó là một quá trình rất sinh động, một khía cạnh của sự sống vốn luôn luôn biến đổi. Hơi thở vận hành theo chu kỳ - hít, thở, hít vào và thở ra. Như thế, nó là một mẫu thức thu nhỏ của chính sự sống.

Hơi thở là một hiện tượng chung cho mọi sinh thể. Một sự lĩnh hội thực sự bằng kinh nghiệm đưa bạn đến gần gũi hơn với các chúng sinh khác. Nó chỉ cho bạn sự nối kết cố hữu với tất cả những gì của cuộc đời. Cuối cùng sự thở là một quá trình ngay trong hiện tại.

Bước đầu tiên trong việc sử dụng hơi thở làm một đối tượng của thiền là tìm thấy nó. Những gì bạn mong chờ là một cảm giác sinh lý, xúc chạm của không khí vào và ra khỏi hai lỗ mũi. Cảm giác này thường ở bên trong chóp mũi. Nhưng cái chỗ chính xác thì thay đổi theo từng người, tùy theo hình dáng cái mũi.

Để tìm ra cái điểm ấy, chỗ cảm giác cho chính bạn, hãy hít vào nhanh và sâu rồi chú ý và nhắm vào ngay bên trong mũi hoặc trên cái chóp trên, nơi mà bạn có cảm giác rõ ràng nhất về không khí đi qua. Bây giờ hãy thở ra và chú ý đến cái cảm giác cũng tại điểm ấy. Chính từ điểm này, bạn sẽ theo dõi toàn bộ đường đi của hơi thở.

Không luôn luôn dễ dàng

Khi bạn mới bắt đầu phương pháp này, hãy chờ đợi diện với một số khó khăn. Tâm của bạn sẽ luôn lệch lạc, lao vào chỗ này chỗ nọ giống như một con ong vung vè và bay lượn loạn xạ. Hãy cố đừng lo lắng. Cái hiện tượng tâm khi vượn thì lắm người biết rõ. Đó là điều mà mọi thiền giả cao cấp đã phải đối mặt. Bằng cách này hay cách khác, họ đã thắng vượt được nó, và bạn cũng có thể như vậy.

Khi điều ấy xảy ra, hãy chú ý đến sự việc bạn đã suy nghĩ, mộng mị giữa ban ngày, lo lắng hay bất cứ gì. Một cách nhẹ nhàng nhưng vững chắc, không bối rối hay phán xét mình đã sai lạc, hãy đơn giản quay về với cái cảm giác sinh lý đơn giản về hơi thở. Thế rồi thực hành trở lại vào lần kế tiếp, rồi lặp lại nữa, lại nữa, và lại nữa.

Về căn bản, thiền Vipassana là một quá trình tái huấn luyện cái tâm. Trạng thái mà bạn nỗ lực nhắm đến là trạng thái trong đó bạn hoàn toàn nhận biết mọi thứ đang xảy ra trong cái vũ trụ nhận thức của chính bạn, nhận biết chính xác thể cách chúng xảy ra, chính xác khi chúng đang xảy ra; sự tỉnh giác toàn bộ, không bị vỡ gãy ngay trong lúc hiện tại.

Đây là một mục đích vô cùng cao thượng, và không phải đạt được ngay liền. Nó đòi hỏi thực hành, cho nên chúng ta phải bắt đầu từng chút. Chúng ta bắt đầu bằng cách chú tâm đến một phần nhỏ của thời gian, như một sự hít vào đơn giản. Và khi bạn thành công, bạn đang trên đường đến một trải nghiệm toàn bộ mới mẻ về cuộc sống. ■

Nguyên tác: *What Exactly is Vipassana Meditation?* Henepola Gunaratana.

Nguồn: *Tricycle.org*

Tác giả: *Henepola Gunaratana* là một vị sư người Sri Lanka, tác giả cuốn *Mindfulness in Plain English*, Chủ tịch Hội Bhavana Society ở High View, West Virginia, một tổ chức quảng bá thiền định và đời sống tu hành.



và sự kết nối của đời sống

THỊ GIỚI

Tết mang nhiều ý nghĩa đối với người Việt, từng được thể hiện nhiều qua thơ văn và đời sống. Ở đây chỉ xin đề cập đến tính kết nối của Tết.

Tất cả chúng ta và môi trường chung quanh có sẵn sự kết nối. Tuy nhiên, sự bận rộn của đời sống làm cho chúng ta quên đi, và Tết là dịp để chúng ta trở về với những sự kết nối vốn có đó. Tết cho chúng ta cơ hội kết nối với gia đình, bà con, bạn bè, cộng đồng. Tết còn cho chúng ta kết nối với quá khứ và tương lai, cũng như kết nối với chính mình, cũng là kết nối với đất trời, với không gian và thời gian.

Trong sự kết nối đó, chúng ta nhận được những giá trị về niềm tin, sự bao dung, trách nhiệm, đức hạnh, lòng vị tha. Đồng thời, sự kết nối đó cũng giúp chúng ta biết và bày tỏ lòng biết ơn đối với những điều tốt đẹp; giúp tạo thêm sự gắn bó, đoàn kết giữa những con người có chung một đất nước, một cộng đồng cùng lịch sử và văn hóa.

Có thể nói Tết là một truyền thống tốt đẹp mà cha ông chúng ta đã vun bồi qua nhiều ngàn năm, nhiều thế hệ để ngày càng thêm hài hòa. Với truyền thống lâu đời đó, Tết chứa đựng nhiều nét văn hóa của đất nước và con người Việt Nam. Từ thời Hùng Vương, nét đẹp của Tết đã được thể hiện. Theo truyền thuyết, vào ngày xuân, vua Hùng và quần thần lên núi Thiên Cầm để nghe nhạc trời.

Nói về giá trị của truyền thống, Frank Sonnenberg viết: “Nếu chúng ta từ bỏ những giá trị của chúng ta, một ngày kia, chúng ta sẽ mở mắt ra và không còn có thể nhận ra “thế giới” của chúng ta. Những giá trị nâng đỡ bộ xương sống của đất nước, gia đình, và niềm tin của chúng ta sẽ trôi dạt khi mà kết cấu xã hội của chúng ta bị xé toang”.

(Seven Reasons Why Traditions Are So Important)

Về tính chất kết nối của truyền thống, Tiến sĩ Tâm lý học Donna Rockwell viết: “Biết rằng tôi không sống trong một khoảng trống không, rằng thời gian này kết nối với những giai đoạn thời gian khác - những giai đoạn đã qua và những giai đoạn sẽ tới - tôi thuộc vào một cái gì rộng lớn hơn chính tôi, một phần của cái bí mật vĩnh cửu, chiếm vị trí của tôi trong kết cấu của đời sống. Chính trong những lễ hội mà những truyền thống văn hóa đặc thù của chúng ta có tiềm năng lớn nhất giúp chúng ta trong tiến trình nhận diện chính mình, góp phần vào sự hạnh phúc, và trau dồi một cảm nhận quan trọng về việc tùy thuộc và một tầm nhìn lành mạnh về vị trí của chúng ta trong thế giới”.

(Potato Pancakes, Family Tradition and Mindfulness in Everyday Life)

Đối với đạo Phật, kết nối là một phần quan trọng trong việc làm thăng hoa đời sống. Có thể nói tâm Từ trong đạo Phật là tâm kết nối. Đạo Phật thường đề cập đến những tính chất của đời sống như tương duyên, tương dung, tương tức, tương nhập... mà người Phật tử cần biết, cảm nhận, và sống với. Và Tết cũng có thể nói là một môi trường để thăng hoa theo tinh thần của đạo Phật.

Dharmachari Lokamitra trong “Phật giáo và Giáo dục Phật giáo trong việc Tăng trưởng Tổng Hạnh phúc Quốc gia” viết: “Thực hành Phật pháp đặt nền tảng trên sự nhận thức rằng cuộc sống của chúng ta có sự gắn bó không thể gỡ ra với những người khác. Sila hay Giới, điều đầu tiên trong ba môn học chính trên con đường Đạo, bao gồm việc cải đổi hành động và lời nói - cả hai thứ đó liên hệ trực tiếp đến người khác. Samadhi hay Định bao gồm việc rèn luyện sự tỉnh thức và ứng xử nhu nhuyển đối với người khác như từ, bi, sự thông cảm, tinh thần bình đẳng. Prajna hay Huệ bao gồm việc thấy rằng rốt ráo



Nguồn: samco.com.vn

không có sự khác biệt giữa mình và người; từ thể nghiệm này khởi lên một tình thương cao cả và giác ngộ”.

(The Centrality of Buddhism and Education in Developing Gross National Happiness)

Như chúng ta biết, theo truyền thống từ cha ông, ngày mồng một Tết có thể nói là “ngày giữ giới” của người Việt. Trong ngày đó, chúng ta có những kiêng cử trong ý nghĩ, lời nói và hành động: Giữ tâm vui vẻ, không được tranh cãi, gây sự, không gây xáo trộn, không đập đồ, phá hoại... Nói một cách khác là giữ thân tâm trong chánh niệm. Đó là một ngày sống hoàn toàn an vui và tạo sự an vui, hy vọng và tạo hy vọng, một ngày hoàn toàn Hỉ và Xả.

Ngài Karmapa trong sách “Interconnected-The Embracing Life in Our Global Society” viết về sự kết nối:

“Sự hiểu biết bằng lý trí về sự tương liên là một bước khởi sự quan trọng. Bước kế tiếp - và quyết định - là có được sự cảm nhận bằng trái tim về tính tương quan tương liên đó. Chúng ta cần cảm nhận sự kết nối sâu xa, không phải chỉ hiểu biết về nó. Chúng ta có trong chúng ta nhiều đức tính giúp chúng ta chấp nhận sự cam kết bằng con tim với sự tương liên của chúng ta. Bằng việc thúc đẩy sự hiểu biết về mối tương quan của thế giới trong tâm thức của chúng ta, chúng ta sẽ có khả năng tốt hơn để vun xới những đức tính đó.

Một khi chúng ta thực hiện điều đó, sự hiểu biết bằng trái tim mà chúng ta có được sẽ chuyển hướng sâu xa sự tương liên của chúng ta với người khác và cách chúng ta sống trong thế giới. Chúng ta sẽ bắt đầu hành xử trong tư thế thật sự phản ánh sự tương quan tương liên của chúng ta. Khi sự hiểu biết về tính tương liên của chúng ta chuyển từ não qua tim và đi vào hành động, đời sống của chúng ta sẽ tràn đầy tác dụng và ý nghĩa”.

Và Tết chính là dịp để chúng ta học bài học về sự kết nối bằng trái tim và thực hành hạnh kết nối. Chúng ta chia sẻ về tinh thần cũng như vật chất với những người khác và chúng sanh khác. Trong ngày Tết, chúng ta cùng cộng đồng và tổ tiên, cũng như vạn vật... quây quần, gần gũi bên nhau. Lòng chúng ta mở rộng, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ, đùm bọc nhau. Những điều này làm cho đời sống của chúng ta thêm phong phú và ý nghĩa.

Bên cạnh đó, Tết cũng cho chúng ta cơ hội về một sự kết nối sâu xa hơn. Đó là kết nối với chính mình, kết nối với không gian và thời gian mình đang sống.

Không gian và thời gian ngày Tết như cuốn hút chúng ta hòa tan vào nó. Hầu hết người Việt đều yêu mùa xuân, yêu Tết, đắm mình trong mùa xuân, trong Tết, và từ đó thơ viết về xuân, về Tết đã ra đời rất nhiều

và đều dễ làm rung động lòng người. Các nhà thơ lớn của Việt Nam như Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử, Hồ Dzếnh, Huy Cận, Hoàng Cầm... đều có thơ về xuân. Bài thơ *Xuân ca* của Vi Khuê có những câu được trích sau đây cho chúng ta thấy tác giả như hòa tan vào không gian và thời gian của mùa xuân:

*Hoa đời dẹt gấm vàng quanh suối
Xuân hành với vợi biển đại dương
Tuổi hai mươi ngọt mật thơm đường
Trái tim nổi bằng tơ bằng sợi
Hiện tại, tương lai, quá khứ đời...*

Và dưới đây là bài *Xuân cảnh* của vua Trần Nhân Tông:

*Dương liễu hoa thâm điểm ngử trì
Họa đường thiêm ảnh mộ vân phi
Khách lai bất vấn nhân gian sự
Cộng ý lan can khán thủy vi.*

Nghĩa: *Cảnh xuân*

*Trong khóm hoa dương liễu, tiếng chim kêu chậm
Nơi bóng thềm nhà vẽ, mây chiều bay
Khách đến không hỏi chuyện nhân gian
Cùng tựa vào lan lan ngắm khoảng không gian xanh biếc.*

Ở đây, chúng ta thấy một sự kết nối sâu xa và chân thật giữa con người với sự sống của đất trời. Trong sự kết nối đó, con người hòa tan vào không gian và thời gian, là một với không gian và thời gian, của mùa xuân, của Tết, là một với nhánh mai, cành đào, với người, với vật, với quá khứ, với tương lai... Trong đó cả thể dường như không còn sự tồn tại độc lập riêng lẻ. Như cái không hòa tan vào cái không.

Thiền sư Dainin Katagiri (Phiến Đồng Đại Nhẫn) lấy hình ảnh người chơi trượt tuyết để viết về sự hòa tan đó: *"Khi bạn trượt tuyết, và thiên nhiên và bạn tan chảy thành một, đời sống của một ngọn núi không tách rời với đời sống của bạn. Bạn nhìn vào núi, và núi tan chảy ra trong thân và tâm bạn và chiếm ngự toàn thể đất trời. Qua núi, bạn cảm nhận sự hòa điệu của đời sống; bạn và núi cùng đang đi vào, đi ra, núi đang bước đi và núi đang thở. Đó không phải là sự tưởng tượng - đó là sự thật. Qua đời sống của bạn, bạn thấy được dòng chảy của đời sống vũ trụ kết nối với đời sống của một ngọn núi, đời sống của một dòng sông hay đời sống của một cái cây. Bạn chìm ngập vào thiên nhiên, và bạn quên mất chính mình"*.

(Each Moment Is the Universe)

Cũng theo Thiền sư Dainin Katagiri, đó là một kinh nghiệm giác ngộ: *"Vào lúc đó, bạn thật sự vui thú với việc bạn đang làm. Có thể bạn cho đó là một trò vui. Nhưng điều bạn vui hưởng không chỉ đơn giản là đem đến cho bạn một sự vui thú; có một cái gì đó sâu xa. Cái đó được gọi là giác ngộ"* (sđd).

Chúng ta có thể gọi kinh nghiệm đó là kinh nghiệm phi thời gian, vô niệm, nhất thể, tại đây bây giờ... mà mọi người có thể đều đã có dịp trải qua. Nhưng kinh nghiệm đó thường chúng ta không giữ được lâu vì lý do như Dainin Katagiri viết: *"Tôi nghĩ rằng mỗi người đều có kinh nghiệm về sự hợp nhất với hành động. Nhưng khó để có thể ở lại trong đó và lưu giữ nó, vì chúng ta không chấp nhận tình trạng thoải mái đó với sự tin tưởng hoàn toàn. Ngay lập tức, chúng ta sợ hãi. Một cách ý thức hay vô thức, chúng ta muốn trở về với hình tướng sắc thân của chúng ta vì đó là thói quen, tập quán của đời sống chúng ta"* (sđd).

Đến đây, chúng ta có thể thấy rằng Tết cho chúng ta cơ hội để thể nghiệm việc thăng hoa, vượt thoát những giới hạn qui ngã của chúng ta qua tính chất kết nối của đời sống. Đời sống là vô thường. Xuân, hạ, thu, đông là vô thường. Nhưng có một thứ không vô thường, đó là cái tâm tại đây và bây giờ, luôn luôn tươi mới, cái tâm trong thời gian phi thời gian, cũng là cái tâm của đất trời, của Tết. Đó là cái mà chúng ta có thể cảm nghiệm được trong không gian và thời gian của Tết. Cái không gian đó là không gian gắn kết với thời gian, và cái thời gian đó là thời gian gắn kết với không gian, cái không gian thênh thang không ngăn cách, và cái thời gian tuyệt đối, phi thời gian, thời gian không phân mảnh đời sống của chúng ta.

Chúng ta cũng biết rằng sự kết nối đem lại hạnh phúc và an toàn cho mỗi chúng ta cũng như mỗi chúng sanh. Tinh thần kết nối là niềm hy vọng cho một thế giới hòa bình, chia sẻ, no ấm và an vui. Vì vậy, thực hành hạnh kết nối cần được coi là công việc hằng ngày của mỗi người Phật tử chúng ta trong tinh thần tin Nhân Quả, tạo Phước Đức, sống Chân Thường. Chúng ta hãy sống và giữ kinh nghiệm kết nối mà mỗi chúng ta có thể đều đã trải qua. Đừng sợ đánh mất đời sống thường nhật của chúng ta. Đời sống của chúng ta sẽ diễn ra trong một thế giới toàn bộ và thênh thang hơn.

Về việc thực hành sự kết nối, Thiền sư Dainin Katagiri nhắc nhở chúng ta như sau: *"Bạn kinh nghiệm về sự hợp nhất toàn hảo đó, về sự linh động và uyển chuyển tuyệt vời đó, nhưng bạn không thể hoàn toàn chấp nhận nó vì bạn nhìn thấy tính nhất thể từ quan điểm nhị nguyên, trong phạm vi đời sống nhân gian. Nếu bạn muốn thực hành đời sống tâm linh, bạn cần làm ngược lại; bạn phải nhìn đời sống nhân gian dưới cái thấy nhất thể. Nếu bạn cố gắng thực hành, bạn có thể nhìn thấy tính nhất thể, bạn có thể giác ngộ, bạn có thể thể nghiệm rất nhiều. Nhưng khi bạn quay về đời sống nhân gian, nhìn thấy kinh nghiệm đó dưới phạm vi con mắt nhân gian và cố gắng lặp lại việc đó, nhưng bạn không bao giờ làm, vì thế giới nhân gian luôn luôn đổi thay. Vì vậy, điều bạn cần làm là luôn luôn cố gắng ở trong tính nhất thể, và nhìn thế giới từ cái thấy đó. Đó là sự tu tập của chúng ta. Thực hành điều này và bạn được gọi là người làm chủ chính mình trong mọi hoàn cảnh"* (sđd). ■



Phái đoàn truyền bá Phật giáo đến châu Mỹ trước Columbus

V.G. NAIR
THÍCH NGUYỄN TẠNG dịch

Những thế kỷ đầu của Tây lịch đã được đánh dấu bằng hoạt động truyền bá Phật giáo mạnh mẽ vượt quá biên giới Ấn Độ. Tiếp tục truyền thống hoàng pháp của thời vua A-dục, các nhà sư Phật giáo từ Tích Lan, Nam Ấn, đặc biệt là Kanchipuram, miền Trung và Bắc Ấn đã tham gia từ thiên niên kỷ đầu Tây lịch vào việc truyền bá lời Phật dạy đến những miền đất xa xôi như Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng, Mông Cổ, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, Việt Nam và một số quốc gia khác. Những vị sư này mang theo họ những hình tượng, ngọc xá-lợi và một vài bản kinh chép tay.

Trong nhiều trường hợp, các vị này thông thạo những ngôn ngữ của những quốc gia họ đến lưu trú và chuyển dịch nhiều kinh Phật từ tiếng Pali và Sanskrit ra những tiếng ấy. Những kỳ tích, những thử thách và gian truân của các nhà truyền giáo tiên phong này đã được ghi nhận trong những bia ký và văn học của các quốc gia mà họ truyền bá. Sứ mệnh của họ ở nước ngoài đã để lại dấu ấn trên nền văn hóa của những nước họ đã từng sống.

Dù Ấn Độ là nơi phát sinh ra Phật giáo và chúng ta đã có một nền văn học Phật giáo vĩ đại được tích lũy qua nhiều thế kỷ và đã lưu truyền đến ngày nay, chúng ta vẫn không tìm thấy trong đó bất cứ lời ám chỉ nào về những hoạt động truyền bá Phật giáo ở ngoài vùng Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. Nhưng kỳ thực, dường như những nhà sư Phật giáo đã đến những hòn đảo Thái Bình Dương và châu Mỹ.

Chaman Lan và một số học giả Hoa Kỳ cho rằng không phải ông Columbus đầu tiên tìm ra châu Mỹ mà chính những người di dân Hindu từ Ấn Độ. Lý luận mới lạ này được dựa vào một số truyền thống thịnh hành ở Trung Mỹ và Mexico. Nhưng giả thiết này thiếu sự ủng hộ của bằng chứng văn học. Tuy nhiên chúng ta cũng có ít nhất là một điểm được ghi lại trong lịch sử Trung Hoa nói đến một đoàn tu sĩ Phật giáo đến châu Mỹ vào thế kỷ thứ V sau Tây lịch và đã đưa Phật giáo vào dạy cho những người dân ở đó.

Phái đoàn của Pháp sư Hui Shen (慧深, *Huệ Thâm*)

Mặt khác, hai học giả người Mỹ và hai học giả người Canada đưa ra ánh sáng những hoạt động của một phái đoàn Phật giáo đến Trung Mỹ và Mexico khoảng thế kỷ thứ V sau Tây lịch. Những khám phá của các học giả này không chỉ được dựa vào biên niên sử của Trung Hoa mà còn căn cứ theo những truyền thống và tập quán tôn giáo đang hiện hữu ở Trung Mỹ và Mexico. Đó là một câu chuyện gây chấn động: nó thêm một chương mới vào lịch sử Phật giáo và những mối quan hệ văn hoá Ấn-Mỹ cổ đại.

Theo giáo sư John Fryer thuộc Đại học đường California, một nhà sư Phật giáo tên Trung Hoa là Hui Shen (慧深, tiếng Hán Việt là Huệ Thâm) và bốn vị khác người gốc Kabul ở Afghanistan đã viếng thăm Trung Mỹ và Mexico vào năm 458 sau Tây lịch với mục đích truyền dạy giáo lý của Đức Phật. Phái đoàn tách ra làm hai chi bộ riêng biệt đến Trung Mỹ tiến hành công việc hoàng pháp trên 40 năm. Sau khoảng thời gian 40 năm, Pháp sư Hui Shen, vị trưởng đoàn và cũng là một thành viên của giáo đoàn ấy, đã đơn độc trở về Trung Quốc năm 499 (sau Tây lịch).

Người ta không biết phái đoàn khởi hành từ Kabul vượt đất liền đến Trung Hoa và từ đó đến Trung Mỹ bằng đường biển hay là đến một trong những hải cảng Ấn Độ từ Kabul và rồi sau đó giong buồm đi đến bờ biển Thái Bình Dương. Người ta đặt giả thuyết rằng đoàn trước tiên đến Trung Quốc, từ đó họ giong buồm để tới Trung Mỹ. Vào thời điểm đó Trung Hoa là trung tâm nổi tiếng về những hoạt động truyền bá Phật giáo ở châu Á. Cho dù thời ấy phái đoàn đã theo lộ trình nào đi nữa, thì Pháp sư Hui Shen trong chuyến trở về cũng đã đến Kinh Châu, thủ đô nhà Tề nằm trên bờ sông Dương Tử. Ngài phải chờ đến ba năm để xin yết kiến vị hoàng đế và tâu trình về những hoạt động của mình ở Trung Mỹ, nhưng ngài không thể nào diện kiến với vua được, vì nội chiến đang lan tràn ở đất nước này. Mãi đến năm 502 sau Tây lịch, Pháp sư Hui Shen mới được



yết kiến vua Võ đế của tân triều đại nhà Lương và trình lên nhà vua tất cả những Phật sự của giáo đoàn đã thực hiện ở Trung Mỹ.

Các câu chuyện được ghi lại trong lịch sử

Theo sử ký Trung Quốc, hình như Pháp sư Hui Shen không phải người Trung Hoa nên không nói được tiếng Hoa thông thạo, và vua Võ đế đã tiếp ngài như một vị sứ thần từ Trung Mỹ đến, vì rõ ràng quốc tịch của ngài là ở nước ngoài. Pháp sư Hui Shen đã dâng lên hoàng đế những món hàng lạ kỳ, những thứ ngài đã mang về từ Trung Mỹ và xứ Mexico. Vua Võ đế là một người mộ đạo Phật, lại là một thí chủ hộ pháp, đã quan tâm đặc biệt đến chuyến hành trình của Pháp sư Hui Shen và để cử vị thân vương Du Kỳ thăm vấn Pháp sư Hui Shen chi tiết về phái đoàn của ngài đến châu Mỹ, rồi sau đó tường trình đầy đủ về những hoạt động của ngài ở xứ lạ kia. Vì thế bản tường trình của Pháp sư Hui Shen đã được thực hiện và đưa vào văn khố của nhà Lương rồi lưu truyền đến ngày nay, được sự xác nhận đầy đủ của sử gia Trung Hoa lừng danh là Mã Đoan Lâm (馬端臨 sử gia đời Tống, tác giả *"Văn hiến thông khảo"*, ghi chú của dịch giả).

Trong khi tiếp chuyện với vị thân vương Du Kỳ, Pháp sư Hui Shen trình rằng giáo đoàn gồm năm Tăng sĩ Phật giáo trong đó có ngài, đã đến châu Mỹ dưới thời vua Minh Đế của triều đại nhà Tống (420 - 589) trong khoảng 458 sau Tây lịch. Các nhà sư mang theo hình tượng, ngọc xá-lợi và kinh sách. Thời ấy đất Mỹ chưa biết đến đạo Phật, phái đoàn đã thành công và họ đã có thể truyền cụ túc giới cho các Tăng sĩ trong số người dân ở đó. Phái đoàn đi dọc theo quần đảo Kurile và đảo Aleutian đến Alaska. Họ khởi hành từ vùng Kamchatka, vùng này đã được người Trung Hoa thời ấy biết đến. Pháp sư Hui Shen miêu tả rất sinh động cái xứ sở đã được vùng Viễn Đông biết đến với tên Fusan ấy, những tập quán và phong cách của người bản xứ và nói rằng xứ ấy cách khoảng 2.000 dặm đến 6.500 dặm về miền Đông Kamchatka và cũng là phía Đông của Trung Hoa, rõ ràng nhóm người ấy đã thực hiện một chuyến hải trình trên một chiếc thuyền không mui hoặc một chiếc xuồng nhỏ.

Sau khoảng 40 năm, không biết vì lý do nào đó, Pháp sư Hui Shen đã bị người thổ dân ngược đãi và khi cuộc sống của ngài bị đe dọa, ngài biến mất khỏi đất nước này. Nhưng ngài đã để lại vài dòng chữ khắc trên vách đá. Ở Magdalana thuộc Mexico, có một pho



tượng được dựng lên để tưởng nhớ ngài với tên tuổi được khắc vào đó. Ở Trung Mỹ có bằng chứng về truyền thống lẫn khảo cổ chứng tỏ rằng những thành viên kia của phái đoàn đã đi theo một tuyến đường khác đến Trung Mỹ và tiến hành việc hoằng pháp ở đó. Pháp sư Hui Shen quay lại Trung Hoa một mình và không ai biết gì về những thành viên còn lại của phái đoàn ấy nữa.

Bằng chứng này từ văn học Phật giáo Trung Hoa được hỗ trợ với những phong tục tập quán, những nghi lễ, những cổ vật được tìm thấy ở Trung Mỹ mở rộng suốt hướng đi xuống tận những bờ biển Thái Bình Dương từ Alaska đến Mexico và cả những địa phương khác nằm trên đất liền, để lộ những ảnh hưởng của Phật giáo tại đó.

Những tập quán tôn giáo

Khi đề cập tới tầm ảnh hưởng lan rộng của văn hóa Ấn Độ đến tận Trung Mỹ và Mexico, giáo sư John Fryer nói: “Những tập quán tôn giáo và tín ngưỡng của xứ Mexico, Yucatan và Trung Mỹ, cùng với lối kiến trúc niên lịch, nghệ thuật và nhiều thứ khác được người Tây Ban Nha khám phá khi họ chinh phục châu Mỹ, chứng tỏ cho thấy có sự trùng hợp hết sức kỳ lạ về những nét đặc biệt giữa phong tục tín ngưỡng châu Mỹ với phong tục tín

ngưỡng châu Á, khiến người ta ngạc nhiên và nghĩ rằng ảnh hưởng đạo Phật đã lan đến châu Mỹ thời ấy. Những sự trùng hợp như vậy nhiều đến nỗi những nhà nghiên cứu độc lập chưa từng biết gì đến câu chuyện Pháp sư Hui Shen cũng tin rằng ắt hẳn đã có mối liên hệ nào đó giữa Mỹ và châu Á từ đầu kỷ nguyên Tây lịch”.

Giáo sư Edward P. Vining ở San Francisco, người nghiên cứu về vấn đề này đã nêu ra ba mươi lăm sự trùng hợp nổi bật để chứng tỏ sự hiện diện của Phật giáo và văn hoá Ấn ở Trung Mỹ và Mexico trong những thế kỷ đầu của Tây lịch. Theo ông, những sự trùng hợp rõ ràng như vậy cho thấy cả Phật giáo và Ấn Độ giáo đã được truyền vào Trung Mỹ trong một thời gian dài trước khi người Tây Ban Nha đến đó. (*Do nhà hàng hải Columbus dẫn đầu chuyến công du cho triều đình Tây Ban Nha đã khám phá ra Châu Mỹ vào tháng 10 năm 1492.*)

Một nguồn thông tin giá trị nữa liên quan đến việc Pháp sư Hui Shen và đoàn truyền giáo của ngài đến châu Mỹ, đó là hai học giả Canada, giáo sư John Murray Gibbon và Tom Mac Innes đã công nhận việc khám phá châu Mỹ của Pháp sư Hui Shen. Theo họ thì Pháp sư Hui Shen đã băng qua Thái Bình Dương trong một chiếc thuyền Trung Hoa. Ngài đến Vancouver (Canada) khoảng năm 499 sau Tây lịch. Giáo sư Gibbon trích lời của một nhà địa lý thời đại Geogre III, người nghiên cứu vấn đề đóng góp của Trung Hoa đối với hải trình xuyên Thái Bình Dương. Giáo sư Mac Innes nói rằng Pháp sư Hui Shen đã trải qua mùa đông ở đảo Nootka, Canada, nơi ngài để lại ba Tăng sĩ truyền giáo. Những đồng tiền Trung Hoa thuộc triều đại nhà Tấn được tìm thấy ở đó vào năm 1876. Tàn tích những ngôi chùa Phật giáo được khám phá ở Mexico, trong tiểu bang Sonora nằm trên bờ biển Thái Bình Dương và gần thành phố Ures, cũng trong tiểu bang ấy, cùng với một pho tượng Phật có khắc những hàng chữ Trung Hoa.

Sự kiện Pháp sư Hui Shen và đoàn truyền giáo của ngài đến từ Kabul và việc ngài không thông thạo tiếng Trung Hoa cho ta giả thuyết rằng ngài có thể là tu sĩ người Ấn Độ hoặc người gốc Kabul, vốn là một phần của Ấn Độ vào thời đó. Kabul cũng được gọi là Cophen Kiplin, Kandahar hay Balk trong vùng Gandhara bây giờ được sát nhập với Afghanistan và thời ấy đã là một trung tâm truyền bá Phật giáo. Một Tăng sĩ nổi tiếng của Kabul, người đến Trung Hoa trong khoảng thế kỷ thứ tư sau Tây lịch và phiên dịch nhiều kinh Phật ra tiếng Trung Hoa là ngài Chúng Thiên (Sanghadeva, Tăng-già-đế-bà). Mặc dù ngày nay Pháp sư Hui-Shen được biết với cái tên Trung Hoa, rất có thể ngài đã là người Ấn gốc Ấn Độ hay Kabul đến vậy. ■

Theo tài liệu: V.G. Nair, “*Buddhist Mission Visits America Before Columbus*”, Realist Buddhist, Malaysia, 1992.



Hai từ

"Xuân"

trong Truyện Kiều

NGUYỄN QUỐC DŨNG

Trong *Truyện Kiều*, có hai từ *xuân*. Một từ *xuân* [椿] chỉ tuổi già, tuổi thọ; và một từ *xuân* [春] chỉ tuổi trẻ, tuổi thanh niên. Đây phải chăng là một hiện tượng đồng âm, nhưng trái nghĩa? Trong tiếng Hán, có một số trường hợp tương tự, chẳng hạn, có hai từ *minh*, một từ *minh* [明] có nghĩa là "sáng", một từ *minh* [冥] đồng âm lại có nghĩa là "tối"! Thoạt nghe có vẻ lạ, nhưng đó là một sự thật hiển nhiên và đầy thú vị trong ngôn ngữ. Ngày xuân rảnh rỗi, ta thử lần theo các câu thơ *Truyện Kiều* tìm hiểu xem hai từ *xuân* này được Nguyễn Du sử dụng như thế nào và chúng có quan hệ gì với nhau... mà có vẻ lạ vậy?

1. Từ Xuân thứ nhất [椿]¹

Từ xuân [椿] là từ gốc Hán, dùng biểu thị một loại cây to thời thượng cổ mà theo truyền thuyết Trung Hoa, mùa xuân của nó có đến tám ngàn năm. Do đặc tính này, cây *xuân* được dùng để ví với "tuổi thọ của người cha", qua đó chỉ "người cao tuổi" hay "người cha" với mong ước ngầm của con cái là cha sẽ được sống lâu, trường thọ. Trong *Truyện Kiều*, từ *xuân* này đã được Nguyễn Du dùng với ý nghĩa như thế:

Cối xuân tuổi hạc càng cao (673)

Xót thay xuân cối huyên² già (2.237)

Cũng với ý nghĩa này, từ *xuân* còn được ông dùng như một từ tổ kết hợp với các từ tổ khác để tạo ra từ ghép như *xuân huyên* (cha và mẹ): *xuân đường* (người cha):

Xuân huyên chợt tỉnh giấc nồng (759)

Lại vừa gặp khoảng *xuân đường* lại quê (1.292)

"Xuân đường" theo nghĩa đen là "nhà có trồng cây xuân" hay "nhà của người cha", nhưng trong ngữ cảnh của câu thơ 1.292, nó biểu thị chủ thể của hành động "lại quê" nên ở đây phải được hiểu nghĩa là "người cha". Tuy nhiên, trong câu thơ sau, "xuân đường" có thể hiểu theo hai nghĩa: hoặc chỉ nơi chốn (nhà của cha) hay chỉ người ở nơi ấy (người cha):

Rạng ra gửi đến *xuân đường* (1.497)

Cũng cần lưu ý rằng từ *xuân* đôi khi bị đọc nhầm thành từ "thung" và được hiểu nghĩa như từ *xuân*:

Ở trên còn có nhà thung (1.353)

Như vậy, từ *xuân* thứ nhất là một từ đa nghĩa. Trong *Truyện Kiều*, từ *xuân* và những tổ hợp của nó chủ yếu dùng theo một nghĩa nghĩa ẩn dụ ám chỉ người cha. Sự xuất hiện của nó trong tác phẩm không nhiều (10 lần). Trong tiếng Việt ngày nay, nó là từ cổ, không mấy ai còn dùng nữa.

2. Từ Xuân thứ hai [春]

Trong *Truyện Kiều*, từ *xuân* thứ hai [春]³ cũng là từ gốc Hán, được dùng lặp đi lặp lại nhiều lần với tần số khá cao (41 lần). Ý nghĩa của nó, nói chung, khá phong phú và phức tạp.

Trước tiên, ta thấy từ *xuân* được dùng với nghĩa gốc (nghĩa đen) chỉ "mùa xuân", mùa đầu tiên trong năm. Có chừng 20 lần trong tổng số trường hợp từ *xuân* được dùng với nghĩa này. Ví dụ:

Ngày xuân, con én đưa thoi. (39)

Chị em sắm sửa bộ hành chơi *xuân* (46).

Thưa hồng rậm lục, đã chừng *xuân* qua (370)

Nhưng mùa xuân là khởi đầu cho một năm mới chẳng khác gì tuổi trẻ là khởi đầu của một đời người. Cho nên, từ sự liên tưởng ấy, từ *xuân* đã được Nguyễn Du dùng theo nghĩa ẩn dụ ám chỉ "tuổi trẻ" hay "tuổi thanh xuân". Với nghĩa này, số lần xuất hiện của từ *xuân* cũng khá cao (18 lần). Ví dụ:

Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê (36)

Nửa chừng xuân thoát gầy cành thiên hương (66)

Ngày xuân em hãy còn dài (731)

Một nền Đồng tước khóa *xuân* hai Kiều (156)

Vào mùa xuân thì khí trời ấm áp, cảnh vật tốt tươi, trăm hoa đua nở đẹp đẽ, cho nên từ *xuân* cũng được nhà thơ đất Tiên Điền liên hội và sử dụng nó với ý nghĩa các thuộc tính của mùa xuân như "tốt tươi", "ấm áp", "nồng ấm", "đẹp đẽ". Và trong trường hợp này, từ



Nguồn: thuvienvanmau.com

xuân được dùng như một tính từ:

*Chữ tình ngày một thêm **xuân** một ngày* (2.288)

Trong *Truyện Kiều*, có một trường hợp khá hiếm hoi là từ *xuân* được dùng với nghĩa hoán dụ khi nó kết hợp với từ *thu* trong tổ hợp “*xuân thu*” để biểu thị thời gian một “*năm*”.

***Xuân thu** biết đã đổi thay mấy lần?* (2.858)

Cách diễn đạt văn chương này không khác chi khi hai từ này được dùng độc lập (tách riêng) như ta

thường thấy, chẳng hạn: “*đã mấy xuân qua*”, “*nghìn thu bạc mệnh*”, “*ba thu dọn lại một ngày dài ghê*”...

Cuối cùng và cũng khá đặc biệt, từ *xuân* trong *Truyện Kiều* còn có vài trường hợp được dùng với nghĩa chuyển ẩn dụ là “*tình yêu trai gái*”.

Mặc người mưa Sở mây Tần,

*Những mình nào biết có **xuân** là gì!* (1.240)

Nhờ sự dẫn dắt, chuẩn bị khéo léo từ câu lục ở trên (*mưa Sở mây Tần*: chỉ sự ân ái của trai gái) mà từ *xuân* ở câu bát đứng dưới (hàm chỉ tình yêu trai gái) đã xuất hiện thật

đúng chỗ, tài tình. Dĩ nhiên, người đọc cũng có thể hay có quyền hiểu từ *xuân* ở đây theo nghĩa “tuổi trẻ”, nhưng như vậy, thật ra chưa thấy được dụng ý nghệ thuật của tác giả, qua đó cái hay, cái thú vị của câu thơ. Theo *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên) thì trong tiếng Việt hiện đại, nghĩa này của từ *xuân* mang tính chất từ chương, đã cũ. Ngày nay, ta không còn thấy được sử dụng nữa.

Như vậy, từ *xuân* thứ hai trong *Truyện Kiều* cũng là một từ đa nghĩa. Tuy nhiên, có điều cũng cần lưu ý, các nghĩa đã phân tích trên của từ *xuân*, không phải bao giờ cũng rạch ròi, mà đôi lúc có thể hiểu nước đôi do thuộc tính đặc biệt gọi hơn là tả của ngôn ngữ văn chương. Chẳng hạn trong câu “*Đêm xuân một giấc mơ màng, đước hoa để đó, mặt nàng nằm trơ*” (câu 849-850) thì “đêm xuân” rõ ràng có thể hiểu theo nghĩa đen “đêm của mùa xuân” như *Từ điển Truyện Kiều* của Đào Duy Anh đã giải thích. Tuy nhiên, nếu dò theo diễn tiến thời gian của câu chuyện thì cái đêm ấy, cái đêm “tiếc thay một đoá trà mi, con ong đã tỏ đường đi lối về” lại là một đêm mùa hạ “thưa hồng rậm lục đã chừng xuân qua”! Do vậy, *đêm xuân* ở đây phải chăng nên được hiểu theo nghĩa bóng: “đêm của tuổi thanh xuân”? Hay theo *Từ điển Thanh Nghi*, phải chăng nên hiểu *đêm xuân* là “đêm của tình ái”?

Tương tự, “giấc xuân” trong câu “*Thúy Vân chợt tỉnh giấc xuân*” (câu 713), có thể hiểu một cách thông thường đơn giản là “giấc ngủ vào mùa xuân”. Nhưng theo *Từ điển Truyện Kiều* thì “giấc xuân” lại là “giấc ngủ của tuổi trẻ” (tr.200), tức từ *xuân* được hiểu theo nghĩa “tuổi trẻ”. Nghe có vẻ kiểu cách, nhưng theo mạch văn *Truyện Kiều* thì có lẽ đó là ý nghĩa đúng của từ *xuân*.

Đọc *Truyện Kiều*, đôi khi, ta bắt gặp trong cùng một câu thơ từ *xuân* xuất hiện hai lần, nhưng ý nghĩa có nơi chưa hẳn đã là một.

Lòng xuân phơi phới, chén xuân tàng tàng (424)
hay:

Ngày xuân lấm lúc đi về với xuân (1.294)

Trong cả hai câu thơ này, từ *xuân* được lặp lại như một biện pháp tu từ nhằm làm tăng thêm giá trị biểu đạt cho câu thơ. Nhưng cách lặp ấy ở mỗi câu một khác. Ở câu 424, không những có lặp từ mà còn lặp cả cú pháp (lặp kết cấu chủ-vị), từ *xuân* được đặt trong thế đối xứng (ở vị trí chủ từ thứ hai) của hai vế đối, do đó, phải chăng nghĩa của nó ở hai vế là như nhau? Xem xét trong văn cảnh, đây là câu thơ lột tả tâm trạng hạnh phúc của Kim - Kiều vào một ngày họ gặp gỡ bên nhau trong men say tình yêu đôi lứa. Tình yêu và chén rượu mừng hạnh phúc nồng ấm là ý nghĩa được gợi ra bởi từ *xuân* ở đây.

Ở câu 1.294 với kết cấu ngữ pháp khác hẳn, từ *xuân* không có cùng vai trò, vị trí như từ *xuân* ở câu trên. Trong câu thơ này, *xuân* trong “ngày xuân” ắt hẳn là “mùa xuân” rồi, bởi vì cho đến câu thơ 1.307 ở dưới tác giả mới nhắc đến mùa hè (*dưới trăng quỳnh đã gọi hè*); còn “đi về với xuân” là đi về với ai? Từ “đi về” gợi cho ta nhận thức chủ

thể ở đây là người. Thật vậy, xét trong văn cảnh, câu thơ này viết về động thái tình yêu gắn bó của Thúc Sinh đối với Kiều trong thời gian đầu quen biết khi nàng còn ở lầu xanh (khi thì “gió gác, trăng sân”, khi thì “hương sớm, trà trưa”...). Do đó, “đi về với xuân”, đích thị là “đi về với nàng Kiều” rồi. Từ *xuân* được dùng với biện pháp nhân hóa chỉ người yêu, người đẹp tuổi xuân thì, không ai khác mà chính là nàng Kiều. Như vậy, trong cùng một câu thơ, Nguyễn Du đã dùng từ *xuân* với hai nghĩa khác nhau như một trò chơi ngôn ngữ, thật là thú vị!

3. Quan hệ giữa hai từ *Xuân*

Hai từ *xuân* [椿] và [春] có cùng vỏ ngữ âm như nhau (do có thành tố chung 春 mà âm Hán Việt đọc là “xuân”) nên đó là hai từ đồng âm. Theo lý luận ngôn ngữ học (từ vựng ngữ nghĩa) thì từ đồng âm phải khác nghĩa và không có quan hệ với nhau về nghĩa. Tuy nhiên, phân tích và so sánh từ hình của hai từ này, ta bắt gặp một điều khá thú vị: Đó là hai từ này vừa đồng âm lại vừa có quan hệ ngữ nghĩa với nhau!

Nhìn vào hình thức cấu tạo của chữ viết, ta thấy cả hai từ đều có một thành tố chung giống nhau [春]. Dấu hiệu tương đồng này gợi ý và cho phép ta liên tưởng đến mối quan hệ nguồn gốc, ngữ âm và ngữ nghĩa giữa hai từ *xuân*:

- Từ *xuân* thứ nhất [椿] có hình thức chữ viết được cấu tạo theo cách hình thanh gồm hai phần: phần biểu ý [木] chỉ cây cối (bộ mộc) và phần biểu âm [春] mượn của từ “xuân” thứ hai. Điều đó có nghĩa, về mặt nguồn gốc, chữ *xuân* thứ nhất được hình thành trên cơ sở chữ *xuân* thứ hai.

- Nghĩa gốc của từ *xuân* thứ nhất [椿] là chỉ loại “cây cổ thụ có tuổi xuân kéo dài đến tám ngàn năm”. Điều đó có nghĩa là sở dĩ gọi là “cây xuân” vì loại cây này có mang đặc điểm của mùa xuân (tám ngàn mùa xuân). Do đặc điểm ấy, người ta dùng tên gọi “mùa xuân” để gọi tên “cây xuân” theo cách liên tưởng tương đồng. Như vậy, về mặt ngữ nghĩa, từ *xuân* thứ nhất là phái sinh của từ *xuân* thứ hai theo nghĩa ẩn dụ. Theo cách hiểu đó thì trong cấu tạo chữ viết của từ *xuân* thứ nhất, thành phần biểu âm “xuân” [春] lại vừa là thành phần biểu ý. Qua đó, có thể nói, chữ *xuân* này được cấu tạo theo cách phối hợp vừa hình thanh vừa hội ý.

- Như trên đã trình bày, cả hai từ *xuân* đều là từ đa nghĩa. Nếu xét trên cơ sở khái quát một nét nghĩa chung giữa hai từ là nét nghĩa chỉ “tuổi tác”, ta lại thấy hai từ *xuân* có quan hệ trái nghĩa với nhau: Từ *xuân* [春] chỉ “tuổi trẻ” và từ *xuân* [椿] chỉ “tuổi già, tuổi thọ”. Ý nghĩa đối lập ấy của hai từ *xuân* xem ra có vẻ nghịch lý, nhưng như trên đã phân tích, thì nó có cơ sở xuất phát từ thực tiễn sử dụng ngôn ngữ. Ở tiếng Hán, cách dùng từ “vạn tuế” thời phong kiến là một ví dụ khá thú vị minh chứng cho nghịch lý ấy. Do tục kiêng kỵ, người Trung Hoa và nhiều dân tộc khác trên thế giới (trong đó có Việt Nam)



thích cách nói quanh co, vòng vo tam quốc (uẩn ngữ). Theo sách “Sử ký” (Cao Tổ bản kỷ), sau 12 năm lên ngôi hoàng đế, Lưu Bang về thăm quê hương Phái (nay là tỉnh Giang Tô). Xúc cảm mãnh liệt trong buổi tiệc chiêu đãi bà con họ hàng làng xóm, ông nói: “*Du tử thương nhớ quê hương. Nay lập kinh đô ở Quan Trung, nhưng khi ‘vạn tuế’, linh hồn sẽ nhớ lại những ngày vui ở Phái này*”⁵. Thông thường, từ “vạn tuế” được dùng để chúc mừng, ca ngợi sự sống lâu dài, trường thọ của nhà vua, nhưng ở đây nó lại được dùng theo cái nghĩa đối lập, tương phản để biểu thị sự kết thúc cuộc đời. Lưu Bang nói “khi vạn tuế” chẳng khác gì người Việt nói “khi trăm tuổi” tức “lúc chết”. Như vậy, thật bất ngờ, từ “vạn tuế” mang hai nghĩa, nhưng lại trái ngược nhau: “sống” và “chết”!

Những nhận xét phân tích trên đây cho thấy giữa hai từ *xuân* rõ ràng có quan hệ nguồn gốc, ngữ âm và ngữ nghĩa với nhau. Có thể nói, hai từ *xuân* này thực chất vốn là một từ duy nhất, một từ đa nghĩa với nghĩa gốc của nó là “mùa xuân”. Tuy nhiên, chữ Hán là hệ thống chữ viết “ghi ý”, một loại chữ viết cơ bản dựa vào hình tượng sự vật để “vẽ” lại nội dung biểu đạt. Cho nên, “mùa xuân” và “cây xuân” là hai ý niệm khác nhau tất phải có hai hình vẽ khác nhau để biểu thị, mặc dù trong chiều sâu của nhận thức, hai ý niệm ấy có quan hệ bên trong với nhau! Nói cách khác, hai từ *xuân* có quan hệ đồng nhất, xét về mặt nội dung thì “tuy hai mà một”, nhưng xét về hình thức thì “tuy một mà lại hai”. Chữ viết rõ ràng là hình thức cho nên có hai từ *xuân* với hai cách viết khác nhau là điều tất nhiên có thể hiểu được. Tuy có phức tạp nhưng nó mang vẻ đẹp truyền thống văn hóa lâu đời của người Trung Hoa về mặt văn tự.

Tóm lại, nếu xem xét trên mặt chữ viết (từ hình), trong *Truyện Kiều* có hai từ *xuân* cùng gốc Hán, một từ *xuân* nay đã cổ và một từ *xuân* còn trẻ trung, đầy sức sống. Cả hai từ này đều được Nguyễn Du sử dụng chủ yếu với nghĩa chuyển ẩn dụ một cách khéo léo, sinh

động, nhất là với từ *xuân* thứ hai. Chúng là những từ đa nghĩa. Tuy nhiên, giữa chúng vừa có quan hệ đồng âm lại vừa có quan hệ ngữ nghĩa! Đó là điều trớ trêu của từ đồng âm về mặt lý thuyết ngôn ngữ học (từ vựng học ngữ nghĩa). Từ mối quan hệ giữa hai từ *xuân* như đã phân tích trên, có thể nói, rằng tuy chữ viết là hệ thống ký tự thuần túy hình thức dùng để phản ánh, “ghi” lại ngôn ngữ tự nhiên, nhưng không như ngôn ngữ tự nhiên được tri nhận bằng thính giác (nghe) mà được tri nhận bằng thị giác (nhìn) cho nên **chữ viết là thực thể tồn tại có lý lẽ riêng của nó**⁶.

Thâm nhập, nghiên cứu kho tàng chữ nghĩa của Hán tự nói riêng, của chữ viết nói chung chắc chắn là một điều thú vị và không kém phần hấp dẫn vậy. ■

Chú thích:

- Để tiện việc trình bày về mặt hình thức, tạm gọi từ *xuân* này là từ *xuân* thứ nhất.
- Huyền: tên gọi một loại cỏ thơm, còn có tên là vô ưu thảo, được dùng để ví với người mẹ.
- Từ đây trở xuống, từ *xuân* thứ hai được gọi tắt là *xuân*.
- Đây là ví dụ không có trong *Truyện Kiều*, mà của người viết bài này.
- Theo Atsugi Tetsuji, “*Tự nguyên Hán tự, những câu chuyện chữ Hán trong tiếng Nhật*”, Nxb Trẻ, 2017, tr.148.
- Chữ viết là thực thể tồn tại có lý lẽ riêng của nó, cho nên sự thay đổi chữ viết như đề nghị của PGS.TS Bùi Hiền gần đây chẳng hạn là không cần thiết, có thể gây phản cảm không đáng có trong xã hội.

Tài liệu tham khảo:

- Đào Duy Anh, *Từ điển Truyện Kiều*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1987.
- Thanh Nghị, *Việt Nam Tân Từ điển*, Nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1965.
- Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, 2001.
- Atsugi Tetsuji, *Tự nguyên Hán tự, những câu chuyện chữ Hán trong tiếng Nhật*, Nxb Trẻ, 2017 (Phan Thị Mỹ Loan và Nguyễn Đỗ An Nhiên dịch).



Trời cuối năm se lạnh, nhưng không khí mua sắm vẫn ấm lên từng ngày. Phố xá tưng bừng, nhộn nhịp, người người đổ về khu vực trung tâm. Nhu cầu mua sắm, tiêu dùng là một trong ba mũi nhọn đưa kinh tế đất nước tăng trưởng (bên cạnh hoạt động đầu tư và xuất khẩu). Đứng ở một góc độ khác, người ta thấy rõ sức hấp dẫn và khả năng thu hút, hội tụ nguồn nhân lực từ mọi miền đất nước đổ về thành phố đã đem đến cho đời sống đô thị sự năng động, sáng tạo. Bước chân ra phố có thể cảm nhận nét quyến rũ, phong phú, đa dạng trong văn hóa thị dân, từ những khuôn mặt nhiều vẻ cho đến giọng nói trầm bổng khác nhau, nếp sống, lối sống không thuần nhất... Tất cả tạo nên bức tranh đa sắc cho đời sống đô thị.

Cuộc sống ở đây lúc nào cũng tất bật, hối hả, gần Tết nhịp sống lại càng tăng thêm sự vội vã. Không khí Tết tràn ngập trên khắp nẻo đường. Nhiều khu chợ tự phát mọc lên, các cửa hàng tiện lợi, siêu thị, trung tâm thương mại... đâu đâu cũng thấy người đi mua sắm. Dù đời sống hiện đại đã cung cấp cho cư dân đô thị nhiều tiện ích sinh hoạt, loại hình dịch vụ; nhưng, nhu

cầu mua sắm, nhất là vào Tết, vẫn níu chân con người đi theo lối quen xưa. Mua sắm là tập quán có trước dịch vụ giao hàng tiện ích. Bởi vậy, dòng người tấp nập, không ngừng đổ về khu trung tâm mua sắm.

Cảnh tượng ấy góp phần tạo nên nét chấm phá cho văn hóa chợ Tết. Ở nhiều nơi người ta còn rồng rắn nối đuôi nhau gây ách tắc giao thông. Ngày thường đi làm trong tình hình giao thông như vậy vào giờ cao điểm rất dễ khiến nhiều người phiền lòng, nhưng vào dịp Tết, niềm vui hân hoan đã lấn át, xóa đi sự bất tiện, thậm chí, càng đông người càng thấy vui hơn, như thế mới là Tết.

Song, cảnh tượng trên sẽ tới hồi kết vào ngày cuối năm, tức buổi chiều 30 Tết. Thành phố bắt đầu chuyển cảnh nhanh chóng từ trưa 30 cho đến buổi chiều thì kết thúc. Thay vào đó hiện lên một khung cảnh khác lạ, khác hẳn ngày thường. Người ta không khỏi ngỡ ngàng trước sự đổi thay. Thành phố như được khoác lên bộ trang phục mới, đẹp dịp dàng, dễ thương đến nao lòng. Các ngã đường trở nên rộng rãi, thanh thản. Người ra phố với tâm thái nhàn nhỡ, thanh thản. Khác với cảnh đông đúc, ồn ào thường ngày, phố xá chìm trong bầu không khí tĩnh lặng, yên bình. Lác đác có vài



Nguồn: vietnamnet.vn

người làm nốt công việc trong ngày để kịp về nhà đón Tết trên những con đường vắng.

Để chuẩn bị cho thành phố đổi thay mấy ngày Tết, từ 23 tháng chạp tiễn ông Táo về trời, ngành vận tải đã làm việc hết tốc lực. Trên bến tàu, sân bay, nhà ga biển người mênh mông. Những người con xa quê vội vã rời thành phố. Nhiều người tay xách nách mang lên chuyến xe khởi hành bỏ lại thành phố sau lưng. Chính những người ra đi và ở lại đã làm nên nét văn hóa đặc trưng ở đô thị mỗi dịp Tết đến xuân về. Dịch chuyển nguồn nhân lực đã tạo nên những biến chuyển về văn hóa. Hình ảnh tương phản giữa phố xá ngày thường và ngày Tết được khắc họa bởi những cư dân ra đi hay ở lại. Đây là một hiện tượng phổ biến tại thành phố lớn. Nó cho thấy xu hướng dịch chuyển nguồn nhân lực, nhu cầu trao đổi hàng hóa, sản phẩm và con người giữa các vùng miền trở nên thường xuyên.

Trên bình diện quốc tế, người ta hình dung bằng cụm từ Toàn cầu hóa, trong phạm vi quốc gia, đó chính là xu hướng Toàn quốc hóa. Bước chân xê dịch đưa người nơi này đến nơi kia và ngược lại. Nhờ sự xê dịch, cuộc sống trở nên năng động, liên tục thay đổi. Nó thôi thúc bước chân con người khám phá những miền

đất lạ, gặp những con người mới để làm nên ý nghĩa sáng tạo cho cuộc sống. Bên cạnh đó, cảnh phố vắng ngày Tết còn xuất phát bởi hoạt động thương mại, dịch vụ. Thương mại, dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế đô thị, nhất là ngành dịch vụ. Ngành này thu hút lượng lao động lớn từ các vùng miền, chuyển hóa nông dân thành thị dân, bồi dưỡng đào tạo kỹ năng cho họ nhằm phục vụ nhu cầu phát triển.

Vào ngày Tết, cửa hàng may mặc, chuỗi siêu thị, shop thời trang, nhà hàng, quán café... nhất loạt đều ngừng hoạt động. Cư dân đô thị vốn quen với nhu cầu mua sắm, ăn hàng, ngồi quán... Ngày Tết, họ phải thay đổi thói quen. Thay vào đó là ở nhà, dọn dẹp đồ đạc, chuẩn bị bếp núc, trang trí nhà cửa, ăn cơm cùng gia đình. Chính vì thế mà nhu cầu di chuyển cũng sụt giảm. Nhiều khu dân cư trở nên thưa thớt, vắng vẻ, đặc biệt là cụm cao ốc thương mại với mật độ văn phòng dày đặc. Bên cạnh đó, một bộ phận cư dân bản địa chọn hình thức du lịch vào dịp Tết nhờ có kỳ nghỉ dài. Hiện tượng này đang dần trở thành xu hướng phổ biến trong giới trung niên và giới trẻ. Nó tô đậm thêm hình ảnh phố xá vắng lặng, đường rộng thênh thang vào ngày Tết, đồng thời phản ánh chuỗi ngày phi thường trong những ngày bình thường của một năm.

Nhịp sống là sự ẩn hiện kỳ diệu mạch đập của cộng đồng và ẩn sâu dưới lòng bề bộn của cuộc sống. Khi nhịp sống hòa quyện với nhịp đập trái tim, tâm hồn con người, sự hòa quyện giữa không gian và thời gian, chúng ta dễ dàng nhận ra điều kỳ diệu ẩn tàng bên trong bản thân và bên ngoài cuộc sống. Nhịp sống thay đổi theo tâm trạng con người. Tâm trạng lại thay đổi theo phương thức sinh hoạt. Đi làm khác với đi chơi, đi mua sắm khác với đi giải quyết công việc và đi chơi thông thường khác với đi chơi Tết. Lũy tiến theo những trải nghiệm về cuộc sống, Tết ngự trên đỉnh chon von của niềm vui sống. Tết cộng hưởng niềm vui của cá nhân và cộng đồng, gắn kết tình cảm thiêng liêng giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Tết đến từ mùa xuân và đi ra từ trái tim con người, niềm khát khao, hy vọng về một cuộc sống yên bình, sung túc, an vui.

Có người bình phẩm, ở thành phố này ngày nào cũng là Tết, duy chỉ có Tết là chẳng hề giống Tết. Điều đó ám chỉ hiện tượng kém phần nao nhiệt mỗi khi bước chân ra phố vào ngày Tết. Sự sụt giảm số lượng người tham gia giao thông, cửa hàng đóng im ỉm trong những khu chợ, trung tâm mua sắm, quán cóc ven đường không hiện lên trên hè phố, gánh hàng rong không la đà đầu mỗi con hẻm, học sinh không phải đến trường, người đi làm không đến công sở... Mọi hoạt động thường nhật rơi vào khoảng trống không gian đô thị tạo nên thời khắc huy hoàng của mùa xuân nơi đây.

Giữa chốn phồn hoa náo nhiệt, tập nập người qua kẻ lại, một khoảng lặng giữa đất trời cho mùa xuân và con người gặp nhau đã tấu lên khúc dạo đầu của một năm mới. ■



Chon chất một mảnh hồn quê

HẢI TRÌNH

Nhà văn tài hoa người Pháp Marcel Proust đã nói một câu mới nghe tưởng chừng như bông quơ nhưng vô cùng lãng mạn, đại ý như sau: Cứ mỗi lần thấy mấy cô gái đứng múa dưới những cành hoa đào, nhà văn đều tự hỏi: “Sang năm, sang năm nữa nàng có còn đứng múa ở nơi này nữa hay không?”.

Tương tự, nhà thơ Việt nam Hàn Mặc Tử cũng đã từng bằng khuâng tự hỏi:

*Chị ấy năm nay còn gánh thóc
Độc bờ sông trắng nắng chang chang?*

(Mùa xuân chín)

Đó là nỗi bất an thường xuyên của con người trước cuộc sống. Bởi lẽ, thói thường khi tàn cuộc vui, thì theo sau là nỗi buồn cô đơn; trống vắng.

Nhưng với Đoàn Văn Cừ thì khác. Trong *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh đã nhận xét về thơ ông như sau: “*Khép một thế giới thực, mở ra một thế giới mộng. Cảnh trước mắt vừa tan thì tình trong lòng cũng vừa nhóm*”.

Cứ như ông đã kết thúc bài *Đám cưới mùa xuân* bằng hai câu thơ mà nghe như niềm vui chưa dứt, dù cho đám cưới đã đi qua:

*Chỉ còn nghe vắng vắng tiếng chim xuân
Ca ánh ỏi trên cành xanh tằm nắng.*

Tả về mẹ, người ta thường dùng những hình ảnh tàn tạ, u buồn như: bước thấp bước cao, như ngọn đèn leo lét, như chuối chín cây... Trái lại Đoàn Văn Cừ đã tả mẹ mình như một cô gái thuở còn xuân sắc, vẫn còn duyên dáng, trẻ đẹp như ngày nào:



Nguồn: mb.dkn.tv

*Thúng gạo bên hông, nón đội đầu,
Khuyên vàng, yếm thắm áo the nâu
Trông u chẳng khác thời con gái
Mắt sáng, môi hồng, da đỏ au.*

Tinh thần lạc quan yêu đời ấy vẫn còn ở mãi trong tâm hồn ông cho đến năm 1948, ông tòng quân. Anh em văn nghệ mới lần đầu biết mặt ông trong Đại hội Văn nghệ Kháng chiến ở Nam Định. Báo *Công Dân* của anh Trúc Đường tường thuật ông lên đọc một bài thơ lời lẽ ngộ nghĩnh như sau:

*Đoàn văn Cừ hể, Đoàn văn Cừ
Người có một vợ hể, hai thằng cu
Ra trận phen nầy người thềm chém giặc
Không giết được Tây hể, người khóc hu hu.*

Nếu văn nhân, thi sĩ là chứng nhân của thời đại, thì Đoàn Văn Cừ là người đã cứu mang sứ mệnh cao cả đó; ông là người đã ghi lại những hình ảnh một thời thơ mộng về bức tranh quê Việt Nam bằng những bài thơ Tết bất hủ. Tính đến tháng 10 năm 1941, ông có sáu, bảy bài thơ đăng trên tạp chí *Thời Nay* thì đã có đến bốn bài viết về mùa xuân. Cũng nhà phê bình Hoài Thanh trong *Thi nhân Việt Nam* lại có đoạn viết về nhà thơ ấy một cách dí dỏm như sau: “Cái tên Đoàn Văn Cừ trong trí tôi đã lẫn với màu bánh chưng, mùi thuốc pháo, vị mít gừng...”

Dĩ nông vi bản, đời sống của dân quê Việt Nam đã bao đời gắn liền với đồng ruộng, với bao nỗi nhọc nhằn thiếu thốn. Để bù đắp lại, họ có được những ngày Tết tung bừng, là dịp để nghỉ ngơi, ăn chơi thỏa thích.
“Đói đến chết, ngày Tết cũng no”.

Để chuẩn bị cho những ngày trọng đại đó là phiên chợ Tết. Chúng ta hãy ghé thăm một phiên chợ miền trung du vào những ngày cuối tháng Chạp qua những hình ảnh sinh hoạt nhộn nhịp trong bài thơ “Chợ Tết”.

Như một cây đèn kéo quân, Đoàn Văn Cừ đã cho cảnh vật lần lượt đi qua. Từ “thằng cu áo đỏ”, đến “cụ già chống gậy”, “cô yếm thắm” cho đến “bà lão bán hàng tóc trắng phau phau”. Khung cảnh buổi chợ cuối năm cũng đã thể hiện được tính hòa hợp của cộng đồng cư dân miền thôn dã:

*Áo cù lý bị người chen sấn kéo
Khăn trên đầu đương chít cũng tung ra.*

Và cũng không thể thiếu hình ảnh:

*Một thầy khóa gò lưng trên cánh phản
Tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân.*

Đến những bức tranh dân gian Đông Hồ, nét độc đáo của ba ngày Tết cũng được ông cũng chắt chiu không bỏ sót. Ngày xuân là mối giao hòa của vũ trụ; cái thế hòa đồng Thiên-Địa-Nhân trong thơ của Đoàn Văn Cừ cũng lộ rõ bằng những nét tả chi li: “dải mây trắng”, “sương hồng lam” cho đến “con đường viền trắng nếp đồi xanh”.

Giờ phút thiêng liêng nhất trong ba ngày Tết là buổi họp mặt những người thân trong gia đình trước bàn thờ gia tiên, khói hương ngào ngạt; đã được nhà thơ trình trọng phác họa bằng những lời thơ quá ư chơn chất, thấm đượm hồn quê:

*Thằng nhỏ đứng pha trà dâng nước cúng
Cha tôi mặc chiếc áo dài lưng thụng
Lại bàn thờ quỳ xuống khấn gia tiên.*

Đọc tiếp bài thơ, ta thấy tác giả đã phác họa công phu cảnh chúc Tết của người xưa vô cùng tao nhã:

*Bổng một tràng pháo chuột đốt ngoài hiên
Nghe tiếng pháo tôi liền ra mở cửa
Một ông khách trông tươi cười hơn hở
Bước vào nhà mừng rỡ mở phong bao
Bổng cả nhà tấp nập chạy xôn xao
Chúc năm mới ồn ào không tiếng ngớt.*

Phải có một tình yêu quê hương máu thịt thì Đoàn Văn Cừ mới có thể trải lòng theo nhịp sống của những người dân quê tay lấm chân bùn, đã bao đời sống an phận sau lũy tre xanh.

Ngày xuân, đọc lại những bài thơ Tết của ông, không ít người phải bồi hồi nuối tiếc những hình ảnh đẹp của quê hương, mà nay chỉ còn trong ký ức. ■

Vài cảm nghĩ khi đọc XA XỨ,
thơ Trần Hoài Thư

"Gọi chiều nước lên..."

ĐỖ HỒNG NGỌC

Thơ mỏng tanh mà nặng trĩu với tôi. Tôi đọc mà nghe lòng mình rung rúc. Toàn tập thơ có thể nói chỉ là một bài duy nhất từ đầu đến cuối - như một bản trường ca chưa viết xong - mà cũng có thể coi là một tập hợp của nhiều bài thơ rải rác mang một cái tên chung: Xa Xứ. Một tập thơ lạ, không như những tập thơ khác của Thư Ấn Quán: gần như vuông vức, cứ mỗi trang thơ lại có một trang tranh tương ứng.

*Ừ nhĩ, cuối năm nơi đất lạ
Mưa mênh mông và sông mênh mông
Ừ nhĩ, hình như lòng rướm lệ
Như một người không có quê hương (tr.16).*

Cuối năm, ấy là lúc lòng chợt như dừng lại. Không khí sảng đặc hơn với cái buốt lạnh chiều đông. Và chỉ cần dừng lại, người ta đã thấy khác đi - trên con đường bươn chải, miệt mài, mù tăm... của bao ngày tháng nơi đất lạ quê người.

Dừng lại. Thì nghe được mưa ngoài trời và mưa trong lòng.

Anh nói hình như, hình như thôi, mà tôi tin lòng anh rướm lệ thật rồi. Rướm lệ bởi vì trời tháng Chạp rồi. Đó là lúc người ta trở về. Về đâu?

Đi về sao chẳng về đi/ Ruộng hoang vườn rậm còn chi không về (Đào Tiềm)... Nhưng, về đó là về cho kẻ có quê hương. Còn anh, như một người không có quê hương. Ở đây đất lạ quê người. Mấy mươi năm cũng một đời xứ xa (tr.50).

Thì về đâu? Chẳng về đâu cả. Về với lòng mình thôi.

Anh như muốn hét to lên một tiếng. Một tiếng dài cho lạnh tới sao Khuê. "Trường khiếu nhất thanh hàn thái hu" (Không Lộ thiền sư) vậy.

*Bây giờ trời đất thành thang
Tôi lên trên núi trên ngàn để vui
Dưới kia, một quá cuộc đời
Xa kia, xa quá, vơi vơi Việt Nam... (tr. 52).*

Dưới kia, một quá cuộc đời... Xa kia, xa quá, vơi vơi Việt Nam.

Chỉ cần mấy giờ bay, chỉ cần một cái "cần đầu vùn" là đến thế mà xa quá, xa như từ cõi lòng này đến cõi lòng kia, từ bờ bến này đến bờ bến nọ, khi ta chưa có trong tay con thuyền Bát-nhã, khi ta chưa đọc câu thần chú: Gaté, Gaté, Paragaté, Parasamgaté...

Anh viết vơi vơi không phải vì anh "kẹt vùn" đầu mà tôi nghĩ anh đã không còn cách nào khác. Vơi vơi rõ ràng không phải vơi vơi. Vơi vơi dẫu xa muôn trùng mà không cách biệt. Vơi vơi thì hết. Không phải là chuyện cách núi ngăn sông nữa rồi.

Hình như có lúc anh chẳng cần thơ nữa. Anh nói: "Có một ngày giữa tiểu bang mênh mông, chúng tôi đã bàng hoàng dừng xe, thẩn thức" (tr.22). Thẩn thức? Phải. Tôi nghĩ anh đang chạy xe với tốc độ cao trên xa lộ, mắt lại cận thị nặng, vậy mà, cũng đã kịp nhận ra:

*"Bụi chuối nhà ai bên đường đã mọc
Chuối mẹ chuối con, trời hồi quê nhà!" (tr.22).*

Vâng chỉ là một bụi chuối xúm xít mẹ con. Chỉ thế thôi. Nhưng trong anh là cả một quê nhà vằng vặc, Tôi biết anh chẳng quên Trần Minh khổ chuối, cũng chẳng quên *Gió đưa bụi chuối sau hè, anh mê vợ bé bỏ bè con thơ...*

Hai tiếng "trời hồi" mới "cải lương" làm sao! Nhưng nó đã làm tôi muốn rơi nước mắt! Cải lương thật tuyệt vời!

Rồi anh "lý giải" cho cái sự trời hồi đó của mình:

*Ở đâu cũng vẫn đất trời
Cũng rừng cô tịch cũng đôi tà dương
Cũng ngày nắng cũng đêm sương
Cũng qua cũng lại phố phường người dung
Cũng trên trời một vầng trăng
Cũng sông vẫn chảy hai dòng ngược xuôi
Nhưng lòng sao lại không nguôi
Nghe như bìm bịp gọi chiều nước lên... (tr.46).*

Lạ lùng là ở chỗ đó. Bìm bịp gọi chiều nước lên nó khác biết bao nhiêu tiếng rùng rùng chuyển động của những con tàu cơ khí với rầm rập bước chân người lạc lỏng giữa đám đông, với..., với...

Tôi có sống ở Boston mấy tháng mà thấy trăng Boston sao khác trăng mình. Trăng to quá, bự quá,

sùng sùng quá, lộ liễu quá, tênh hênh quá. Khác với trăng nằm sóng soãi trên cành liễu, khác với bên lên làm sao lúc nửa đêm của quê nhà. Cho nên “nghe như” tiếng bìm bịp kêu chiều kia đã làm cho anh khóc được: *chiều chiều lại nhớ chiều chiều...*

*Ngăn kéo cũ đã lâu rồi không mở
Tấm hình tôi lem luốc nhìn không ra
Tôi đứng giữa những nỗi buồn lịch sử
Lấn ngồng cuồng của tuổi trẻ hôm qua...*

(tr.56).

Bạn chúng tôi, Lữ Kiều nói “*lịch sử chọn chúng ta chứ chúng ta không chọn lịch sử*”.

Bốn mươi năm trước, những ngày ở Nha Trang, tôi lang thang cùng anh trên bãi biển đầy những cơn sóng thịnh nộ giữa những ngày tháng bão bùng... Rồi ở Saigon, có lần tôi đèo anh bằng chiếc xe lộc cộc của mình đến tòa soạn Bách Khoa, nơi anh hò hẹn, nhưng nàng không đến. Anh ủ rũ quay về. Chiếc xe nặng trĩu. Trong trí nhớ tôi, Trần Hoài Thu là một chàng thư sinh nho nhã, vầng trán rộng quá khổ, đôi mắt hun hút sau tròng kính cận, những ngón tay lòng thông, dáng đi lỏng lẻo... Anh là một kẻ “nồi tình”, dễ nước mắt, dễ giận hờn, dễ đắng cay...

Hơn bốn mươi năm không gặp lại. Anh vẫn nhắc tôi món bánh cuốn nóng ở cạnh nhà mình mà hôm đó anh và tôi ra ngồi bên lò lửa từ rất sớm, để tiễn anh đi, không, tiễn anh về, Về nơi gió cát. “Đêm trăng này nghĩ mát nơi nao”. Không cầm lòng được, hôm đó tôi đã viết cho bạn:

*Ta cũng muốn ngâm tràn câu tống biệt
Đưa người đi tiếng sóng ở trong lòng
Nhưng khói thuốc đã cay xè đôi mắt
Có ai còn thổi sáo trên sông
Trời buổi sáng mù sương lớp lớp
Người hành trang nỗi tuyệt vọng rã rời
Và khí phách thôi một thời trẻ dại
Ta nói gì cho bớt chút chia ly?
Đưa người ta nâng ly cà phê nhỏ
Rồi quan san rồi bụi đỏ người đi
Rồi khói súng người tập tành nỗi chết
Ta trở về hiu hắt đường khuya...*

...

(Đỗ Nghê)

Bây giờ đọc *Xa Xứ* của Trần Hoài Thu:

*Hẹn với lòng tháng Chạp sẽ về quê
Mà hơn ba mươi năm vẫn chưa về cố xứ
Khi hứa hẹn cứ nghĩ mình trẻ quá
Giờ thì già, ngựa đã nản chân bon* (tr.76).

Tôi nghĩ không phải đợi tới bây giờ ngựa mới nản chân bon đâu. Lâu lắm rồi, bốn mươi năm về trước rồi, Trần Hoài Thu như lửa chúng tôi đã thấy rõ “*Nỗi bơ vơ của bầy ngựa hoang*” rồi! Nhưng hãy đọc tiếp:

*Tôi lạc lối, em biết không
Tôi đang quờ quạng giữa vùng mù sương
Cũng vì cái ngạnh cái ương...* (tr. 44).

Tôi băn khoăn khi ghi lại những dòng này. Nghĩ trong lòng không biết có nên.

Thơ, tắc lòng ngàn năm - thốn tâm thiên cổ - là vậy. Không “*hư cầu*” được với thơ đâu Thư ơi!

*Đêm quá khuya, đêm không chịu trôi mau
Mắt đã mỏi mà sao trông chẳng khép* (tr.38).

Còn nói gì thêm được nữa?

Rồi những bức tranh, như đã nói, cứ một trang thơ lại có một trang tranh tương ứng. Những bức tranh đắm đuối quê nhà: khi thì đồi núi cao nguyên trùng trùng điệp điệp của Thân Trọng Minh, khi thì những con thuyền phơi mình nhớ sóng của Thanh Hằng, rồi cầu tre lắt lẻo, rồi bụi chuối sau hè... Và những mượt mà, thảng thốt, trầm tư, ưu uất... của Đinh Cường, Nguyễn Trọng Khôi, Tống Phước Cường, Lê Liễu... Tranh không còn là tranh nữa mà đã thành thơ trong *Xa Xứ*. Tôi bàng hoàng với bức tranh của Trần Quý Thoại ở trang 55: một con nai vàng, phải, một con nai vàng - và ngơ ngác, dĩ nhiên - nhưng không phải “*đạp trên lá vàng khô*” mà đạp trên lưng một con người cúi gục, với cái đầu to quá khổ mà chiếc cổ nhỏ bé không sao giữ nổi! Rồi ở trang 61, một lần nữa tôi ray rứt với những giọt nước mắt của khuôn mặt đàn bà mộng du, từng mảng rời đóng hộp, và những làn mây trôi trên cao. Cũng tranh Trần Quý Thoại. Hình như Thoại vẽ được những gì Trần Hoài Thu không viết được nên lời.

*Vỏ tôi đó nhưng hồn tôi trôi dạt
Em ở quê nhà có hiểu lòng tôi?* (tr.60).

* * *

*Em có hỏi tại sao ta chưa về cố xứ
Ta trả lời: Ta về chứ đêm qua
Ta vẫn về, rất thâm lặng thiết tha* (tr.78).

Ai sao không biết, tôi thì tôi tin. Tôi tin Trần Hoài Thu vẫn về đêm đêm, về thâm lặng, thiết tha... Thậm chí không cần phải dặn: *thấy hiu hiu gió thì hay chị về!* (Nguyễn Du).

Nhưng, gió bắc đã hiu hiu rồi đó Thư ơi! ■





Sương mai thành đạo

TRƯỜNG KHÁNH

Sương sớm đầu ngày rơi
Hào quang Phật sáng soi,
Trần gian chào ngày mới
Đạo vàng toả muôn nơi.

Ngàn chim cất tiếng ca,
Chư thiên nhạc tấu hòa,
Đón mừng ngày toàn giác,
Muôn phương trời nở hoa.

Núi rừng vang tiếng gọi
Chào đón bóng từ quang,
Ánh Vàng về muôn lối
Khắp đất trời thênh thang.

Trần gian vui ánh đạo vàng
Từ đây xóa sạch vô vàn uế nhơ,
Từ sinh, thành hoại - đôi bờ,
Đạo về nhuần mát tưng tở kinh thiêng,
Xin bình an đến muôn miền.
Khắp trần gian đượm ân triêm Phật đà,
Đạo thành tươi thắm ngàn hoa,
Niệm danh công đức Thích-ca độ đời,
Quy dâng vạn đóa hồng tươi,
Cúng dường Phật bảo sáng ngời trần gian,
Niềm vui Thành đạo chứa chan
Quay về nương tựa Đạo vàng Như Lai.

Tờ lịch cũ

NHƯ THỊ - LÊ ĐĂNG MẠNH

Đêm cuối năm thần lẫn ngôi chắt lưỡi
Tiếc tàn đông nọ rét đứng cảm hơi
Tờ lịch cũ vùng vằng đang hấp hối
Đợi gỡ về nằm kết xó nghỉ ngơi
Cùng bè bạn xâu thành tờ dĩ vãng
Tìm đau thương khi xáo cũng bồi hồi

Tháng năm cũ về dựng bia ký ức
Cổ tích - thời gian sẽ hóa nên lời
Giữa vô cùng mây nước rong vô tận
Người hữu hạn bên hoa cỏ tàn phai
Tờ lịch mẫn phần để thành năm ngoái
Ngày tháng vô tình nhớ mãi khôn nguôi.

Trong sâu thẳm ai cũng từng đau đớn
Cố ngoi lên vẩy đôi chữ u buồn
Vần tề tái mọc mầm thơ an lạc
Nên lịch cũ thường gói kỷ niệm thương.

Tư Dung bốn mùa

LƯƠNG TUÝ VÂN

Em cười hoa nở trên môi
Chiều nay sóng vỗ, mây trôi bỗng dừng
Đò ngang doi đất Hà Trung
Ôi bông hoa thắm giữa vùng nước mây
Em cười mơ núi sông này
Đơm hoa trở trái đó đây ấm lòng
Tình em trao nỗi hoài mong
Đóa hoa nào cũng Tư Dung bốn mùa.

Bản sonata huyền bí

TRẦN QUỐC TOÀN

Mầm non trổ trên đồi trắng
Cung đàn guitar trắng
Nhện giăng sương mù
Về trên gác lạnh lời ru
Ngày đã xa rồi
Mùa thu cũng trôi
Còn lại trên ngọn cỏ vàng
Tiếng gió đông sang
Cung đàn trầm tư
Cõi Bụt trong giấc chân như
Bản sonata huyền bí
Ngôn từ ánh trắng
Lên cao ngọn lửa khô cần
Tình trong chiếc lá
Vừa băng qua trời
Mùa xuân tìm thấy không lời...

Bến xưa

TÁNH THIÊN

Nhiệm màu Phật Pháp cao sâu
Hành chuyên lợi lạc chẳng cầu cúng xin
Hơi ta ta biết một mình
Chân ta ta bước hành trình mãi thôi.

Bến xưa nay đã đến rồi
Quên đi những chuyến thuyền đời dọc ngang
Thảnh thơi gió núi mây ngàn
Nghỉ yên trong cõi mộng tràn pháp âm.

Thế gian nhiều nổi thăng trầm
Hợp tan tan hợp bao lần đổi thay
Ta xin san sẻ hôm nay
Chút tình Phật Pháp tháng ngày còn đây.



Trái giọt từ tâm

TỊNH BÌNH

Ai dệt màu xuân tươi thắm?
Bên đàng bao kẻ băng khuâng
Ai khiến xui chi thu úa?
Nhoi nhói hồn ta bao lần...

Sau sum họp là ly biệt
Đắng cay xen lẫn ngọt bùi
Sau tiếng cười là lệ ướm
Niềm vui nào có thật vui

Nơi nao tìm chân hạnh phúc?
Không vui sầu khổ oán hờn
Không đến không đi cùng khắp
Chân thường chân lạc như nhiên

Miên viễn tình khô hăng chuyển
Vòng quay sinh diệt vô cùng
Trái giọt từ tâm vô lượng
Nụ cười vô thi vô chung...



Chiều say

MIỀN ĐỨC THẮNG

Chiều say bước xuống trái tim
Màu chai thấy bóng tường nguyên hèn hò
Chiều say chạm đáy chơ vơ
Dường như mưa hát bên bờ tri âm
Chiều say quên những lỗi lầm
Nhìn em mà bỗng âm thầm đắm mê
Say em say phút vụng về
Men chiều len lỏi con mê cuối ngày.

Tiếng xuân

CÁT TƯỜNG

Đồng đánh mấy giò lan
Đượm sắc hoa mai vàng
Chim chuyền cành vui hót
Rộn ràng tiếng xuân vang.

Gió ru cành lá hát
Phổ nhận bước chân người
Xuân về khắp mọi nơi
Bé tung tăng áo mới.

Con dốc mòn lối cũ
Theo chân mẹ lễ chùa
Đẹp thay...! Màu sứ trắng
Ngùi thương kỷ niệm xưa.

Chợt nghe lòng xốn xang
Tay cầm tay ngõ ngang
Thời gian chùng lẳng đọng
Thêm một mùa xuân sang.



Chiều cổ tích

NGÔ VĂN CƯ

Có một chiều xuân cổ tích
Ngẩn ngơ ngọn gió thiên di
Tiếng chim nép vào kẽ lá
Gọi tên giọt nắng nhu mì
Và em tròn mùa thiếu nữ
Triền hoa thả tuổi xuân thì.

Giáp ranh nơi chiều vàng muện
Nắng gom chưa đủ ấm nồng
Hun hút chiếc cầu thuở nhỏ
Nổi bờ về phía rặng đông
Anh nghe tiếng ai rón rén
Em còn đứng đợi đấy không?

Bàn chân dẫn về lối cũ
Hồn nhiên như buổi đại khờ
Cỏ rồi còn vương chút nắng
Áo em bay hoài trong mơ
Gót trần cửa bầm sỏi đá
Thì thôi đành phải giá vờ...



Nhà tranh tre, loại kiến trúc bị bỏ quên

VÕ VĂN LÂN

Vào các thập niên 30- 40 của thế kỉ XX, nghĩa là cách đây khoảng sáu bảy chục năm, ngôi nhà tranh tre là mái ấm gia đình tôi, cũng như bao gia đình người Việt khác. Và ở quê tôi, bên cạnh thợ mộc thợ nề chuyên xây dựng nhà cửa lâu đài lăng tẩm... còn có thợ tre chuyên làm nhà tranh tre cho hầu hết người dân. Tuy không có thầy dạy nghề và không ai học nghề, nhưng không có tay nghề thì không làm được. Nghĩa là thợ tre phải là người từng trải! Và ba tôi là một thợ tre có kinh nghiệm. Những ngôi nhà tre ông làm đều vững chắc và xinh đẹp. Bây giờ ba tôi đã tổ chức được một nhóm thợ chuyên nhận làm nhà tranh tre cho người có nhu cầu. Nói theo ngôn ngữ kinh tế hiện nay thì đó là một doanh nghiệp nhỏ hay siêu nhỏ bởi hồi đó ba tôi đã sắm đồ chờ tranh tre, có rạp tranh là kho trữ tranh bó, chất tranh tẩm chờ đi làm nhà hay bán... với nhân công là một bốn năm người thợ cùng làm việc với ba tôi trong các công việc đốn tre, chẻ hom, chẻ lạt, vót mây đánh tranh, lợp nhà. Ba tôi đã nhận làm nhà không chỉ cho bà con trong làng mà còn nhiều người ở nhiều địa phương kể cả nhà các quan trong nội. Sau ngày vua Bảo Đại thoái vị, vào một năm nào đó ba tôi trúng thầu cung cấp tre cây và

mây để làm giàn giáo tu sửa kỳ đài mà ông gọi là “Cột cờ” Huế. Ngày nay văn minh hiện đại nhiều người đã bỏ quên ngôi nhà một thời và hình ảnh ngôi nhà tranh tre có cơ mai một. Tôi xin gợi lại đôi chút những gì đã thấy nghe khi đi phụ ba tôi làm nhà tre.

Làm một ngôi nhà tre cũng trải qua nhiều công đoạn và thợ tre cũng có những dụng cụ chuyên dùng; có thể kể cây rựa để nổ tre chẻ hom chẻ lạt, cây rìu để đốn tre, cây cưa để đoạn tre, cây khoan để xoi lỗ, cây đục vằm đục lỗ tròn, cây đục bằng đục lỗ nan phen. cây chày để chấn đầu tẩm tranh. Và để hoàn tất một ngôi nhà tre, người thợ tre phải thực hiện những công việc sau:

1. Đốn tre

Đốn tre là khâu khó nhất trong các công đoạn làm nhà tre. Tre cao từ 5 đến 10 mét, thường mọc thành bụi, cành nhánh gai nẻ chằng chịt đan vào nhau từ gốc đến ngọn giữ cho cây tre đứng vững. Trong bụi tre có cây tra (già) cây dầy (không già không non) cây tơ (còn non) cây cong cây thẳng, cây bị cụt đọt, cây măng mới nhú ngó như mũi tên chỉ lên trời... Dân gian đã ví “*đốn tre như ve gái...*” ý là tán gái lắm gian nan lúc đầu phải tìm cách làm quen, nhờ người giới thiệu... bắt chuyện



Nguồn: langnghevietnam.vn

với cha mẹ hay anh chị em rồi lần lần mới đi vô để nói chuyện yêu đương... Cũng thế muốn đốn một cây tre phải dọn lần từ ngoài vào trong bụi, từ gốc lên ngọn. Trước hết dùng cây rựa hay mác chặt gai nẻ dưới gốc, lên cao thì phải dùng câu liềm giựt cho đến khi đọt còn túm cành lá mới dùng rìu hay rựa chặt đứt gốc rồi cầm gốc lôi xuống theo một góc 60 độ. Có khi phải đến hai người mới hạ được một cây tre. Ba tôi thường dặn các chú thợ là tre tuy mua cả bụi nhưng không nên đốn trụi mà chỉ đốn những cây tra và cây dầy chừa cây non và đốn cách mặt đất chừng bảy tám tấc chừa gốc để tre dễ măng thành bụi sau ba bốn năm. Mỗi năm, cứ ra giêng là ba tôi lại lặn lội lên miệt Chấm, Xước Dũ, Lao Bảo... mua tre bụi và tranh đám đặt cọc tiền rồi chờ đến tháng Hai tháng Ba... ba tôi mới cùng mấy chú thợ còm đùm gạo bó lên ở lại tuần lễ mười ngày để đốn tre kết thành bè; cắt tranh phơi tại chỗ sau hai ba ngày tranh khô bó lại thành bó bằng bó lúa rồi chất lên nôt (đò) hoặc bó lên bè tre chở về. Từ tháng Tư đến tháng Tám người ta không đốn tre vì đó là thời kì tre dễ măng, cây tre tập trung sức nuôi măng nên dù cây đã già cũng yếu tre sẽ bị mối mọt. Cây tre phần nhiều bị cong ba tôi đã uốn cho thẳng bằng cách buộc gốc và ngọn tre vào hai cọc đóng chéo chữ X, một cây cọc đóng chỗ phần lưng cong rồi hơ lửa và chuyển cọc ép phần cong qua, hoặc bôi nước muối vào đoạn tre cong, chèn đá đè xuống sau mười ngày nửa tháng cây tre sẽ thẳng. Cũng có thể đặt ba cây tre cong đầu lưng vào nhau rồi cột chặt đầu và ngọn tre lại, sau một hai tháng mở ra thì ba cây đều thẳng. Cây tre cong hay cụt đọt không thể chẻ hom hay vót lạt vì dòn sẽ dễ bị gãy mà chỉ dùng làm giàn bầu giàn bí, nhà bếp chuồng heo...!

2. Làm sườn nhà

Tre chở về đến bến nhà, ba tôi chọn cây già và thẳng ngâm dưới sông, cũng có thể ngâm trong ao hồ từ hai đến ba năm mới vớt lên dùng. Thân tre lên nước đen kịt như gỗ lim và sẽ không bị mối mọt. Ngôi nhà tre thường có ba gian hay một gian hai chái. Nhà ba gian gồm 4 cột nhứt và 4 cột nhì nếu có hàng hiên thì thêm 4 cột ba, 4 vại kèo đôi và 4 cây trính kết nối với nhau thành sườn nhà. Tất cả cột chôn xuống đất sâu 4-5 tấc trên nền đất nện; gốc tre già chôn xuống đất ẩm không bị mục, và lại ngôi nhà tre thấp, từ mái xuống đất không cao quá 3 m nên gió bão không lay chuyển. Cặp kèo kẹp đầu cột được nối lại bằng con sề (chốt tre to bằng ngón tay dài chừng 2,5 đến 3 tấc) bằng tre già nên rất chắc. Một cây trính là đoạn tre già nối hai vì kèo với nhau đặt ở vị trí một phần ba vì kèo kể từ đầu cột bằng con sề. Một căn nhà tre có kích cỡ 5m x 7m ngón từ 50 đến 70 cây tre. Cây tre cửa ra từng đoạn, gốc làm cột, kèo, trính và xuyên, đoạn giữa làm kèo, đòn tay, đọt làm đòn tay cửa, chẻ nan đan phen... Để ống tre không bị tưa thì lưới cửa phải mở mạch thật nhỏ; rồi dùng mũi rựa thật bén móc vào thân tre vanh quanh mắt tre, khi đó đoạn tre sẽ thẳng và trông rất đẹp. Chọn cây tre già và thẳng làm đòn dông và đòn tay.

3. Chẻ hom và đánh tranh

Một gian nhà tranh tre dù lớn nhỏ đều không dùng một sợi thép hay dây đinh mà chỉ lấy mây, lạt và chốt để nối các bộ phận lại với nhau. Chọn cây tre tơ và dùng đoạn giữa lóng dài để chẻ lạt. Muốn chẻ tre cho dễ, ít tổn sức thì kê cây tre hở mặt đất một chút rồi dùng rựa bén mổ vào đầu thân tre, dùng dùi cui đập mạnh vào sóng rựa một khúc cây tre sẽ bị tách ra, chân đập mạnh vào nửa thân dưới, hai tay cầm nửa trên đỡ mạnh lên, gốc tre sẽ toác làm đôi. Người ta thường ví việc quân ta từng đuổi giặc Tàu xâm lược chạy như đàn vịt bằng thành ngữ "thế như chẻ tre". Chọn cây tre dầy, thưa lóng để chẻ hom. Hom nhỏ bằng chiếc đũa gồm hom đôi và hom chiếc. Hom đôi dài 3 m, bẻ chính giữa gấp làm đôi thành hai hom chiếc. Hom và lạt chẻ xong phải hơ lửa để cháy xơ tre và cho dẻo khỏi bị gãy. Để đánh một tấm tranh sắn (dùng cây tranh) dài chừng 1,5m phải dùng một hom đôi và hai hom chiếc tức 4 cây hom; Đánh tấm tranh đơn thì chỉ dùng một hom đôi và một hom chiếc tức ba sợi hom để đánh tranh rạ hay lá mía dài chừng 1m, dùng lợp nhà bếp hay chuồng heo. Tấm tranh sắn có ba cỡ, tranh nhứt dài hơn 1m, tranh nhì dài 7-8 tấc, tranh ba dài 5-6 tấc. Muốn đánh tranh, người thợ tre ngồi trên chiếc đòn, trước mặt đặt mấy cây hom, bên trái để bó tranh. Tay trái nắm lọn tranh đưa lên, tay phải cầm cái cào nhỏ chải gốc và ngọn tranh cho suông và sạch rác; bắt hai cây hom đưa lên đặt lọn tranh vào, rồi đổi hai cây trên xuống dưới, hai cây dưới lên trên để kẹp chặt tranh cho khỏi tuột. Đặt

đầu tranh cách hom chừng 10 phân. Có hai cách đánh tranh là đan lồng đôi và đan lồng một; cứ thế cho đến cuối cây hom thì dùng lạt buộc chặt đầu hom lại. Đầu kia có cây hom đôi gấp lại giữ tranh khỏi tuột. Đánh xong chất tấm tranh thành đống, trước khi đem lợp thì dùng cái chàng bện chặt gốc từng tấm tranh cho đều.

4. Làm mái nhà

Trong mái nhà tre, đòn dông là bộ phận quan trọng nhất nên phải chọn cây tre già thẳng và nguyên cây. Người xưa rất coi trọng cây đòn dông nên việc gác đòn dông phải coi ngày lành tháng tốt gọi là Lễ thượng lương. Trên thực tế *cây đòn dông* kết nối các vại kèo với nhau. Trừ đòn dông mỗi bên mái nhà có 8 hoặc 4 cây đòn tay (tính tròn sinh, lão, bệnh, tử) Đòn tay là những thân tre thẳng để nối các vại kèo và đỡ mái nhà. Cây đòn tay dưới cùng gọi là *đòn chân thổ* thay cây xuyên. Chọn cây tre già và thẳng chẻ đôi làm rui. Rui nối từ đòn dông xuống đòn chân thổ, dài hơn một chút 3 tấc để lợp thêm một lổ tranh đưa mái nhà ra che mưa khỏi tạt vào phen. Rui đặt cách nhau khoảng 2 tấc và đặt cất xuống dưới ruột ngựa lên trên. Chọn thanh tre dầy chẻ 6 hoặc 8 phần để làm mè. Mè đặt song song đòn tay để nối kết sườn mái vào đòn tay và cột tranh lợp nhà. Khoảng cách giữa hai mè từ 10 đến 15 phân. Khác với nhà gỗ đặt đòn tay đóng rui mè xong là lợp mái... làm nhà tre đặt đòn tay rồi chẻ; mái làm dưới đất xong mới đưa lên. Dùng hai cây mè một trên một dưới kẹp cứng các rui lại để cố định vào đòn tay bằng mây bện cườm. Cần lưu ý là mái làm dưới đất thì rui úp xuống nhưng khi đưa mái lên thì lật ngược để rui ngựa lên nên thấy được các nuột mây cườm. Ngôi nhà tre trông xinh xắn đẹp mắt một phần là ở chỗ này.

5. Lợp mái

Mỗi người thợ lợp một mái và một người ở dưới có thể trẻ em hay phụ nữ đưa tranh cũng được. Dùng cây sào đưa tranh xóc vào giữa tấm tranh rồi thả lên mái. Người thợ bắt tấm tranh đặt vào vị trí rồi xỏ lạt chéo chữ x cột vào mè rồi xoắn chặt và dú mí. Một tấm tranh thường cột bốn năm nuột. Thời nhỏ tôi thường phụ đưa tranh cho mấy chú lợp. Lợp tranh theo từng lổ từ trên nóc lẩn xuống, hai đầu tấm tranh cụng sát vào nhau và cách một lổ phải chặt đôi tấm tranh để lợp nửa tấm vào cuối lổ để lổ trên và lổ dưới không trùng mí... Lổ tranh dày hay thưa tùy thuộc khoảng cách giữa hai mè và quyết định tuổi thợ mái nhà mấy năm phải lợp lại. Mái nhà lợp xong phải xóc nóc bằng cách úp tấm tranh từ mái trước qua mái sau, một tấm tranh từ mái sau chồm qua mái trước cho đến hết nóc nhà. Dùng hai thân tre già thẳng ép hai bên nóc để mái tranh khỏi bị tụt. Dùng dao cắt ngọn mái tranh đều riềng, nếu lợp vừa mái tranh sẵn sẽ dày hơn 10 phân còn lợp đúng mức dày cả gang tay và tuổi thợ mái tranh có thể từ 10 đến 15 năm.

6. Làm phen vách cửa nẻo

Nhà tre thì phen vách bằng tre đan. Cây đố nối liền hai cây cột nhà được đục nhiều lỗ nhỏ từ 1,5 phân đến 2 phân cách nhau 20 đến 25 phân để tra nan đứng. Nan đứng có thể dùng tre gốc, nan ngang nhỏ hơn chỉ dùng đoạn giữa và đoạn ngọn dẻo để dễ luồn vào nan đứng. Cài nan ngang vào nan đứng theo kiểu lồng một là cài một bỏ một, lồng hai là cài hai bỏ hai cho đến hết nan đứng là xong bức phen. Nếu chừa cửa sổ đoạn nan đứng bằng chiều cao cửa được bỏ và đoạn nan ngang bằng chiều rộng cửa cũng không đan. Dùng hai nẹp tre siết hai đầu bức phen bằng dây mây rồi buộc vào cột. Để bức phen kín và chịu được gió mưa phải tráp bằng cút trâu hoặc nhào đất sét với rơm chặt vụn. Nhà một gian hai chái chỉ có một cửa chống ở giữa Nhà ba gian thì đặt ba cửa chống nhưng chỉ chống hai cửa hai bên, chỉ khi có việc giỗ chạp đám tiệc cưới hỏi, đám ma... mới chống cả ba cửa và ngoài cươi (sân) trải ba chiếc chiếu thì ngôi nhà sẽ bao la bát ngát tiệc tùng ăn uống thoải mái... Cửa chống sườn làm như mái nhà nhưng thay đòn tay bằng hai đòn tre nhỏ đặt ở mặt dưới cửa; một ở trên buộc vào cây xuyên làm bản lề để chống và hạ cửa và một đặt cuối cửa để tựa cây chống. Nhà khá giả thì thay đồ tre cửa tranh bằng khung gỗ cửa gỗ kiểu thượng song hạ bản thì ngôi nhà tre cũng đẹp ngất trời.

Con người thời văn minh vật chất ai cũng mơ ngôi nhà lầu hay tậu cho được căn hộ trong cao ốc chọc trời đầy đủ tiện nghi là mục tiêu phấn đấu đời người. Nhiều người - nhất là giới trẻ - đã quay mặt với ngôi nhà mái tranh vách đất nơi cha mẹ ông bà đã sinh ra và lớn lên, chốn cư ngụ của đại bộ phận người dân ta. Trong khi người phương Tây văn minh với nhà lầu 4 sao 5 sao dựng tới trời xanh lại tìm về Đông phương với những ngôi nhà tranh tre đơn sơ mộc mạc! Bằng cứ là mấy năm lại đây giải nhất các cuộc thi kiến trúc thế giới đều thuộc về các công trình nhà tranh tre. Phải chăng ngôi nhà tranh vách đất đưa con người trở về thiên nhiên, không phá hủy môi trường sống của con người và muôn loài nên con người sống an lạc và vững chãi. Ngôi nhà đơn sơ khiêm tốn (mái nhà tranh tre không cao quá 3m) cốt chở che con người biểu hiện tính nhân văn minh triết Đông phương trái với thái độ kiêu căng, thách thức với thiên nhiên của tòa nhà chọc trời mà con người luôn sống trong nơm nớp lo sợ thiên tai động đất, sóng thần, hỏa hoạn, khủng bố từng xảy ra nhiều nơi nhiều năm qua đã chôn vùi cả một làng, một thành phố vào lòng đất lòng biển, thiêu chết hàng trăm mạng người. Hậu quả của hiện đại và hệ quả của biến đổi khí hậu. Ngôi nhà tranh tre phù hợp khí hậu nhiệt đới nóng thì mát, lạnh thì ấm và đất đai Việt Nam rộng mênh mông làm chi cho hết mà ở cao ốc. Và lại tiền bạc chỉ tốn vừa phải không phải tiêu cực để phải tù tội tự tử khổ đau. ■



“Đại Nam Lịch đại Long phi đồ”

Rồng bay sử Việt

TÔN THẮT THỌ

Lịch sử Việt Nam khởi đầu bằng huyền thoại “Con Rồng cháu Tiên”: Kinh Dương Vương vua nước Xích Quỷ, lấy con gái thần Động Đình Hồ. Hai người sinh được một con trai đặt tên là Sùng Lãm, hiệu là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân nòi rồng, thích bơi lội dưới nước, lại rất khỏe mạnh. Nối nghiệp cha, Lạc Long Quân cai quản đất Lạc Việt, sinh ra vua Hùng Vương, mở đầu cho trang sử hào hùng dựng nước... Xuất phát từ ý tưởng về cội nguồn dân tộc đó, cách đây gần 90 năm, có một nhà Nho ở Huế đã biên soạn sơ lược lịch sử nước nhà trên nền hình vẽ một con rồng đang bay.

Trên tạp chí *Bulletin Des Amis au Vieux Hue* số tháng 10-12/1933, tác giả Hồ Đắc Hàm - bấy giờ là Tham tri Bộ Học - có bài viết giới thiệu tấm đồ bản đặc biệt này mà tác giả là một người trong hoàng tộc. Đây là bản in từ bản khắc mộc hình vẽ một con rồng đang bay, trong thân rồng được in hàng ngàn chữ Hán ghi lại lịch sử các triều đại của nước ta, từ khởi thủy đến triều vua Minh Mạng (1820-1840). Bức đồ bản có tên là *Đại Nam Lịch đại Long phi đồ*.

Bên trái đồ bản cho biết niên đại khắc in: “Đồng Khánh tam niên tuế thứ Mậu Tý trọng thu cát nhật tân tuyên” (Nghĩa là: Được khắc in lần đầu vào ngày tốt tháng giữa thu năm Mậu Tý Đồng Khánh thứ 3/1888).

Dòng chữ bên phải đoạn giữa ghi: “Quốc sử quán Biên tu Hồng Thiết Lục Khanh tập hội” (Nghĩa là: Quốc sử quán Biên tu Lục Khanh Hồng Thiết sưu tập và vẽ ra).

Tác giả của bức đồ bản là ông Hồng Thiết (hay Hường Thiết 1848-1937). Ông là con trai thứ 18 của nhà thơ Tuy Lý vương Miên Trinh và là thân phụ của nhà thơ Ứng Bình Thúc Gia Thị. Tên tự là Lục Khanh, hiệu Liên Nghiệp Hiên; dưới thời Đồng Khánh (1886-1888), ông được bổ Kiểm thảo Viện Hàn lâm, cùng Hoàng Hữu Xứng tham gia soạn bộ sách *Đại Nam quốc*

Cương giới Vựng biên (Đồng Khánh dư địa chí). Dưới thời vua Thành Thái (1889-1907), ông làm Biên tu Quốc sử quán, rồi Tá lý Bộ Hình, thăng Án sát sứ tỉnh Quảng Nam, đổi Bố chánh tỉnh Bình Thuận. Năm 1911 ông về kinh, giữ chức Thị lang Bộ Công, rồi về hưu, sống tại Vỹ Dạ, Huế với hàm Tham tri Bộ Lễ.

Ngoài *Đại Nam Lịch đại Long phi đồ*, ông còn viết nhiều tác phẩm khác như: *Quốc toàn đồ*, *Liên Nghiệp Hiên tập*, *Hoàng triều nhân thọ lược biên*, *Ngũ châu liệt quốc*, *Khuyến hiếu quốc âm ca*, *Quốc danh ca*, *Việt sử diễn ca*, *Việt sử diễn nghĩa tứ tự ca*, *Tế mỹ truyện*, *Thúy Kiều tập chú*, *Tập Kiều*.

Với kích thước 39,5 x 108cm, toàn bộ bề mặt tấm đồ bản được tác giả thể hiện bằng hình ảnh một con rồng đang lượn trong mây, thân uốn suốt chiều đứng kéo dài như địa thế của đất nước, đầu rồng hướng ra Biển Đông. Văn tự thể hiện nội dung chạy dọc suốt thân rồng với khổ chữ từ 4-8cm. Sự sắp xếp trật tự của văn tự được dàn trải theo dáng cấu tạo của vảy rồng, nhờ vậy đồ bản *Long phi* đã thể hiện được nét sống động của một bức tranh đồ họa có giá trị nghệ thuật cao. Với họa tiết đầu rồng uy nghiêm và thân rồng uốn lượn dàn trải nội dung văn tự, cùng với sự gấp lại của đuôi rồng ở phần dưới, đó cũng là dụng ý tinh tế của tác giả, giúp người xem liên tưởng đến địa hình cong như chữ S của nước ta...

Để thực hiện tác phẩm này, ông phải nhờ đến sự góp công của hai người con trai là Ứng Bình Thúc Gia Thị và Ứng Thuyên. Được biết, sau khi hoàn thành bức vẽ này, ông đã dâng lên vua Đồng Khánh (1885-1888) với những lời tỏ bày như sau:

“Thần, Hồng Thiết, rất vinh dự được triều đình tiến cử lên Hoàng thượng để sung vào Quốc sử quán. Chính do hoàn cảnh này, thần đã đọc và biết được sơ lược lịch sử nước nhà, nên tự tay mình, thần vẽ ra hình vẽ này để chỉ rõ

những năm lên ngôi của các triều đại khác nhau, Và lại, nơi gương sách 'Cương mục' của Tử Dương, thân được phép để tặng với những lời ca ngợi đến những vị xứng đáng.

Như thế, chúng ta thấy được rằng triều đại của mình đã nhận được di sản của tổ tiên để lại; sau một thời gian biến loạn, hoàng đế Gia Long đã phục hưng được xứ sở. Các quân vương nối tiếp trị vì, công đức của các ngài thật là to lớn (...).

Các học sinh chỉ nhìn qua hình vẽ có thể đọc được bài toát yếu này. Chúng sẽ thấy ở đó những sự kiện lịch sử từ đầu đến cuối, và điều này có thể đem lại nhiều lợi ích về phương diện đạo đức.

Bây giờ chúng ta sung sướng để thấy nước nhà đã đủ sức tự vệ để chống lại kẻ thù bên ngoài. Thân tin rằng, triều đại của chúng ta sẽ được trường tồn".

Như đã nói ở trên, tấm đồ bản với toàn bộ thân rồng là một bản tóm tắt lịch sử dân tộc gồm 1.039 chữ Hán chân phương sắc sảo. Bố cục văn bản gọn gàng nhưng vẫn đầy đủ và mạch lạc.

Câu mở đầu khái quát gồm 13 chữ: "Đồ bản rồng bay này từ Kinh Dương Vương đến Hoàng triều dựng nghiệp thống nhất".

- Từ Kinh Dương Vương đến triều Mạc với 487 chữ, cách viết của đoạn này là chữ đứng thông thường từ trên xuống, từng cột chữ uốn theo thân rồng một cách uyển chuyển.

- Từ triều Lê trung hưng đến trước vua Gia Long bao gồm 415 chữ; có lối viết riêng, không thành từng cột chữ đứng mà chữ lượn theo thân rồng.

- Đoạn còn lại 124 chữ nói về hai đời vua Nguyễn - Gia Long và Minh Mạng với sự nghiệp thống nhất đất nước.

Giữa các triều đại vua chúa trong nội dung văn bản đều có dấu khuyên, mạch văn cô đọng mà vẫn hàm súc. Dưới đây xin trích phần thứ nhất của đồ bản (từ khởi thủy đến nhà Đinh) được ông Hà Xuân Liêm dịch và đăng trên tập "Những người bạn cố đô Huế" tập XX:

"Tranh vẽ này bắt đầu từ Kinh Dương vương (2879) trước CN đến tận khi thống nhất xứ sở bởi triều đại đang trị vì.

Kinh Dương Vương người họ Hồng Bàng, sinh ra Lạc Long Quân, Lạc Long Quân có con trai là Hùng Vương. Triều đại Hùng Vương kéo dài được 2.622 năm.

Thục An Dương Vương (257-208 TCN) đổi tên nước thành Âu Lạc và trị vì trong 52 năm.

Triệu Vũ Đế (207- 137 TCN) đổi tên nước thành Nam Việt. Năm vị vua kế tục nhau, triều đại này kéo dài được 97 năm.

Nước nhà bị đặt dưới ách thống trị của nhà Hán trong suốt 148 năm.

Sự trị vì của Trưng Vương được 3 năm.

Nước nhà lại bị đặt dưới ách thống trị của nhà Đông Hán trong suốt 181 năm.

Trong thời gian ấy Sĩ Vương thực hiện thể lục của vị Thái thú trong suốt 40 năm.

Vương quốc An Nam lại bị đặt dưới ách thống trị của các nhà Ngô, Tần, Tống, Tề, Lương suốt trong 320 năm.

Người An Nam tên là Lí Bôn khởi dậy xưng là Hoàng đế nước Nam Việt (544) và đổi tên nước thành ra Vạn Xuân. Ông trị vì trong 5 năm.

Trệu Việt Vương (549) có tên là Quang Phục, trị vì trong 22 năm.

Lý Hậu Đế tên là Phật Tử (571) sau 32 năm trị vì, đã thuận phục nhà Tùy.

Vua Cao Tôn nhà Đường lập An Nam Đô Hộ Phủ.

Dưới triều vua Đức Tôn nhà Đường, có người An Nam tên là Phùng Hưng đã chiếm lĩnh phủ Đô Hộ và chính ông tự mình trị nước. Người con trai của ông tên An nối ngôi. Phùng An tự thấy bất lực trong việc trị nước lại thuận phục nhà Đường.

Thời kỳ đô hộ này kéo dài hơn 307 năm.

Ngô Quyền (939) bình định nước nhà và đã trị vì trong 6 năm.

Dương Tam Kha (945) cướp ngôi và xưng là Bình Vương trong 6 năm.

Ngô Xương Văn (951) nổi dậy đuổi Tam Kha, xưng hiệu là Nam Tấn Vương, mất sau 15 năm trị vì. Nhân lúc ấy, các hào mục địa phương nổi dậy, đều xưng là sứ quân, tiến đánh lẫn nhau, trước sau gồm 12 người.

Triều Đinh, Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn 12 sứ quân, lên ngôi đặt tên nước là Đại Cồ Việt, truyền ngôi được 2 đời vua, trị vì trong 13 năm..."

Tác giả đồ bản không đặt nặng việc nghiên cứu sử mà chủ yếu là sưu tập, viết lịch sử theo lối biên niên. Tuy là một bản tóm tắt nhưng vẫn đầy đủ những nét chấm phá thịnh suy của từng triều đại. Giá trị đích thực của đồ bản "Long phi" theo chúng tôi vẫn là một tuyệt phẩm đồ họa có giá trị, chuyển tải thông tin lịch sử dân tộc bằng hình thức độc đáo.

Nội dung dù nhấn mạnh đến tính lịch đại và tác giả đứng trên quan điểm chủ quan của triều đại mình, nhưng nó vẫn mang tinh thần giáo dục lòng tự hào dân tộc. Bản thân sự sáng tạo hình tượng rồng bay, cùng với việc ghi chép tên và các thứ tự triều đại trong văn bản, chứng tỏ tác giả đã bộc lộ niềm tự hào, ý thức đề cao và trân trọng lịch sử nước nhà theo cách nhìn của mình, mặc dù lúc này đất nước đã rơi vào ách thống trị của thực dân. Đặc biệt, trên lĩnh vực văn hóa, có thể coi đây là một đóng góp quan trọng thể hiện tương đối toàn bộ lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam nhằm khẳng định chủ quyền đất nước.

Được biết, bức đồ bản này hiện đang được hậu duệ của tác giả ở TP.HCM lưu giữ. ■

Tài liệu tham khảo:

- Bulletin Des Amis Au Vieux Hue, N4, Oct-Déc 1933.

- Những người bạn cố đô Huế, BAVH tập XX 1933, Nxb Thuận Hóa 2006. * Ảnh của tác giả.



Nguồn: vietpictravel.com

Đất phương Nam ngày cũ

Một thời đau

TRẦN BẢO ĐỊNH

C hời của cụ Lép cất ở bây giờ, xưa kia vốn là nền đất thuộc xóm Thị Cai¹ nơi cuối ngọn rạch Vũng Gù¹ ngo ra cánh đồng sậy xen lẫn ruộng vườn chạy dài tới Bến Tranh², một cái bến giao thương sầm uất chuyên buôn bán tranh lợn nhà độc nhứt trong vùng. Người sau vẫn nghe từ thời đàng cù truyền lại rằng: Tướng Nguyễn Cửu Vân³ huy động dân binh đào hào sâu từ ngọn rạch Vũng Gù tới ngọn rạch Mỹ Tho; đắp chiến lũy cặp theo hào sâu từ Thị Cai tới Bến Tranh⁴. Cụ Lép không sống bằng nghề đươn⁵ tranh hay buôn bán tranh, mà cụ sống bằng nghề *thầy chó!*

"Cụ ơi! Con bị chạm⁶ rồi!"

Thằng Tư nói khê, nhưng trong tiếng nói khê đó là cả một sự hốt hoảng.

Cụ Lép mẫn thính, diu nó ngồi bệt xuống đất, dựa lưng cội đào lộn hột. Cụ lom khom mức nước vũng, rửa sạch bùn sinh dính đầy mu bàn chân trái thằng Tư. Vết thương in rõ dấu cắn hờ trên kín dưới là miệng của con rắn mải đang thời kỳ bụng chứa. Theo kinh nghiệm dân gian, loại rắn nầy rất độc, nếu không muốn nói là cực độc. Thấy thuốc rắn chịu phép!

"Cụ ơi! Sao bây giờ con khó thở quá!"

Lát sau, nó nói đứt quãng: *"Mắt con... không còn nhìn thấy... rõ gì hết... cụ ơi!"*

Đôi mắt thằng Tư ngấn ngấn nước. Cụ Lép quay lưng, ngoắc tay kêu con chó Đốm: *"Đốm! Lại đây con!"*

Tiếng cụ nhẹ như hơi gió, nhưng thanh âm chắc nịch.

"Le lưỡi ra, Đốm!"

Con Đốm vẫy đuôi ngoan ngoãn nghe lời chủ.

Rồi, cụ chỉ vẽ con Đốm liếm tới liếm lui... liếm sát rạt vết *chạm* trên mu bàn chân thằng Tư. Áng chừng nửa canh giờ, thằng Tư lồm cồm ngồi dậy, nó nhảy cẫng vui mừng và la toáng lên:

"Cụ ơi! Mắt sáng rồi... Mắt của con sáng rồi!"

Cụ Lép mỉm cười.

"Lưỡi chó có đốm là khắc tinh đối với nọc độc của rắn!"

Trời sôi nắng...

Cụ Lép ngồi chồm hổm ngóng gió. Tự dưng cụ cảm thấy buồn ngủ rồi thiếp đi lúc nào không biết.

"Sao tía đặt cho con cái tên Chòi Lép, hà má?"; Chòi Lép dạn miệng hỏi má.

"Thuở sanh tiền, tía con ước được cái nhà thay cho cái

chòi. Ước riết chỉ có lép, mà không chắc. Tới hồi con ra đời, tía đặt tên con Chòi Lép là vậy!”, dứt lời, miệng má cười nhưng đôi mắt má thật buồn... Hai hình ảnh chỗi ngược nhau trên cùng khuôn mặt sạm nắng, đầy vết cắt cửa của thời gian. Đêm đêm, má vẫn nằm chong hai con mắt gần như suốt đêm, không biết má nhớ tía hoặc nghĩ ngợi lo lắng điều gì. Chòi Lép thương má, thương cái tên mình và cố làm lụng cật lực để có nhà chắc thay chòi lép mà tía nó hằng ước.

Tháng Tư, mưa rớt hột đầu mùa. Cái oi nồng của hơi đất, cái nóng hầm hập của trời... có khi kéo dài mãi tới tận đêm khiến lòng người bứt rứt.

Má thường nói: “Thời may còn có tiếng chuông công phu chiều... Nếu không, lòng người bứt rứt sẽ hóa điên chó chẳng phải chơi”.

Lưu dân khẩn hoang, lập điền dựng lên ngôi chùa lá... rồi lâu dần hình thành cái xóm nhỏ. Đời này sang đời khác, họ chẳng thể nào quên những luống cày sâu có bao nỗi nhọc nhằn của trâu cày ruộng gò, những nhát cuốc bẫm có biết mấy giọt mồ hôi của nông dân đổ xuống vùng đất khổ khó, những mái tranh nghèo có vô vàn lời ru con đong đầy nước mắt của phận người “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời”! Chòi Lép nằm võng, tay gác trán, lòng buồn buồn nghĩ vẩn vơ.

Má chóp chép nhai trầu, phá tan sự thanh vắng của đêm.

“Khuya rồi, ngủ đi má à!”

“Sao con chưa ngủ mà còn nằm đó nhắc má?”

“Má ơi! Ba con là ai mà nhỏ lớn con không hề gặp cũng không hề biết, hả má?”

Tiếng thở dài thậm thụt của má kéo lê quá khứ nổi vào hiện tại khiến Chòi Lép nghe nhức nhối nơi buồng ngực: “Cả vùng Thị Cai này không ai không biết Năm Chờ, một võ sư quyền cước bạt trời, số lượng môn sinh khắp nơi theo học có trên trăm. Đám cường hào, ác bá và tụi ‘tham quan ô lại’ huyện Kiến Hưng phải e dè, kiêng nể. Người đó đã làm má phải lòng; và khi con chưa mở mắt chào đời thì ba con đã rời xóm nhỏ theo Huyện Lân? cứu nước; bỏ lại sau lưng vợ con cùng với nỗi ước mơ có được cái nhà!”

Ba của con dạy quyền cước cho nghĩa binh và tôi luyện bầy chó đánh Tây, khi chúng tới Bình Cách lập đồn...”

... Lúc tỏ như nắng ban mai, khi lu như trăng mờ hơi sương... lời má kể đều đều khiến Chòi Lép in sâu vào lòng hành trạng của đấng sinh thành...

Má kể tiếp:

... Muốn đủ ánh nắng quang hợp, hàng điều buộc phải ngả mình qua bờ mương để hướng ngọn cây về phía Đông. Năm Chờ đã lợi dụng thế ngả nghiêng như vậy của hàng điều để tập dợt bầy chó leo trèo thân cây. Bầy chó tự đặt chúng dưới quyền chỉ huy của vị tướng quân và vị tướng quân đó không do Năm Chờ chọn mà chính chúng quyết định thông qua những trận quyết đấu trong bầy. Người đời thường nói “chó cắn trộm”.

Thiệt ra, chó hòa thì có, chó cắn trộm thì bất đắc dĩ; cũng như chó đấu nhau thì thấy rành rành, còn chó đá nhau thì mù mờ chưa ai dám tự nhận mình đã thấy!

“Bạch cầu hoàng! Một, hai, ba... Tướng quân dẫn bầy leo cây!”

Từng con chó một bước những bước chun chững chạc lên thân cây điều. Bạch cầu hoàng chạy tới chạy lui có lẽ để động viên, đốc thúc bầy chó cố gắng hoàn thành bài tập. Không phải không có những con chó yếu bóng vía trượt chun té xuống mương kêu la om sòm, nước văng tung tóe!

Năm Chờ mệt như người!

Con Bạch cầu hoàng - mắt mũi màu hồng, toàn thân trắng phau, đầu vàng - cũng bắt đầu thở hổn hển, le lưỡi... Nhớ lời Huyện Lân dạy, rằng giống chó Bạch cầu hoàng thường thì mắt mũi phải màu hồng hoặc đỏ hoặc nâu, có bộ lông toàn thân trắng phau, nhưng lông đầu lại có màu vàng, giữa lưng và gốc đuôi bên phải điểm cái đốm hình mặt trăng tròn như cái ấn, gọi là đầu thân đới nguyệt; Năm Chờ nghĩ, đã là vậy thì chắc chắn con chó này thuộc loại vương cầu, thần cầu chó chẳng phải giống chó thường.

Tin tức “thầy Năm luyện chó chuẩn bị đánh đồn Bình Cách” lan truyền khắp huyện Kiến Hưng khiến dân các làng quanh vùng háo hức chọn chó giống tốt đem tặng lực lượng nghĩa binh. Họ dặn nhau, “Chọn chó cần lựa ngoại hình, nắm rõ gốc gác; nhứt là cha của chúng; bởi ‘chó giống cha, gà giống mẹ!’”.

Từ đó, đội quân chó của Năm Chờ được dân bổ sung thêm những chiến tướng, đáng kể là Bối kiếm cầu, có dài lông mọc nhô lên chạy từ đầu chí đuôi, tạo thành hình dạng một thanh gươm giắt dọc lưng con chó. Năm Chờ thường nói với anh em trong đơn vị, rằng “... cán gươm nằm phía cổ, lưỡi gươm chéch về phía đuôi hoặc có đôi khi ngược lại. Loại chó này chắc mềm giúp chủ uy quyền sát giặc lúc xung trận”. Chẳng lẽ chó được được quyền vào chốn sa trường, còn chó cái ngồi “chốn khuê phòng” ngóng đợi tin? Ít lâu sau, có những con chó cái thuộc giống Bạch cầu ở xứ Tân Hòa cũng có mặt trong hàng ngũ chó chiến trận. Bạch cầu lông trắng mượt, hung dữ với kẻ thù, hiền dịu với đồng loại; và theo phong thủy thì “... đất nào sanh Bạch cầu, đất đó tất có hoàng hậu hoặc ‘mệnh phụ phu nhân!’”.

Đầu năm Ất Hợi (1875), Năm Chờ thả rong bầy chiến cầu quanh đồn Bình Cách⁸. Thế rồi, vào đêm cuối tháng Hai năm đó, theo hiệu lệnh tiếng tru của tướng quân Bạch cầu hoàng, cả bầy chó đã phóng theo bước chun nghĩa binh xông thẳng vô đồn giặc.

Bạch cầu hoàng đang cắn sứt vành tai thẳng Tây, chợt thấy Năm Chờ té sắp xuống giao thông hào ngập nước. Nó vội buồm kẻ thù, nhào theo Năm Chờ. Chún Năm Chờ gãy lìa, máu từ lồng ngực phun ra có vòi. Tiếng sủng nổ rân trời, tiếng hô xung phong dậy đất! Nó cắn vạt áo Năm Chờ, cổ lòi ông lên bờ thành...

Bóng đêm chập choạng, khét lẹt mùi thuốc súng lẫn máu tanh. Thoáng thấy ánh thép thanh kiếm rạch một đường ghê rợn xuống cổ Năm Chờ, Bạch cầu hoàng dựng đứng hai chun sau, chồm hai chun trước bầu đầy quần thẳng Tây... tấn công bằng đòn “cẩu xực” vào thẳng hạ bộ của tên lính xâm lược khiến tên này té bật ngửa. Như tia chớp, Bạch cầu hoàng cứu Năm Chờ thoát chết trong đường tơ kẽ tóc!

Sau trận Bình Cách, nghĩa quân tan tác, bấy chó chết trận và tản lạc hết; duy chỉ còn độc nhứt Bạch cầu hoàng cận kề bên Năm Chờ, hằng ngày dùng lưỡi lau sạch máu mủ và liếm lên mặt da non vết thương của chủ.

“Thưa Chủ tướng! Có lẽ, ta nên rút về miệt Quơn Long thì hơn”, Đốc binh Hương nêu ý kiến trong cuộc họp cuối cùng ở Long Trì.

Thủ khoa Huân còn đắn đo suy nghĩ nên dự dự, chưa dứt khoát.

Phó tướng Âu Dương Lâm đi tới đi lui trong trạng thái hết sức căng thẳng và đột nhiên, ông nói giọng trầm buồn: “Ta sức cùng lực tận! Từ hơn ba ngàn quân, nay chỉ còn sống sót một nhóm anh em. Cái cần nhứt bây giờ là giấu mình để bảo tồn lực lượng, chờ thời cơ bày keo khác”.

Có tiếng kêu của con tắc-kè ở đâu đó ngoài góc miếu.

Tháng Ba, mây đùn trắng trời...

Chủ tướng quyết định đưa tàn quân lộn ngược trở lại đất Tân An, trước khi vô Đồng Tháp Mười xây dựng căn cứ tiếp tục chống Pháp.

Bữa cơm chiều tại nhà Lâm Lễ, trời thỉnh không nổi sấm sét, trút nước xối xả... Cơn mưa nghịch mùa!

Thị Năm⁹ mình mẩy ướt loi ngoi, gác mái giẫm lên be xuống tam bản, khệ nệ bưng thúng bánh tét làm quà tiễn Chủ tướng; cũng là để sớm mai qua sông, Chủ tướng có cái ăn lót dạ lúc đi đường.

Nhà Thị Năm cách nhà Sáu Lễ⁸ một chặng đường xe thổ mộ chở hàng bông, cũng là chỗ thân quen với Sáu Lễ. Chồng của thị, tên Trần Văn Thuông, cũng là một trong nhiều nghĩa binh rất can trường trong chiến trận, nhưng chẳng may đã sa vào tay giặc.

Ngoài trời, mưa vẫn không ngớt!

...

Bạch cầu hoàng bỏ cữ ăn chiều, dầm mưa chạy ra bến sông, cất tiếng tru thảm thiết.

“Đập chết con chó đi! Nó tru tiếng tru tru ẻo. Điềm gở!”, nghe tiếng chó tru, có ai đó bức tức la toáng lên.

Chủ tướng vương phải kể “tiểu lý tàng đao” (cười nụ giấu đao, lập mưu kín kẽ không để lộ cho kẻ địch phát hiện) do tên Trần Bá Lộc chỉ về Thị Năm. Chủ tướng Nguyễn Hữu Huân bị giặc bắt, Phó tướng Âu Dương Lâm và Đốc binh Hương chạy thoát. Năm Chờ còn trong thời kỳ trị thương, nhưng không thể quay lưng bỏ mặc chủ tướng, ông hợp lực cùng Bạch cầu hoàng đánh đòn thí mạng vào tên Trần Bá Lộc. Nhưng, “mãnh hổ nan địch quần hồ”, đám cận vệ của hắn chết tốp nẩy, tốp khác xông lên và cứ như vậy, xoay vòng tới mấy canh giờ... Xác người nằm la liệt, máu ngập tràn sân. Thân xác Năm Chờ bị giặc đâm nát bấy nhưng ông vẫn cố mở mắt nhìn những tia nắng đầu ngày của buổi rạng đông. Cảnh tượng diễn ra bi tráng khiến tên thủ ác Trần Bá Lộc khiếp đảm, hắn thụt lùi... thụt lùi... Bạch cầu hoàng chớp lấy cái tích tắc chưa kịp hoàn hồn của hắn, liền “công kỳ vô bị, xuất kỳ bất ý”, một lần nữa sử dụng độc chiêu “cẩu xực”. Trần Bá Lộc dính đòn ghệt, rên la chẳng khác gì heo bị thọc huyết. Bạch cầu hoàng lãnh trọn ba phát đạn thù, nó cố rướn mình tới trước để được gục chết dưới chun của chủ.

Và, cái buổi sớm mai qua sông mãi mãi không bao giờ có!

* * *

Mây muội đèn thỉnh linh kéo tới ùn ùn giăng kín trời. Cụ Lép giục mình tỉnh giấc, toàn thân xuất hàn mồ hôi hột!

Con Đốm nằm bên cạnh, hai tai vểnh thẳng nghe ngóng động tịnh bốn phương.

Thằng Tư vung vai, đá song phi vào không khí, gân cốt kêu rộp rộp; và đột nhiên nó cười hì hì: “Chó liếm tan nọc độc rắn hổ đất, hay thiệt!”

Mặc cho thằng Tư khen đáo để cái lưỡi kỳ diệu của con Đốm, cụ chả thèm nghe hay để ý, bởi dư âm giấc mơ vẫn còn xà quần trong đầu óc cụ. Mình mẩy ề ầm, cụ không buồn ngồi dậy, mà dù có muốn ngồi dậy đi chẳng nữa, thì chắc gì cụ ngồi dậy nổi. Thằng Tư định bụng xốc nách cụ lên rồi công cụ. Bóng chiều nghiêng khu vườn vắng ngắt, phảng phất mùi bùn sinh lưu cữu.

“Tư này! Có lúc nào mấy nghì chó là lũ xấu xa nhứt không, hả mậy?”

Thiệt tình thằng Tư chẳng hiểu câu hỏi của cụ có ngụ ý gì; nó trả lời



Nguồn: webchotot.com

bừa: “Mềng đéc ơi! Nếu lũ chó thuộc loại xấu xa thì hồi này, con ‘đà thọ tử’!”, thằng Tư ra điệu bộ, nhái giọng hát bội.

Mây muội đèn thình lình kéo tới, rồi cũng thình lình kéo đi. Tưởng rằng mưa, nhưng chẳng thể mưa. Bầu trời hừng chút nắng muộn hồng xua tan cái ảm đạm của buổi chiều buồn mênh mông. Thần sắc thằng Tư biến đổi theo từng chi tiết qua câu chuyện kể của cụ Lép về giấc mơ vừa xảy ra tức thì, tại đây, cội đào lộn hột.

“Những hào kiệt xưa, chịu chết để lương dân được sống cuộc đời lương thiện. Tới như lũ chó, cũng còn biết ‘ninh thọ tử bất ninh thọ nhục’, cần xé kẻ thù xâm lược dù rằng sẽ bị giết”.

Thằng Tư ngơ ngác, đứng chết trân như trời trồng. Nó chẳng hiểu ắt giáp gì những lời cụ Lép nói.

“VẬY MÀ, NGƯỜI ĐỜI THƯỜNG ĐỐI XỬ BẤT CÔNG VỚI CHÓ!”

Cụ tặc lưỡi khi dứt lời, thằng Tư liên tưởng tới cái nhịp song lang khi dứt câu ‘nói lối’. Rồi, nó nói đại nói đùa: “Người với người còn bất công, huống chi người với chó, cụ ơi!”.

Như thể chứng tỏ nó tuy ở tuổi trẻ người non dạ nhưng không vì vậy mà không thấu chuyện đời. Nó khoe rằng má nó thường nói, ‘người lắm lúc đã chắc gì hơn chó? Nếu hơn, sao ông bà để lại cái câu chó dại có mùa, người dại quanh năm!’”. Nói tới người xấu, dân gian vẫn thường mượn hình ảnh của chó, chó nào xấu như người.

“Tên Trần Bá Lộc chẳng những là kẻ vong nô giết người yêu nước, mà còn là hạng bất lương hại người khốn khổ; nhiều hành vi của y chẳng khác gì ‘chó cắn áo rách’. Bạch cầu hoàng khắc dấu lên mặt hắn để thiên hạ nhận ra hắn thuộc loại ‘chó ghê có mỡ đằng đuôi’, chỉ là tên thất đức, bản chất xấu xa... làm ra vẻ kiêu kỳ hợm hĩnh”.

Thằng Tư nói một hơi quên thôi!

Cụ Lép mừng thầm: “Thì ra, cái thằng tưởng khù khờ, không dè đầu óc của nó cũng chẳng đến nỗi nào!”.

Thằng Tư cồng cụ Lép. Hình ảnh cha cụ Lép lẫm liệt trước quân thù làm vững chơn thằng Tư bước lên mặt đất từng thắm máu xương bao đứa con “vì nước quên thân”. Bóng hai ông cháu ngả dài theo đường quê đã một thời đau; và nó mong sẽ không còn thời nào đau nữa trên xứ sở này. ■

Chú thích:

1. Rạch Vũng Gù (nay gọi sông Bảo Định) chảy từ sông Vàm Cỏ Tây tới xóm Thị Cai.

2. Bến Tranh nay là chợ Lương Phú, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Văn Trường hầu Nguyễn Cửu Vân, vào năm Ất Dậu (1705) theo lệnh chúa Nguyễn Phúc Chu đưa quân vào bình định đất Chân Lạp. Sau đó, lui quân về Mỹ Tho phòng thủ miền biên cảnh và vùng đất trù phú Mỹ Tho (từng một thời là Đại phố Mỹ Tho).

4. Năm 1819, vua Gia Long đặt tên Bảo Định hà (sông Bảo Định), một con kinh đào đầu tiên thuộc đồng bằng

sông Cửu Long. Năm 1835, vua Minh Mạng đổi tên Trí Tường giang (sông Trí Tường). Vua Thiệu Trị đổi tên An Định giang (sông An Định). Thời Pháp thuộc, Pháp gọi Arroyo de la Poste (kinh Bưu Điện) và là con kinh đầu tiên ở đồng bằng sông Cửu Long được nạo vét, khai thông dòng chảy bằng xáng mức (cơ giới). Tuy từng thời kỳ tên sông có thay đổi, nhưng dân sở tại vẫn quen gọi là sông Bảo Định.

5. Đan, nói theo giọng địa phương.

6. Rắn cắn.

7. Âu Dương Lâm người Phú Kiết (tỉnh Định Tường), nay thuộc xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Cha ông là Âu Dương Xuân, đậu cử nhân thứ 9, khoa Nhâm Dần (1842). Ông đậu cử nhân thứ 5, khoa Mậu Ngọ (1858); là Phó tướng phong trào chống Pháp ở Định Tường (1872-1875) do Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo. Sau khi Pháp hành hình Nguyễn Hữu Huân tại quê nhà (12 giờ trưa ngày 19/5/1875, nhằm ngày 15.4. Ất Hợi) thì mấy tháng sau ông bị bắt. Pháp chém ông ở bờ sông Mỹ Tho (nay là công viên Nguyễn Hữu Huân, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

8. Tức Sáu Lễ, Lâm Lễ có nêu trong bài, hoặc Lâm Văn Lễ, có nêu trong bức thư của Đỗ Hữu Phương gửi Giám đốc Nội vụ được dẫn trong chú thích 10.

9. Nay thuộc xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

10. Lê Thị Năm (chồng là Trần Văn Thuông), hồ sơ SL.4504, tức Services Locaux 4504 nay là GOUCHO 4504 (Những ban ngành địa phương của Chính phủ Nam kỳ). Theo Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, TP.HCM.

Thư của Đỗ Hữu Phương gửi ông Giám đốc Nội vụ:

Phu Phuong adresse la présente lettre à Monsieur le Directeur de l'Intérieur.

La femme Lê Thị Năm qui a contribué par des indications à la prise du Thù khoa Huân demanda la grâce de son mari, actuellement déterné à la prison de Saigon, Monsieur le Directeur voulant bien lui montra cette faveur.

Cette femme ne demanda aucune récompense en dehors de la grâce à son mari.

Elle promisa, dans un délai de 15 jours ou un mois, amènerait l'arrestation de Lâm Văn Lễ.

Si Monsieur le Directeur voulait (?) d'autres renseignements, il pourrait interroger la femme Lê Thị Năm.

Signé: Đỗ Hữu Phương

C'est Lê Thị Nhơn parlé.

Bản dịch:

Phủ Phương gửi thư này đến ông Giám đốc Nội vụ.

Người đàn bà Lê Thị Năm đã góp phần bằng những chỉ dẫn bắt được Thủ khoa Huân, xin ân huệ cho chồng nó hiện bị giam ở khám Sài Gòn; ông Giám đốc đã rất muốn cho nó sự chiếu cố này.

Người đàn bà này không đòi một sự thưởng nào ngoài ân huệ cho chồng nó.

Nó hứa trong kỳ hạn 15 ngày hoặc 1 tháng có thể bắt Lâm Văn Lễ.

Nếu ông Giám đốc muốn có những tin tức khác, ông hãy hỏi con đàn bà Lê Thị Năm.

Ký tên: Đỗ Hữu Phương

Chính Lê Thị Nhơn nói lại.

(Hồ sơ lưu trữ Correspondances Diverses de la Justice Indigène Années 1875-1880).



Chuyên gia ăn tiệc

HÒ ANH THÁI

Trong tiệc tùng quốc khánh của các sứ quán những năm ấy, tôi hay gặp nhất hai người. Họ thuộc số những chuyên gia ăn tiệc. Chẳng phải chuyên gia gì đâu, đây là cách gọi những người tiệc tùng nào cũng có mặt, tuần chay nào cũng có nước mắt. Cứ là luôn luôn liên tục đều đặn thường xuyên.

Người thứ nhất là ông tổng thư ký hội tác gia toàn Ấn. Danh thiếp của ông ghi thế. Ông có mái tóc rất kỳ dị. Đen nhánh, hơi giống kiểu tóc phụ nữ một mắt một còn, nhưng đây là còn, còn cả hai bên, ốp vào cả hai bên tai. Tôi hỏi ông có địa chỉ của ông Shrikant Verma thì cho xin, lý do: tôi có tờ báo *Văn Nghệ* có in một chùm bốn bài thơ của ông Varma dịch ra tiếng Việt, tôi muốn gửi cho ông ấy tờ báo. Ông tổng thư ký cười tủm tỉm: Cậu cần địa chỉ ông ấy à? Vâng, tôi cũng muốn gặp ông ấy nữa. Ông vẫn tủm tỉm: Thế thì phải chờ hơi lâu đấy. Sao vậy, thưa ông? Ông vẫn không thôi tủm tỉm, ngón trỏ chỉ lên phía trên đầu: Địa chỉ của ông ấy ở trên đấy, hai năm rồi.

Hơi rợn người vì thái độ của ông ta khi nói về cái chết của một đồng nghiệp. Có cái gì giống như sự ghen tị với người đã chết. Tôi bèn nhại giọng hóm hỉnh của ông ta mà nói, tôi tin là không phải chờ lâu đâu.

Từ đấy trong các lễ lạt tiệc tùng ngoại giao, tôi tránh ông ta, thấy từ xa là tránh. Mái tóc cum cúp ôm ốp như tóc đàn bà của ông ta hóa ra là tóc giả. Sự thật này được một chuyên gia ăn tiệc khác tiết lộ. Đầu ông ấy làm gì có tóc, trơn lông lóc rỗng. Cùng hội cùng thuyền rất nhiều khi không cùng chèo thuyền mà lại tìm cách lật nhau, không tự biết như thế là cùng chết. Nhưng thôi, bây giờ xin kể cho có đầu có đuôi.

Hầu như trong mấy tiệc quốc khánh liên, tôi đều thấy ông ta. Complet, cravat chỉnh tề, đầu tóc bóng mượt, bao giờ cũng đứng lên hàng đầu quan khách, bao giờ cũng nhanh chân theo nhóm người đầu tiên tràn đến trước tấm phông để chụp ảnh kỷ niệm. Trong những tiệc cocktails sự kiện văn hóa cũng lại thấy ông ta, người nhanh nhất đi lấy ly rượu để chúc tụng, nhanh nhất khi lấy đĩa đựng thức ăn, ăn nhanh nhất, ăn cật lực để sau đó lấy đĩa mới. Điểm này khiến ông ta khác với ông hội tác gia mang tóc giả, ông kia thì chỉ tủm tỉm pha trò những câu không ai cười được, khi lấy đồ ăn thì từ tốn đến mức không bị ai để ý.

Tôi đoán ông bóng mượt là đại sứ một nước nào đó ở vùng Nam Á. Cho đến một hôm tôi tiến lại hỏi thăm và ông đưa cho tôi cái các. Vivek, nhà kinh doanh bất động sản. Ôi, trong một bữa tiệc ngoại giao trên dưới dăm trăm

người bao giờ cũng có khoảng vài ba chục chuyên gia ăn tiệc, trong số chuyên gia ăn tiệc ấy bao giờ cũng có khoảng mười nhà kinh doanh bất động sản. Property. Real Estate. Ngôn ngữ chuyên ngành của họ đấy. Họ bám vào sự kiện như dây leo bám vào cổ thụ, không sao rời ra được. Họ coi sự kiện ngoại giao là cơ hội tốt để quảng bá và giao dịch. Cũng như các văn nghệ sĩ các học giả coi sự kiện ngoại giao là cơ hội tốt để tưởng tượng vươn ra trường quốc tế. Các vị kinh doanh nhà cửa đất đai, tôi tự hỏi không biết họ bắt mối thế nào với các sứ quán để được mời. Sứ quán cũng có khi phải đi tìm đất để xây trụ sở, phải đi tìm nhà để thuê, nhưng không phải lúc nào cũng chuyển nhà xây nhà, không phải lúc nào cũng di dời.

Sau cuộc gặp gỡ làm quen, một hôm Vivek tìm đến sứ quán ta, tranh thủ giới thiệu về công ty của ông với tôi, đặt vấn đề hợp tác. Có gì đâu mà hợp tác. Những năm ấy đầu thập kỷ chín mươi của thế kỷ hai mươi, ta đàm phán với Ấn Độ mòn mỏi hơn mười năm rồi mà vẫn không mua được đất để xây đại sứ quán. Thực tế là phải mòn mỏi thêm vài chục năm nữa mới đi đến thỏa thuận được. Nói tóm, khi Vivek đến tìm cơ hội hợp tác về bất động sản với sứ quán thì chưa có cơ hội nào. Đây là lý do tôi nhận cái các của ông ta rồi thờ ơ nghĩ rằng chắc mình chẳng bao giờ cần đến.

Lần gặp ấy kể ra cũng được một việc cho Vivek. Ông ta mượn tôi cuốn danh bạ đoàn ngoại giao để mang đi sao chụp, ngôn ngữ hàng ngày gọi là photocopy. Sách in ấn và phát hành công khai trong các cơ quan ngoại giao, cho mượn cũng chẳng tiếc gì. Trong ấy có hết tên tuổi địa chỉ số điện thoại của các nhà ngoại giao. Có hết danh mục ngày quốc khánh của các nước, thứ tự qua từng tuần từng tháng. Có hết danh mục sinh nhật quốc vương sinh nhật nữ hoàng, cũng là quốc khánh của những nước có nền quân chủ. Những thông tin chẳng mấy ý nghĩa đối với bất kỳ một người dân nào. Bằng cớ là cứ thử hỏi người ta xem ngày nào là quốc khánh của Úc của Canada. Chẳng mấy người nhớ.

Khoảng nửa tháng trước Quốc khánh 2-9, tôi nhận được thư của Vivek, đại loại, kính thưa ngài, tôi viết thư này để trình bày nguyện vọng được nhận giấy mời đến dự quốc khánh của Việt Nam, đây là vinh dự lớn cho một doanh nhân luôn khao khát tìm kiếm cơ hội hợp tác với đất nước Việt Nam tươi đẹp và anh hùng.

Ngôn ngữ đúng công thức dự dõ kiến chui ra khỏi lỗ. Ngân sách hạn hẹp, không phải năm nào sứ quán ta cũng làm lễ kỷ niệm quốc khánh, lễ chỉ làm vào những năm chẵn mà thôi. Tôi tự hỏi nếu mở tiệc quốc khánh, mời hai

trăm người thì có mời đến Vivek hay không. Chắc là không. Ba trăm người có mời không. Chắc là không. Bốn trăm người có mời không. Chưa chắc. Năm trăm? Phải nghĩ thêm đã.

Tưởng là chẳng cần, thế rồi cũng có lúc tôi phải hỏi đến Vivek. Phải lục trong đám danh thiếp để tìm. Tính cẩn thận không bao giờ thừa, càng không thừa đối với nhà ngoại giao. May mà chưa vứt cái các đi. Tìm được ra số điện thoại của Vivek và gọi cho ông ta. Có việc cần hỏi. Liên quan đến việc thuê nhà của.

Tuần tự thì thế này. Trụ sở của sứ quán là nhà đi thuê. Ký hợp đồng hàng năm. Mỗi lần ký lại hợp đồng là chủ nhà lại đòi tăng giá, có khi đến hai mươi phần trăm. Tôi đàm phán cò của mãi mới giảm xuống được dưới mười phần trăm là mức chấp nhận được của tài vụ ta. Lý do nâng giá nhà là do đồng rupee mất giá hàng năm. Lý do nữa là nhà thuê ở trong quận trung tâm Chanakya, nơi có hàng chục sứ quán tọa lạc, có thể coi như một quận của đoàn ngoại giao, đường phố rộng rãi, quảng trường mệnh mông, an ninh tốt, không có chuyện tắc đường. Rồi, kể thêm đi, sứ quán lại ở trên phố Kautilya, yên vắng thoáng rộng. Tôi phải nói thêm, Kautilya là tên khác của Chanakya, tên phố và tên quận đều là một người, một nhà chiến lược từ 2.400 năm trước. Ông ta là cố vấn cho hai đời quân vương của triều đại Chandragupta vào loại lấy lòng bậc nhất trong lịch sử Ấn Độ. Có phần giống như bậc hậu sinh Machiavelli ở Ý, ông ta là nhà chính trị uyên bác và gian hùng. Machiavelli ở thế kỷ XV viết cuốn *"Quân vương"*, sách dạy thuật làm vua, thì trước ông ta mười chín thế kỷ Chanakya-Kautilya đã viết một cuốn dạy làm vua như thế, cuốn *"Arthashastra"*.

Ông chủ nhà năm nào cũng đòi tăng giá làm cho tôi sốt ruột. Thế mới dẫn đến việc tôi gọi một cú điện thoại để hỏi Vivek. Đại loại, chủ nhà của tôi lại đòi tăng giá nhà, vậy ông có thể cho tôi biết xem giá nhà ở cái khu Chanakya-Kautilya gian hùng này năm nay tăng trung bình khoảng bao nhiêu, tôi muốn biết để có cơ sở đàm phán với chủ nhà.

Tất nhiên chữ gian hùng là tôi chỉ nói riêng với người đọc, chứ không hề nói thế với nhà kinh doanh địa ốc. Bạn có biết Vivek trả lời thế nào không? Ông ta bảo, cậu cứ trả cái nhà ấy đi, tôi sẽ tìm cho cậu một cái nhà khác, cùng khu ấy, cùng diện tích ấy, mà giá nhà chỉ tăng mười phần trăm.

Thực lòng thì sứ quán chẳng hề muốn chuyển đi. Hỏi han thông tin chẳng qua là để mà đàm phán tiếp. Nhưng cách trả lời của Vivek thì chẳng cung cấp được số liệu nào. Tôi vốn chẳng ưa mấy nhà bất động sản chuyên gia ăn tiệc, nhưng tình thế khiến tôi phải lục tìm cho đủ danh thiếp của họ để a lô mà hỏi tiếp.

Rốt cuộc việc đàm phán cũng xong, chủ nhà đồng ý tăng giá bảy phần trăm. Chỉ bảy phần trăm thôi.

Lúc ký kết, tôi mới hờ ra với chủ nhà rằng có những vị đại lý địa ốc xui tôi chuyển nhà đi và họ sẽ tìm cho tôi một



căn nhà giá cả phải chăng hơn. Chủ nhà hỏi lại, ai nói vậy, có phải Vivek không, nếu là Vivek thì chính ông ta lại bảo tôi đòi lại nhà đi, ông ta sẽ tìm cho tôi một người thuê mới với mức giá tăng mười phần trăm.

Úi chà chà. Bữa tiệc quốc khánh sau đó là năm chẵn, sứ quán ta tổ chức tiệc ở khách sạn Sheraton. Lại thấy Vivek có mặt ở hàng đầu, đứng ngang hàng với một số đại sứ khác. Lại thấy ông ta hào hứng tràn lên đứng trước tấm phông để chụp ảnh. Lại thấy ông ta cầm ly vang đỏ lướt đi khắp phòng tiệc để chúc tụng và chia danh thiếp. Thú thật tôi hơi giật mình. Ba tuần trước lễ mừng quốc khánh, tôi có nhận được thư Vivek đề nghị gửi giấy mời cho ông ta. Tôi đã không gửi. Trong sứ quán chắc cũng chẳng có ai gửi.

Cũng như trong các đám cưới tập nập, nhà gái cứ tưởng là khách của nhà trai, nhà trai lại tưởng khách của nhà gái. Ở giữa họ luôn luôn là chuyên gia ăn tiệc. ■



Chó trong Y Dược học

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Chó là loài vật gần gũi với con người vì trung thành, tinh khôn và đảm nhiệm việc quan trọng là làm vệ sĩ trông coi nhà cửa cho chủ. Nhiều chuyện được kể trong đời sống cho thấy chó được tán dương như một người bạn sát cánh với chủ, để xóa tan nỗi cô đơn, chia sẻ vui buồn cùng chủ. Hay có các chuyện cảm động tán dương các đức tánh đáng yêu, dễ thương và trung thành của loài chó. Như một chú chó đã xông vào lửa cứu bạn mèo nhỏ của mình, có chó cứu trẻ nhỏ trong lửa đỏ, có chó biết dẫn người mù qua đường, và nếu được huấn luyện, chó có thể biết khám phá ra thuốc phiện, bom mìn hay các nạn nhân bị mắc kẹt trong các trận động đất, sóng thần. Có chó còn biết khóc khi chủ chết và trung thành, buồn bã nằm kế bên xác chủ và chết theo chủ.

Nhân dịp năm Mậu Tuất đang đến, xin có đôi điều nói về chó trong y dược học.

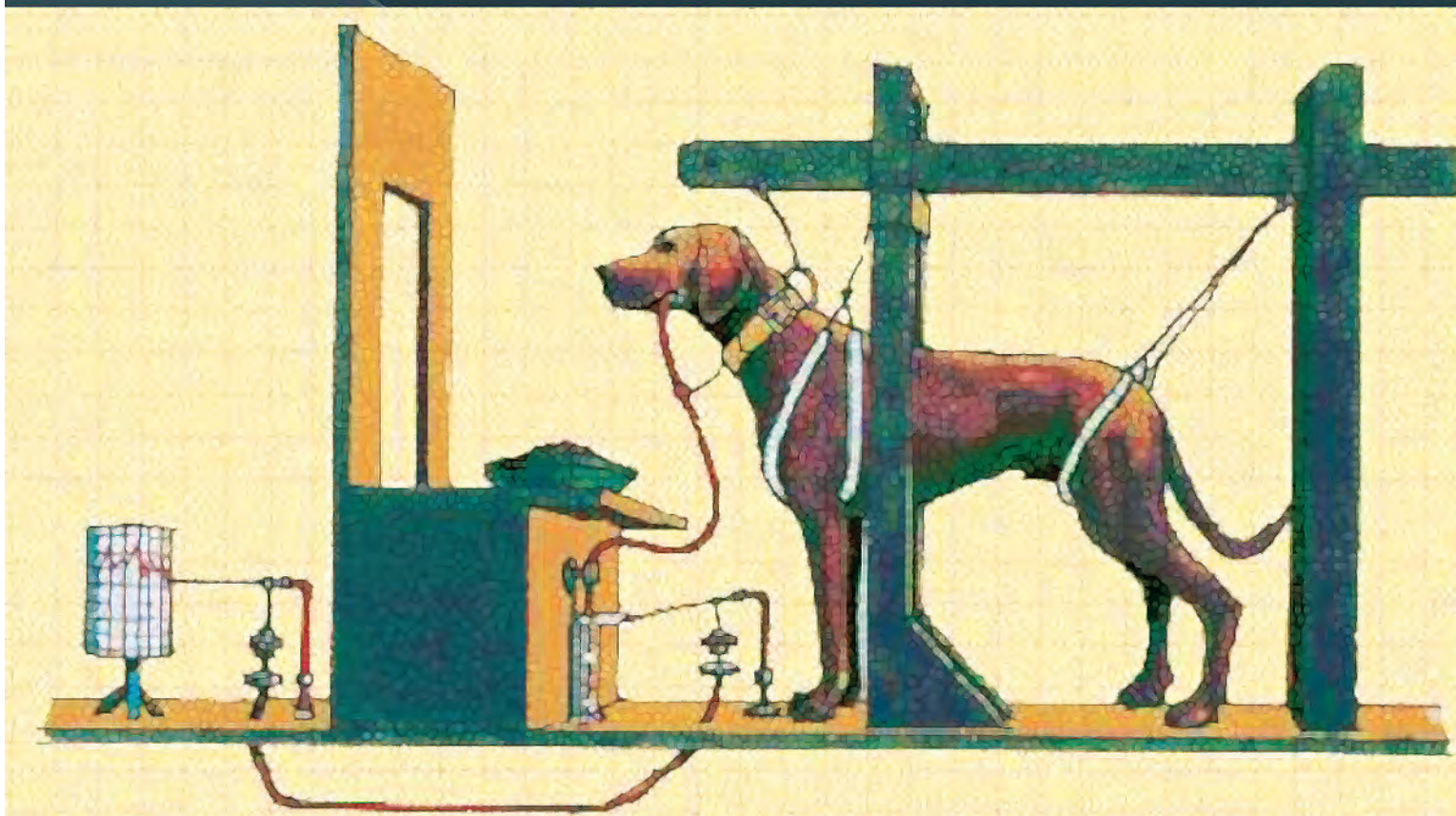
Họ Chó (Canidae) có nhiều giống. Riêng giống chó nhà với tên khoa học là *Canis familiaris L.*, là giống được thuần hóa giúp người giữ nhà và săn bắn từ thời xa xưa, ít ra cũng vài ngàn năm trước Tây lịch.

Trong Đông y, nhiều bộ phận của chó được dùng làm thuốc. Thí dụ như: *cẩu thận* (Penis, Testis canis) gồm dương vật, và tinh hoàn của chó, theo y học cổ truyền, được dùng chữa thận dương suy nhược, liệt dương, di tinh, hay: *cẩu bảo* (Calculus canis) là sỏi lấy từ dạ dày của chó bị bệnh, theo tài liệu Đông y cổ được dùng giải độc, chữa mụn nhọt, nôm mửa, nấc, nghẹn. Gọi là *cẩu bảo*, tức vật quý của chó, vì chó bị bệnh có sỏi trong dạ dày rất hiếm.

Đối với Tây y, không có bộ phận nào của chó được dùng làm thuốc. Ngay như các thuốc có nguồn gốc phủ tạng (ophtérapie), tức là các thuốc bào chế từ *trích tinh gan, tuyến giáp, nang thượng thận, tụy tạng*, thì các cơ quan này được chủ yếu lấy từ heo, bò chứ không phải

chó. Nhưng chó đóng vai trò đáng kể trong sự hình thành, phát triển các lãnh vực y dược như: sinh lý học, dược lý học, dược lý di truyền (pharmacogenetics). Chó đã được dùng với các súc vật khác như: chuột nhắt, chuột cống, chuột lang (guinea pig), thỏ, mèo, ngựa, bò, heo, khỉ... tạo thành đội ngũ gọi là “súc vật thí nghiệm” (laboratory animals) sẵn sàng hy sinh vì cuộc sống của con người. Không có chúng, các loại thuốc mới không thể ra đời. Bởi vì, trước khi thử thuốc trên lâm sàng, tức thử trên người, bao giờ một loại thuốc mới cũng phải được thử tác dụng điều trị, độc tính, độ an toàn trên súc vật thí nghiệm.

Trong lãnh vực sinh lý học, vào đầu thế kỷ XX, chính nhờ nghiên cứu sinh lý bộ máy tiêu hóa trên chó mà nhà bác học Ivan Pavlov (1849-1936) đã đưa ra lý thuyết rất nổi tiếng là lý thuyết “phản xạ có điều kiện” (conditioned reflex). Chó thí nghiệm được cho ăn thịt và được chiếu đèn lập đi lập lại rất nhiều lần. Sau cùng chỉ cần chiếu đèn là lập tức miệng chó sẽ tiết nước bọt, dù không có thịt ăn vào. Phản xạ có điều kiện ở đây là ánh đèn đã được thành lập. Pavlov còn mở rộng lý thuyết này sang lý thuyết “hoạt động cấp cao của hệ thần kinh gồm phản xạ có điều kiện và phản xạ không có điều kiện”. Trong lãnh vực dược lý học, tức là lãnh vực nghiên cứu tác dụng của thuốc đối với cơ thể sống, chó là vật thí nghiệm cho nhiều loại thuốc. Chó được xem là súc vật tốt nhất dùng để nghiên cứu tác dụng của thuốc đối với huyết áp. Để nghiên cứu tác dụng của thuốc đối với sự tiết acid dịch vị, thí dụ như thuốc kháng acid, người ta thường dùng phương pháp Pavlov mở lỗ dò khảo sát trực tiếp dịch vị trong dạ dày chó. Trong công tác kiểm nghiệm thuốc, ngoài kiểm nghiệm tính chất lý hóa, một số thuốc còn phải được kiểm nghiệm sinh học (biological testing). Thí dụ như *adrenaline*, để kiểm nghiệm một mẫu adrenaline nào đó, người ta sẽ xem tác dụng của nó trên huyết áp



của chó và so sánh với thuốc adrenaline chuẩn. Để xem tác động của thuốc gây mê tác động trên hệ thần kinh trung ương, người ta dùng chó làm vật thí nghiệm, đặc biệt là chó cái.

Trong lãnh vực dược lý học có một chuyên ngành có tên là Dược lý di truyền (pharmacogenetics). Đây là chuyên ngành chuyên nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố di truyền đối với sự đáp ứng tác dụng của thuốc. Thí dụ như có nhiều loại vật khi mới sinh ra, cơ thể của chúng không có khả năng chuyển hóa thuốc trong khi loài gà ngay từ trong trứng đã có khả năng biến đổi thuốc theo chiều có lợi cho cơ thể chúng. Hay có một số loài người bẩm sinh trong cơ thể không có enzyme glucose 6-phosphate dehydrogenase (G6PD) nên có một số thuốc người thường sử dụng không sao nhưng đối với họ thì rất độc do không có G6PD để chuyển hóa thuốc. Chó là một trong những vật thí nghiệm được dùng trong chuyên ngành nghiên cứu này. Đặc biệt, có một số bệnh di truyền gặp ở người nhưng đồng thời cũng gặp ở chó. Có thể kể các bệnh di truyền cùng gặp ở người và chó như: bạch tạng (albinism), đục thủy tinh thể (cataract), điếc (deafness), viêm võng mạc sắc tố (retinitis pigmentosa), loạn dưỡng sụn (chondrodystrophia), huyết hữu (hemophylia). Do vậy, các nhà dược lý di truyền nghiên cứu ảnh hưởng của sự khiếm khuyết di truyền trên sự đáp ứng tác dụng

thuốc ở chó và nhiều súc vật khác để suy ra cho người khi các khiếm khuyết di truyền đó cũng gặp ở người. Chó đốm (Dalmatian dog) là đối tượng được nghiên cứu về bệnh "tăng acid uric niệu bẩm sinh" vì loại chó này khi bị khiếm khuyết di truyền không chuyển hóa được các thuốc có nhân purin (caffeine, theophylline) giống như người và thải trừ acid uric trong nước tiểu rất nhiều.

Như vậy; trong y dược học, chó có nhiều công lớn. Nhưng cái gì trong đời mà không có mặt trái của nó; do sống gần gũi với người, chó có khi là nguồn lây bệnh cho người. Bệnh dại, một bệnh do chó truyền cho người từng là nỗi kinh hoàng của loài người và hiện nay vẫn còn gieo rắc sự hiểm nguy (nói đến bệnh dại, cần nhắc đến công ơn to lớn của nhà bác học Pasteur, người đã tìm ra thuốc chủng ngừa bệnh dại). Chó cũng là thủ phạm truyền cho người một số bệnh gọi là "ký sinh trùng lạc chỗ" tức bị các loại ký sinh trùng sống ở động vật là chó xâm nhập vào người để gây bệnh, chẳng hạn như bệnh sán *Echinococcus granulosus*, bệnh sán *Dipylidium canicum*. Nhưng ta hoàn toàn có thể xóa bỏ những điều không tốt đẹp này khi nghĩ về chó. Chó mãi mãi là con vật trung thành thân thương khi được nuôi dưỡng hợp vệ sinh (đồng thời với việc ta ăn ở vệ sinh), không thả rong chó và nhất là tiêm ngừa cho chó đầy đủ. ■



Tượng đài Laika

Những chú chó nổi tiếng thế giới

TRẦN THÁI HỌC

Chú chó khoa học Laika (Nga)

Laika là một con chó của Nga (sinh khoảng năm 1954 - mất ngày 3/11/1957), thuộc giống cái, có sức khỏe cực tốt. Đây là sinh vật đầu tiên được đưa lên vũ trụ, bay vòng quanh Trái đất và cũng là động vật đầu tiên hy sinh trên quỹ đạo.

Laika đã trải qua khóa huấn luyện khắc nghiệt với hai chú chó khác và đã được chọn đưa lên tàu Sputnik 2 bay lên quỹ đạo vào ngày 3/11/1957. Con tàu Sputnik 2 đã không được thiết kế cơ cấu chống cháy và hạ cánh để thu hồi về Trái đất, vì thế Laika đã được dự tính trước sẽ chết trên chuyến bay. Laika qua đời vài giờ sau khi tàu vũ trụ rời bệ phóng. Tuy nhiên, nhờ thử nghiệm này đã chứng minh là con người có thể tồn tại được trên quỹ đạo và chịu đựng được tình trạng không trọng lượng. Nó đã mở đường cho những chuyến bay của con người vào không gian sau này.

Cái chết của Laika đã mở đường cho sự sống trên vũ trụ của "cặp vợ chồng" chó Belka và Strelka. Chó đực Strelka và chó cái Belka được Cơ quan Hàng không vũ trụ Liên Xô phóng lên không gian ngày 19/8/1960 bởi tên lửa đẩy R-7 mang vệ tinh Sputnik 5.

Ngày 20/8/1960, Sputnik 5 hạ cánh nhẹ nhàng bằng dù trên thảo nguyên gần Baikonur (Kazakhstan). Cả Strelka và Belka đều khỏe mạnh, an toàn, cũng nổi tiếng không kém gì Laika khi được quay phim tài liệu, phim hoạt hình, lên tem, giao lưu với học sinh... Vài tháng sau đó, Belka và Strelka đã sinh được 6 con chó con khỏe mạnh. Lãnh tụ Liên Xô Nikita Sergeyevich Khrushchov đã chọn một con đẹp nhất là Pushinka gửi tặng Caroline Kennedy, con gái của Tổng thống Mỹ John F. Kennedy.

Vào ngày 11/04/2008, một tượng đài tưởng niệm Laika đã được khánh thành tại Viện Y học Quân sự ở thủ đô Moscow, nơi đã chuẩn bị cho chuyến bay của Laika. Tượng đài mô phỏng Laika đứng trên một bệ phóng tên lửa.

Chú chó nghệ sĩ Uggie (Mỹ)

Uggie thuộc nòi Jack Russell, từng tham gia rất nhiều bộ phim như *What's up scarlett*, *Wassup rockers* (2005), *Mr. Fix It* (2006)... nhưng được yêu mến và nổi tiếng qua phim *The Artist* (đoạt 5 giải Oscar lần thứ 84, cũng như giải BAFTA, César, Cannes).

Trước khi nổi tiếng, Uggie đã trải qua hai đời chủ, phải sống những tháng ngày buồn tủi trong trại trú ẩn dành cho động vật. Sau đó, Uggie được Omar Von Muller cứu thoát, rồi nổi lên như một ngôi sao trong những chú chó tại trại huấn luyện ở Los Angeles vì đáng yêu và khả năng diễn xuất. Uggie có năng khiếu điện ảnh bẩm sinh nên ở phần thử vai các phim vừa nêu, đã làm tốt những trò như giả chết, trượt ván, buồn, diễn xiếc. Sự dễ thương và thông minh đã giúp Uggie chinh phục nhà làm phim. Với sự thể hiện xuất sắc trong bộ phim *The Artist*, Uggie đã được trao giải Palm Dog tại Liên hoan phim Cannes 2011 và giải Vòng cổ vàng (Golden Collar - dành cho những chú chó xuất sắc nhất trong phim) được trao lần đầu vào năm 2011 ở Los Angeles. Ngày 25/6/2012, chú chó Uggie đã được lưu dấu chân trước Nhà hát Grauman nổi tiếng ở Hollywood. Đây là lần đầu tiên có một “diễn viên bốn chân” nhận được vinh dự này. Tháng 10/2012, Uggie đã “ra mắt” cuốn tự truyện đặc biệt với tên gọi *Uggie: My Story* với sự trợ giúp của nhà văn Anh Wendy Holden. Đồng đạo người hâm mộ đã xếp hàng hàng giờ để được gặp Uggie “ký” tặng sách. Vào tháng 8/2015, Uggie đã qua đời ở tuổi 13 ở nhà riêng tại Los Angeles, Mỹ.

Được biết, trước Uggie, chú chó mang tên Rin Tin Tin (Rinty) sống thập niên 1920 nổi tiếng không kém gì, khi đã cứu sống hãng Warner Bros bằng nhiều bộ phim ăn khách. Rin Tin Tin vinh dự là con thú đầu tiên được gắn ngôi sao trên Đại lộ Danh vọng Hollywood.

Chú chó quốc dân Hachiko (Nhật Bản)

Hachiko (tên thân mật là Hachi) là một chú chó giống Akita sinh ngày 10/11/1923 tại thành phố Odate, tỉnh Akita và chết ngày 8/3/1935 tại quận Shibuya, thủ đô Tokyo, Nhật Bản. Hachiko nổi tiếng khắp Nhật Bản và được truyền đi toàn thế giới do trung thành với chủ ngay cả sau khi người chủ đã chết nhiều năm.

Năm 1924, giáo sư Hidesaburo Ueno thuộc khoa Nông nghiệp Trường Đại học Tokyo đã mua Hachi. Mỗi buổi sáng, Hachiko theo tiễn chủ tới tận nhà ga Shibuya nơi ông chủ đi tới nơi làm việc và chờ đón ông tại đó đến khi ông trở về vào cuối ngày. Cho đến một ngày định mệnh vào tháng 5/1925, khi Ueno bị nhồi máu đột ngột và chết ngay tại nơi làm việc. Những ngày sau đó, Hachi vẫn tới nhà ga để chờ đón ông chủ. Tổng cộng Hachi đã chờ chủ mình mất 9 năm 9 tháng và 15 ngày cho đến khi qua đời. Xác Hachiko đã được nhồi bông và bảo quản tại Bảo tàng Quốc gia về Thiên nhiên và Khoa học Nhật Bản thuộc quận Ueno, Tokyo.

Pho tượng đồng Hachikō đầu tiên - tác phẩm của nhà điêu khắc nổi tiếng Nhật Bản Ando Teru - được dựng vào tháng 4/1934 tại nhà ga ở Shibuya nhưng sau đó bị dỡ đi vì lý do chiến tranh. Tháng 8/1948, pho tượng thay thế mới ra mắt và đặt ở vị trí cũ, lần này do nhà điêu khắc Ando Takeshi (con trai của Ando Teru)

thực hiện. Ngày nay, pho tượng này đặt ở cửa Bắc ga Shibuya, người dân quen gọi là “cửa Hachiko” - một trong năm cửa chính của nhà ga.

Năm 1994, Đài phát thanh CBN Nhật Bản đã cho phát một bản ghi âm cũ tiếng sủa của Hachiko. Năm 2004, Hachiko trở thành nhân vật trong một cuốn truyện ăn khách dành cho thiếu nhi tại Nhật Bản. Năm 2009, hãng Stage 6 của Mỹ đã sản xuất một bộ phim phỏng theo phim về Hachiko của Nhật Bản năm 1987, mang tên *Hachi: A Dog's Tale* (org). ■



Hachiko



Uggie



TRẦN NGUYỄN HẠNH

Ngay cả khi đã trở về nhà, nằm dưới vòm me xanh ngắt, nghe chim sè lúu rú gọi bầy tôi vẫn chưa thể tin được rằng tôi đã ở đây giữa một miền quê yên ả.

Những buổi trưa nơi quê nhà với tôi luôn là những buổi trưa thật nhiều cảm xúc. Bao giờ cũng vậy, sống giữa một khung cảnh thân thuộc người ta sẽ có lý do để nhớ về những kỷ niệm đã thành dĩ vãng. Mỗi khi trở về quê, trong tôi những ký ức đã cất gọn ghề ở một nơi nào đó bỗng được hồi sinh. Rồi cứ thế hình ảnh này nối tiếp hình ảnh khác cứ bời bời hiện về vẫy gọi. Đó là ký ức về những buổi trưa, khi em tôi còn nhỏ, trưa nào chúng tôi cũng trốn mẹ đi bắt chuồn chuồn. Chúng tôi lang thang ra bờ ao, nơi những chú chuồn chuồn với nhiều màu sắc thường tụ tập. Nào chuồn kim, chuồn ớt, chuồn ngô...

Tôi thường lẫn mò trong bụi rậm để tìm bắt những chú chuồn ớt màu đỏ chói mê hoặc. Còn em tôi mê đắm tìm bắt những chú chuồn kim nhỏ bé với đủ màu sắc lấp lánh trên thân mình. Chúng tôi cứ lang thang khắp nơi, nhìn trời xanh, ngắm mây trắng, để nắng ươm vàng từng cọng tóc mỏng đến cháy khét. Tôi nhớ những chùm dẻ quả chín mọng, vị chua ngọt thơm

lừng như chuối chín cây mỗi trưa tôi cùng em đi hái. Nhớ những ngày đầu hạ, chúng tôi lang thang khắp nơi tìm bắt ve sầu.

Nhớ khoảng thời gian khi bận ra hoa từng chùm rồi chín mọng ngoài sân, trưa nào chúng tôi cầm sào, gói ít muối ớt rồi trốn mẹ ra đó. Không chỉ có ký ức, quê nhà còn gợi nhớ trong tôi bằng những mùi hương. Đó là những ngày lòng hân hoan đi tìm hái những bông dẻ thơm lừng ấp ươm trong túi áo. Những bông hoa được chúng tôi nâng niu mang về ướp vào lọ thủy tinh để trên bàn học. Mỗi tối học bài, mùi thơm của hoa lan tỏa khắp căn phòng, chúng tôi chum chum tranh nhau hít. Thoảng trong mùi thơm dịu dịu của hương hoa, chúng tôi say sưa học bài rồi ngủ quên từ lúc nào chẳng biết. Có biết bao ký ức ngày xưa dù thời gian đã phủ bụi lên năm tháng vẫn không thôi gợi thương nhớ cho những người trưởng thành, khi mà guồng quay cuộc sống với bao lo âu tất bật về cơm áo gạo tiền vẫn cuốn mỗi người đi xa khoảng trời thơ ấu dấu yêu ngày nào. Mỗi lần trở về quê tôi thấy mình như được sống lại cùng những ký ức ngày ấy, thấy mình bé lại trong những kỷ niệm xưa.

Mỗi khi trở về, tôi thường ra nằm trên chiếc võng mắc dích dắc trước hiên nhà ngắm nhìn khung cảnh



thân thuộc. Đó là một giàn mướp đương độ ra hoa, những bông hoa mới nở vàng óng dưới nắng trời diu diu, lấp lánh trên cánh hoa mỏng là những hạt phấn li ti dẫn dụ ong bướm từ đâu tìm tới bay lượn xung quanh. Đó là một hàng rào hoa giấy nở rộ màu hồng thắm rực rỡ một góc sân nhà. Phía xa xa, con đường làng rợp bóng cỏ cây, chen chúc những đóa hoa dại đua nhau nở. Thỉnh thoảng một vài cơn gió ngoài đồng xa thổi tới, mang chút hương đồng gió nội phả vào trong cánh mũi cái mùi đồng quê thật dễ gây thương nhớ. Bên nơi tôi nằm, một đôi chim sẻ đang líu nhíu hát ca, ve sầu hân hoan làm náo động một góc sân nhà. Tôi lắng lắng nghe và nhìn ngắm mọi thứ. Xuyên qua từng chiếc lá mỏng manh trên thân cây tôi thấy từng vạt nắng vàng óng đang không ngừng nhảy nhót. Một thế giới quyến rũ với hương sắc ngập tràn hiện về trong mắt tôi giữa khung cảnh đồng quê tươi mát.

Có khi trở về nhà giữa một mùa hè rực nắng khiến tôi nhớ những que kem mát lạnh từng ăn ngày nhỏ. Những que kem chỉ năm trăm đồng một cây mà mỗi khi nghe thấy tiếng reng reng của chiếc chuông nhỏ từ người bán kem dừa nào đó cũng hối hả chạy ra đường, về mặt hơi nóng không quên chia ra tờ tiền năm trăm đồng được

dành lại từ những ngày đi học. Hôm nào không có tiền que kem thường được đổi bằng những đôi dép nhựa đã đứt mà bọn trẻ chúng tôi dành cất lại. Có hôm không đủ tiền để mua cho mỗi đứa một que kem, chúng tôi chia nhau mút chung. Dù vậy cây kem ngày hè không vì thế mà mất ngon. Ngày ấy, những que kem với chúng tôi là tất cả mùa hè mơ ước. Bao hân hoan vui sướng đón đợi mùa hè cũng chính bởi những que kem mát lạnh ấy. Bây giờ, mỗi khi nhắm mắt lại tôi vẫn nghe thấy âm thanh leng keng từ chiếc chuông nhỏ và cái vị ngọt mát lạnh tê đầu lưỡi của những que kem tuổi thơ.

Có những buổi trưa nơi quê nhà nằm đông đưa trên cánh võng, tôi mừng tượng ra bóng dáng của ông trong nụ cười hiền lành bên cạnh những quả na thơm lừng - những quả na đã được ông hái sẵn sau mỗi sáng thức dậy lang thang ra vườn. Đó là món quà ông dành cho tôi mỗi khi ghé sang chơi. Như một thói quen, mỗi sáng thức dậy lúc nào tôi cũng thấy mẹ để sẵn vài quả na trên bàn học là quà ông mang sang.

Cho đến một buổi sáng mùa hè thức giấc, tôi không còn nhìn thấy những quả na chín mọng trên bàn mình. Qua ô cửa sổ tôi nghe thấy người ta xôn xao rằng tối qua ông lên cơn đau tim. Những cơn đau quặn thắt hành hạ ông suốt đêm. Kể từ ngày đó, mãi mãi những năm về sau không còn ai mang những một quả na chín đặt trên bàn học tôi mỗi sáng dù cây na ông trồng trước nhà quả vẫn sum suê trên cành. Và rồi, vào một buổi trưa hè ngoài trời ươm vàng nắng, na trên cành chín mọng mùi thơm quyến trong từng làn gió, tôi mãi mãi không còn cơ hội nhìn thấy nụ cười hiền từ cùng những quả na ông hái nữa.

Thỉnh thoảng trong giấc ngủ, tôi vẫn cố để mình tỉnh táo kiếm tìm những giấc mơ về ngày thơ ấu, về những con người mà đôi khi ký ức bằng một nguyên do nào đó bất chợt để tôi nhớ đến họ. Nhưng rồi giữa nơi thị thành ngọt ngào, những giấc mơ trong tôi chưa bao giờ vẹn nguyên hình hài. Có chăng, nó chỉ là những đoạn nhớ rời rạc được ghép nối với nhau bằng vài hình ảnh mơ hồ trong tưởng tượng.

Với một số người, thành phố sáng đèn là giấc mơ họ hướng đến. Còn với tôi, giấc mơ tôi hằng mong ước chỉ đơn giản là được trở về với quê nhà. Khác với những buổi trưa hè ngọt ngào ở phố, những buổi trưa nơi quê nhà cho tôi tìm lại chính mình. Luôn có một điều thăm sâu mà trái tim tôi thường lên tiếng, đó là bất kỳ cuộc đời đi nào cũng mang ý nghĩa như một hành trình đi tìm chính mình. Nhưng nếu có sẵn một nơi mà ở đó chúng ta đã được là chính mình rồi thì những cuộc đời đi ấy liệu còn mang ý nghĩa? Tôi muốn trở về chỉ để nghe thấy âm thanh một tiếng gà cục tác, nhìn một vạt nắng long lanh rơi ngoài hiên, ngắm giàn mướp đang mùa sai quả, ăn quả na chín mọng và lang thang cùng em đi hái những chùm hoa dẻ thơm lừng.

Chỉ có vậy thôi! ■



HOÀNG KHÁNH DUY

1 .“Bà biết không, xóm cũ bây giờ mọc lên mấy căn nhà mới, khang trang lắm! Hôm bữa tui mới về ngang qua nè, con Sang nói tui mới biết chứ không khéo tui lại nhận không ra”. Nghe dì Hạnh kể, mắt mẹ sáng lên lạ thường. Mẹ cầm cùi bắp nổi cơm lên cái cà ràng trên bếp, phù phù thổi khói rồi queo xuống cầu ao ngồi nói chuyện với dì Hạnh.

Mắt mẹ đục ngầu màu khói, mẹ kéo vạt áo chậm chậm lên đôi mắt ứa nước rồi tặc lưỡi: “Ừa, mà bà về đó làm gì? Đi mà không rủ tui một tiếng, để tui còn về đó thăm bà con chòm xóm năm xưa, mấy chục năm rồi còn gì!”

Dì Hạnh nhẹ nhàng vỗ vai mẹ, thanh minh: “Con Sang với chồng nó chờ tui đi mua lúa, duyên nợ thế nào mà lại trở về đúng ngay quê mình ngày xưa. Nói thiệt chứ lòng tui cũng ngậm ngùi lắm”.

Mẹ cười xuề xuể. Một đợt gió thổi qua rụng mấy chiếc lá mạn xuống mặt ao, động nước. Cây mạn này ba trồng từ khi cả gia đình mới dọn về đây sinh sống. Cây mạn lớn dần cùng mưa nắng thời gian. Tội lớn lên, đôi chân bước đi trên giồng gió cuộc đời để rồi bình yên, an trú. Đến mùa thì mạn ra trái, hết mùa mạn lại nằm im trút lá đầy khoảng sân sau nhà, lá khô bay xuống ao tụ lại thành một lớp dưới đáy. Chiều chiều, ba tôi lội xuống ao vét hết lớp lá lên bờ. Xác lá trong nước thoảng mùi tanh tanh ngai ngái, ba dùng xác lá đắp ngược trở vào gốc cây để mùa sau mạn lại đơm hoa, kết trái ngọt lành.

Mẹ tôi thường hát một mình trong những chiều buồn, nghe đứt từng khúc ruột:

*Bến cũ đò xưa, sao người quên bến đò xưa
Chiều im tiếng gió, mà nỉ non ai khóc một mình ...*

Một chiều, tôi thấy mẹ ngồi ôm mặt khóc rưng rức, câu hát đứt quãng. Tôi đang tĩa nhánh mạn sau vườn hối hả chạy vào, xuýt xoa hỏi: “Trời ơi, mẹ, mẹ làm sao vậy? Mẹ thấy đau chỗ nào hả? Ba ơi... ba...”.

Mẹ ngăn: “Cái thằng... Mẹ có sao đâu. Chỉ tại mẹ nhớ quê mình thôi mà!”

Tôi trách: “Lần nào cũng vậy, cứ hát bài hát này là mẹ khóc. Vậy mà mẹ vẫn hát. Khổ quá!”

Tôi kéo chiếc khăn phai màu lau nước mắt cho mẹ. Tôi biết mẹ buồn vì nhớ quê, nhớ những tháng năm dầm sương dãi nắng, lay lắt giữa dòng đời. Tôi không

thể nào quên ngày mà cả nhà chèo chống rời quê nhà trong một đêm vắng sao, mờ mịt. Mùa nước cạn, con sông quê gần như nhìn thấy đáy, chiếc ghe không trôi; ba tôi xắn ống quần lội xuống sông đẩy chiếc xuống trên vũng bùn trơn trượt. Tôi không nhớ năm ấy mình bao nhiêu tuổi, vui hay buồn, chỉ mơ màng thấy mình nằm chèo queo trong mũi ghe, mẹ kéo tấm mền rách đắp ngang ngực tôi cho đỡ muỗi. Chiếc ghe vượt qua quãng sông cạn nước, đổ ra sông lớn. Trời khuya, nước chảy mạnh, gió lắc chiếc ghe chòng chành trên mặt sóng. Chiếc ghe cứ đi. Đi mãi...

2 .“Chị Chín ơi, có chuyện lớn rồi, chị Chín”. Chú Tư Rượu vừa chạy hồn hển trên con đường đất vào nhà, vừa kêu lớn. Mẹ tôi đang ngồi quạt mẻ un vừa bén lửa, ngọn khói lơ lửng về trời, nghe chú gọi mẹ, lại nói là “chuyện lớn”, mẹ vội vã đứng dậy: “Có chuyện gì mà la lớn dữ vậy, chú Tư?”

Chú dừng lại, dựa lưng vào gốc dừa sim, thở dốc. Hình như chú Tư ngà ngà say, hơi rượu theo gió quện lên trong không gian: “Bà Sáu Chảnh dẫn đám côn đồ vào đây đòi nợ, tụi nó làm ầm ĩ ngoài đầu xóm kia kia”.

Chú Tư buột miệng: “Rồi chị tính sao, chị Chín?”

“... thì chờ nghe họ chửi mình chứ biết sao, hả chú!”
Mẹ tôi nói điềm nhiên, nước mắt lưng tròng, mẹ đứng liêu xiêu trong gió. Nghĩ về món nợ năm trước, mẹ thoáng rùng mình.

Hồi ba dong ghe xuống miệt này làm ăn, ba gặp mẹ. Thuở ấy mẹ còn con gái, da dẻ mịn màng, tính nết hiền thực, giỏi giang. Ba mẹ lỡ phải lòng nhau khi lúa đồng đơm bông trĩu hạt. Ba mẹ cưới nhau trong sự chúc tụng của xóm làng. Ba tôi không còn đi ghe nữa, ba dọn hẳn lên bờ ở với mẹ, mảnh ruộng sau nhà hai người cày cấy hi vọng cuộc sống đổi thay. Mùa vụ đến, sáng sớm mẹ thức dậy nấu cơm, nổi canh bí đao hột vịt đem ra đồng. Trời hiu hiu bắc, ngọn gió tháng chín se sắt thịt da, ba mẹ hi hụp cây trên cánh đồng, đôi bụng lại ngược đề lên bờ tre giờ cơm ra ăn cho chắc dạ.

Tháng mười một lúa trở bông vàng, hạt lúa trĩu nặng quằn quắn, ba mẹ đem giống gặt ra đồng cắt lúa đem về sân đập hạt phơi khô rồi đóng vào bồ để dành ăn đến mùa lúa mới. Một năm sau, khi tôi chập chững biết đi cũng là lúc bà ngoại lâm bệnh nặng. Trong một



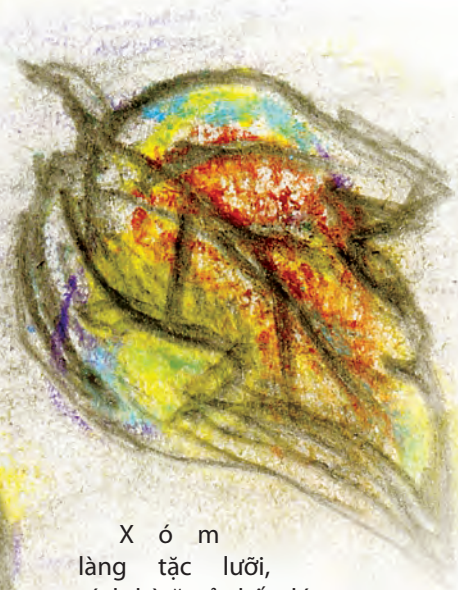
chiều ngoại quét sân trước nhà, bỗng dung xây xẩm mặt mày rồi ngã lăn xuống đất. Ba hốt hoảng bế thốc ngoại xuống ghe chờ ra trạm y tế, trạm y tế yêu cầu chuyển ngoại ra bệnh viện tỉnh, ở đó điều kiện đầy đủ trời thương cho ngoại sống thêm ít năm.

Số tiền ki cóp cạn sạch, mẹ dứt lòng bán hẳn mảnh ruộng sau nhà cho vợ chồng người nông dân lưu lạc đến xóm tôi tìm kế sinh nhai. Tiền bán đất mẹ dùng để chạy chữa bệnh tình thuốc thang cho ngoại, tã sữa cho tôi. Có lần ba kể lại giai đoạn ấy nhà tôi chênh vênh cùng cực, sức bà ngoại yếu dần, sự sống như treo trên sợi tóc. Người già như hạt sương mai, nắng lên lại vội tan vào cành cây, ngọn cỏ. Mẹ tôi gầy đi trông thấy, bầu ngực ráo hoảnh, khuôn mặt sạm màu nắng mưa. Rồi ngoại mất trong một đêm bìm bịp sông thắt thẻo kêu sương buồn đến não lòng. Ngọn đèn dầu trước gió vụt tắt khi không đủ sức chống chọi với cuộc

đời. Ngoại mất, trong nhà không còn lấy một đồng, mẹ bấm bụng vay tiền bà Sáu Chảnh đầu xóm để lo chuyện hòm rương, mai táng cho ngoại ấm cúng phút sau cùng. Nhà tôi mắc nợ bà Sáu Chảnh từ dạo đó.

Người quê tôi thường bảo: *"Năm tháng trôi đi, nợ ngày một mòn, con ngày một lớn"*.

Câu ấy dường như không hợp với gia đình tôi. Tôi ngày một lớn lên, món nợ cũng to dần thời gian, năm tháng. Mảnh ruộng không còn, ba mẹ đành gửi tôi cho hàng xóm, theo ghe đi làm mướn tận xóm bên. Khi thì nhổ cỏ, khi cấy lúa, gặt lúa, lúc gặt vét ao, sên đĩa... miễn kiếm được tiền mua sữa cho tôi. Bà Sáu Chảnh nổi tiếng giàu có mà keo kiệt nhất xóm, bà không có lòng khoan dung kể cả đối trước những cảnh túng cùng. Nhiều lần bà đến trước cửa nhà tôi, réo tên ba mẹ, tên bà ngoại tôi ra mà chửi. Bà gọi mẹ tôi là *"Quần giật nợ"*, *"Đồ ăn cướp"*.



X ó m
làng tặc lười,
trách bà ăn ở thất đức,
tàn nhẫn, bà tức giận
chửi sang, hàng xóm
lặng im. Người nhà giàu
mà, ai dám hó hé một lời.
Mẹ tôi khóc, ba tôi dỗ dành.

Ba tôi bắt lức, tôi ám ảnh
trong đầu tiếng chửi rửa lần
gương mặt dữ dằn của bà Sáu
Chánh, cả trong giấc mơ.

Một chiều cuối năm, gió bắc
bàng bạc từ cửa sông lớn cuốn mùi
bùn non của con sông quê vào xóm.
Mẹ tôi đang ngồi nhổ lông con gà mái
tơ nẫu cháo cúng bàn thờ cho ngoại
cũng là lúc bà Sáu Chánh đến nhà tôi...

đòi nợ.

Bà bảo: "Đấy đấy, nợ ngập đầu mà ở đó ăn sang. Gà
với chả vịt. Vợ chồng bây định giết nợ đến bao giờ?"

Mẹ tôi van nài: "Sáu ơi, thư thả cho vợ chồng con, qua
Tết vợ chồng con gửi thẳng cu rồi đi làm kiếm tiền về trả
nợ cho Sáu, lời lãi con trả đủ..."

Bà hất tay mẹ tôi, quát: "Hứa, hứa, hứa. Bao nhiêu lần
rồi. Tiền của tao là tiền làm ăn, tiền sinh lợi, không phải
tiền làm phúc làm ơn".

Mẹ tôi khóc ròng, mẹ tôi van xin nhưng bà chẳng
đoái hoài. Bà dọa sẽ dẫn côn đồ đến phá nhà để gia
đình tôi không còn chỗ dung thân. Mẹ tôi hoảng sợ,
khuôn mặt mẹ hằn thêm những nếp nhăn...

Ba bảo: "Hay mình đi thôi, em ạ!"

"Đi đâu?", mẹ tôi ráo hoảng.

"Đi đâu cũng được, miễn là xa xóm, đến khi nào đủ tiền
trả nợ cho bà Sáu, vợ chồng mình lại trở về".

Mẹ tôi nghẹn ngào. Một thoáng lặng im, mẹ chẳng
hắng hỏi ba mà lòng dạ như trăm ngàn mũi kim đâm
vào: "Còn mẹ mẹ?"

Ba tôi thở dài, rút thuốc. Ba vỗ nhẹ lên bờ vai của mẹ,
trấn an: "Mẹ mẹ mình nhờ hàng xóm chăm sóc ít năm, ở
lại đây sao mà sống nổi, còn thẳng cu, còn tương lai..."

Nhiều đêm mẹ tôi thổn thức, mẹ sợ đời gieo cho mẹ
tiếng "giết nợ, bỏ xứ mà đi". Mẹ sợ. Bị chửi, bị xỉ vả mẹ

cũng cam lòng miễn sao lòng mẹ sạch
trong như nước sông tháng sáu. Đường
cùng mẹ đành nghe theo quyết định của
ba. Đêm ấy, cả nhà bỗng chổng xuống
ghe rời xa miền quê chỉ còn trong kí ức,
xa mộ ngoại.

Trước khi đi, mẹ quỳ sụp xuống
trước mộ ngoại: "Má ở lại, tụi con đi.
Chừng nào trả đủ số nợ cho bà Sáu, tụi
con lại về với má".

Mẹ ôm khư khư cái lư hương của
ngoại, bước xuống ghe. Đêm ấy, nước
ròng. Ba phải lội xuống sông đẩy cho
chiếc ghe ra kịp con nước ngoài sông
lớn. Chiếc ghe trôi qua bao miền quê, xóm làng, đi
mãi, cuối cùng dừng lại ở một xóm nhỏ vắng tanh
dựng chòi ở tạm. Đến tận bây giờ...

3 . Mẹ vẫn thường thổn thức lòng mình khi
nghĩ về món nợ năm nào. Dấu sao thì mẹ vẫn
thấy mình có lỗi, lam lũ hơn nửa đời người mẹ
cũng đành dùm đủ số tiền trả lại cho bà Sáu Chánh để
lòng bình an. Tiếc thay, khi mẹ trở về thì bà Sáu đã qua
đời. Người ta kể lại bà Sáu Chánh chết trong một lần
đi đò qua xóm bên... đòi nợ. Trời mưa bão, dòng sông
cái sóng lớn gió to. Chiếc đò bà Sáu bị nhấn chìm giữa
lòng sông sâu hoắm.

Mẹ trở về, lặng lẽ đốt nhang khấn vái, giọt nước mắt
âm âm lăn dài trên đôi gò má teo tóp của mẹ. Mẹ chột
dạ: "Sáu ơi, tụi con làm đủ tiền trả nợ cho Sáu rồi nè! Sáu
về chứng giám, tụi con không có ăn giết Sáu đâu. Yên
nghỉ nghen Sáu..."

Mẹ đốt thêm giấy tiền vàng mã trước mộ bà rồi lặng
lẽ ra đi. Mảnh đất cũ không còn, ba mẹ quyết định đem
bà ngoại về nằm lại trên mảnh đất mới, cạnh góc ao
sau vườn, sống trọn những tháng ngày ấm cúng bên
con cháu.

4 . Bây giờ, mỗi lần nghĩ về ngôi nhà cũ, mảnh
đất cũ, xóm làng cũ, mẹ tôi lại khóc. Gió đầu
non thổi vào vách lá, tiếng nhận gọi bầy trong
bóng hoàng hôn chín rựng. Nghe tiếng cơm sôi ùng ục
trên bếp, mẹ tôi quạt khói, bung nổi chắt nước cơm.
Vừa chắt, mẹ vừa nói: "Chắc mai một thoáng thả tui rủ
ổng về thăm xóm một chuyến. Ngày xưa tui với bà là
chòm xóm với nhau, tui đi, bà cũng đi luôn. Không biết
xóm mình còn lại những ai..."

"Ừ, chừng nào về rủ tui đi cùng. Tự dưng tui nhớ mảnh
đất cũ quá, bà ạ!"

Mẹ tôi gật đầu. Ngoài sông, những chiếc lá theo
dòng trôi về muôn hướng. Ai biết đâu có chiếc lá rẽ
hướng trôi ngược về lung vườn trong quá vãng.

Lá rụng trôi về... ■

Mừng Xuân Di Lặc 2018



Tôn tượng Di Lặc, tượng cao 1,9m làm bằng chất liệu Composite



C.TY MỸ THUẬT XÂY DỰNG
ZEN ART
TRẠI SÁNG TÁC MỸ THUẬT

Để thỉnh tượng Phật, Quý vị hãy liên hệ với Zen Art: **0909 319 882 (Hoàng Đức Diên)**
Số 64 đường 27, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP.HCM - Email: mythuatzen@gmail.com - Facebook: [mythuat.zen@facebook.com](https://www.facebook.com/mythuat.zen)

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

CHÙA HÒA QUANG

113 Lê Văn Chí - Kp.3 - P.Linh Trung - Q.Thủ Đức - TP.HCM
ĐT: 08.3896.4452 - DĐ: 0913.621.401

*Mừng Xuân Di Lặc
Mậu Tuất - 2018*

Kính chúc

Chư Tôn đức lãnh đạo GHPGVN
Chư Tôn Hòa thượng, Thượng tọa
và Đại đức Tăng Ni
Chư Tôn đức lãnh đạo Ni giới,
Quý Ni trưởng, Ni sư, Trụ trì các Tự viện

*Vô Lượng Quang
Vô Lượng Thọ
Vô Lượng Cát Tường*

Cùng kính chúc

Quý cấp lãnh đạo cơ quan,
ban ngành đoàn thể, chính quyền
Ban Tôn giáo-Dân tộc và Tôn giáo bạn
Cùng các Đạo tràng Phật tử gần xa
Các mạnh thường quân
Các nhà hảo tâm

*Thân tâm An lạc
Gia đạo Bình an
Sở cầu Như ý.*



Viện chủ chùa Phổ Hiền, Trảng Bom, Đồng Nai
Trụ trì chùa Hòa Quang, Thủ Đức, TP.HCM
Giảng sư Ban Hoằng Pháp GHPGVN TP.HCM
Ủy viên Ban Từ thiện Xã hội báo Giác Ngộ.
Trưởng ban hỗ trợ thông tin phía Nam báo THĐV
TKN.THÍCH NỮ NHƯ TRÍ

Chùm ảnh chúc mừng Khánh nhật
của Ni trưởng Thích nữ Như Trí, trụ trì chùa Hòa Quang





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN TỪ THIỆN XÃ HỘI BẢO GIÁC NGỘ

PCH.PG CHÙA HÒA QUANG

113 Lê Văn Chí - Kp.3 - P. Linh Trung - Q. Thủ Đức - TP.HCM

ĐT: 028. 3896.4452 - ĐD: 0913.621.401

Gmail: chuahoaquang113@gmail.com



BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM 2017

Công tác từ thiện xã hội đạt: 9.379.970.000đ

(Chín tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng)

Thực hiện lời dạy cao quý của Đức Phật: **“Phụng sự chúng sanh là cúng dường Chư Phật”**.

Trong năm 2017, Ni trưởng TN Như Trí, Thành viên Ban Từ thiện xã hội Bảo Giác Ngộ, Trưởng đoàn TTXH Phân chi hội Phật giáo chùa Hòa Quang (Q.Thủ Đức, TP.HCM), là vị Thầy khả kính, với hạnh lành của Đức Bồ-tát Quán Thế Âm, Ni trưởng không quản ngại đường xa, nắng mưa, vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai bão lũ. Nơi nào có khổ nạn là Ni trưởng dẫn dắt Ni chúng, Phật tử đạo tràng cùng các mạnh thường quân và các nhà hảo tâm lặn lội đến tận nơi để kịp thời: ủng hộ tịnh tài, tặng nhu yếu phẩm, tặng xe lăn, tặng nhà tình thương...; thiết thực chăm lo và san sẻ yêu thương, xoa dịu những khổ đau và mang lại nụ cười cho bà con mình. Những món quà tuy nhỏ về giá trị vật chất nhưng chứa đựng giá trị tinh thần lớn lao, mang ý nghĩa nhân văn cao cả. Hơn 20 mươi năm qua, ở đâu có khó khăn là có dấu chân của Ni trưởng và đoàn TTXH đi qua...

Tổng kết công tác từ thiện xã hội của Chùa Hoà Quang trong năm Đinh Dậu 2017 đạt được **9.379.970.000đ** (Chín tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng) với các chương trình từ thiện xã hội nổi bật, cụ thể như sau:

Ủng hộ hằng tháng cho các cụ già neo đơn; Ủng hộ học bổng cho sinh viên, học sinh nghèo hiếu học; Ủng hộ bảo hiểm cho bệnh nhân nan y; Tặng xe lăn cho người khuyết tật; Tặng nhà tình thương cho người mù, người nghèo; Tặng ghe tải bệnh nhân trong các vùng kinh rạch không có đường xe tại Phong Điền - Cần Thơ; Tặng quà cho bà con vùng lũ lụt 3 miền Bắc - Trung và Nam Bộ; Tặng quà bệnh nhân mổ mắt tại bệnh viện Trưng Vương; Tặng quà bệnh nhân tâm thần Biên Hòa; Tặng quà Trại cai nghiện Tây Ninh và bệnh nhân phong (cùi) ở Kontum; Tặng quà cho bà con nghèo ở Ba Na (Tây nguyên) và chiến khu D...

Đồng thời cúng dường các Trường Hạ và tặng kinh sách, tượng Phật ở các chùa trong nước; Cúng dường chư Tăng các chùa ở nước ngoài như: Chùa Wat Preah Keo Morokat và chùa Udong tại Central Market thủ đô Phnom Penh; Chùa Wat Traimit hay còn gọi là chùa Phật Vàng, chùa Wat Kradong, Thiền viện Wat Tham Ma Kay tại Thái Lan; Chùa Phật Tích của người Việt tại thủ đô Vientiane; Chùa trên cao nguyên Bahuela tại Phitsanulok... - Tặng các báo Giác Ngộ, Văn Hóa Phật Giáo và Tình Hoa Đất Việt cho các đạo tràng, bà con dân tộc Ba Na, dân tộc Châu Ro, các dân tộc khác cùng bà con Việt kiều Campuchia hồi hương và cư dân ở chiến khu D, v.v...

Thông qua công tác TTXH, xin tán thán sự đóng góp nhiệt tình của các mạnh thường quân và các nhà tài trợ hảo tâm trong đoàn: - Ông Đỗ Thanh Danh, chủ doanh nghiệp kinh doanh gia công vàng bạc đá quý. - Bà Lê thị Thanh Đào, chủ tiệm vàng và tập thể công nhân. - Thạc sĩ Đặng Hồng Hạnh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Trường THCS Bách Việt. - Nhà giáo ưu tú Nguyễn Minh Hồng, Hiệu trưởng và tập thể thầy cô giáo. - Bà Nguyễn thị Xanh, đại diện nhà hàng, khách sạn tại Bình Dương. - Bà Lê thị Mỹ Phúc, đại diện Cty TNHH TM-DV-KT Hoàng Mỹ A.T.P. - Bà Hoàng thị Thúy, Giám đốc kinh doanh Cty Elken. - Bà Nguyễn Ngọc Yến, đại diện chủ nhà hàng “tạ Hoa Kỳ”. - Ông Nguyễn Thế Vinh Hiển, chủ nhà hàng “tạ Hoa Kỳ”. - Cô Nguyễn Thế Ngọc Vy, chủ nhà hàng “tạ Hoa Kỳ”. Và quý anh chị: Trịnh thị Sửu, Phan thị Quế Hối, Nguyễn thị Tuyên, Vũ thị Hương, Lê thị Xuyên, Dương thị Nhiều, Nguyễn thị Thiều, Nguyễn Thị Thủy, Phạm Thị Đồi, Phạm thị Giàu, Trần thị Mỹ Hạnh, Mai thị Lệ Trang, Nguyễn thị Duyên, Trương Trí Ngọc, Nguyễn thị Thơm, Nguyễn Ngọc Quang cùng toàn thể Phật tử đạo tràng, v.v...

Chúng tôi vô cùng hoan hỷ và trân trọng về hoạt động từ thiện xã hội của chùa Hòa Quang và mong rằng hạnh lành này sẽ lan tỏa, nhằm mang niềm vui, niềm hạnh phúc cho cộng đồng, cần được duy trì và nhân rộng hơn nữa.

Kim Trân



Phật tử chúc mừng Khánh nhật và chụp hình lưu niệm với Ni trưởng TN Như Trí



Phái đoàn tặng xe lăn cho người khuyết tật ở Châu Ro

Chùm ảnh hoạt động Phật sự và Từ thiện xã hội của Ni trưởng TN Như Trí trưởng đoàn, Ni chúng và Phật tử chùa Hòa Quang



Ni trưởng TN Như Trí, chư Ni cúng dường Trường Hạ, viếng thăm chùa Vân Long, Long Thành, Đồng Nai



Ni trưởng TN Như Trí cùng phái đoàn tặng quà cho người nghèo người già cơ nhỡ có hoàn cảnh khó khăn



Tặng quà cho bà con nghèo có hoàn cảnh khó khăn



Ni trưởng trao tặng quà cho cô nhi tại chùa Diệu Pháp



Tặng quà cho bà con khiếm thị (mù)



Tặng quà cho học sinh nghèo hiếu học tại Nam Cát Tiên



Ni trưởng TN Như Trí cùng các mạnh thường quân tặng quà chùa Thiên Phước và 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để ủng hộ vào dịp Ni chúng đi du học Ấn Độ



Phái đoàn tặng quà tại trại người già và xe lăn cho người khuyết tật ở Cần Thơ



Ni trưởng và nhà tài trợ Đỗ Thanh Danh trao nhà tình thương.



Tặng quà cho trẻ em nghèo vùng dân tộc Ba Na.



Ni trưởng TN Như Trí tạo duyên cho Phật tử cúng dường Thập tự tại chùa Long Thành, Long An...



Ni trưởng TN Như Trí cùng phái đoàn tặng quà cho Trung tâm Cai nghiện tại Tây Ninh.



Tặng quà cho người cao tuổi.



Lễ phóng sanh cầu nguyện.



Ni trưởng thăm hỏi và tặng quà cho bệnh nhân tâm thần



Phái đoàn tặng xe lăn cho bà con khuyết tật tại Gia Lai (Lê Thị Mỹ Phúc tài trợ) và các nơi...



ZEN ART

Tạo
tượng
Phật
là
một
pháp
môn



C. TY TNHH ZEN ART - TRẠI SÁNG TÁC NGHỆ THUẬT

Quý vị muốn thỉnh tượng xin vui lòng liên hệ: 0909 319 882 (Hoàng Đức Diên)

64 đường 27, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP.HCM | W: www.zenart.com.vn | E: mythuatzen@gmail.com | Fb: [mythuat.zen@facebook.com](https://www.facebook.com/mythuat.zen)

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

THƯ CHÚC TẾT

XUÂN MẬU TUẤT - 2018

Của Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai



Mặt Sau Chánh Điện Trường Trung Cấp Phật Học Đồng Nai - Chùa Phật Hiện

Nhân nhịp Xuân Mậu Tuất – 2018 trở về trên đất nước Việt Nam thân yêu

Ban Giám Hiệu, Ban Quản Chứng Kinh Chúc:

- Chúc Tôn Hòa Thượng, Chúc Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni.*
- Quý vị lãnh đạo chính quyền, các cơ quan ban ngành đoàn thể các cấp.*
- Và toàn thể Phật tử.*

Năm mới!

*“Thân Tâm An lạc
Sự Nghiệp Viên Thành”*

Kính bạch Chư Tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni.

Kính thưa quý Nam Nữ Phật tử xa gần.

Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai được thành lập năm 1990, đến nay đã đào tạo được 7 khóa.

Khóa 8 (2017 - 2020) hệ 3 năm, đang học và đã thi xong học trình năm Thứ Nhất. Và ngày 20/01 năm Mậu Tuất sẽ bắt đầu học năm Thứ Hai.

- Tăng sinh 150 vị đang học nội trú tại cơ sở Tăng (Chùa Phật Hiện) Thành Phố Biên Hòa.

- Ni sinh 162 vị đang học nội trú tại cơ sở Ni (chùa Huệ Giác), huyện Long Thành.

Nhà trường đang xây dựng dở dang ngôi chánh điện chùa Phật Hiện (cơ sở Tăng), diện tích $40 \times 40 \text{m} = 1600 \text{m}^2 \times 2 \text{ tầng} = 3200 \text{m}^2$. Đã xong phần thô hết 20 tỷ và cần 5 tỷ nữa để trang trí nội thất.

Về tôn trí phụng thờ Tam Bảo trong chánh điện là 5 gian.

Gian giữa thờ Tam Thế Phật, các gian kế tiếp thờ Phật Dược Sư, Bồ Tát Quán Thế Âm, Thế Chí, Địa Tạng, Ngài Quán Thế Âm Thiên Thủ Thiên Nhãn và Ngài Văn Thù - Phổ Hiền ... (những tượng Phật và Bồ Tát này đều đúc bằng đồng cao từ 2 mét trở lên, giá tiền mỗi tượng hiện thời khoảng 250 triệu trở lên). Trước sân chùa là tượng Bồ Tát Quán Thế Âm lộ thiên cao 12 mét (bằng đá), hai lầu chuông trống thờ ngài Hộ Pháp và Tiêu Diện và tôn thờ Vạn Phật trong chánh điện.

Vậy nhà trường mong cầu Chư Tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni và quý Nam Nữ Phật Tử xa gần phát tâm cúng dường Tịnh Tài, tượng Phật và Bồ Tát để tu tạo phước điền cho bản thân và gia đình đồng thời giúp cho công việc xây dựng Chánh điện Chùa Phật Hiện - Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai sớm được hoàn thành, làm nơi tụng kinh - sám hối, tu học hằng ngày của Tăng sinh và Phật tử.

NAM MÔ ĐƯƠNG LAI HẠ SANH DI LẶC TÔN PHẬT

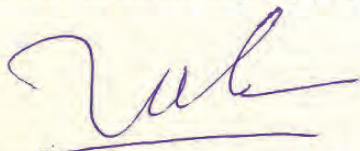
Kính Chúc!

Đồng Nai, ngày 01 tháng 01 năm 2018

TM. Ban Giám Hiệu

Hiệu Trưởng

**Phó Hiệu Trưởng Thường Trực
Chánh Thư ký Kiêm Xây Dựng Cơ Sở**

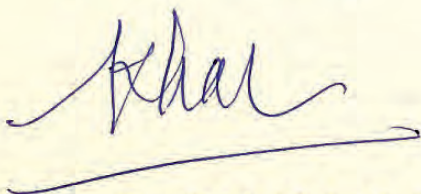


Hòa Thượng Thích Phước Tú
ĐT. 0919 076 446



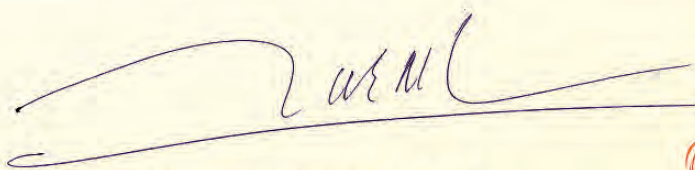
Hòa Thượng Thích Nhật Quang

Quản viện (cơ sở Tăng)



Thượng Tọa Thích Minh Khai
ĐT. 0903 613 366

Quản viện (cơ sở Ni)



Ni Sư Thích Nữ Thuần Ân
ĐT. 0918 852 846

Một thoáng với

CHIÊM TINH GIA DƯƠNG ĐẠT

NGUYỄN BÔNG



Sư phụ là Thầy Ba Lưới

Theo chân Đoàn Tâm Tài Đất Việt, tôi có duyên đến làm việc với Chiêm tinh gia Dương Đạt tại văn phòng làm việc của anh. Khung cảnh nơi đây tạo cho chúng tôi cảm giác ấm cúng từ mùi hương trầm và nhạc Phật cùng với sự bày trí khá trang trọng pha lẫn uy nghiêm về Phật giáo Mật tông...

Bà con đến đây, với sự trân trọng về nghề nghiệp cùng sự thông tuệ trong nghề chiêm tinh về phong thủy nhà cửa, phong thủy ứng dụng trong kinh doanh, phong thủy cho sức khỏe nên mọi người quen gọi thân thương là thầy Đạt Chiêm tinh.

Vận hành của vũ trụ quan mà cốt lõi là hoạt động của ngũ hành tương sinh - tương khắc, ngũ hành phối với màu sắc; đặc trưng chuẩn chất của 10 Thiên can và 12 Địa chi; sự hợp, xung, hình, hại của thiên can địa chi, sự ảnh hưởng của sao Ngũ hoàng đại sát đối với từng ngôi nhà, từng năm, từng tháng... Nếu bạn có thời gian tìm hiểu phong thủy sẽ giúp ích rất nhiều cho cuộc sống của mình, gia đình và công ty và nên

hiểu rằng phong thủy hoàn toàn là khoa học, không mê tín.

Sau một hồi chuyện văn bên tách trà thơm, Chiêm tinh gia Dương Đạt trải lòng:

"Nhân duyên gặp được thầy mình ở Thất Sơn từ việc xem ti vi về phóng sự của Thầy Ba Lưới ở Thất Sơn, tôi rất ngưỡng mộ Thầy nên tìm về vùng Thất Sơn và được người dân chỉ đường tìm đến am thất của Thầy. Gặp Thầy tôi trình bày ý nguyện của mình là muốn được học thuốc Nam để chữa bệnh và thực nghiệm về vấn đề tâm linh. Sau một thời gian theo học chuyên sâu, do điều kiện địa lý, tôi về lại Sài Gòn và cứ 2 tháng, tôi lại về núi 1 lần; tôi về núi để hầu và theo Thầy cùng huynh đệ vào rừng hái cây thuốc như: Hồng Đăng, Thương Nhĩ Tử, các loại rễ cây thuốc cùng các loại nấm; tính ra hỗn hợp gần 60 loại cây thuốc và được Thầy cho bào chế nấu thành cao Đinh Lăng. Loại cao này kết hợp với đường phèn thành cao để pha với rượu uống chữa được bệnh đau lưng, nhức mỏi cho người già và người lao động



Một góc của Văn phòng làm việc của chiêm tinh gia



Chiêm tinh gia Dương Đạt phụ giúp Sư phụ chọn lựa các cây thuốc để nấu cao Đinh lăng



Tham dự hội thảo



Chiêm tinh gia Dương Đạt đang giảng dạy

Chiêm tinh gia Dương Đạt đang giảng ở lớp Bất động sản

quá sức, với phụ nữ chữa cho khí huyết lưu thông... Về tâm linh, tôi được thầy truyền dạy coi về các thế đất và cách chữa bệnh khi bị bùa ngãi, bị thư ếm và tôi làm việc này hoàn toàn không thu phí đúng di nguyện của Thầy là để giúp cho đời.

Nói về phong thủy, tôi xin dẫn giải cho quý vị hiểu rõ về nền tảng phong thủy như sau:

Trong tư vấn thiết kế phong thủy: Phong thủy nhà cửa về tư gia và công ty cũng như các công trình chùa chiền tôi đều có tham gia (riêng tư vấn phong thủy về chùa chiền tôi miễn phí hoàn toàn). Thời gian tư vấn phải tốn nhiều công sức. Đầu tiên mình phải xuống để khảo sát, đo đạc, lên thành bản vẽ tay tại chỗ; sau đó mới bàn với gia chủ (hoặc đối tác) tình hình về cuộc đất. Trở về văn phòng tôi mới vẽ lại chi tiết để cụ thể hơn cho gia chủ dễ hiểu; còn đối với công ty (doanh nghiệp) phải tiến hành vẽ bằng máy vi tính thành bộ *hồ sơ thiết kế* mang tính khoa học, sau khi công ty (doanh nghiệp) có ý kiến mình phải hoàn thiện trong vòng 1 ngày. Khi triển khai sửa chữa, tôi luôn có mặt để tư vấn, bảo đảm được làm đúng như thiết kế, đồng thời, hạn chế đập phá về nhà và tháo dỡ. Khoảng một thời gian sau khi hoàn thành, tôi theo dõi kết quả phong thủy đã xoay chuyển và tác động tốt như thế nào, cuộc sống của gia chủ có cải thiện chưa? Công ty (doanh nghiệp) có phát đạt không? Nếu trục trặc cần tìm nguyên nhân và khắc phục ngay.

Về tư vấn Mệnh Lý: Tôi xin chia sẻ về Ngũ học phương Đông gồm: Sơn, Y, Bốc, Mệnh và Tướng. *Sơn* là phần tu tiên của mấy ông trên núi (dạng ở ẩn), *Y* là *thuật* như tôi học của Thầy Ba Lưỡi, *Bốc* là chiêm bốc, bốc quẻ; ví dụ: anh muốn đầu tư dự án và muốn hỏi sự thành bại của dự án đó, tôi sẽ chiêm bốc quẻ mai rùa để đoán những cách làm tốt nhất, khó khăn cần phải đón đầu để khắc phục (nếu có); phương pháp này còn gọi là kinh dịch. *Mệnh* là gồm có tử vi và bát tự; ví như năm, tháng và ngày giờ sinh của con người, những hạn định của con người về tính tình, nghề (khắc hoặc hợp), hạn nào là hạn đắc thời của anh để làm, nếu xấu thì nên bình chân như vại là hay nhất; tạm dừng đầu tư, sống bình thường để chờ thời, qua vận... Cuối cùng phong thủy hay gọi là *Tướng* địa, gồm phong thủy nhà cửa, người ta thường nói: Nhất *mệnh*, nhì *vận*, tam *phong thủy*, tứ âm đức, ngũ *kinh thư* (học hành). Được diễn biến trình tự và cho ta thấy được *mệnh* là điều quan trọng nhất, *vận* là cuộc sống thăng trầm trên đường đời...

Về việc tham gia giảng dạy phong thủy: Tôi từng tham gia giảng dạy lớp ngắn ngày để giúp học viên kiến thức cơ bản. Học lâu dài thành danh có thể từ 3 - 5 năm. Hiện nay Văn phòng tổ chức đào tạo đệ tử mà thôi và đa số các em đã đủ lực để tự hành nghề, thỉnh thoảng mới hội họp với nhau để bổ sung kiến thức cho các em. Thỉnh thoảng tôi cũng có thỉnh giảng cho các công ty bất động sản.

Theo lời dạy của Đức Phật, con người ta do kiếp trước đã gây tạo nhiều nghiệp duyên thì kiếp này họ phải lãnh và trả nợ. Nếu biết làm việc thiện lành thì bớt phần âm thêm được phần dương; cũng có người hiền lành trong cuộc sống nhưng sao họ gặp nhiều trắc trở quá; đó là do nhiều kiếp trước đã gây tạo những điều bất thiện; gặp trường hợp này, những ông thầy giỏi sẽ gieo quẻ và đoán định được sự việc theo tử vi gọi là *cung phúc đức* và có lời khuyên như: Nên phóng sanh thường xuyên như thả cá, chim; giúp người khổn khó, cơ nhờ; biết hiếu thảo với cha mẹ... đó gọi là cải vận của mình từ xấu trở thành tốt. Trong tử vi, có sao *Thiên thọ* và sao *Thiên tài*, cho nên nếu thọ ở đầu thì cần phải gieo nhân ở chỗ đó để được lãnh quả lành ở cung *Thiên tài*, trong tử vi rất là khoa học, đó là sự gắn bó giữa Tâm và Đức.

Ngày xưa, ngành chiêm tinh còn nắm vững về mùa vụ. Họ nắm bắt khí hậu để biết khi nào là gieo trồng đúng theo thời vụ. Bởi vì, ngày xưa người ta sống chủ yếu bằng nghề nông, nên việc gieo trồng cần đúng thời vụ là quan trọng nhất; nhà chiêm tinh sẽ đoán định năm nay có thiên tai, bão lụt hay không? Tùy theo thời tiết để khuyến cáo người dân trồng ít lại, canh tác những mùa nào tốt, còn có thiên tai cần phải tránh. Cảnh báo của nhà chiêm tinh gia hay của thông thiên giám đã đóng vai trò rất cần thiết với nền nông nghiệp xưa...".

Chia tay Chiêm tinh gia Dương Đạt, chúng tôi cầu chúc anh và gia quyến năm mới an lành, vạn sự như ý trong mùa Xuân Mậu Tuất. Cùng với sự hanh thông trong công việc của năm mới để mang lại sự tốt lành cho thân chủ của mình có được niềm vui và hạnh phúc.

Mọi việc xin hoan hỷ liên hệ:

Cty CP Thiết kế Tư vấn Phong thủy Khâm Thiên
Chiêm tinh gia Dương Đạt

ĐT: 0911 000 222 - 0911.166.186 - Địa chỉ: 415/8/2B đường Nguyễn Văn Công, phường 3, quận Gò Vấp, TP.HCM
Facebook : [Facebook.com/chiemtinggiahuongdat](https://www.facebook.com/chiemtinggiahuongdat)



Đại đức Thích Chí Giác Thông, Phó Trưởng ban kiêm Chánh Thư ký Ban Văn hóa GHPGVN TP.HCM, trụ trì chùa Pháp Hạnh (Củ Chi) và Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Hữu Thọ bên cạnh tôn tượng Đức Phật vừa hoàn thành, cao 3m, đang chuẩn bị cung nghinh về chùa tôn trí ở chánh điện

Kết thiền tâm từ tinh hoa mộc

THU HIỀN

Hơn 20 năm dành tình yêu cho nghề điêu khắc gỗ, với đôi bàn tay khéo léo cùng tâm lành và sự sáng tạo trong nghệ thuật điêu khắc truyền thần, Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Hữu Thọ đã thổi hồn vào gỗ, biến những khối gỗ sù sì, vô tri thành những tác phẩm điêu khắc tôn tượng sống động mang đậm tính nghệ thuật và giá trị văn hóa Việt.

Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Hữu Thọ sinh năm 1973, trong một gia đình giàu truyền thống cách mạng tại tỉnh Hải Dương. Từ nhỏ, anh đã có năng khiếu về mỹ thuật. Học xong phổ thông, Nguyễn Hữu Thọ thi đỗ khoa Điêu khắc, Trường Cao đẳng nghệ Mỹ thuật Hà Nam. Tốt nghiệp với tấm bằng giỏi, anh được nhà trường giữ lại làm công tác giảng dạy. Nhưng ước mơ được làm nghề, được sáng tạo nghệ thuật đã thôi thúc anh lựa chọn một con đường khó khăn, nhọc nhằn để lập nghiệp.

Trước hết, anh tìm đến các làng nghề mộc truyền thống danh tiếng để tham vấn, học tập, tích lũy tinh hoa của các bậc nghệ nhân đàn anh làm hành trang cho mình. Sau đó, mạnh dạn rời quê hương, anh chọn thành phố Hồ Chí Minh làm nơi khởi nghiệp. Vượt hàng ngàn cây số để đến với thành phố năng động đất phương Nam.

Năm 1995, với số vốn nho nhỏ và kinh nghiệm tích lũy, anh Thọ quyết định lập xưởng điêu khắc tại huyện Hóc Môn, TP.HCM. Trong kinh doanh, anh luôn đặt chữ tín làm đầu, lấy chất lượng và tính thẩm mỹ làm cầu nối dài lâu đến với khách hàng tin cậy. Việc kinh doanh dần đi vào ổn định, đơn đặt hàng cũng nhiều thêm đã tạo dựng uy tín và thương hiệu điêu khắc Thiên Phú Thọ.

Ghé thăm xưởng điêu khắc của nghệ nhân Nguyễn Hữu Thọ, tôi có cảm giác như lạc vào một bảo tàng Phật giáo thu nhỏ bởi những bức tượng Phật nhiều kích cỡ đã và đang chế tác nơi đây.

Ấn tượng đầu tiên là mỗi pho tượng đều mang một thần thái, diện mạo riêng, rất đẹp và sống động. Như đọc được sự bất ngờ trước vẻ đẹp tinh xảo của từng tôn tượng gỗ, anh Thọ chia sẻ: “Trong quá trình điêu khắc, nhờ một duyên lành từ vị Tăng Khất sĩ đến đặt tượng điêu khắc truyền thần tôn tượng Tổ sư Minh Đăng Quang, trong hai dáng đứng và tọa thiền của Ngài và tiếp theo nhân duyên tròn lành này, Cơ sở điêu khắc gỗ Thiên Phú Thọ đã liên tiếp nhận được nhiều đơn đặt hàng về nhiều tôn tượng Đức Phật cao từ 3m đến 4m và tượng Ngài tọa thiền cao hơn 2m; tôn tượng Tam Thánh cao hơn 3m cùng nhiều tôn tượng của các vị Bồ-tát như Quán Thế Âm, Địa Tạng và Di Lặc cùng chư vị Thập bát La-hán, tượng truyền thần của chư vị tôn đức... Trùng trùng duyên khởi đã tạo đà cho điêu khắc gỗ Thiên Phú Thọ đạt được đẳng cấp trong Làng nghề Điêu khắc gỗ Việt Nam; sự tin yêu của chư tôn đức Tăng Ni trong nước và hải ngoại! Nói đến sự thành công này, tôi thường xuyên tự nhắc mình phải luôn giữ vững khả năng điêu khắc đạt chất lượng cao, uy tín đối với khách hàng...”

Với sự am hiểu về Phật giáo, sự chu toàn trách nhiệm trong công việc và trên hết là sự thăng hoa trong sáng tạo nghệ thuật của người nghệ nhân, anh Thọ mỉm cười chia sẻ thêm: “Tôn tượng luôn phải đảm bảo kiểu dáng về khuôn mặt, thân, y phục, tạo nên sự tổng hợp hài hòa và nét đẹp thanh nhã mang tính nghệ thuật và giá trị văn hóa Việt; thoát ly ảnh hưởng vọng ngoại về tượng tạc ở nước ngoài”.

Hữu xạ tự nhiên hương; Cơ sở điêu khắc gỗ Thiên Phú Thọ nhận được sự yêu mến tin tưởng đặt hàng những tác phẩm nghệ thuật tượng Phật giáo phục vụ cho nhà chùa và khách hàng trong nước; đồng thời còn xuất khẩu sang nhiều ngôi chùa ở các nước Đông Nam Á và châu Âu, được khách hàng đánh giá cao về chất



lượng, tính thẩm mỹ cũng như các chế độ hậu mãi... Một điều thú vị, tuy là người theo đạo Phật, song nghệ nhân Nguyễn Hữu Thọ cũng có duyên và thành công với các công trình điêu khắc nghệ thuật về Thiên Chúa giáo.

Từng bước xây dựng tên tuổi trong làng điêu khắc mỹ nghệ Việt bằng uy tín và chất lượng sản phẩm, nhiều sản phẩm của anh được Hiệp hội Làng nghề Việt Nam công nhận là "Sản phẩm Tinh hoa Làng nghề Việt" (Tượng đài Đức Mẹ La Vang Việt Nam - 2009); sản phẩm "Làng nghề chất lượng, thẩm mỹ và bản sắc" (Tượng Thiền sư Thích Thanh Từ - 2017)... Cơ sở điêu khắc mỹ nghệ Thiên Phú Thọ nằm trong top 100 nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam năm 2011 cùng nhiều danh hiệu khác. Cá nhân anh vinh dự đón nhận danh hiệu "Nghệ nhân Làng nghề Việt Nam" và danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú năm 2012" do Chủ tịch nước trao tặng. Hiện Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Hữu Thọ đang là Chủ nhiệm CLB Nghệ nhân điêu khắc phía Nam; đồng thời là Ủy viên BCH Hiệp hội Làng nghề Việt Nam.

Thấm nhuần lời dạy của Đức Phật về lòng Từ Bi Hỷ Xả, nghệ nhân Nguyễn Hữu Thọ thường xuyên tham gia các hoạt động thiện nguyện, công tác xã hội trên địa bàn và trong một lần tình cờ cùng đoàn thiện nguyện về Cà Mau, anh đến thăm trại khuyết tật. Cảm thương các em khuyết tật (bẩm sinh về chân), anh Thọ đã đón 10 em về xưởng Điều khắc gỗ Thiên Phú Thọ, bao ăn ở và cho học nghề - nay các em đã trở thành bạn thợ điêu khắc và có được đồng lương ổn định. Bên cạnh đó, rất nhiều học trò của anh xuất thân từ cơ sở Thiên Phú Thọ, được anh truyền bảo về nghề, hiện đều thành đạt, nhiều người đã trở thành nghệ nhân nổi tiếng.

Chia tay người nghệ nhân tài hoa, tôi còn được anh chia sẻ một tin vui rằng anh vừa mới thọ Tam quy - Ngũ giới từ cơ duyên anh tạc tôn tượng Bốn-sư-Thích Ca, cao trên 3m cho Đại đức Thích Chí Giác Thông - trụ trì chùa Pháp Hạnh (Củ Chi), anh đã được Thầy hoan hỷ nhận làm đệ tử với pháp danh là Pháp Tâm. Chọn cho mình con đường lập nghiệp từ nghề điêu khắc gỗ, để rồi nghệ nhân Nguyễn Hữu Thọ đã "Kết thiện tâm từ tinh hoa mộc".



Đại đức Thích Tuệ Nhật và Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Hữu Thọ chọn mua gỗ đỏ để tạc tôn tượng Đức Phật cao 2m; nhân duyên khối gỗ đỏ này được anh Nguyễn Anh Tuấn, Cty TNHH Minh Tuấn Cường (cơ sở gỗ), ở 56 đường số 2, khu Tái định cư Long Sơn, P.Long Bình, Q.9, TP.HCM phát tâm cúng đường



Xưởng Điều khắc tượng Phật Thiên Phú Thọ đang hoạt động

Mọi thông tin chi tiết vui lòng liên hệ:

Cơ sở Điều khắc tượng Phật THIÊN PHÚ THẠO

Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Hữu Thọ

Địa chỉ: 69/5k, đường Nhà Vua, ấp Mỹ Hoà 1, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, TP.HCM

Web: www.thienphuthao.com

ĐT: 02837181818 - 01666000666 - 01222999666

Tôn tượng
Đức Địa Mẫu



DU LỊCH VĂN HÓA Suối Tiên

Cung Chúc Tân Xuân
Mậu Tuất - 2018

ĐINH VĂN VUI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc



Hoa Quả Tặng
Yen Thanh
187/14-15 Điện Biên Phủ
P. Đa Kao Q.1 HCMC
Tel 028 38 239 159 / 38 243 912
(YT đã dời địa điểm 190 HBT về
mặt tiền phía sau
187/15 Điện Biên Phủ)



Yen Thanh Flower Gift
Chúc Quý Khách Năm Mới
An Khang Thịnh Vượng



HOA VẢI CAO GẤP - RAU CỦ QUẢ - BÌNH CHẬU - QUÀ TẶNG - THÔNG GIẢNG SINH



**CÔNG TY MỸ THUẬT XÂY DỰNG
TRẠI SÁNG TÁC MỸ THUẬT**

ZEN ART

1224 đường 11, P.Tam Bình, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Kính chúc chư tôn giáo phẩm, chư tôn đức Tăng Ni, chư thiện hữu tri thức và quý Phật tử

Thân tâm an lạc
Phước trí trang nghiêm

HOÀNG ĐỨC DIÊN
Nghệ nhân/Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ

INTERLOG
YOUR LOGISTICS PARTNER

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM

Trân trọng cảm ơn chư tôn thiền đức Tăng Ni và quý Phật tử đã tin tưởng và ủng hộ công ty trong năm qua.

Trước thềm năm mới, công ty kính chúc chư vị
Vạn sự an lạc/ Phước thọ miền trường

NGUYỄN DUY MINH
Giám đốc



**ĐIỀU KHẮC GỖ
THIÊN PHÚ THẠO**

Email: dkhuuthao@gmail.com
Website: dieukhacgo.vn

Đón mừng Xuân mới, cung kính chúc
Chư tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử gần xa
thân tâm an lạc, phước thọ miền trường,
vạn sự như ý

Nghệ nhân Ưu tú NGUYỄN HỮU THẠO
Giám đốc

LỚP HƯỚNG DẪN

Tâm Thư Pháp

Thư pháp theo phong cách **Thiền Phật Giáo**

Khai giảng: ngày 1 và 15 mỗi tháng

Tại chùa ĐẠI HẠNH: 107/4 Ngõ Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh

Nhận tổ chức triển lãm Tâm thư pháp cho các đơn vị có nhu cầu.

Liên hệ: Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại **0909 660 825**

Kính chúc
Chư tôn thiền đức và quý đạo hữu
**Thân tâm an lạc
Vạn sự hanh thông**

CHÍNH TRUNG
Kính bút

TƯỢNG GỖ DƯƠNG HÙNG

Chuyên sáng tác và nhận tạc tượng gỗ mọi kích thước theo yêu cầu, thi công các công trình gỗ, xây dựng Chùa chiền, nhà rường, bàn ghế, tủ thờ...



Hotline: 0906.320.202

Email: lethuahung@gmail.com - Web: <http://www.tuonggoduonghung.com>

Địa chỉ: 51/5C ấp Thới Tây 2, đường Tân Hiệp 4, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, TP.HCM



Nghệ nhân **NGUYỄN ĐỨC THÌN**
 Giám đốc. ĐT: 0989 212189 - 0122 868 7979

CÔNG TY TNHH ĐIÊU KHẮC ĐÁ MỸ HẢO

Nhà xưởng: 225B, tổ 5, Thiên Bình, Tam Phước, TP.Biên Hòa - Đồng Nai
 VPCTy: 363B đường Ông nước Thô, KP.Tân An, P.Tân Đông, thị xã Di An, Bình Dương
 Website: tuongdamyhao.com - Email: dieukhacdamyhao@gmail.com

Hotline: 0918 89 11 22



PHÁP PHỤC AN NGHIÊM

Áo dài An NghiêM do Phật tử An NghiêM thiết kế và được thêu tay bởi những người thợ giỏi. Từng đường kim mũi chỉ đều chứa đựng tình yêu thương và trái tim luôn hướng đến Chân - Thiện - Mỹ, là sự kết tinh của hình ảnh Đạo pháp và Dân tộc trên tà áo dài Việt Nam.

Chuyên thiết kế và sản xuất thời trang Pháp phục, áo dài, thời trang thêu tay và vẽ tay trên các chất liệu vải cao cấp. Thích hợp đi chùa, hành hương, mặc vào các dịp lễ, Tết, sự kiện, hoặc đi làm...

Cửa hàng An NghiêM 1:
72 Nguyễn Chí Thanh, phường 2, quận 10, TP.HCM
(Gần chùa Giác Ngộ) ☎ : 028 62 85 11 22

Cửa hàng An NghiêM 2:
290/17 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3. (Gần Nhà hàng Việt Chay, hẻm đối diện chùa Vĩnh NghiêM)
☎ : 028 66 84 11 22

Web: annghiem.com

Facebook: An NghiêM





* Chuyên thiết kế, sản xuất Pháp phục Phật giáo: La-hán, vật hờ, áo tràng, áo dài, đồ bộ, túi xách, tọa cụ, bồ đoàn...

* Nhận đặt hàng số lượng nhiều cho các hội nhóm, đạo tràng Phật tử

* Phân phối sỉ lẻ toàn quốc

Vui lòng liên hệ: 0938 218 928 (Ms Hương)

Website: anhuynghe.net - Facebook: An Huy Nghi



THÀNH HỘI PHẬT GIÁO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TỔ IN ẤN & PHÁT HÀNH KINH SÁCH



TRỤ SỞ: THIÊN VIỆN QUẢNG ĐỨC
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
ĐT: (028) 3846 9721 - 0979 683 976
Email: toinan1922@gmail.com

VĂN PHÒNG GIAO DỊCH:
CHÙA PHỔ QUANG
64/3 Phố Quang, P.2, Q. Tân Bình, TP.HCM
ĐT: (028) 3997 7100

PHÒNG PHÁT HÀNH TRỰC TIẾP
380/1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
ĐT: (028) 3848 3228 - 3848 3800

TRANG TIN ĐIỆN TỬ PHẬT GIÁO www.thegioiphatgiaovn.vn



TRUNG TÂM TỊNH HÓA

Ngưỡng bạch chư tôn đức Tăng Ni, Kính thưa quý thiện nam tín nữ Phật tử,

Trung tâm Tịnh Hóa đã nhận được sự quan tâm, hưởng ứng và hỗ trợ của đông đảo chư tôn đức Tăng Ni và quý vị Phật tử tại TP.HCM cũng như tại nhiều tỉnh thành trong cả nước. Chúng con thành tâm tri ân và tiếp tục tiếp nhận tịnh hóa các tượng bệ cũ và các ấn phẩm Phật giáo đã qua sử dụng, hư tổn, rách nát...

Với tinh thần phụng sự, góp phần xây dựng đạo Phật ngày càng trang nghiêm, thanh tịnh và góp phần xây dựng môi trường sạch đẹp để lợi đạo, ích đời. Chúng con luôn mong tiếp tục nhận được sự quan tâm của chư tôn đức Tăng Ni và quý vị Phật tử gần xa.

1. Văn phòng Trung tâm Tịnh Hóa - Nơi tiếp nhận chính:

ĐC: số 40 Cù Lao, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM / ĐT: 0938 767 122 - 0906 600 879

2. Kho Trung tâm Tịnh Hóa:

Tại tu viện Như Giác, ấp Xóm thuốc, X.An Phú, H.Củ Chi, TP.HCM / ĐT: 0983 941 138 - 0906 600 879

3. Nơi tiếp nhận phụ:

- Số 711 Lê Hồng Phong, Q.10, TP.HCM - ĐT: (028) 3979 7168

- Số 380/1B1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM - ĐT: (028) 3848 3800

- Số 64/3 Phố Quang, P.2, Q.Tân Bình, TP.HCM - ĐT: (028) 3845 1828

Hotline: 0913 808 338 (Sư Cô Đức Tâm)

* Lưu ý: Mọi hoạt động của Trung tâm Tịnh Hóa là phi lợi nhuận và miễn phí hoàn toàn.

**Nguyện cầu hồng ân Tam bảo gia hộ chư tôn đức Tăng Ni
và quý vị Phật tử luôn được sống an lạc, hạnh phúc trong ánh đạo.**

Phấn
thăng
mặt
trắng
lên
bà
giác

Giương
cao
tên
tuyệt
vượt
sông
mê

Nhân dịp năm mới Mậu Tuất, nhà hàng chay Sân Mây chúng con kính chúc Quý khách Năm Mới Thân Tâm Thường Lạc, Vạn Sự An Khang, Cát Tường Như Ý.

Sân mây
NHÀ HÀNG CHAY

Sân Mây
CAFE - NHÀ HÀNG CHAY

Nhà Hàng Chay Sân Mây

771 Lê Hồng Phong (nối dài), P.12, Q.10, Tp.HCM
Tel: (08) 3507 1628 - 01278 99 2009
Web: sanmayrestaurant.com

Cà Phê và Nhà Hàng Chay Sân Mây

155 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, Tp.HCM
Tel: (08) 3910 3939 - 01278 77 11 55
Web: sanmaycafe.com

Sân Mây Huế

08 Thanh Tĩnh, p. Vỹ Dạ, Tp. Huế
Tel: 0931 9999 72
Web: sanmayrestaurant.com

Tân Xuân Vạn hạnh

TRÀ DÂY THIÊN NHIÊN CAO CẤP

- Hỗ trợ và điều trị viêm loét dạ dày
- Đặc trị đau dạ dày do virus HP
- Nóng trong người, mất gan giải độc, giảm đau hiệu quả
- Hỗ trợ ăn ngon miệng, ngủ ngon giấc, tiêu hóa tốt
- Đặc Biệt: Tốt cho người lớn tuổi, người uống rượu bia nhiều

Công ty TNHH PT TM&DV MINH KHOA
149/4 Bình Quới, Phường 28,
Quận Bình Thạnh, HCM
www.tradayminhkhoea.vn

0917.17.19.48
0961.61.95.99

Minh Khoa

Thành phần:
100% từ búp trà và lá trà dây thiên nhiên

Cách sử dụng:
Pha 25gr với 2 lít nước sôi sau 3-5 phút. Uống nóng ngon hơn và dùng thay nước hằng ngày

Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát

- Không dùng cho người huyết áp thấp
- Uống liên tục 3 tháng để trị dứt điểm bệnh dạ dày

HSD: 12 tháng - Ngày SX:



DU LỊCH HOA SEN

DU LỊCH QUỐC TẾ HOA SEN

Liên hệ: 0904999571 - 01239017018 - 02866845099 (gặp thầy Thiện Đức hoặc Pháp Tâm)

Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.HCM Website: www.dulichhoasen.vn

- ✓ Ấn Độ - Nepal: 14 ngày (PT: 1.350 USD, Tăng Ni: 1.050 USD)
- ✓ Ấn Độ - Nepal: 12 ngày (PT: 1.100 USD, Tăng Ni: 1.000 USD)
- ✓ Singapore - Malaysia - Indonesia: 10tr500 (6N)
- ✓ Đài Bắc - Đài Trung - Đài Nam - Cao Hùng: 9tr900 (5N)
- ✓ Myanma - Bago - Thuylín - Yan Gon: 9tr900 (4N)
- ✓ Campuchia - Thái Lan - Lào - Myanmar: 8tr900 (10N)
- ✓ Hàn Quốc - Seoul - Nami - Everland: 13tr990 (4N)
- ✓ Nhật Bản - Juji - Tokyo: 27tr500 (5N)
- ✓ Bắc Kinh - Vạn Lý Trường Thành: 11tr590 (5N)

Đặc biệt CHUYÊN TỔ CHỨC CÁC TOUR: MỸ, NHẬT, ĐÀI LOAN, HỒNG KÔNG, SING, BHUTAN VÀ SILANKA...



Vina-Giày®

Tết 2018

*Năm Mới Thành Công!
Quán Hạnh Phúc, An Lạc, Yêu Thương.*



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY VIỆT

- * 61 Đinh Tiên Hoàng, P3, Quận Bình Thạnh
Tel: (028) 35103956 - (028) 38031193
- * 180 - 182, Lý Chính Thắng, P9, Q3
Tel: (028) 39319786 - (028) 39319787
Fax: (028) 39318343
- * 22 Trần Huy Liệu, P12, Q. Phú Nhuận
Tel: (028) 38 446 355
- * 55 Hai Bà Trưng, P6, Q1
Tel: (028) 38271009
- * 269 Trường Chinh, P14, Q.Tân Bình
Tel: (028) 38490956

- * 608 Nguyễn Đình Chiểu, P3, Q3
Tel: (028) 38351407
- * 638 Nguyễn Đình Chiểu, P3, Q3
Tel: (028) 38331230
Fax: (028) 38331245
- * 406A Cách Mạng Tháng 8, Q3
Tel: (028) 39316534
- * 2168 - 216C Quang Trung, P10, Gò Vấp
Tel: (028) 38941621
- * TTTM AEON - Tân Phú Celadon, Tầng 1, F.29-30
30 Đường Bờ Bao Tân Thắng, Q.Tân Phú.

- * TTTM AEON VINCOM Palaza Q.9, Tầng 2, L2-17
50 Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, Q.9
- * TTTM BigC An Lạc, Tầng Triệt, Shop 3A
1231 QL 1A, P. Bình Trị Đông, Q. B. Tân
- * TTTM BIG C City Land, Tầng Triệt, Shop 10A
99 Nguyễn Thị Thập, P. Tân Phú, Q.7
- * TTTM VINCOM Palaza Gò Vấp, Tầng 3, L3-6
12 Phan Văn Trị, P.7, Q. Gò Vấp
- * 45 Ông Ích Khiêm, Q11, Tp HCM

www.vinagiay.vn



Chúc Mừng Năm Mới



☎ 0947 79 81 86 🌐 songhytra.com 📌 Song Hỷ Trà



1. Đến với Thiên Duyên khách hàng sẽ được thưởng thức những món ăn thuần chay kết hợp với không gian thanh tịnh của Pháp viện Minh Đăng Quang.

2. Với các dịch vụ: Điểm tâm sáng, cà-phê, alacarte, buffet, tiệc cưới Hằng Thuận, và nhận tổ chức tiệc tại nhà (sinh nhật, đám giỗ,...).

- Để đảm bảo nhu cầu sức khỏe của khách hàng nên nhà hàng chỉ sử dụng các nguyên liệu từ các nhà cung cấp **"rau-củ-quả sạch"** có uy tín.

- Khẩu vị ngon miệng, giá cả hợp lý cùng với Bếp trưởng tay nghề đẳng cấp và đội ngũ phục vụ chuyên nghiệp sẽ làm hài lòng khách khi đến thưởng thức món ăn tại nhà hàng.

- **Giờ đón khách: từ 06h30 đến 21h** (hàng ngày)

ĐC: 505 Xa Lộ Hà Nội, P.An Phú, Q.2, TP.HCM
(trong khuôn viên Pháp viện Minh Đăng Quang)

ĐT: (028) 66838999 - Mr.Dũng: 01689779755
Mr.Bình: 0939507303



Restaurant

Chay
Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (028) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

○ **Website:** nhahangchayvietan.com

○ **Email:** nhahangchayvietan.com

Trân trọng kính mời



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

○ Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...

○ Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**

○ ĐT: **0913 810 082**

○ Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**



CÔNG TY TNHH DU LỊCH LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN

Địa chỉ: 896A/10 Hậu Giang, P.12, Q.6, TP.HCM - Web: dulichsenan.com

Liên hệ: 08.6275.2790 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - 0938.912.417 (Ms. Thanh Lan)

- Ấn Độ - Nepal - Tiểu Tây Tạng: 17N16Đ: Phật tử: 1.350 USD, Quý Tăng Ni: 1.050 USD
- Ấn Độ - Nepal - Tứ Động Tâm: 12N11Đ: Phật tử: 1.250 USD, Quý Tăng Ni: 1.000 USD
- Singapore - Malaysia - Indonesia: 6N5Đ: 10,9 triệu
- Hàn Quốc - Seoul - Nami - Jeju: 6N5Đ: 16,8 triệu
- Campuchia - Thái - Myanmar - Lào: 12N11Đ: 9 triệu
- Đài Loan - Đài Bắc - Đài Trung - Đài Nam: 5N4Đ: 10,9 triệu
- Thái Lan: 5N4Đ (buffe 86 tầng): 5,490 triệu
- Myanmar - Yangon - Tầng Đá Vàng - Thanlyin: 5N4Đ: 10,9 triệu
- Xuyên Việt: 17N17Đ: 7,5 triệu

Đặc biệt:
hỗ trợ ưu đãi cho
khách nhóm, đạo tràng.

QUANG CAO



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp sỉ và lẻ:

- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466 - (08) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com

Website: www.sgpk360.com

Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

028. 35 035 579 - 028. 36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ
QUANG NGHỆ CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



SAIGON SQUARE - HOANG THANH Center

HỒNG THẢO

Chuyên sỉ & lẻ, đặc biệt sản xuất theo yêu cầu các
loại mặt hàng:

Túi xách, ba lô, cặp laptop, vali....

លុះត្រាតែ ឯង យល់ ដឹង ថា យើង បាន ជួយ ដល់ អ្នក

ĐC: Shop 41B tầng trệt (first floor)

77 - 89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St., Dist.1

HP: 0909098618 (Mrs.Thảo) - 0908662107 (Mr.Hồng)

Email: hongthao268@yahoo.com.vn



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng

Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Mừng Xuân Mậu Tuất 2018

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 - Email: veg.hoakhai@gmail.com

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 44.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

*Kính Chúc Quý Khách Năm Mới
Mậu Tuất 2018 An Khang - Thịnh Vượng*

ASA Nước Lau Bàn Thờ
Tranh Tượng Thờ Cúng

Đánh Bóng Lư Đồng



Hoa tươi
gấp **2 lần**



Nước Cắm Hoa **ASA**



KHỬ MÙI ASA
Khử Mùi Thật Sự!

XỊT KHỬ MÙI
HIỆU QUẢ



**FAY
REPELL**

Xua Đuối
Chó, Mèo



Không sát sanh chỉ xua đuổi

Từ tinh dầu thiên nhiên

Không ảnh hưởng đến sức khỏe và môi trường



CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM HOÀNG ANH
Hotline: (028) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn
www.facebook.com/ASAsanphammoila

MỪNG
XUÂN
AN LẠC



SALA

DIÊU TƯỜNG AM

KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



PHẬT LỊCH 2561

HOTLINE: 0902 848 363 - 0938 959 503 - 0906 955 663



DIÊU TƯỜNG AM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



HỒ CHÍ MINH:

- NAM KỶ 1: 382B NKK, P.8, Q.3, TP. HCM
- NAM KỶ 2: 382D NKK, P.8, Q.3, TP. HCM
- NAM KỶ 3: 382G NKK, P.8, Q.3, TP. HCM

- VIỆN DUNG ĐƯƠNG:
668 NGUYỄN CHÍ THANH, P.4, Q.11, TP. HCM
- 3 THÁNG 2: 212 BA THẮNG 2, P. 12, Q. 10, TP. HCM



HÀ NỘI:

- 112 PHỐ HUẾ, P. NGÕ THỊ NHÂM,
Q. HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TỔ CHỨC



Mái ấm gia đình Việt

Tết
2018
MẬU TUẤT



THƯƠNG HIỆU ĐỒNG HÀNH



TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



www.facebook.com/hoasengroup

www.hoasengroup.vn

Chương trình dành cho hơn 1.500 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt từ các mái ấm, nhà mở và trường giáo dưỡng.

Thời gian: Ngày 15/02/2018 (Nhằm 30 tháng Chạp âm lịch)

Địa điểm: 116 Nguyễn Du, p. Bến Thành, Quận 1, TPHCM

Nội dung chương trình:

Từ 9g00 - 15g30: Các em được xem phim tại rạp Galaxy, vui chơi, ăn uống, và nhận quà Tết

Từ 16g30 - 18g00: Chương trình Nghệ thuật Mái ấm Gia đình Việt - Tết Mậu Tuất 2018

Truyền hình trực tiếp trên VTV9 và tiếp sóng 9 đài địa phương Yên Bái, Quảng Bình, Nghệ An, Bình Thuận, Ninh Thuận, Bình Dương, Sóc Trăng, Bình Phước, Gia Lai